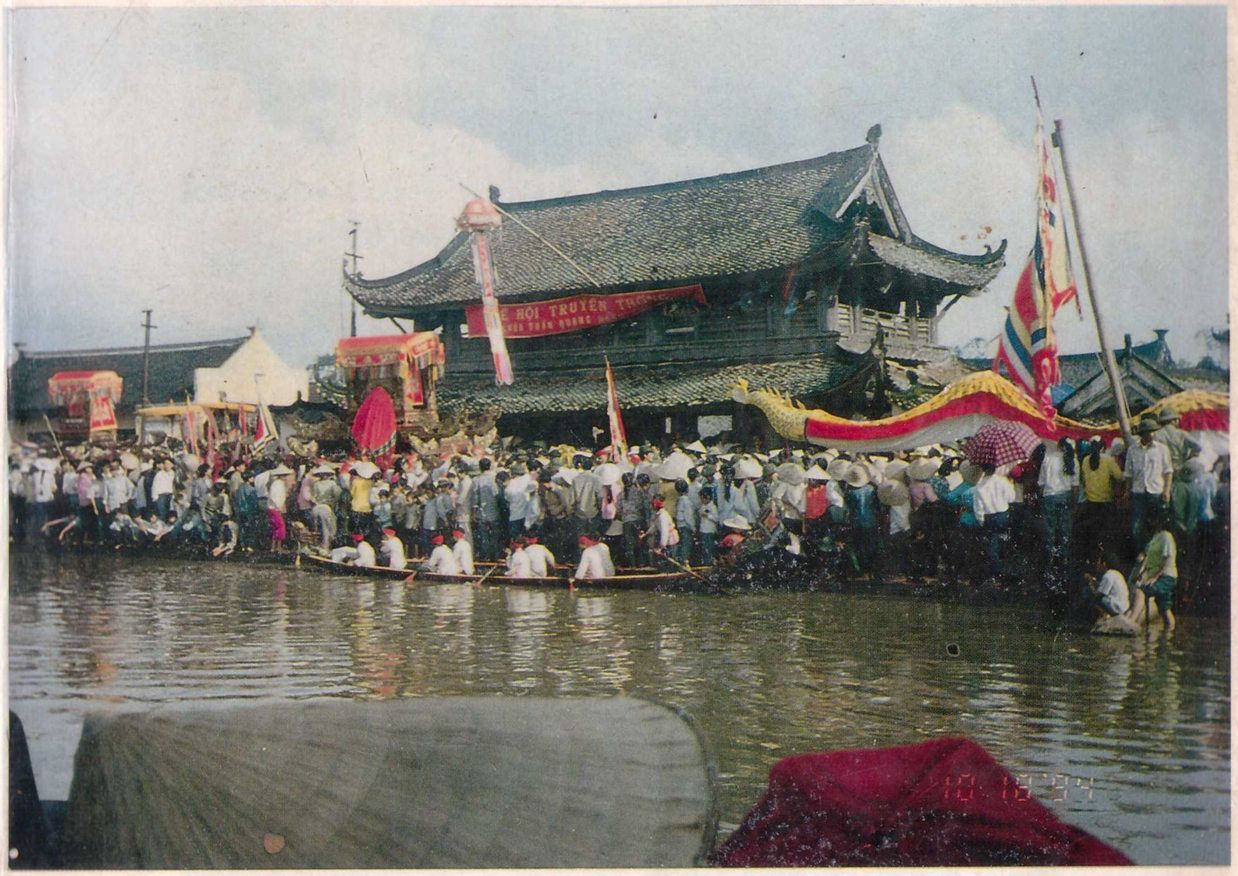
langhanhthien.vn

HÀNH THIỆN

LỊCH SỬ VÀ VĂN HOÁ.

TẬP I



Chùa Thần Quang và lễ hội làng Hành Thiện

HỘI ĐỒNG HƯƠNG HÀNH THIỆN TẠI HÀ NỘI

1995



Khánh thành bia liệt sĩ tại Hà Nội



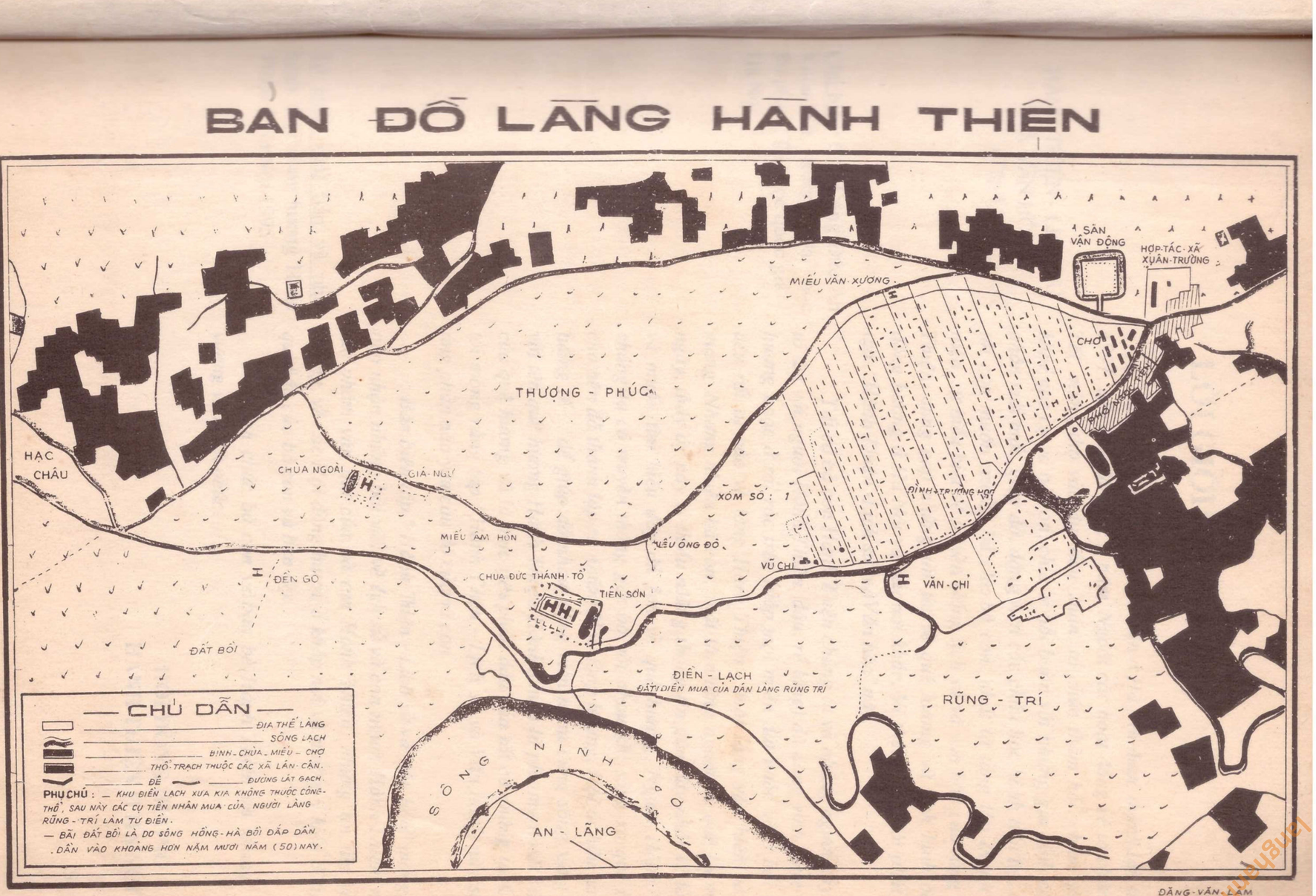
Thắp hương tưởng niệm liệt sĩ.

行善芳名不滅

HÀNH THIỆN PHƯƠNG DANH BẤT DIỆT

langhanhthien.vn

BẢN ĐỒ LĂNG HÀNH THIÊN



ĐẶNG-VĂN-LÂM

langnhanthien.vn



langhanhthien.vn

LỜI GIỚI THIỆU

Hội đồng hương Hành Thiện ở Hà Nội được thành lập từ năm 1991, đến nay đã được 5 năm. Ngoài các hoạt động về tổ chức chúc Tết, mừng thọ vào dịp đầu Xuân, tổ chức thăm hỏi, chăm sóc sức khoẻ các cụ và bà con, chia sẻ nỗi buồn với những gia đình có thân nhân mới mất, giúp đỡ, động viên các cháu học hành tiến bộ, chúng tôi còn muốn truyền bá cho bà con, nhất là tầng lớp thanh thiếu niên, sự hiểu biết về truyền thống lịch sử và văn hóa của làng Hành Thiện, cung cấp những tin tức về quê hương và tình hình bà con đồng hương ở Hà Nội và các nơi khác. Vì thế, chúng tôi phát hành tập "Hành Thiện -Lịch sử và Văn hóa" này.

Tất cả bà con Hành Thiện chúng ta và những người xây dựng tổ ấm với người Hành Thiện (dâu, rể làng) dù đang sinh sống ở quê hương hoặc ở rải rác trên khắp mọi miền đất nước và ở hải ngoại đều rất tự hào về làng Hành Thiện - một làng văn hiến và cách mạng. Nhưng nhiều bà con, nhất là những người xa quê hương lâu ngày, thấy áy náy vì thiếu những thông tin gần dây nhất về làng ta và muốn tìm hiểu đầy dủ hơn về quê hương. Người Hành Thiện chúng ta có truyền thống gắn bó với nhau khi sống xa quê hương cho nên đã thành lập ra những Hội đồng hương, Hội ái hữu hay Hội tương tế ... để giúp đỡ nhau, động viên nhau cùng sống xứng đáng với tên quê hương Hành Thiện. Hành Thiện là phương danh bất diệt của quê hương và là mục tiêu phấn đấu của tất cả chúng ta. Chúng tôi mong rằng tập "Hành Thiện - Lịch sử và Văn hóa" này sẽ đáp ứng phần nào yêu cầu đó của bà con.

Ban biên tập " Hành Thiện - Lịch sử và Văn hóa" mong được tiếp nhận những bài viết về lịch sử và con người Hành Thiện, những tác phẩm văn thơ của bà con Hành Thiện, những tin tức về quê hương, về các Hội đồng hương ở khắp nơi và những ý kiến đóng góp quí báu của bà con và bạn đọc.

Kính chúc bà con và bạn bè Hành Thiện an khang, thịnh vượng và hạnh phúc.

HỘI ĐỒNG HƯƠNG
HÀNH THIỆN Ở HÀ NỘI

HÀNH THIỆN - LỊCH SỬ VÀ VĂN HÓA
(Tập I)

Chủ biên: GS. Đặng Đức An
Khoa Sử, trường Đại học Sư phạm, Đại học quốc gia Hà Nội.

Tổ chức xuất bản và phát hành: Hội đồng hương Hành Thiện ở Hà Nội 1995

HÀNH THIỆN XƯA VÀ NAY

ĐẶNG XUÂN ĐĨNH

Xét về lai lịch thì làng ta trước kia có tên là trang Hành Cung, sau đổi xã Hành Cung. Trang Hành Cung được thành lập vào giữa thế kỷ XVI. Dân cư xây dựng nên trang này trước đó đã từng sinh sống ở ấp Hộ Xá thuộc phủ Hải Thanh, dưới đời nhà Trần đổi là phủ Thiên Trường, nay thuộc huyện Nam Trực (tỉnh Nam Hà). Đất Hộ Xá bị lở xuống sông, dân làng phải di cư đến đất Nghĩa Xá, phía Nam xã Lạc Quần (thuộc phủ Thiên Trường tức phủ Xuân Trường). Sau đó xã này lại bị lở xuống sông, dân xã lại phải di cư đến xã Hành Cung.

Sở dĩ lúc đầu làng ta có tên là Hành Cung, là do ông cha ta không quên được quê cũ (ấp Hộ Xá), một mảnh đất xinh đẹp (Tiên Châu), đã từng là Hành Cung Trang của Nhà Trần. Nhưng từ năm 1823, làng ta đổi tên là Hành Thiện.

Về địa lý, Hành Thiện giống hình con cá chép, có sông con chảy quanh xã làm chỉ giới. Sông này nối liền với sông Ninh Cơ qua cống Bùi Chu. Đến năm 1960, được xây thêm một cống nữa nối thẳng với sông Ninh Cơ ở ngay đầu xã. Viền theo sông con quanh xã có đường đi. Năm 1909, đường này được trải đá phiến. Năm 1941, nhân dân đã góp tiền lát gạch xếp nghiêng. Từ năm 1956 đến nay đường xá đã được tu sửa tốt hơn. Đến năm 1993 lại được lát gạch xếp nghiêng suốt từ chợ lên tới đầu làng. Năm 1976, ở cuối làng (phía nam) gần chợ, xây thêm một cầu bê tông cốt thép nối liền từ phố Xuân Tiên sang làng với cỡ xe trọng tải 4 -5 tấn có thể qua được.Tất cả có 9 cầu xây gạch hoặc đổ bê tông nối liền Hành Thiện với các xã lân cận. Ngoài ra còn có 4 bến đò ngang qua sông Ninh Cơ. Hàng ngày có xe khách đi về từ Hà Nội chạy suốt qua Nam Định đến phố Xuân Tiên.

Với đường xá, sông ngòi như vậy, giao thông vận tải từ các nơi tới làng ta rất thuận tiện. Nhìn lên bản đồ hình cá, ta thấy nó ở tư thế rất sinh động như đang vẫy vùng trong dòng nước. Từ đầu làng (phía bắc) lên đến chùa Trong (chùa Thần Quang) là đuôi con cá. Chùa này là một công trình kiến trúc cổ, xây dựng từ năm nào thì không rõ chính xác. Có thể vào khoảng năm 1588. Theo văn bia thì được sửa lại nhiều lần vào những năm 1612; 1628; 1671; 1685; 1930; 1940. Nay đã được xếp vào loại di tích lịch sử và được bảo quản tốt. Gần đó còn có chùa Ngoài (chùa Đinh Lan) xây vào cuối thế kỷ thứ 18.

Cuối làng là đầu cá có chợ chính, ngày nào cũng họp từ sáng đến chiều, nay được tu sửa và mở rộng thêm. Nó là nơi thông thương rất thuận tiện giữa dân làng với nhân dân trong vùng. Trước kia còn có chợ Hôm ở giữa làng gần đình, vào khoảng giữa xóm 7 và xóm 8. Chợ này họp hàng ngày vào buổi chiều. Còn gọi là chợ Vải (chợ bán vải). Nay không còn nữa, nhờ đó mà đường đi ở nơi đó được rộng rãi hơn.

Bên cạnh chợ chính có miếu (gọi là miếu chợ) là một ngôi nhà gạch 5 gian, vì kèo bằng gỗ lim, lợp ngói, xây từ năm 1869, nhưng đã bị phá bỏ đi từ năm 1979 để lấy đất xây nhà bảo tàng của xã Xuân Hồng, nhưng tiếc rằng dự kiến đó tới nay vẫn chưa thực hiện được.

Phía tây gọi là lối trước, tức là bụng cá. Phía đông gọi là lối sau, tức là sống cá. Làng chia ra làm 14 giong (nay gọi là xóm), có đường thông từ lối trước ra lối sau giống như con cá chia làm 14 khúc vậy. Đường giong khá thẳng. Dân cư ở tập trung hai bên đường giong. Mỗi thổ cư là 1,5 sào ta (tức 540 m^2). Giong số 14 gần chợ chính, nay không còn nữa để nhường đất cho chợ mở rộng về phía bắc.

Ở phía tây nam con sông con lối trước, còn có một khu dân nữa nhỏ hơn khu dân nói trên, gọi là "Làng Trong" hay "Xóm Trong". Khu này có 4 giong.

Để giải phóng và qui hoạch ruộng đất, số đông các mộ chí đã được tập trung lại tại nghĩa trang "Tiền Sơn" bên cạnh chùa Trong từ năm 1962.

Ở ngoài đê, về phía bắc còn có bãi bồi được cải tạo thành đất trồng.

Vài nét tóm tắt về Hành Thiện như nói trên, chứng tỏ gần 400 năm nay, ông cha ta đã góp phần dày công xây dựng, lao động cải tạo đất đai để sinh sống, nhưng không phải đơn giản mà có sáng tạo để có một sơ đồ kiến trúc đẹp như vậy. Sông con dẫn nước chảy quanh làng, đường xá ven theo; khu dân cư và đồng ruộng riêng biệt; chợ ở cuối làng thuận tiện thông thương và quan hệ giao lưu với dân quanh vùng; trường cấp I trước đây ở giữa làng, tiện cho con em đi học ... Hai cây gạo cao vút đầu làng được trồng đã hơn một trăm năm nay, coi như hai mốc bắt đầu vào thôn xóm (kể từ xóm số 1); ngay từ xa đã gợi ý cho người dân hình ảnh quê hương của mình. Trong những năm quân Pháp chiếm đóng, chúng đã chặt hai cây này để dễ bề kiểm soát. Nhưng nhờ tinh thần bảo vệ thôn xóm của nhân dân, chúng không thể phá hủy được gì hơn nữa.

Hành Thiện trở nên đẹp không những ở địa hình, mà còn đẹp ở cách bố cục các công trình công cộng rất hài hòa và hợp lý. Nó chứng minh cho trình độ văn hóa và thẩm mỹ của người dân gắn bó với quê hương mình.

*

*

Sau cách mạng tháng 8-1945 quê ta vẫn gọi là Hành Thiện. Đến năm 1947, sát nhập với Xuân Tiên (tức Ngọc Cục) và Chí Thiện đổi thành xã Tiên Châu. Năm 1956, Hành Thiện tách riêng ra đổi tên là xã Xuân Khu. Đến năm 1968, Hành Thiện sát nhập với Xuân Tiên, Dũng Trí, Lục Thủy, Phú Yên, Xuân Thiện (gồm cả Chí Thiện) đổi tên là xã Xuân Hồng, thuộc huyện Xuân Thủy (gồm hai huyện Xuân Trường và Giao Thủy sát nhập lại) thuộc tỉnh Nam Hà. (Nam Định và Hà Nam gộp lại với nhau)

Xuân Hồng là một xã lớn nhất tỉnh, chiếm một diện tích gần 27 km^2, dài gần 9 km, rộng 3 km, với dân số hơn12 nghìn

langhanhthien.vn

người (theothống kê năm1979). Riêng Hành Thiện lúc đó có chừng 5000 người.

Hành Thiện cũng như Xuân Hồng có truyền thống cần cù lao động từ xa xưa. Trước kia có những xóm nghèo với những mảnh vườn vài chục mét vuông luôn luôn có rau xanh. Người dân đã bắt đất quay vòng liên tục, không thể kể một năm có bao nhiêu vụ. Xuân Tiên có cam ngọt nổi tiếng, gọi là cam mật (thường gọi là cam Hành Thiện), có cải bắp hình búp dài, hương vị đậm đà (gọi là cải bắp ta). Ý nghĩa "tấc đất, tấc vàng" được thể hiện rất rõ từ lâu đời, được duy trì và phát triển qua bàn tay của con người nông dân, của các bô lão trong đội trồng cây. Cây mọc không những bên đường, ở những nơi công cộng, mà còn có hàng vạn cây phi lao trồng ngoài bãi.

Hành Thiện có truyền thống dệt vải, dệt lụa từ lâu đời với tiếng khung cửi kẽo kẹt tới khuya, tiếng chày đạp vải rộn ràng từ sáng sớm. Tài năng lao động ấy được tập trung lại ở các hợp tác xã dệt vải, dệt thảm len, thảm đay, thêu đan, dệt chiếu, thảm cói, chủ yếu phục vụ xuất khẩu, nhưng nay bị giảm nhiều do nguồn xuất khẩu sang Liên Xô (cũ) và Đông Âu bị giảm. Sức lao động dồi dào còn được sử dụng trong các xưởng mộc, xưởng cơ khí, tổ nề, xưởng bánh kẹo, xưởng gạch ngói, xưởng vôi ... Nhưng tiếc rằng vẫn thiếu công ăn việc làm, chưa sử dụng hết sức lao động đó, trong hoàn cảnh dân số Hành Thiện nay đã lên tới gần 7000 người [1].

Trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Hành Thiện đã là một làng quê đất ít người đông. Dưới chế độ cũ, sự phân bố đất đai cố nhiên không thể công bằng hợp lý được. Hơn 2/3 số đất cầy thuộc công điền. Dù là công hay tư điền đều lọt vào tay nhà giầu hay chức sắc trong làng. Có những gia đình nhờ kinh doanh buôn bán ở các thành thị và khẩn hoang đã trở nên giầu có, nhà cửa khang trang. Nhưng ngay bên cạnh đó, có những nông dân sống với những ngôi nhà tranh vách nát, quanh năm trồng cấy với một mảnh vườn nhỏ. Tình trạng đó đã làm cho nhiều người nối tiếp nhau phải rời bỏ quê hương, đi làm ăn sinh sống ở khắp nơi, đi phu Tân thế giới, đồn điền cao su, ở Hà Nội, Hải phòng, Sài Gòn, Hòn Gai, Uông Bí ..., sang cả Campuchia, Lào, Thái Lan. Họ làm đủ mọi nghề, từ việc kéo xe tay, khuân vác ở bến cảng, đến việc lái xe lửa, làm công nhân cơ khí, công nhân dệt ở các nhà máy. Vì không còn kế làm ăn sinh sống, có khi cả một ngành họ phải kéo nhau đi ở nơi khác, như ở Thái Nguyên, Phú Thọ, Cẩm Thủy (Thanh Hóa). Nhiều người ở tầng lớp trung lưu bị phá sản cũng rời bỏ quê hương. Có thể họ ra đi để tránh né sự chèn ép hay để thể hiện sự bực bội trước thế lực cường quyền. Họ ra đi với tư tưởng ngậm ngùi, gạt nước mắt mà âm thầm lưu luyến.

Ngày nay, dân Hành Thiện cũng ra đi. Theo tiếng gọi của Tổ Quốc, theo yêu cầu của cách mạng, họ vào bộ đội, đi học, đi công tác, vào làm việc các công nông trường, lâm trường, cơ quan, xí nghiệp, hay đưa toàn bộ gia đình đi xây dựng vùng kinh tế mới ở Lào Cai, Yên Bái, Nghĩa Lộ, Mộc Châu, Hà Bắc, Minh Hải. Riêng Hành Thiện đã đóng góp hơn một nghìn người cho vùng kinh tế mới. Khi lên đường, họ vẫy chào quê hương và hẹn ngày gặp lại.

Trong mấy năm nhờ chính sách đổi mới của Nhà Nước, kinh tế của một số gia đình có khá lên. Trong thôn xóm đã xây thêm được nhiều nhà ngói. Nhờ dòng điện về tới làng, nhiều nhà đã có máy thu thanh, ti vi. Nhờ chính sách khoán 10 trong nông nghiệp và nhờ cải tiến kỹ thuật canh tác, giống, phân bón và thủy nông mà năng suất cây trồng tăng lên rõ rệt.

Dưới chế độ cũ, xã hội Hành Thiện thể hiện rất rõ hai mặt đối lập nhau. Một bên là tầng lớp giầu sang, lấy đồng tiền làm thước đo quan hệ xóm làng. Một bên là của tầng lớp dân nghèo nông dân chân lấm tay bùn ... Ngày nay, tình trạng đó giảm đi nhiều. Một số người do tài năng tháo vát, lao động sáng tạo mà giầu lên. Tuy cũng có người giầu lên không phải do cách làm ăn chân chính của mình. Còn có gia đình kinh tế gặp khó khăn do cách làm ăn bị hạn chế, do gánh nặng gia đình đông con. Trong hoàn cảnh kinh tế thị trường thì hiện tượng đó không thể tránh khỏi được.

Kể từ đầu thế kỷ thứ XX, trong làng đã xuất hiện nhiều tài năng về nhạc cổ nổi tiếng, về hội họa, vẽ truyền hình, kiến trúc, chụp ảnh, về văn nghệ (hát chèo, hát dân ca), về thủ công mĩ nghệ, làm nghề song mây v.v...

Về mặt chính trị, trước kia trong làng ta có những sĩ phu yêu nước chống ngoại xâm ngay từ ngày đầu hình thành làng Hành Thiện, cho đến thời Pháp thuộc qua các phong trào Văn Thân, Đông Du, Đông Kinh nghĩa thục, theo nghĩa quân Hoàng Hoa Thám. Kế đến phong trào yêu nước của những người theo Đảng cộng sản đầu tiên. Họ đã chấp nhận mọi sự hy sinh và thử thách, mưu đồ giải phóng dân tộc, và cao hơn nữa, cho một xã hội tốt đẹp hơn, được sống và làm việc thực sự theo hiến pháp và pháp luật của chế độ xã hội mới.

Tinh thần yêu nước chống ngoại xâm, ý thức chính trị ấy được duy trì và phát triển thế hệ này sang thế hệ khác. Từ 1949 đến 1954 thực dân Pháp đã đóng đồn bốt ở Hành Thiện, chúng lập hội tề, nhưng chính quyền cách mạng vẫn tồn tại song song, làm cho chúng ăn không ngon, ngủ không yên. Nhiều lần du kích đã treo cờ ở miếu Văn Chỉ, dán áp phích ở Miếu chợ; hai lần tấn công vào hang ổ cuả chúng. Nối tiếp cha ông, rất nhiều thanh niên đã vào bộ đội cầm súng chống Pháp, chống Mỹ, chống quân xâm lược phía bắc, phía nam. Họ chiến đấu ở mọi chiến trường, trong tất cả các binh chủng. Trong bất cứ xóm nào ở Hành Thiện cũng có người hy sinh cho Tổ Quốc. Trong toàn xã Xuân Hồng có hơn 300 liệt sĩ, riêng Hành Thiện có gần 200 (kể cả những người quê gốc Hành Thiện, nhưng không sinh sống ở làng)

Hành Thiện còn đóng góp sức người trên mọi lĩnh vực hoạt động chính trị, quân sự, văn hóa, khoa học kỹ thuật, giáo dục, y tế, công nông nghiệp.

Trước đây có những gương sáng về học tập. Kể từ đầu thế kỷ 16, trong các khoa thi Hương, thi Hội, cả cha con anh em chú cháu cùng trúng một khóa. Nhiều người trở thành nhà nghiên cứu văn học, sử học, y học có tiếng tăm. Tinh thần hiếu học và dìu dắt nhau học tập ấy được kế tục duy trì và phát triển. Dưới thời Pháp thuộc có hơn 30 người tốt nghiệp Đại học. Kể từ cách mạng tháng Tám - 1945 đến nay có hơn 400 người tốt nghiệp đại học (chưa kể những người tốt nghiệp đại học ở miền nam trước năm 1975), chừng 80 người tốt nghiệp phó tiến sĩ, 4 người tốt nghiệp tiến sĩ khoa học. Trong số tốt nghiệp đại học

langhanhthien.vn

và trên đại học có nhiều nữ. Họ có trình độ nghiên cứu khoa học, có những mũi nhọn đi sâu về văn học, y học, sinh vật học, triết học, ngôn ngữ học, khoa học kỹ thuật.

Nhằm khuyến khích học tập, trong làng có miếu Văn Chỉ (xây dựng vào năm 1783), miếu Văn Xương (xây dựng vào năm 1898). Nhằm khuyến khích tinh thần thượng võ chống ngoại xâm, trong làng có Võ Chỉ (xây dựng năm 1863). Có nhiều đồng hương Hành Thiện ở các tỉnh và Việt kiều người làng ủng hộ vào quỹ công ích và quỹ học đường của làng.

Ngày nay với xã hội mới, những tục lệ và thói quen lạc hậu như tế lễ (hàng năm có đến 20 lần ở cấp làng, chưa kể các lần ở phe giáp và dòng họ), kiêng tên húy các bậc cha anh nghe kỳ quặc ... có giảm đi. Nhờ phát triển văn hóa giáo dục, tật nói ngọng giảm đi nhiều.

Những tục lệ tốt vẫn được duy trì. Hàng năm vào ngày 15 tháng 9 âm lịch vẫn tổ chức hội làng, có bơi trải. Ba năm một lần có yến lão...

Bộ mặt Hành Thiện đã đổi mới. Đường đi lối xóm sạch sẽ hơn. Có nhà trẻ. lớp mẫu giáo, vỡ lòng, trường cấp I. Trong xã Xuân Hồng có trường cấp II, cấp III, trạm y tế, nhà hộ sinh.

Thật đã khác xưa, nhưng người dân Hành Thiện còn phải phấn đấu và mong muốn cao hơn nữa, nhiều hơn nữa.

Đối với những người quê Hành Thiện, nhưng không sinh sống ở quê, mỗi khi về thăm làng, họ cảm thấy thôn xóm thân yêu có gì hấp dẫn với những phong tục tập quán tốt đẹp còn lưu lại. Gặp nhau chào hỏi, thưa gửi nhẹ nhàng, mỗi câu trả lời thường chấm dứt bằng tiếng "a" tỏ ý kính trọng. Ra đường thường ăn mặc chỉnh tề hơn khi ở nhà. Vẫn giữ thói quen kính trọng người già, thầy cô giáo. Người dân Hành Thiện vẫn còn nhớ những câu ca, bài vè để chế diễu những thói hư tật xấu, hay để nhắc nhở nhau, động viên nhau làm điều tốt đẹp. Những câu chuyện rôm rả dưới ánh trăng thường xen ý khôi hài và châm biếm, có tính giáo dục. Thói quen vồn vã và mến khách tự nhiên tạo nên không khí cởi mở chan hòa.

Xã hội có cảm tình với Hành Thiện xưa và nay vì nơi đây đã sản sinh ra nhiều văn nhân và chiến sĩ yêu nước, có những tài năng lao động chân tay và trí óc, có những tập quán tốt đẹp, không phải chỉ phù hợp với xã hội trước đây, mà vẫn còn những điều gìn giữ được 'thuần phong mỹ tục".

Tự hào và khiêm tốn, chúng ta nhắc tới Hành Thiện thân yêu với những truyền thống như đã nói ở trên. Chừng như đã có tiếng vang đến tận kinh đô Huế xưa kia, nên năm 1868 vua Tự Đức đã ban cho làng ta 10 điều ban huấn ghi ở đình làng :

1. Đôn nhân hậu (luôn ăn ở có luân thường đạo lý),
2. Chính tâm thuật (ăn ở ngay thẳng),
3. Thương tiết kiệm (chuộng đường tiết kiệm),
4. Hậu phong tục (duy trì tục lệ tốt),
5. Huấn tử đệ (dạy con em cho có nếp),
6. Vụ bản nghiệp (duy trì nghề nghiệp tốt của mình),
7. Sùng chính học (chuộng học tập điềm ngay),
8. Giới dâm thác (răn những việc dâm tục),
9. Thân pháp thư (giữ gìn lễ phép),
10. Quảng hành thiện (mở rộng điều lành),

Đ.X.Đ

Chú thích:

(1) Số liệu do Hợp tác xã nông nghiệp cung cấp

langhanhthien.vn

QUÊ TÔI
HÀNH THIỆN XÃ CHÍ DIỄN CA

(Trích)

ĐẶNG XUÂN QUÁT

ĐỊA THẾ, CẢNH VẬT CỦA LÀNG HÀNH THIỆN

Quê tôi ở cạnh sông Hồng,
Ngã ba nước chảy có dòng Ninh cơ[1] .
Nơi đây gọi bến "Mom Rô"[2],
Bên ngoài bãi nổi tít mù ra xa.
Bốn mùa sản xuất tăng gia,
Ngô, khoai, đậu, đỗ, dâu, cà tốt tươi.
Trong đê đất nổi lâu rồi,
Ông cha khéo chọn làm nơi lập làng.
Trước thời gọi Hành Cung Trang[3],
Sau đổi Hành Thiện chính làng tôi đây.
Đã hơn bốn trăm năm nay,
Công lao tiên tổ dựng xây vững bền.
Làng tôi khi mới lập nên ,
Diện tích ruộng đất có gần bốn trăm (400 mẫu).
Đất ở mới ngót một trăm (100 mẫu),
Sau này nối tiếp mỗi năm tăng dần[4] .
Đến nay rộng quá hai lần ,
Trong đó đất ở đã gần trăm tư (140 mẫu).
Chiều ngang làng rộng cây dư,
Chiều dài Nam Bắc đã vừa ba cây (km).
Bãi nhìn thẳng cánh cò bay,
Trông vào làng cũng đẹp thay quê mình.
Đất hình "cá chép" nằm nghiêng,
Có vây, rốn, mắt, điểm riêng rõ ràng.
Đầu cá ngoảnh về hướng Nam,
Đuôi cá hướng Bắc nối sang sông Hồng.
Xung quanh bao bọc toàn sông[5] ,
Thủy triều lên xuống giao thông tiện dòng .
Giáp làng Thượng Phúc mé đông,
Có gò hình "bút" hướng trông làng mình[6].
Trước đình mảnh đất xinh xinh,
Nhác trông đã rõ ra hình "cái nghiên"[7].
Khen cho tạo hóa tô nên,
"Cá" kia gặp nước, "bút nghiên" gặp người.
Dân làng đông đúc lâu rồi,
Ông cha khéo vạch làm mười bốn dong.
Tây Đông chạy thẳng song song,
Ở từ "Mang cá" lui dần về đuôi.
Mỗi dong cách đúng sáu mươi(60 mét)[8],
Chia đều mỗi thổ một sào rưỡi ta.
Thổ nào cũng có ao vua,
Nhà nào hướng chính cũng là hướng Nam.
Dong giữa dài đến sáu trăm (600 mét)[9],
Dong ngắn cũng ngót hai trăm mét trường.
Mỗi dong chia làm hai đàng.
Phía Tây xóm trước, Đông làm xóm sau.
Cổng xóm xây ở hai đầu[10],
Đêm đêm đóng mở có lầu trị an.
Sau đình có cái cầu sang,
Hướng Tây vài bước vào làng xóm Trong.
Làng Trong hai mé giáp sông,
Hai mé giáp đồng: Dũng Trí, Ngọc Tiên[11].
Kiểu đất gần vuông chữ điền,
Bắc Nam thoáng mát nối liền với sông[12].
Làng Trong chia làm bốn dong,
Nhà nhà cũng ở thong dong thành hàng.
Các dong ngõ sạch đường quang,
Quanh làng đường gạch đàng hoàng đẹp thay.
Trong làng có tám cầu xây[13]
Tiện đâu sang đấy, Đông Tây như liền.
Đường sang bên phố Ngọc Tiên,
Sang làng Thượng Phúc cầu liền xây to.
Đường lên huyện tỉnh, bến đò
Đều là rải nhựa hoặc là đá dăm.
Giao thông xe chạy băng băng[14]
Lên Nam ngược Bắc ung dung sớm chiều.

Thật là thuận tiện bao nhiêu,
Tiện đường khách đến lại chiều khách đi.
Gần làng còn bến ca nô[15],
Muốn đi đường thủy tầu kề cũng hay.
Giữa làng có ngôi đình xây,
Không thờ Thần, Thánh nơi đây họp làng.
Nhớ năm xưa họp bốn lần,
Để nghe các bậc lão thành truyền răn[16]
Lời khuyên đến khắp dân làng,
Gia đình nhắc nhở, họ hàng bảo nhau.
Giữ điều "Hành Thiện" trước sau,
Nhà nhà vui vẻ chẳng câu bẽ bàng.
Tiếng khen bốn chữ thiếp vàng,
Tự Đức tặng làng: "Mỹ tục khả phong"[17]
Hiện còn treo tại đình trung,
Noi theo lễ đó đẹp lòng người xưa.
Đầu làng có hai ngôi chùa
Một "Thần Quang Tự", hai chùa "Đinh Lan".
Chùa Trong thờ Đức họ Dương,
Hiệu là "Không Lộ", húy thường "Minh Nghiêm".
Ngài sinh ở đất Hải Dương[18]
Vào ngày tháng chín mười tư Bính Thìn.[19]
Ngài tu đắc đạo cửa thiền,
Đã từng vãn cảnh mọi miền nước ta.
Lại qua Tây Trúc, Kim Sa[20],
Học thông phép lạ bao la nhiệm mầu,
Có tài pháp thuật cao sâu,
Chữa vua khỏi bệnh chứng đau hiểm nghèo.
Được vua ca ngợi hết điều,
Phong cho bốn chữ "Lý triều Quốc sư".
Cấp cho vàng, ruộng "hương du",
Lập Nghiêm Quang Tự phụng thờ dài lâu[21].
Mồng ba tháng sáu năm đầu,
Là năm Giáp Tuất, ngày ngài hóa thân.
Chùa dựng hơn bốn trăm năm[22],
Quy mô rộng lớn hai nghìn thước ta[23].
Chùa Thánh hai pho tượng to,
Một trầm hương mộc, hai là đồng đen,
Chùa Phật có ngôi tòa sen,
Cùng nhiều tượng đẹp sơn son thiếp vàng.
Trước chùa có cái gác chuông,
Tầng trên góc cuốn song vuông chạy vòng,
Bên ngoài hồ rộng nước trong,
Quanh hồ đá hộc xây trông thẳng hàng.
Hai bên hai dẫy hành lang,
Bẩy mươi sáu gian toàn làm gỗ đinh.
Tường xây chữ thọ bao quanh,
Có nhà tiếp khách lịch thanh đàng hoàng.
Cảnh chùa trông thật khang trang,
Nguy nga thắng cảnh, khói nhang đời đời.
Thánh mẫu thờ ở chùa Ngoài,
Tục xưa linh ứng người người sùng tin.
Chùa có quy mô nhỏ xinh,
Cũng gác chuông trước, giải trình hai bên[24].
Có nhà thờ Tổ làm riêng,
Nhiều cây cổ thụ cảnh thêm hữu tình.
Đầu cá trước có miếu lim [25]
Bẩy gian cao rộng mặt tiền hướng ra.
Ngã ba sông nhỏ chảy qua,
Quanh năm thoáng mát thật là đẹp thay.
Gian đầu thờ Đế Thích đây[26],
Đông Hải, Nam Hải tượng bày hai bên.
Thờ thêm các vị Cửu Tiên[27],
Hy sinh cứu được oan khiên cho làng.
Còn năm gian rộng thênh thang,
Để khi hội yến dân làng vui xem[28].
Liền đình có trường trẻ em[29],
Tiện cho bố mẹ sớm hôm gửi vào.
Trông đàn cháu nhỏ vui sao,
Các cô khéo dậy, ngọt ngào, cháu ngoan.
Đầu dong số 6 trông sang,
Phổ thông cơ sở đàng hoàng quy mô.
Sang trường qua hai cầu to,
Trung tâm, các cháu tiện cho đi về [30].
Trước đình ở mé bên kia,
Cấp ba trường huyện đặt kề làng tôi.
Nhà cao nhiều dẫy hợp thời,
Học trò đông đúc tới mười hai trăm.

Thày cô dậy dỗ siêng năng,
Trò thời chăm chỉ học hành tiếng khen[31].
Bên sông trạm xá dựng lên,
Có y bác sĩ ngày đêm tận tình.
Chăm lo phòng bệnh dân sinh,
Những khi cấp cứu thuốc mình có ngay.
Gặp khi căn bệnh hiểm gay,
Gần nhà thương huyện có thày giỏi lo[32].
Cuối làng có cái chợ to,
Có đình, có quán, đủ cho nghìn người.
Tường xây mái ngói hẳn hoi,
Sân nền lát gách có ngòi rãnh tiêu.
Cổng sau cổng trước hai chiều,
Có nhà quản lý có người trông chuyên.
Bên sông tiện bến tiện thuyền,
Tiện cho hàng hóa mọi miền tới đây.
Nhớ xưa có mấy thứ cây,
Là hàng đặc sản vùng này tăng gia.
Như là: rau cải bắp ta[33],
Hoa to, lá trắng nõn nà, mềm, thơm.
Có loại rau cải dưa ngon,
Lá vàng, bẹ lớn, ăn giòn, để lâu[34].
Có cam vỏ đỏ son tầu, [35]
Gọi là cam mật, quả bầu mỏng da.
Ăn vào ngọt lịm mát ra,
Là những thứ quý gần xa thích dùng.
Chợ làng người họp tứ phương,
Mùa nào thức ấy bạn phường đến đây.
Chợ đông vui họp cả ngày,
Thật là thuận tiện cho người bán mua.
Còn như mặt trước làng ta,
Nhà xây san sát trông ra mặt đường.
Cũng có nhà gạch hai tầng,
Mở nghề sản xuất, mở phường bán buôn.
Liền đườnglà khúc sông con,
Hai bờ xây đá mé nêm phẳng soài
Mỗi dong có bến ở ngoài,
Cạnh đường hàng cột điện dài thủy ngân.
Bên kia là phố Ngọc Tiên[36],
Xưa là phố phủ Xuân Trường ở đây.
Hai bên đường rợp bóng cây,
Dưới sông trên phố đẹp thay quê mình.

Đ.X.Q

Chú thích

[1] *Sông Ninh Cơ là nhánh của sông Hồng chảy ra biển.*

[2] *Trước đây chỗ ngã ba sông Hồng và sông Ninh Cơ có đò ngang gọi là đò Mom, chở khách sang gò làng An-Lang để đi Cổ Lễ Nam Định. Chỗ khúc sông này và mỏm bãi đò đều lượn tròn như hình tròn cá rô nên gọi là "Mom Rô".*

[3] *Hành Cung Trang là tên làng cũ ở Hộ Xá, sau khi bị lở dân làng rời đến đây lúc đầu cũng gọi là Trang Hành Cung, sau đổi là xã Hành Cung, đến năm 1823 đổi là làng Hành Thiện (nay thuộc xã Xuân Hồng, huyện Xuân Thủy, tỉnh Nam Hà).*

[4] *Làng Hành Thiện ở giáp sông Hồng, nên khi lở khi bồi, diện tích không ổn định . Hiện nay diện tích thổ cư có 138 mẫu 6 sào, ruộng và gò trong đồng có 219 mẫu. Ruộng ngoài đê cả cũ và mới nổi có khoảng 500 mẫu. Cộng tất cả điền thổ của làng là gần 900 mẫu.*

[5] *Sông con bao bọc xung quanh làng Hành Thiện gọi là ông Đập.*

[6] *Thổi đất dài giống như hình cái bút nho, nằm giữa hai con sông nhỏ, một sông giáp làng Thượng Phúc, một sông giáp làng Hành Thiện.*

[7] *Mảnh đất giống cái nghiên mực, trước năm 1945 phủ Xuân Trường đóng ở đây. Địa điểm này nay là trường cấp ba của huyện (Đất này trước thuộc làng Ngọc Cục, sau đổi là làng Ngọc Tiên).*

[8] *Dong nọ cách dong kia đúng 60 mét và cách nhau rất đều. Mỗi một thổ được chia đều diện tích là 540 mét vuông.*

[9] *Dong ở giữa mình cá thì dài, dong ở gần đầu cá thì ngắn.*

[10] *Các dong đều chia làm hai nửa (trừ dong qua ngắn), nửa mé Tây gọi là xóm Trước, nửa mé Đông gọi là xóm Sau. hai đầu vào xóm trước đây xóm nào cũng có cổng*

langhanhthien.vn

xây to, có cánh gỗ đóng mở. Nhiều cổng có xây chòi ở trên để tiện canh gác giữ gìn an ninh vào tháng cuối năm. Đến nay nhiều cổng bị phá bỏ, chỉ còn có 7 cái ở dong số 6, số 9, số 10, số 12.

[11] *Làng Dũng Trí ở phía Tây làng, làng Ngọc Tiên ở phía Nam làng Hành Thiện.*

[12] *Sông con rộng 12-14 mét*

[13] *Làng có sông con chảy dọc Nam Bắc, nên xây 8 cái cầu để tiện qua lại làng Trong, làng Ngoài và các làng lân cận, và sang cánh đồng phía Tây làng.*

[14] *Cuối làng Hành Thiện về bên phố Ngọc Tiên có bến xe ô tô khách chạy Nam Định - Hà Nội.*

[15] *Tại bến đò điểm số 6 thuộc làng Hạc Châu giáp với Hành Thiện, có ca nô chạy từ huyện Xuân Thủy đi Nam Định, hàng ngày nằm lấy khách ở bến đò.*

[16] *Đình làng Hành Thiện không thờ gì, trước chỉ dùng để họp làng. Cuộc họp làng gồm có đại biểu các họ, các xóm, phe, giáp.*
Những vị khoa danh, đức độ cao cả trong làng được cử lên, thường đem điều hay lẽ phải, đạo lý làm người để giáo hóa dân làng. Các họ, các gia đình lấy đó mà dạy bảo con cháu

[17] *Vua Tự Đức tặng làng Hành Thiện bốn chữ trên, khắc vào bức đại tự sơn son thiếp vàng treo ở đình làng từ năm 1861 hiện vẫn còn.*

[18] *Cha Ngài quê ở làng Hộ Xá, nhưng Ngài lại sinh ra ở quê mẹ Ngài là làng Hán Lý, phủ Ninh Giang tỉnh Hải Dương.*

[19] *Ngài sinh năm 1016 mất năm 1094, thọ 79 tuổi.*

[20] *Tây Trúc, Kim Sa là nơi gốc tích đạo Phật thuộc Ấn Độ, Nê Pan.*

[21] *Chùa này xây dựng năm 1063 tại đất làng Dũng Nhuệ (sau này đổi là Dũng Nghĩa).*

[22] *Chùa Hành Thiện xây dựng năm 1588.*

[23] *Một thước ta bằng 24 m^2*

[24] *Là hai hành lang nhỏ.*

[25] *Miếu này làm toàn bằng gỗ lim, cao rộng, có song tiện chạy quanh, thoáng mát, thờ dọc.*

[26] *Đế Thích là vua cao cờ· Đông Hải là Đoàn Thượng, tướng có công giúp nhà Lý. Nam Hải cũng là vị Thần (sự tích không rõ).*

[27] *Cửu Tiên hay Cửu Công là chín vị huynh trưởng của làng Hành Cung (sau đổi là Hành Thiện) bị chúa Trịnh Doanh giết hại, vì nghi ngờ làng Hành Cung thông đồng với nghĩa quân Vũ Đình Dụng ở Ngân Già (năm 1740). Chín vị đó là: Đặng Khắc Tướng, Phạm Bá Hiệu, Phạm Trọng Huyến, Đặng Bá Tích, Đặng Trọng Đôn, Đặng Nho Cẩn, Lã Đăng Đạo, Đặng Phạm Tế, Đặng Chân Thuyên. Dân làng nhớ ơn các vị đã hy sinh đến cứu dân làng, nên thờ các vị ở miếu lim này. Ngày giỗ các vị hy sinh (18 tháng Chạp âm lịch) được gọi là ngày giỗ Cửu Công.*

[28] *Trước kia, khi yến lão làng thường tập trung các cụ ở đây lễ miếu, rồi rước các cụ lên chùa.*

[29] *Trường mẫu giáo ở liền phía Tây Bắc đình làng.*

[30] *Trường PT cơ sở ở trung tâm làng.*

[31] *Trường PT cấp ba (hay trường PT trung học) huyện thường được cấp trên khen là trường thầy dạy tốt, trò học chăm.*

[32] *Bệnh viện huyện Xuân Thủy, cách làng Hành Thiện 4 km.*

[33] *Rau cải bắp ta hoa to, hình giống cái đành tích, mỗi lá bên ngòai ở nách có cái búp gọi là ổ gà, rau ăn rất ngon, ngọt. Trước đây làng Ngọc Tiên trồng rất nhiều, nay giống không còn.*

[34] *Rau cải này muối ăn ngon, dòn, làng Dũng Trí trồng rất nhiều.*

[35] *Cam mật do làng Thọ Vực trồng, mầu vỏ đỏ như hòn son, cứ đến mùa cam, họ đem lên chợ Hành Thiện bán rất nhiều, người làng thích mua dùng, các nơi cũng về đây mua nhiều, nên họ cứ gọi là cam rau Hành Thiện. Làng Thọ vực cách Hành Thiện 5km.*

[36] *Phố này thuộc đất làng Ngọc Cục (nay gọi là Ngọc Tiên).*

langhanhthien.vn

ĐỨC THÁNH TỔ KHÔNG LỘ VÀ CHÙA THẦN QUANG Ở LÀNG HÀNH THIỆN, HUYỆN XUÂN THỦY, TỈNH NAM HÀ

ĐẶNG ĐỨC AN.

Đức Thánh tổ của làng ta là đại pháp thiền sư Không Lộ, họ Dương, tên húy là Minh Nghiêm, sinh ngày 14 tháng 9 (âm lịch) năm Bính Thìn (1016), niên hiệu Thuận Thiên thứ 7 đời Lý Thái Tổ (Lý Công Uẩn). Ngài sinh ra tại quê mẹ ở làng Hán Lý, phủ Ninh Giang, tỉnh Hải Dương (nay là Hải Hưng). Quê cha của Ngài là làng Giao Thủy (sau đổi là làng Hộ Xá), phủ Hải Thanh (đến đời Trần đổi là phủ Thiên Trường). Gia đình Ngài sinh sống tại làng Giao Thủy và chuyên nghề chài lưới ven sông Hồng.

Tuy làm nghề chài lưới, nhưng Ngài ham học, hiểu biết nhiều và thường đi du ngoạn các nơi danh lam thắng cảnh và tùy hứng ngâm vịnh, sáng tác nhiều bài thơ hay. Khi đó đất nước ta mới giành được độc lập, văn hóa - giáo dục tập trung ở nơi chùa chiền, các nhà trí thức lớn đều là các thiền sư. Cho nên để bồi dưỡng thêm tri thức, năm 29 tuổi (năm Giáp Thân - 1044), Ngài đã thôi nghề đánh cá, theo học đạo thiền. Lúc đầu Ngài thọ giáo thiền phái Vô Ngôn Thông (1) và đã đắc đạo, trở thành tổ đời thứ 10 của thiền phái này. Năm Đinh Dậu (1057), Ngài lại thọ giáo phái Thảo Đường là phái thiền tông thứ 3 ở Việt Nam . Thiền phái này có khuynh hướng thiên trọng trí thức và văn chương, phù hợp với ý nguyện của Ngài. Không Lộ thiền sư được thiền sư Ngô Xá (là đồ đệ của thiền sư Thảo Đường) truyền tâm pháp và trở thành tổ đời thứ 3 của thiền phái Thảo Đường. Năm Kỷ Hợi (1059), Không Lộ thiền sư về tu ở chùa Hà Trạch, sau chuyển sang chùa Duyên Phúc (sau đổi tên là chùa Viên Quang) là chùa ở làng Hộ Xá.

Năm Nhâm Dần (1062), thiền sư Không Lộ rủ hai người bạn tu hành của Ngài là đức Giác Hải (hay Định Giác) và đức Đạo Hạnh (họ Từ) đi sang Thiên Trúc (Ấn độ) để cầu phép lạ. Đức Giác Hải hay Định Giác (họ Nguyễn) trước cũng là đệ tử của thiền phái Vô Ngôn Thông, sau cũng cùng đức Không Lộ chuyển sang thọ giáo phái Thảo Đường và được truyền tâm pháp, trở thành tổ đời thứ 3 của thiền phái Thảo đường giống như đức Không Lộ. Đức Đạo Hạnh (họ Từ, tên húy là Lộ) khi đó đang tìm cách báo thù cho cha (là Từ Vinh) bị pháp sư Đại Diên ám hại, cho nên cũng muốn sang Ấn độ cầu học pháp thuật linh dị. Nhưng không hiểu sao ba

ngài cùng đi với nhau, mà chỉ có đức Không Lộ và đức Giác Hải đến được Thiên Trúc (Ấn độ), còn đức Đạo Hạnh chỉ đến sứ Kim Xỉ (Kim Xỉ có nghĩa là "răng vàng", có lẽ là Miến Điện hay Mianmar ngày nay), rồi dừng lại. Theo cụ nghè Đặng Xuân Bảng thì khi ba vị đến nước Kim Xỉ (tức là nước nhà Phật), gặp một ngã ba sông, nhưng không có thuyền chở. Sau gặp một chiếc thuyền nhỏ chỉ chở được hai người, cho nên đức Không Lộ và đức Giác Hải dặn đức Đạo Hạnh ngồi chờ ở bến thuyền, rồi hai ngài đi trước. Nhưng sau khi hai ngài được đức Phật tổ Như Lai truyền bảo cho phép Phật và được giác ngộ, thì lại về thẳng, không qua chỗ đức Đạo Hạnh ngồi đợi. Đức Đạo Hạnh chờ mãi, sau được một bà già cho biết là hai người bạn đã về lâu rồi. Nhờ bà già chỉ bảo cho phép rút ngắn đường, vượt biển, qua sông, cho nên đức Đạo Hạnh đã đuổi kịp hai người. Đức Đạo Hạnh vào trong rừng, biến làm hình hổ, nhảy nhót, gầm thét như muốn vồ hai ngài. Đức Không Lộ và đức Giác Hải biết đó là đức Đạo Hạnh hóa thân, bảo rằng:"Đã muốn như thế, kiếp sau sẽ phải chịu". Đức Đạo Hạnh lấy làm hổ thẹn, tạ lỗi và nói rằng: "Nếu kiếp sau nghiệp chướng chưa trả, xin cứu giúp cho" [2]. (Câu chuyện này để mở đường cho câu chuyện đức Đạo Hạnh đầu thai kiếp sau làm vua Lý Thần Tông, bị mắc bệnh hóa hổ và được đức Minh Không là học trò của mình cứu chữa).

Năm Quý Mão (1063), đức Không Lộ dựng chùa Nghiêm Quang (sau đổi tên là chùa Thần Quang) tại làng Dũng Nhuệ (sau đổi là làng Dũng Nghĩa, ở huyện Vũ Thư , tỉnh Thái Bình bây giờ) (chùa này sau bị lở xuống sông).

Năm Nhâm Tý (1072), vua Lý Nhân Tông bị bệnh tâm thần, chỉ nghe tiếng tắc kè kêu, mà cũng sinh bệnh. Đức Không Lộ và đức Giác Hải vào kinh chữa bệnh cho vua. Sau khi khỏi bệnh, nhà vua "đã ban thưởng cho Ngài 1000 lượng vàng và 500 mẫu ruộng hương du, phong Ngài làm Phù Vân quốc sư" (2). Ngài đã dùng số tiền thưởng đó đúc một chuông đồng lớn, nặng đến 3000 cân cho chùa Nghiêm Quang.

Vua Lý Nhân Tông đọc một bài thơ khen tặng hai ngài:

Giác Hải tâm như hải
Thông Huyền đạo hưu huyền
Thần thông kiêm biến hóa
Nhất Phật nhất thần tiên.
(Dịch: Tâm Giác Hải như biển
Đạo Thông Huyền thật huyền
Thần thông và biến hóa
Bên Phật bên là tiên)

Cụ nghè Đặng Xuân Bảng chú thích: "Thông Huyền là biệt hiệu đức Thánh tổ (tức đức Không Lộ)". Nhưng có tài liệu lại cho Thông Huyền là một đạo sĩ, vì thế vua Lý Nhân Tông mới phân biệt: "Bên Phật (nói về Giác Hải) bên là tiên (chỉ Thông Huyền)". Do đó nếu Thông Huyền là một đạo sĩ, thì không thể là Không Lộ vì Không Lộ là thiền sư, chứ không phải là đạo sĩ. Điều đó cần nghiên cứu thêm.

Tục truyền là đức Không Lộ đã tạo thành bốn tác phẩm nghệ thuật lớn ở thời Lý, gọi là *tứ đại khí*. Đó là tháp chùa Báo Thiên, tượng Phật A Di Đà ở chùa Quỳnh Lâm, đỉnh chuông Phổ Minh và chuông chùa Phả Lại. Để có đủ đồng đúc chuông, tượng và đỉnh, đức Không Lộ đã sang Trung Quốc xin vua Tống cho một tay nải đồng. Sau khi vua Tống chấp thuận, Ngài đã bỏ vào tay nải của Ngài gần hết kho đồng của vua Tống. Ngài còn học được nghề đúc đồng của Trung quốc mang về truyền bá ở Việt Nam, cho nên Ngài được coi là tổ sư nghề đúc đồng ở nước ta.

Ngày 3 tháng 6 (âm lịch) năm Giáp Tuất (1094), Ngài hóa, thọ 79 tuổi (1016-1094). Về năm mất của đức Không Lộ có một số số liệu khác nhau như sau: Nguyễn Lang cho là năm 1142 (cùng năm mất với Minh Không, có nghĩa là Không Lộ và Minh Không là một người), Trần Văn Giáp cho là năm 1113, Đặng Xuân Bảng cho là năm 1094, điều này cần được khảo cứu thêm.

Năm Ất Hợi (1095), đức Giác Hải dựng tháp và tô tượng thờ Ngài ở chùa Nghiêm Quang (sau đổi tên là chùa Thần Quang) ở làng Dũng Nhuệ. Năm Đinh Hợi (1167), chùa Duyên Phúc ở làng Hộ Xá, là nơi mà Ngài đã trú trì một thời gian, cũng được nhà vua đổi tên là chùa Viên Quang, rồi sau lại đổi là chùa Thần Quang, vừa thờ Phật vừa thờ đức Thánh tổ Không Lộ.

Tại chùa làng ta có hai tập truyền lục viết về sự tích đức Thánh tổ, một tập là *Tiền lục* nói rằng đức Không Lộ họ Dương, húy là Minh Nghiêm, quán phủ Hải Thanh, một tập là *Hậu lục* nói rằng đức Không Lộ họ Nguyễn, húy là Chí Thành, quán làng Đàm Xá, biệt hiệu là Minh Không. Cụ nghè Đặng Xuân Bảng trong *Bài bạt về việc khảo cứu Sự tích đức Thánh tổ* đã phân tích tỉ mỉ và phê phán xác đáng, đi đến kết luận là "Tiền lục là đúng, mà Hậu lục là sai" [3]

Nhưng có người lại nói chùa làng ta thờ cả hai vị Không Lộ và Minh Không, cho nên có hai bản truyền lục giới thiệu tiểu sử của hai vị và có hai bức tượng: tượng đồng là tương đức Không Lộ và tượng gỗ là tượng đức Minh Không. Việc thờ hai vị là điều có thể đã xảy ra.lNhưng lúc đầu chùa Thần Quang ở làng ta (chùa Keo dưới) chỉ thờ một mình đức Không Lộ. Dương Minh Nghiêm, giống như chùa Thần Quang ở bên Dũng Nghĩa, Vũ Thư Thái Bình (chùa Keo trên). Về sau này, một số người thấy đức Minh Không Nguyễn Chí Thành cũng có pháp thuật thần thông quảng bá giống như đức Không Lộ hoặc có thể nhầm lẫn đức Không Lộ với đức Minh Không cho nên đã đưa cả đức Minh Không vào thờ ở chùa làng ta.

Chùa Thần Quang ở làng ta có lẽ được xây dựng vào khoảng năm Mậu Tý (1588), niên hiệu Quang Hưng thứ 11, đời

langhanhthien.vn

Lê Thế Tông. Chùa gồm hai ngôi: ngôi trước thờ Phật (có đủ các tượng Phật), ngôi sau thờ đức Thánh tổ Không Lộ (pho tượng bằng đồng đen) và có lẽ thờ cả đức Quốc sư Minh Không (pho tương bằng gỗ trầm hương mộc). Hai ngôi này lợp ngói, bên trong dựng cột bằng gỗ lim, được trạm trổ rất tinh vi, theo kiểu kiến trúc nghệ thuật đời Lê. Bên ngoài lát gạch vuông. Hai bên là hai dãy hành lang, mỗi dẫy 38 gian. Phía trước là gác chuông, trên có một quả chuông lớn và một khánh lớn bằng đồng, dưới có dựng hai tấm bia đá lớn, cao hơn 2 m, đế hình chữ nhật và có hình dáng cổ đẹp; kề hai bên là cửa ra vào chùa. Trước gác chuông có một cái hồ hình bầu dục (hình chữ nhật hơi lượn tròn bốn góc) dài khoảng 50 m, rộng khoảng 12 m, sâu đến 3 m, có bậc lên xuống ở hai cổng chùa. Nước hồ rất trong, xung quanh hồ được lát đá, một phần trước tam quan lát gạch, có thể chứa được hàng nghìn người dự lễ hội chùa và rước kiệu quanh hồ. Bên ngoài hồ còn có 3 gian Tam quan tức là cửa chùa. Trước Tam quan có một hồ bán nguyệt bé như vũng ao. Xung quanh chùa trước kia có tường đắp bằng đất. Đằng sau chùa, ngoài tường đất còn được trồng nhiều dứa dại và tre ken dầy. Về sau tường đất được phá bỏ, xung quanh chùa được xây bằng gạch trổ hoa, đường quanh chùa được mở rộng, đổ gạch sỏi, đi lại sạch sẽ. Nhiều cây cổ thụ được trồng trong chùa. Quanh cảnh chùa thật là vừa uy nghiêm, sùng kính, vừa mát mẻ, thanh tao.

Chùa Thần Quang của làng Hành Thiện đã được xếp vào cổ tích liệt hạng từ năm 1925 (theo Nghị định của toàn quyền Đông Dương ngày 16 -5- 1925) và di tích lịch sử từ năm 1962 (Quyết định của Bộ Văn hóa nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa ngày 28 - 4 - 1962). Chùa đã được tu sửa nhiều lần vào các năm Nhâm Tý (1612), Mậu Thìn (1628), Tân Hợi (1671) và tô lại tượng năm Ất Sửu (1685).

Sau khi bị nghĩa quân Phan Bá Vành lấy đi quả chuông và quả chuông bị chìm xuống sông mất, năm Ất Mùi (1895), chùa được chữa lại gác chuông và đúc quả chuông mới. Năm 1929 chùa được chữa lại mái và tô lại tượng vì bị trận bão ngày 31 tháng 7 năm 1929 làm hư hại nặng. Năm 1940 chùa lại được tu sửa lần nữa. Và từ đó đến nay chùa vẫn đượcbảo dưỡng thường xuyên.

Hàng năm vào các ngày từ 10 đến 16 tháng 9 Âm lịch, lễ hội chùa Thần Quang được tổ chức rất trọng thể và náo nhiệt, đặc biệt có cuộc thi bơi trải để kỷ niệm thời niên thiếu của đức Thánh tổ sống bằng nghề chài lưới trên sông nước, và đồng thời cũng để rèn luyện sức khỏe và hải chiến cho thanh niên trong làng.

Đ.Đ.A

Chú thích :

(1) Phái Thiền Tông thứ nhất ở Việt Nam là phái Ti Ni Đa Lưu Chi thành lập vào thời Hậu Lý Nam Đế và thời Thuộc Tùy (đầu thế kỉ VII), phái Thiền tông thứ hai ở Việt Nam là phái Vô Ngôn Thông thành lập vào thời Thuộc Đường (đầu thế kỷ IX), phái Thiều tông thứ 3 ở Việt Nam là phái Thảo Đường thành lập thời Lý Thánh Tông (nửa sau thế kỷ XI)

(2)Đặng Xuân Bảng. Sư tích Đức Thánh Tổ. Trong Hành Thiện xã chí. Hành Thiện tương tế hội Gia Định ấn hành 1974, trang 26-21

(3) Đặng Xuân Bảng. Bài bat về việc khảo cứu sư tích Đức Thánh Tổ. Trong Hành Thiện xã chí đã dẫn trang 23.

LỄ HỘI CHÙA THẦN QUANG LÀNG HÀNH THIỆN
(HUYỆN XUÂN THỦY, TỈNH NAM HÀ)

ĐỖ QUANG HUYÊN

Dù ai ngang dọc Tây Đông
Ngày rằm tháng Chín hội Ông nhớ về
Dù ai bận rộn trăm nghề,
Ngày rằm tháng Chín nhớ về hội Ông
Ca dao

Hội Ông là tên gọi dân dã về lễ Hội chùa Thần Quang làng Hành Thiện, mở thường kỳ hàng năm vào trung tuần tháng Chín (Âm lịch) để kỷ niệm ngày sinh đức Thánh tổ Không Lộ.[1]

Tiền thân của chùa Thần Quang (Keo dưới) là Nghiêm Quang, xây dựng năm 1062 ở làng Dũng Nhuệ, xã Giao Thủy (huyện Nam Ninh, tỉnh Nam Hà bây giờ), đổi tên Thần Quang năm 1145, đi chuyển và xây dựng lại năm 1588 ở Hành Cung trang (làng Hành Thiện ngày nay). (Báo cáo của Ty Văn Hóa Nam Định năm 1962). Chùa thờ Phật và thờ đức thánh tổ Không Lộ, một vị quốc sư, nhà văn hóa lớn, lương y tài danh và Thành Hoàng làng Hành Thiện. Chùa đã được liệt hạng cổ tự (Nghị định ngày 16 /5/1925 của toàn quyền Đông Dương) và được xếp hạng di tích Văn hóa (quyết định ngày 28/4/1962) của bộ Văn Hóa nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa). Qua nhiều lần tu tạo lớn, chùa còn giữa nguyên trạng phong cách kiến trúc và khắc chạm thời Lê.

Thông thường làng vào hội từ ngày 10 đến 16 tháng Chín, có năm mở sớm từ ngày 8, hoặc muộn từ 12. Công việc chuẩn bị được tiến hành từ đầu tháng, trước hết là bầu chủ hội. Ngày xưa, chủ hội được chọn lựa rất khắt khe. Hội động kỳ mục (gồm những người khoa bảng, phẩm hàm và hưu quan trong làng, đứng đầu là tiên chỉ) xét chọn một trong số những người đức dày, có uy tín trong dân làng, thạo việc, không góa vợ, không tang bụi và phải là quan viên bậc nhất (nếu là văn phải có bằng tú tài hay hàm cử phẩm trở lên, nếu là võ phải có bằng võ cử nhân hay hàm xuất đội trở lên). Ngay trong ngày nhậm chức, ông chủ hội được rước lên chùa theo nghi lễ đơn giản nhưng trang trọng. Ông đội mũ cánh chuồn có hoa văn và mặt nguyệt dát bạc lấp lánh trước mũ, mặc áo thụng mầu tía đính lối tử vuông thêu hoa sen trước ngực, dận hài mũi cong thêu chỉ vàng, ngồi võng do giai chùa khiêng, có cờ hội chủ mở đường, trống giúp vui và mấy bô lão tháp tùng. Ông ăn ở luôn tại chùa cho đến khi mãn hội để tiện điều hành công việc và chay tịnh. Ông quyết định mọi việc trong khuôn khổ quyết nghị tổng thể của hội

---

[1] Hiện nay các nhà khảo cứu Phật học chưa thống nhất ý kiến nhiều điều về đức Thánh Tổ Không Lộ : Người họ Dương, húy Minh Nghiêm hay họ Nguyễn húy Chí Thành, hiệu Minh Không hay các danh hiệu đó là của một người ?

langhanhthien.vn

đồng kỳ mục. Nhiệm kỳ chủ hội một năm nhưng sau lễ hội thường ít việc. Không ai được làm chủ hội quá một nhiệm kỳ. Ngày nay ban văn hóa, di tích lịch sử (VHDTLS) của làng đề cử ông chủ hội để hội nghị đại biểu làng thông qua theo các yêu cầu như xưa, chỉ trừ tiêu chuẩn quan viên. Bên cạnh ông chủ hội có ban tổ chức gồm đại biểu ban VHDTLS và chính quyền.

Trước kia việc làm bánh giầy, loại đặc trưng của lễ hội Hành Thiện, được tiến hành vui như một ngày hội : Các phe một mặt cắt cử người xay giã gạo nếp cái hoa vàng, mặt khác kén trai tơ đóng giả gái, từng tốp năm bảy người lũ lượt đi lấy nước giếng chùa và nước cửa sông Ninh Cơ (Mom Rô đầu làng), gạn lọc nhiều lần cho thật trong sạch để nấu xôi làm bánh giầy. Mùi thơm xôi nếp lan tỏa, tiếng chày giã bánh thậm thịch, tạo niềm vui náo nức khắp xóm làng. Rất tiếc nay không còn ngày hội hóa trang lấy nước và làm bánh giầy. Việc làm bánh đã được chuyên môn hóa với các nguồn nước sạch tại chỗ.

Từ sáng sớm ngày khai hội, chuông khánh lớn và trống cái thay nhau tấu lên từng hồi dài vang động khắp xóm làng. Sau lễ nhập tịch mở cửa chùa, làng làm lễ thỉnh Phật, lễ tấu Thánh, lễ dâng hương và dựng cờ. Các phe (nay là xóm) hạ thủy thuyền trải và tuyển dân chèo. Hai mươi lăm lá cờ đại được dựng quanh làng làm nổi bật quang cảnh một làng quê vào hội. Cờ đại rộng 9,18 m ^{2} (2,7m x 3,4 m), kể cả giải cờ là 10,70 m^2. Trừ mép trên để xâu cán, còn ba mép cờ và giải cờ đều riềm lưỡi lửa (hỏa diệm). Dưới cán cờ là hoa văn quả trám lá đề, tiếp đến hàng chữ "Thánh cung vạn tuế" ở mặt bên này và tên phe ở mặt bên kia (ví dụ Nam Tam Thôn). Hoa văn và chữ vải viền trên nề cờ 5 mầu thay đổi từ trong ra ngoài. Cờ cũ bằng nỉ, cờ mới bằng lụa ni lông.

Các thuyền trải đều đóng theo một mẫu thiết kế thống nhất. Thuyền hình thoi dài, sơn đen viền sơn. Mặc dù ra đời từ mấy năm trước, dưới con mắt các chuyên gia thạo nghề sông nước ngày nay, chúng vẫn là những con thuyền hoàn hảo về thiết kế chế tạo : đẹp dáng và đạt các chỉ tiêu kỹ thuật.

Thuyền dài 12 m chia 5 khoang. Khoang giữa sâu rộng nhất (mạn cao 40 cm, mặt rộng 120 cm, đáy rộng 90 cm). Thuyền vuốt nhỏ và nông dần về hai phía mũi và lái. Mũi thuyền bằng mạn, rộng 50 cm, dài 55 cm kể cả khớp nối 5 cm, bằng gỗ dổi hoặc sung 4 lớp dán keo, chéo chiều thớ gỗ. Mặt trên mũi thuyền chạm hoa cúc vàng. Đầu mũi thuyền dầy 5 cm bịt sắt hoặc đồng. Mũi thuyền lắp ráp với thuyền bằng hai móc sắt và 1 hoặc 2 thanh giằng chắc chắn, chịu được sức người dẫm đạp và va đập mạnh. Mặt dưới mũi thuyền nổi vượt khỏi mặt nước kể cả khi chịu tải. Đuôi thuyền hẹp nhất, chỉ còn 33 m, hai bờ mạn đuôi thuyền nhô cao, lượn tròn gọi là tai tượng(tai voi). Hai bên tai tượng nổi rõ tên phe (xóm)viết bằng sơn vàng, từ mũi thuyền còn cả thân thuyền cấu tạo bởi 5 tấm ván dày từ 3 đến 4 cm. Tấm ván đáy giữa và hai tấm ván mạn thuyền chạy suốt chiều dài 11,5 m của con thuyền. Cả 5 tấm ván cấu kết chặt chẽ với nhau bằng khớp nối và đinh gỗ ván. Keo sắn chèn chặt các khe hở chống rò rỉ. Sơn nam mài nhẵn bóng, phủ kín cả 2 mặt trong ngoài thuyền, chống thấm tốt. Gỗ vàng tâm nhẹ

và không mối mọt là loại gỗ tốt nhất để đóng thuyền trải nhưng rất hiếm nên có mấy trải đóng bằng gỗ dổi, gỗ găng.

Thuyền trải có một mái lái và 9 mái chèo bằng gỗ gội nếp dẻo và nhẹ, theo thứ tự từ mũi xuống lái là phách nhất, phách nhì, phách ba, mái tư, mái năm, mái sáu, đốc ba, đốc nhì, đốc nhất. Mái lái dài 4,5m, các mái chèo không đồng đều, mái sáu dài nhất phách nhất 2,8 m là mái ngắn nhất. Quai chèo liên kết các mái với các cọc chèo cắm so le hai bờ mạn thuyền. Mạn thuyền bên phải có 5 cọc là cọc phách nhất, phách ba, mái năm, đốc ba, đốc nhất. Mạn thuyền bên trái có cọc lái và bốn cọc chèo còn lại. Mũi thuyền và các mái, quai, cọc chèo lái đều có thể tháo, lắp nhanh chóng dễ dàng. Qua nhiều năm tháng, hầu hết các trải còn đến nay đã qua sửa chữa lớn; thu hẹp lòng thuyền vài cm và bào mỏng ván thuyền vài ba mm. Duy nhất trải phe Bắc Tư còn giữ được kích thước và trọng lượng ban đầu của thuyền.

Với các thông số kỹ thuật trên, con thuyền có nhiều ưu điểm :

- Thuyền có dáng đẹp thon thả mầu sắc hài hòa.
- Thuyền quay trở linh hoạt, bơi nhanh (nhanh hơn ca nô khách), hoạt động an toàn trên sông cái có sóng gió to (trừ khi giông bão). Mấy trải đóng sau và các trải sửa lại nhẹ hơn, bơi nhanh hơn trước trong điều kiện sóng gió nhẹ, nhưng khi gặp sóng gió to, lũ lớn chảy xiết thì các trải nhẹ dễ bị trôi dạt, khó bơi, tiến chậm. Người ta đã thử bỏ đá xuống trải để tăng trọng lượng trải chống lăn nhưng hiệu quả rất hạn chế. Tuy nhiên hội thi bơi trải vào cuối mùa mưa lũ nên ít gặp sóng gió to, chảy xiết. Có người nói thuyền trải Hành Thiện có nhiều tính năng của thuyền chiến khi xưa ?

Thời thịnh nhất, những năm đầu thập kỷ 40 của thế kỷ này, Hành Thiện có 21 thuyền trải của 21 phe thuộc ba giáp.

- Giáp Bắc có 7 phe : Bắc Nhất, Bắc Nhì, Bắc Ba, Bắc Tư, Bắc Ngũ, Bắc Lục, Bắc Thất.
- Giáp Đông có 4 phe : Đông Nhì Cựu, Đông Nhì Tân, Đông Ba, Đông Tư.
- Giáp Nam có 10 phe : Nam Nhất, Nam Nhì Tiền, Nam Nhì Nội, Nam Nhì Trung, Nam Nhì Hữu, Nam Tân Tích (Nam Tân), Nam Ba, Nam Tư, Nam Ngũ Chính, Nam Ngũ Phúc.

"Phi trải bất thành phe", vì không có trải nên phe Đông Nhất tự giải tán. Phe mới ra đời khi có trải mới như phe Đông Nhì Cựu chia thêm phe Đông Nhì Tân, các phe Nam Nhì Trung, Nam Nhì Hữu, Nam Tân tách ra từ phe Nam Nhì Tiền, Nam Nhì Nội. Nam Ngũ Phúc từ phe Nam Ngũ Chính tách ra.

Giáp có ý nghĩa hành chính và tôn giáo nhiều hơn, còn trong hội bơi trải, phe mới là đơn vị đua tài. Nguồn tài chính chủ yếu của phe là hoa lợi ruộng đất. Mỗi phe đều có mấy người ở cỗ trên để lo việc phe; người dưới làm thủ quĩ, kế toán; người dưới nữa làm mãi biện để mua sắm các vật dụng và cuối cùng là thanh niên mới lớn làm giai để làm tạp dịch, lần lượt theo luật chung. Từ bé trai mới sinh đến ông già đều có thể xin vọng phe để làm một suất đinh của phe với một khoản tiền lệ phí nhất định theo qui định riêng của mỗi phe. Quyền lợi và nghĩa vụ đối với làng chia theo suất đinh của mỗi phe. Cộng đồng trong một phe mang tính khu vực địa lý và dòng họ.

langhanhthien.vn

Như trên đã nói, thời thịnh nhất, làng có 21 trải nhưng mất dần do chiến tranh và cũ nát :

- Trải phe Nam Nhì Nội và Nam Tư bị quân Pháp đốt cháy năm 1949.
- Trải Đông Ba cũ nát, làng phá trải lấy gỗ sửa cổng vào sân chùa năm 1960.
- Trải Nam Tân, Nam Nhì Tiền cũ nát, làng phá trải lấy gỗ sửa các trải khác năm 1982. Trải Nam Ngũ Chính theo con đường của hai trải trên ra đi năm 1991.

Hiện làng còn 15 trải chia cho các xóm :

- Xóm Một nhận trải phe Đông Nhì Cựu
- Xóm Hai nhận trải phe Bắc Nhì
- Xóm Ba nhận trải phe Bắc Nhất
- Xóm Bốn nhận trải phe Bắc Ngũ
- Xóm Năm nhận trải phe Nam Ngũ Phúc
- Xóm Sáu nhận trải phe Bắc Tư
- Xóm Bẩy nhận trải phe Nam Ba
- Xóm Tám nhận trải phe Bắc Lục
- Xóm Chín nhận trải phe Nam Nhì Trung
- Xóm Mười nhận trải phe Nam Nhì Hữu
- Xóm Mười Một nhận trải phe Bắc Nhất
- Xóm Mười Hai và xóm Mười Ba nhận trải phe Bắc Ba
- Xóm Chùa Ngoài nhận trải phe Đông Nhì Tân
- Xóm Chùa Trong nhận trải phe Nam Nhất
- Xóm Nội Khu nhận trải phe Đông Tư

Đội thuyền 10 người, ông lái và 9 chân chèo. Những người thạo nghề sông nước trong phe (xóm) bình chọn người cầm lái, thường ở tuổi trên ba mươi, tứ, ngũ tuần và đã từng là chân chèo qua nhiều mùa bơi giải. Ông lái tuyển chọn chân chèo và bố trí đội hình. Đa số chân chèo ở lứa tuổi từ 20 đến 30. Rất ít người dưới 20 tuổi, họ khỏe nhưng không đủ sức dẻo dai trong cả cuộc đua ba bốn giờ liền; mặt khác mỗi năm chỉ hạ trải khoảng một tuần nên cũng phải dăm ba năm tập tành, các chàng trai trẻ mới quen, không bị phồng rộp lòng bàn tay và ổn định vị trí trong đội hình chung. Ngoài sức khỏe là tiêu chuẩn chung, chân chèo còn phải đáp ứng các yêu cầu khác tùy chỗ đứng của họ. Anh phách nhất phải thấp dưới 1,6 m , người đứng mái sáu (lòng nước) phải cao trên 1,7 m, những người khác cao từ 1,6 m đến 1,7 m tùy chỗ đứng của họ. Mỗi người phải thạo việc của mình và phối hợp đều nhịp với đồng đội. Trang phục của đội thuyền rất đơn giản : cả đội thuyền quấn đầu bằng khăn đỏ hoặc khăn vàng (đồng nhất với mỗi đội thuyền), ông lái mặc áo quần dài, thắt lưng bỏ mối một bên; chân cheò mặc áo may ô quần cộc.

Nội dung lễ hội rất phong phú : Phụng nghinh, bơi trải, cùng nhiều hoạt động lễ hội, văn hóa, thể thao và vui chơi khác diễn ra đồng thời và đan xen nhau tưng bừng, cuốn hút mọi người trong cả kỳ lễ hội, cả ngày và đêm.

PHỤNG NGHINH : Rước kiệu vào sáng 12 và sáng 15.

Xưa kia phụng nghinh quanh làng. Từ chùa đoàn diễu hành xuất qua cổng Đông, theo lối sau đường làng đến miếu chợ dừng lại (hoặc vòng ra lối trước tới đình mới dừng). Sau cuộc bơi giải, phụng nghinh tiếp từ miếu chợ hoặc từ đình lên chùa nhập cổng Tây, diễu quanh hồ. Đầu các xóm, lối trước và lối sau đều bầy hương án nghi ngút trầm hương và hoa tươi thơm ngát để bái vọng đức Thánh khi phụng nghinh trên đường làng, trải dưới sông bơi theo. Khi diễu hành quanh hồ, thuyền Cò Cốc dưới hồ bơi theo. Thuyền cốc dài 8,0 m, bụng rộng nhất 72 cm dưới

đáy và 92 cm trên mặt, bằng gỗ vàng tâm dầy 3 cm đến 4 cm, sơn đen viền son mài bóng. Mũi và đuôi thuyền vươn cao như cổ cò cốc, chạm khắc tinh xảo, sơn son thiếp vàng. Đội thuyền gồm 10 thiếu niên, một em lái, một em ngồi giữa gõ mõ phất cờ và hò giữ nhịp, tám em khác cầm bơi chèo (dài 1,1 m) ngồi bốn hàng đôi trên các thang chia khoang.

Nay hành trình phụng nghinh rút ngắn nhiều, thường là vài ba vòng quanh đường ngang và quanh hồ trước gác chuông. Tuy nhiên, ít thay đổi về nội dung và trình tự diễu hành :

- Cờ lệnh mở đầu đoàn phụng nghinh
- Cờ ngũ hành 5 lá thêu Kim , Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ (kim khí, gỗ, nước, lửa, đất). Người xưa cho đó là 5 nhân tố cơ bản của vạn vật trong vũ trụ.
- Phù kiều : Tấm vải tượng trưng cầu Phật độ cứu giúp chúng sinh thoát khỏi bể khổ trầm luân. Tùy số lượng các già (các bà quá tuổi sinh nở) căng cầu mà cầu có một hoặc hai, ba nhịp. Mỗi nhịp dài khoảng 10 m đến 15 m, rộng 60 cm, nền vải in hoa sen đỏ, nẹp xanh. Các già mặc quần áo dài nâu cầm cành phan căng hai bên cầu, vừa đi vừa lần tràng hạt, đọc kinh Phật. Chốc chốc tiếng tù và (bằng sừng trâu sơn đen viền son) lại rúc lên từng hồi u buồn hú gọi các linh hồn lầm lạc.
- Âm nhạc : Hòa tấu trống cái với phường ngũ lôi (trống con 2 đôi và nạo bạt).
- Thuyền rồng : Một tác phẩm mỹ thuật tinh xảo do nghệ nhân Hành Thiện sáng tạo. Trên thuyền treo túi gấm, gậy trúc, nón tu lờ, các vật gắn liền với truyền thuyết về đức tài của đức Thánh tổ.
- Cờ tam giác : Ba lá cờ tiểu của ba giáp (Bắc , Đông, Nam). Nay không còn giáp nhưng cờ giáp vẫn hiện diện trong đoàn phụng nghinh như các chứng vật lịch sử về tổ chức hội bơi trải Hành Thiện.
- Dùi đồng phủ việt : Bốn thứ khí giới bằng gỗ sơn son thếp vàng : đôi đao, đôi roi, đôi trùy, đôi búa.
- Hương án : Rước bát hương bách thần, thuyền bát nhã, đỉnh trầm, bình hoa.
- Bát bửu : Tấm biển gỗ hình mẫu bút, nghiên, ống giấy ... sơn son thiếp vàng biểu tượng văn khoa.
- Âm nhạc : Hòa tấu phường Già Lam gồm trống cơm, kèn tàu, hồ, nhị, níu, đàn tứ, đàn nguyệt.
- Cờ tầu chùa Phật : Một đôi thêu chữ Hán

Hành Thiện xã hội

Hành Thiện Phật giáo

- Long đình : Rước bát hương thờ Phật, đỉnh trầm, bình hoa.
- Cờ tứ linh : Bốn lá thêu long, ly, quy, phượng (Rồng, lân, rùa, phượng hoàng).
- Hộp đựng triều phục vua ban cho đức Thánh Tổ : Bốn hộp gỗ sơn son thiếp vàng đựng : Mũ, áo, đai, hài.
- Kiệu sắc : Rước chỉ sắc vua ban đức Thánh Tổ là quốc sư. Chùa Hành Thiện còn lưu giữa nhiều sắc. Nội dung các sắc chỉ nói về công đức Quốc sư đại để :

Thượng phù quốc tộ

Hạ hộ dân an

(Lược ý : Trên phò nước thịnh

langhanhthien.vn

Dưới giúp dân yên)

- Lọng vàng : Một đôi thêu long, ly, quy, phượng tua vàng kim tuyến.

- Tán đỏ : Một đôi thêu long, ly, quy, phượng tua vàng kim tuyến.

- Biển gỗ : Một đôi sơn son thiếp vàng, chữ đen chạm nổi :

Hồi tỵ : (tránh ra, không tiếp)

Túc tĩnh : (Nghiêm túc, yên tĩnh)

(Lược ý : Nhường đường, mở lối

Cung kính, trật tự)

Đây là hai biển mở đường trước kiệu chính.

- Biển gỗ : Một đôi sơn son thép vàng, chữ đen chạm nổi :

Giao hương hiển Thánh

Lý triều quốc sư

(Lược ý:Làng Giao hiển Thánh

Triều Lý có quốc sư)

- Kiếm vàng một đôi bằng gỗ thếp vàng.

- Âm nhạc : Hòa tấu phường bát âm gồm trống bát, tiu cảnh, sáo trúc, ống quyển, hồ, nhị, đàn tứ, đàn nguyệt.

- Cờ tầu chùa Thánh : Một đôi thêu chữ :

Tử vân ấm vạn gia

Ngâm kệ truyền thiên cổ.

(Lược ý : Mây làng ấm vạn nhà

Kể kệ ngàn năm trước)

- Cờ đệ nhất tối linh thêu chữ :

Thánh cung vạn tuế

(Lược ý : Cung thỉnh đức Thánh vạn năm)

- Quạt ngà : một đôi, lan quạt bằng ngà voi, bọc lụa thêu rồng.

- Âm nhạc : Hòa tấu trống cái với phường ngũ lôi.

- Kiệu chính : Rước bài vị Thánh đội mũ khoác áo vua ban, đỉnh trầm, bình hoa.

- Quạt vả : một đôi hình mai rùa bọc lụa hồng thêu hoa lá, tua vàng kim tuyến che hai bên kiệu chính.

- Cờ hội chủ : Ông chủ hội đi theo cờ hoặc không

- Cờ tầu chùa Thánh : Một đôi thêu chữ :

Lý thủy đằng không,

Hô phong hoán vũ.

(Lược ý : Đi trên nước, bay trên không,

Hô ra gió, gọi ra mưa)

- Quạt ngà : Một đôi

- Âm nhạc : Hòa tấu phường bát âm

- Kiệu hờ : Rước bài vị hờ, đỉnh trầm, bình hoa.

- Cờ tiểu các phe. Nay thường bỏ không rước vì không có phe.

- Một số bô lão, chức sắc trong làng và một số ông lái đi cuối đoàn.

- Hai người chấp hiệu và truyền thanh đi lại cơ động từ đầu đến cuối đoàn

Những người phục vụ phụng nghinh (không kể các già giải phù kiều và nhóm người đi cuối đoàn) gọi chung là phù giá, có trang phục đẹp: khăn mầu sáng quấn đầu, áo nẹp bằng nỉ đỏ thêu rồng vàng nẹp xanh khoác ngoài áo quần trắng, thắt lưng vàng hoặc đỏ, xà cạp đỏ hoặc nâu, giầy vải. Xưa kia làng kén phù giá rất khó :trai tơ mới được khiêng kiệu chính; các vị hương chức và hào, nhiêu, xã (mua bằng tiền) mới được vác cờ lệnh, cờ đệ nhất tối linh và bê triều phục; văn sinh nhất, nhị trường vác các cờ, biển khác và bát bửu; võ sinh tú tài vác dùi đồng phủ việt. Nay bỏ qua yêu cầu trai tơ và các học hàm, học vị, chỉ cần tương đối đồng đều về chiều cao để khiêng kiệu. Đoàn phụng nghinh

bao gồm cả phù giá phụ để thay phiên nhau, trước kia khoảng gần 500 người, nay khoảng gần 300 người vì hành trình phụng nghinh rút ngắn, chỉ cần ít phù giá dự bị và ít người đi trong nhóm cuối đoàn.

Đoàn phụng nghinh dài nhưng sinh động từ đầu đến cuối với nhiều thể loại tham gia diễu hành, đa dạng về kiểu dáng, họa tiết, rực rỡ mầu sắc, phong phú về âm nhạc và rất độc đáo là kiệu bay. Trong hành tiến, kiệu luôn ngả nghiêng, lùi, tiến, nhanh, chậm thất thường ngoài ý muốn của người khiêng kiệu. Người xưa tin vào phép mầu nhiệm thần linh. Nay nhiều người nói do kết cấu bộ đòn khiêng, kiệu luôn ở thế cân bằng không bền. Ngoài kiệu chính, kiệu hờ, kiệu sắc, còn thuyền rồng, long đình hương án cũng là kiệu: trong đó thuyền rồng bay mạnh và đẹp nhất, kiệu sắc, kiệu chính không bay các kiệu khác bay ít.

- Bơi Trải : Đua thuyền trải vào chiều 12 và chiều 15.

Hội bơi trải mang ý nghĩa kỷ niệm nghề chài lưới thời niên thiếu của đức Thánh Tổ, tiết mục hấp dẫn nhất của lễ hội Hành Thiện, môn thể thao độc đáo có một không hai. Trải bơi đứng (người cầm chèo ở tư thế đứng) trên sông lớn với tốc độ cao hơn hẳn trải bơi ngồi ở các nơi khác. Trước khi vào cuộc đua, ông chủ hội đọc bài truyền về kỷ luật và thể lệ cuộc đua, với lời khích lệ các trải đi nhanh về đủ. Kỷ luật nhằm bảo đảm an toàn cuộc đua và đoàn kết họ tộc, xóm làng, rất ít thay đổi từ xưa tới nay:

- Không vượt nhau trong sông con

- Không bơi mạn trước mũi thuyền bạn

- Không cài mái chèn nhau khi cản, vượt nhau.

- Không mượn người ngoài phe (xóm) xuống trải.

- Không thay người trong cả cuộc đua (luật mới cho mỗi trải thay 2 người).

- Trải bỏ cuộc phải vào sông con sau các trải khác.

Thể lệ cuộc đua gồm tuyến xuất phát, lệnh xuất phát, đường đua, phao, về đích, giải thưởng... Tuyến xuất phát là hàng cây nêu để neo buộc trải, cắm ở mép nước theo hàng dọc cách nhau khoảng hơn tầm thuyền trên đoạn sông con từ chùa tới đình làng. Nêu là cây tre tươi còn cả ngọn lá xanh. Trước kia các giáp thay nhau đậu trước mỗi năm. Trong mỗi giáp, phe ra đời trước luôn đậu trước (ví dụ phe Bắc Nhì luôn đậu sau Bắc Nhất và trước Bắc Ba). Nay các xóm bốc thăm để lấy số nêu cho mỗi cuộc đua, theo thể thức 2 vòng: trước bốc thăm để lấy số thứ tự vào vòng hai, sau bốc thăm để lấy số nêu (có năm chỉ bốc thăm theo thể thức một vòng). Lệ mới công bằng hơn lệ cũ nhưng ẩn chứa sự may rủi vì các trải đậu trước luôn lợi thế hơn hẳn các trải đậu sau. Số nêu viết trên bảng treo ở gốc nêu và in trên lá cờ nhỏ cắm ở đuôi trải. Người xem trông cờ biết trải đó tiến hay lui trong cuộc đua. Lệnh xuất phát là tiếng ống lệnh nổ to sau ba hồi ba tiếng trống cái. Đường đua khoảng 30 km đến 40 km, từ sông con lối trước qua cống Bùi ra sông cái, quanh mấy vòng ở vùng cửa sông Ninh Cơ rồi quay về theo đường cũ khi đã trình diện ở

langhanhthien.vn

phao Nhà Bè. Phao là các điểm bắt buộc các trải phải qua trên đường đua. Ở đó có cây tre cắm ngả ngọn ra sông treo lủng lẳng túm lá hoặc các giải lụa mầu. Trải đi ngoài mà không đụng vào túm lá là trượt phao, sẽ không có giải dù có về đích trước. Từ phao Dũng Trí qua các phao Nhà Bè (Mom Rô), Gò Sáu, An Lãng, trở lại phao Dũng Trí là một vòng bé khoảng 6 km. Vòng đua to khoảng 7 km thêm phao Dũng Nghĩa ở bờ tả sông Hồng thuộc đất Thái Bình. Khi vận hành, các chân chèo đứng thành hai hàng ở tư thế ngả người về trước, chân sau duỗi, chân trước co gối làm trụ. Khi bổ mái chèo, nửa thân trên càng ngả về trước, và ngược lại khi nâng mái... Đầu đỏ đầu vàng nhấp nhô như rồng lượn, các mái chèo chụm vào, xòe ra đều đặn như cánh chim bay thật đẹp mắt. Có hai cách chèo: chèo nhịp đôi bổ mái nông kèm mái sâu (mái thật mái giả) kèm cái dậm chân và tiếng hô giữ nhịp "dô huầy, dô khoan" nên còn gọi chèo nhịp hò khoan; cách khác là chèo nhịp đơn, bổ mái mau và sâu, không dậm chân, không hò. Cách chèo trước giữ sức dẻo dai, cách sau đẩy trải tiến nhanh hơn nhưng chân chèo mau xuống sức, chỉ dùng trong thời gian ngắn khi cần tăng tốc để đuổi, vượt nhau. Đội thuyền thắng cuộc chưa hẳn là đội khỏe mà còn phải phối hợp đồng đều, trong đó ông lái đóng vai trò quan trọng nhất. Ông quyết định cách chèo, chọn luồng lạch và các vấn đề khác. Người Hành Thiện còn truyền tụng các ông lái giỏi, lợi dụng tối đa và hạn chế tối thiểu sức gió và sức nước khi xuôi, khi ngược, bám được đuôi trải trước, ủ trải mình trong dòng bơi của trải trước để nhàn sức quân mình mà nhọc sức quân họ, lừa miếng vượt lên. Các pha vượt nhau đẹp mắt, nhất là vượt đúp hai ba trải khi vào phao Nhà Bè, được nhắc lại mãi một cách hào hứng. Nhà Bè là phao hiểm, nước vật và phải quay trở gấp khúc, quay ngược vòng. Tay lái cứng đi nước ngòai, bắt đầu quay trải trước phao khoảng hơn tầm thuyền, chống ngược mái lái gạt chùm lá ngọn phao, vượt các trải khác trong tiếng reo hò cuồng nhiệt của người xem thường tập trung ở đây đông hơn các nơi khác. Các trải tụt hậu do tay lái non điều hành, hoặc trượt phao vì đi nước ngòai, hoặc đi nước trong, bị nước vật ép vào bờ, tay chèo rối loạn, mất đà chững lại.

Khi về đích bắt giải, trải phải đâm vào gốc nêu theo số thứ tự ngược lúc xuất phát. Xuất phát từ nêu đầu sẽ đâm nêu cuối và ngược lại.... Vì thế trên đường về, trong sông con, trải đi sau có thể đâm nêu sớm hơn trải đi trước, gọi là bắt đè. Ban tổ chức đứng trên chòi cao có thể quan sát toàn tuyến nêu, điểm một tiếng cồng khi có trải đâm nêu. Người ta tranh cướp lá ngọn tre của các cây nêu được giải cao, bất chấp lấm bẩn quần áo hoặc có thể ngã xuống sông. Cuộc vui chung của đội thuyền với các cổ động viên bùng nổ ồn ào ngay khi trải đâm nêu, ngay tại gốc nêu. Nhiều chân chèo để nguyên khăn áo nhảy ào xuống nước. Rượu, bánh hoa quả và tiền mừng thưởng dồn dập xuống thuyền. Ông lái và anh em chân chèo đồng thanh hô "Ha" thay lời cám ơn mỗi

khi nhận quà. Sau đó, các đội thuyền được giải làng, lên chùa dự lễ giải và nhận giải thưởng. Lễ giải rất trang trọng, mang tính thể thao hơn là mầu sắc tôn giáo. Giải làng là bánh giầy, cổ vũ tinh thần là chính. "Trai xuống trải, gái quay tơ". Được xuống trải, lại được giải làng là niềm tự hào lớn lao của trai Hành Thiện. Trước kia, làng chỉ lấy 3 hoặc 5 giải chính, gọi là giải trong cồng, và mấy giải lèo cho trải về cuối, về thứ mười, thứ mười lăm gọi là giải ngoài cồng; cờ Tam Khôi thưởng cho phe nhất 3 năm liền. Các phe Bắc Tư và Nam Tân được cờ Tam Khôi mấy lần. Nay các trải về tới đích đều có giải làng, giải đặc biệt cho trải về thứ mười hai (bằng giải thứ sáu) và giải lèo bằng nhau cho các trải về sau nữa. Như vậy nay làng tặng nhiều giải hơn trước, nhưng không còn cờ Tam Khôi hoặc hình thức nào khác để ghi nhận thành tích của các xóm nhất nhiều năm liền như xóm 4, nhất 5 năm liền, từ năm 1984 đến năm 1988.

- **Phục triều y** Khoác triều phục trên bài vị đức Thánh vào sáng 13.

Chùa không có sư nên việc phụng Thánh do mấy vị thầy chùa đảm nhiệm. Mạng che mặt chỉ để hở đôi mắt, dưới ánh sáng mấy ngọn nến trong tay các tiểu đồng, các vị lặng lẽ làm việc nghiêm trang, thành kính.

- **Dựng phướn** vào chiều 13 (hoặc trồng cột từ ngày khai hội nhưng đến chiều 13 mới kéo lá phướn)

Cột phướn xưa là cây gỗ mỡ cao 14 m, đường kính gốc 36cm, dựng trên trụ đá xây trước hồ bán nguyệt. Một hình mẫu quả đen bằng gỗ mỏng có thể quay quanh trụ đứng, gắn trên đầu cột. Lưng quạ cõng chong chóng bằng giấy phất cậy hướng về phía đầu quạ. Chong chóng luôn quay tít và đuôi quạ dựng đứng hình bánh lái thuyền cùng chỉnh hướng bay của quạ luôn ngược chiều gió. Dưới quạ là hình mẫu lưỡng long chầu nguyệt kết bằng lá cọ hoặc lá dừa, tiếp xuống là tay đòn có ròng rọc để kéo lá phướn, một giải lụa dài từ 8m đến 10m, rộng từ 30cm đến 50cm mầu hồng hoặc đào, nẹp vàng hoặc xanh. Dưới nữa, ở lưng chừng cột treo lá cờ đại của làng. Cột phướn mới bây giờ là cây bạch đàn cao 12m, bé bằng nửa cột cũ, cột yếu nên thường không treo cờ đại, bỏ chong chóng và có khi bỏ cả rồng chầu mặt trăng.

Người Hành Thiện còn lưu truyền huyền thoại về sự tích cây một câu chuyện ngụ ngôn hấp dẫn đầy tính nhân văn. Qua đó Phật đạo đại từ đại bi có sức mạnh cảm hóa vô biên, răn dạy chúng sinh cải tà quy chính.

- **Rước đèn** giành cho trẻ em vào tối 13.

Trống dục từ chiều tối , trẻ em náo nức đến đình làng hội đèn. Hàng trăm đèn lồng đủ các kiểu loại với nhiều mầu sắc sặc sỡ và hoa văn trang trí ngộ nghĩnh. Khoảng 20 giờ, đoàn rước đèn bắt đầu cuộc diễu hành lên chùa trong tiếng vui rộn ràng. Khi diễu quanh hồ trước gác chuông, cả đám rước như chiếc đèn kéo quân khổng lồ với hai vòng quân trên bờ và dưới nước lung linh ánh sáng nhiều mầu rất ngoạn mục.

langhanhthien.vn

...nh đản: Lễ sinh nhật đức Thánh ...ăm 14. Trong tòa Thiên Hương (cung giữa), trước bái vị Thánh là bình hoa, đỉnh trầm, hoa quả tươi, trà sen và nhiều vật phẩm mỹ nghệ nhỏ xinh bằng bạc trạm trổ tinh xảo. Các thầy chùa mặc áo cà sa hát Thánh ca bằng lời cổ, nhạc đệm giai điệu chầu văn, phách cầm nhịp và tiếng chuông nhỏ ngắt câu chia đoạn. Trong tòa Giá Roi (cung ngoài), hội các già lần tràng hạt chầu kệ theo tiếng mõ đều đều giữ nhịp Thánh đản kéo dài 2 giờ (khoảng giờ Tý) ở cả hai tòa.

Múa rối, chèo cạn và lễ tiễn đàn vào ngày 16.

Múa rối: Nhóm con rối gồm cô tiên và sáu đầu rối. Cô tiên xinh xinh búi tóc đuôi gà, yếm thắm, áo tứ thân, thắt lưng xanh hoa lý và váy lĩnh đen. Vẻ mặt các đầu rối thể hiện các trạng thái tình cảm khác nhau của con người: cười, khóc, sướng, khổ, bi, hài. Ca nhạc đệm ở hậu trường các giai điệu xẩm, trống quân. Nội dung bài hát ca ngợi đất nước thanh bình và kể sự tích múa rối, cô thôn nữ nhân hậu được tôn vinh làm tiên nữ.

Chèo cạn là điệu múa dân gian. Mười thiếu niên đứng thành hai hàng so le nhau, múa ước lệ điệu bơi trải. Ba mái phách là roi chầu, ba mi giữa là bơi chéo, ba mái đốc là đao, mái lái là long đao cán dài. Âm nhạc đệm các giai điệu chầu văn, ca trù.

- *Lễ tiễn đàn*: Lễ cầu siêu cho các linh hồn lầm lạc, oan khốc được siêu thoát. Phúc thí cháo gạo, áo quần cho các linh hồn cô quả, lang thang không nơi nương tựa. Âm nhạc đệm các giai điệu chầu văn ai oán.

Ngoài các hoạt động định nhật như trên, còn có nhiều hoạt động văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí như cờ tướng, tổ tôm điếm, cầu đu, bắt vịt. đấu vật, múa roi, chọi gà, bế trái...Mấy năm gần đây có đua xe đạp chậm. Có năm đội múa rồng ở các địa phương khác cũng đến góp vui.

Hàng năm lễ hội Hành Thiện thu hút hàng vạn lượt khách thập phương trong và ngoài nước bởi các đặc điểm riêng hấp dẫn và lành mạnh; Trải bơi đứng độc đáo có một không hai. Kiệu bay là một sáng tạo lãng mạn. Cờ biển đa dạng, nhiều màu sắc không chỉ đẹp mà còn mang nội dung triết học và tôn giáo. Múa rối vui chơi mà chứa ẩn triết lý cuộc đời con người trần tục. Cây phướn cao với giải lụa phất phới đào vui mắt, vẫy gọi khách phương xa và là biểu tượng sức mạnh cảm hóa của Phật đạo. Chèo cạn và bánh giầy cũng là các đặc trưng riêng của lễ hội Hành Thiện. Sau lễ hội, bánh giày đến với người Hành Thiện ở khắp nơi trong nước và có khi ra cả nước ngoài, mang theo nghĩa tình sâu nặng của cố hương. Nhiều chuyện ngụ ngôn và truyền thuyết có tính nhân văn và giá trị văn học, điểm xuyết cho bức tranh lễ hội vốn đã đẹp càng thêm sinh động. Lễ hội chùa Thần Quang Hành Thiện đã trải qua hơn bốn thế kỷ với bao thăng trầm, chắc chắn sẽ còn tồn tại mãi mãi với di tích lịch sử, văn hóa chùa Thần Quang, với truyền thống văn hiến và cách mạng của làng Hành Thiện, ngày càng tiến bộ theo hướng chân, thiện, mỹ, không xa rời bản sắc dân tộc Việt Nam và mỹ tục Hành Thiện.

Đ.Q.H

langhanhthien.vn

BÀI VÈ KỂ CHUYỆN LỄ HỘI CHÙA THẦN QUANG

(LÀNG HÀNH THIỆN, HUYỆN XUÂN THỦY, TỈNH NAM HÀ)

ĐỖ QUANG HUYÊN

Sưu tầm và chỉnh lý

Chúc mừng thiên tải vạn niên,
Thanh nhàn kể chuyện thánh tiên hội hè:
Thu thi tháng chín đã kề,
Xóm làng khấp khởi, các phe reo hò.
Mồng ba, mồng bốn hẹn hò,
Rủ nhau lên giếng kính cho lòng thành.
Lọc đi lọc lại trong xanh,
Nếp thì nhặt hết tinh thanh mọi bề
Bánh giày giá ruộng các phe,
Tính cho đủ hết mọi bề mới sang.
Sửa sang đường sá phong quang,
Xa xôi buôn bán về làng hội Ông.
Phướn cao mặt nguyệt đầu rồng,
Ô đen ngậm giải lụa hồng phất phơ,
Chọn ngày hạ thủy, dựng cờ,
Gieo quẻ xin Thánh chọn giờ mở sông.
Ngân vang chín tiếng chuông đồng
Hai mốt chiếc trải đồng lòng hò reo.
Ngày ngày cố sức tập chèo,
Bảo nhau cố sức mà theo giải làng.
Chủ hương chọn những quan sang,
Cụ nào thanh khiết thì dân mới dùng.
Mười hai nghe hiệu trống tùng,
Kén giai phù giá hội cùng phụng nghinh.
Rước lư hương xuống tận đình,
Rợp đường cờ kéo tùng dinh nhạc thiều .
Các dong bày lễ bái triều,
Cầu xin lân nội được điều tiêu tai.
Lắng tai nghe tiếng truyền bài,
Thành tâm phụng thánh ai hoài ngại chi.
Rồng mây gặp hội có khi,
Tranh khôi chiếm bảng tới kỳ vinh hoa?
Lễ rồi xin thẻ lui ra,
Theo hầu kiệu thánh nguy nga hương trầm.
Phụng nghinh thánh giá hoàn cung.
Mười ba trống dục lung bung rước đèn.
Mười tư chầu kệ thánh hiền,
Cờ người đấu trí liên miên ba ngày
Mười rằm mới thật vui thay,
Rợp đường cờ kéo gió bay phật phờ.
Nguy nga kiệu chính kiệu hờ,
Kiệu bay nghiêng ngả lên trời xuống âm.
Người người vái lạy thành tâm,
Cầu xin phúc lộc, bách niên hoàn đồng
Lại thềm nhang án, thuyền rồng,
Long đình, tàn lọng, trống thùng nhạc công.
Phụng nghinh thánh giá xuất Đông,
Đi qua ba miếu, rẽ vòng đường ngang.
Ngọn cờ tỏ điệu Tây sang,
Phụng nghinh thánh giá, tam quan ngự tiền.
Chuông ngân, trống dóng, khánh rền,
Bài truyền vào cuộc bơi thuyền thánh tiên.
Trong hồ thuyền cốc dô khoan,
Ngoài sông thuyền trải chờ toan dô hò.
Cờ phất, ống lệnh nổ to,
Mặt sông rộn tiếng dô hò,dô khoan.
Nhấp nhô khăn đỏ, khăn vàng,
Nhịp nhàng mái đẩy diễu hành quanh quanh.
Ra ngoài sông cái bơi nhanh,
Mấy vòng xuôi ngược đua tranh sức tài.
Đường dài đấu sức dẻo dai,
Cậy mũi, bẻ lái qua phao kíp giờ.
Gò Sáu, Dũng Trí, Mom Rô,
Bổ xuôi bắt giải, phất cờ giáp phe.
Đi sau, giải trước bắt đè,
Cồng vang, pháo nổ, hả hê reo "hà".
Thưởng mừng chèo lái phe ta,
Rồi ra khăn áo hề ha lên chùa.
Giải làng, lộc thánh, ơn vua,
Rước về khao thưởng cũng vừa canh ba.
Chuyện vui trong xóm, ngoài nhà,
Mai ngày mãn hội, còn là râm ran.
Hẹn người tháng Chín sang năm.

Đ.Q.H

HÀNH THIỆN, MỘT THỜI VÀNG SON .

ĐẶNG ĐỨC AN.

Thời xưa, làng Hành Thiện nổi tiếng là một làng văn hiến. Câu ngạn ngữ "đông Cổ Am, nam Hành Thiện" biểu dương làng ta là một làng có nhiều người khoa bảng nhất ở miền Nam (tức là Sơn Nam, sau đổi là Nam Định) .

Theo bảng *Khoa lục* đăng trong *Hành Thiện xã chí* (Hành Thiện tương tế hội Gia Định ấn hành, 1974), thì người có khoa bảng đầu tiên của làng Hành Thiện là *Nguyễn Thiện Sĩ*, đậu tứ trường (cử nhân) đời Lê Cung Hoàng, niên hiệu Thống Nguyên nguyên niên (1552). Từ đó cho đến khi kết thúc các khóa thi Hán học, làng ta có 7 vị đỗ đại khoa (3 tiến sĩ, 4 phó bảng), 97 vị đỗ cử nhân (có lúc gọi là hương cống hay tứ trường) và 248 vị đỗ tú tài (có lúc gọi là sinh đồ, tam trường, hạ khóa sinh) (số lần đỗ tú tài là 411). (1) Đặc biệt đến đời Nguyễn, làng ta mới thực sự "phát khoa" mạnh. Nhà Nguyễn tổ chức 48 khoa thi hương (riêng trường thi Sơn Nam, sau đổi là Nam Định có 42 khoa thi hương) và 39 khoa thi hội, thi đình ở kinh đô Huế, thì làng ta có 233 vị đỗ từ tú tài đến tiến sĩ (3 tiến sĩ, 4 phó bảng, 81 cử nhân, 145 tú tài) , nhưng nếu tính số lần thi đỗ là 404 (7 đại khoa, 88 cử nhân, 309 tú tài). Trong tất cả 42 khoa thi hương tổ chức ở Nam Định (hay Sơn Nam) dưới đời Nguyễn, khoa thi nào cũng có người Hành Thiện (trước đó gọi là Hành Cung) đỗ cử nhân hoặc tú tài.

Làng ta có nhiều người đỗ cử nhân thứ nhất (giải nguyên hay thủ khoa, cử nhân thứ hai (á nguyên) tại nhiều khoa thi hương ở trường thi Nam Định. Đỗ giải nguyên (thủ khoa) có *Nguyễn Hữu Lợi* (khoa Nhâm Tí-1852), *Đặng Vũ Thực* (khoa Mậu Dần-1878), *Nguyễn Âu Chuyên* (khoa Kỉ Mão-1879), *Đặng Văn Nhã* (khoa Đinh Dậu-1897). Đỗ á nguyên có *Đặng Ngọc Toản* (Khoa Mậu Thìn-1868) *Phạm Ngọc Chất* (khoa Giáp Tuất-1874), *Đặng Văn Nguyện* (khoa Kỉ Mão-1879), *Đặng Văn Cao* (khoa Ất Mão-1915). Đặc biệt khoa thi hương năm Kỉ Mão tại trường Nam Định, ba người đỗ đầu cử nhân đều là người Hành Thiện, đó là giải nguyên *Nguyễn Âu Chuyên*, á nguyên *Đặng Văn Nguyện* và cử nhân thứ ba *Nguyễn Lí Thản*. Hoặc hai khoa thi hương liền nhau, người Hành Thiện đều đỗ giải nguyên, đó là *Đặng Vũ Thực*, khoa Mậu Dần (1878) và *Nguyễn Âu Chuyên* (khoa Kỉ Mão) (1879).

Bảy vị đỗ đại khoa của Hành Thiện là: *Đặng Kim Toán* hay *Đặng Toán* (phó bảng khoa Mậu Thân-1848), *Đặng Đức Địch* (phó bảng khoa Kỉ Dậu-1849), *Đặng Xuân Bảng* (tiến sĩ đệ tam giáp khoa Bính Thìn-1856), *Nguyễn Âu Chuyên* (phó bảng khoa Giáp Thân- 1884), *Nguyễn Ngọc Liên*, *Đặng Hữu Dương* (cùng đỗ tiến sĩ đệ tam giáp khoa Kỉ Sửu-1889) và *Phạm Đình Sắc* (tức Ngọc Đoan) (phó bảng khoa Tân Sửu -1901).

langhanhthien.vn

Về quan chức, làng ta có 17 vị đường quan (quan lại ở triều đình trung ương và đứng đầu các tỉnh, phẩm cấp từ chánh nhất phẩm đến chánh ngũ phẩm), đó là *Đặng Đức Địch*, thượng thư bộ Lễ, *Nguyễn Xuân Phiêu*, thượng thư bộ Công, *Đặng Kim Toán* hay *Đặng Toán*, tổng đốc, *Đặng Đức Cường*, tổng đốc, *Đặng Xuân Bảng*, tuần phủ, *Nguyễn Xuân Huyền*, thị lang bộ Công, *Nguyễn Tất Tố*, bố chánh, *Nguyễn Xuân Thùy*, bố chánh, *Nguyễn Âu Chuyên*, bố chánh, *Nguyễn Hữu Lợi*, án sát, *Đặng Hữu Dương*, án sát, *Nguyễn Duy Khiêm*, tức *Tiên*, án sát, *Nguyễn Xuân Tháp*, đốc học, *Đặng Thời Tiến*, đốc họ. 66 vị thuộc quan (quan lại ở các phủ huyện và thuộc quan ở các bộ, phẩm cấp từ tòng ngũ phẩm đến chánh bát phẩm), trong đó có một lang trung bộ Hộ, *(Đinh Nguyên Tôn)*, một chủ sự bộ Hộ *(Nguyễn Trọng Trù*, tức *Chu)*, 1 câu kê *(Nguyễn Lã Đạt)*, 3 giảng dụ *(Nguyễn Thiện Sĩ, Nguyễn Đôn Nhã, Đặng Minh Dương)*, 11 tri phủ *(Nguyễn Đức Huy, Đặng Huy Trạch, Nguyễn Bá Nghi, Nguyễn Quốc Trịnh, Nguyễn Thế Tự, Đặng Hữu Đức, Phạm Ngọc Chất, Nguyễn Ngọc Liên, Đặng Đức Nhu, Đặng Văn Nhã, Đặng Vũ Trợ* tức *Hưu)*, 1 đồng tri phủ *(Đặng Cao Chi)*, 22 tri huyện *(Đặng Bá Khanh, Đinh Nguyên Liên, Nguyễn Bá Toàn, Đặng Kim Quy, Đặng Duy Thanh, Đặng Đức Chính, Nguyễn Đăng Khoa, Đặng Huy Thanh, Nguyễn Ngọc Quỳnh, Nguyễn Đăng Kiều, Đặng Vũ Uyển, Nguyễn Đôn Thi, Đặng Văn Tường, Nguyễn Xuân Thống, Đặng Ngọc Kiểm, Đặng Hữu Nữu, Nguyễn Bích Đào, Nguyễn Xuân Kinh, Nguyễn Duy Ninh, Nguyễn Hân, Đặng Vũ Oánh, Nguyễn Duy Hiếu)*, 16 giáo thụ *(Nguyễn Thế Hi* hay *Ngọc Phác, Đặng Bá Nha, Nguyễn Bá Huống, Nguyễn Bá Tuân, Đặng Văn Bính, Đặng Ngọc Toản, ĐặngVăn Thuật, Đặng Văn Nguyện, Nguyễn Hữu Tích, Đặng Chí Kinh, Nguyễn Đức Hương* hay *Đức Du, Đặng Vũ Hoan, Phạm Đình Sắc* hay *Ngọc Đoan, Đặng Vũ Chiểu, Đặng Vũ Vi, Đặng Vũ Kham)*, 1 thương biện *(Đặng Vũ Lễ)*,9 huấn đạo, *(Nguyễn Đăng Phu, Đặng Viết Sách, Đặng Đăng Đệ, Nguyễn Đức Ban, Nguyễn Như Bổng, Đặng Hữu Hách, Nguyễn VănVận, Đặng Vũ Chỉnh, Đặng Đức Biểu)* và 26 viên dịch (viên chức ở tỉnh, phủ, huyện và giáo chức ở tổng, xã và trường học, có phẩm hàm từ tòng lục phẩm đến tòng cửu phẩm) gồm 4 thông phán *(Nguyễn Văn Tú, Nguyễn Xuân Phong, Nguyễn Vân Anh, Đặng Vũ Mô)*, 1 trợ tá *(Đặng Đức Quyên)*, 1 thương tá *(Nguyễn Duy Nhạc)*, 1 tri bạ *(Nguyễn Đăng Bảng)*, 1 huyện thừa *(Đặng Đức Hoan)*, 12 thừa phái *(Đặng Đình Khuê, Phạm Ngọc Thụy, Nguyễn Hành Phong, Phạm Mạnh Doãn, Đặng Đức Chử, Đặng Vũ Túc, Phạm Ngọc Thiệu, Đặng Đức Tô, Phạm Sĩ Đô, Đặng Mạnh Âu, Đặng Đức Điệp, Đặng Cao Kình)*, 5 tổng sư *(Đặng Xuân Khánh, Đặng Ngọc Đĩnh, Đặng Duy Dao, Đặng Văn Độ, Đặng Quang Thành)* và 1 giáo học *(Nguyễn Đa Giá)*.

Tại sao làng Hành Thiện có nhiều người đỗ đạt, khoa bảng vào thời Hán học như vậy ? Trước hết là do học trò làng

Hành Thiện đã biểu lộ sự thông minh, chăm chỉ và quyết tâm học hành cho đến khi thành đạt. Nhiều người rất nghèo, nhưng đã vượt qua khó khăn để học tập như *Nguyễn Trọng Trù* tức *Chu*, nhà nghèo, phải vừa làm ruộng vừa đi học. Khi đi cày, đi bừa, giã gạo, ông đều mang sách theo để học. Ông đỗ tú tài năm 19 tuổi và đỗ cử nhân năm 25 tuổi. *Đặng Hữu Nữu* nhà nghèo, tình nguyện nấu ăn cho các bạn ở làng xa đến trọ học nhà thầy (cụ tú tài Nguyễn Như Bổng) để được ăn học miễn phí. Ông đỗ cử nhân năm 19 tuổi. *Đinh Nguyên Thiện*, con ông thầy bói Đinh Huyền Tín, cuộc sống rất chật vật, nhưng cũng học hành thành đạt. Ông đỗ sinh đồ (tú tài) năm 22 tuổi và đỗ hương cống (cử nhân) năm 25 tuổi. Ba anh em ông *Đặng Đức Thụy, Đặng Đức Hoán* và *Đặng Đức Thực* là con cụ Đặng Bá Tích, một trong những vị Cửu công. Năm 1740, khi bố của các ông (cụ Đặng Bá Tích) phải hy sinh tính mạng để cứu quê hương khỏi bị chúa Trịnh Doanh tàn phá vì nghi ngờ dân làng thông đồng với nghĩa quân Vũ Đình Dung, thì Đặng Đức Thụy mới 11 tuổi, Đặng Đức Hoán và Đặng Đức Thực sinh đôi, cùng 8 tuổi. Mẹ của các ông bị một tên trong bè lũ vu oan giá họa cưỡng bức làm vợ phải xa rời các con, gia sản bị cướp phá hết, các ông phải li tán, mỗi người nương nhờ một gia đình thân thuộc. Nhưng ba ông đều có chí học hành, không vì đói rét mà nản lòng. Ba ông đều đỗ sinh đồ (tú tài), Đặng Đức Hoán năm 24 tuổi, Đặng Đức Thực năm 25 tuổi, Đặng Đức Thụy năm 30 tuổi.

Bên cạnh những tấm gương của những người nghèo vượt khó để học tập, là những người quyết chí học tập, không nản lòng, dù tuổi cao, cho đến khi thành đạt mới thôi. Đó là *Nguyễn Như Bổng*, trong suốt 40 năm dự thi 15 khóa thi hương, hai lần đậu tú tài, đến năm 60 tuổi mới đỗ cử nhân. *Nguyễn Đăng Thiên* đỗ tú tài lúc 17 tuổi, sau đó đỗ thêm 6 khóa tú tài nữa, đến năm 60 tuổi mới đỗ cử nhân. Đặng Văn Tường đỗ tú tài 4 khóa, đến năm 53 tuổi đỗ cử nhân. Ông được bổ làm tri huyện, nhưng vì làm tri huyện không được phép thi hội nên ông xin cáo quan về làng học thêm để dự thi hội. Năm đi thi hội, ông đã 64 tuổi. *Nguyễn Ngọc Liên* sau khi đỗ cử nhân, cũng không nhận chức huấn đạo, ở nhà suốt 3 năm đọc hàng ngàn cuốn sách, nhờ đó có một kiến thức rất sâu rộng và đã đỗ tiến sĩ...

Làng Hành Thiện có nhiều người học giỏi, đỗ đạt từ rất sớm như *Đặng Huyên* đỗ tú tài năm 11 tuổi, *Phạm Nguyên Hang*, đỗ tú tài năm 14 tuổi, *Nguyễn Đình Tông, Phạm Văn Trác, Đinh Nguyên Tôn* đỗ tú tài năm 15 tuổi, *Nguyễn Đăng Quy, Đặng Đức Bàng* đỗ tú tài năm 16 tuổi, *Nguyễn Bá Huống* đỗ cử nhân năm 17 tuổi, *Nguyễn Đình Tông, Phạm Ngọc Nhiễm* đỗ cử nhân năm 18 tuổi.

Những người nổi tiếng, học giỏi khác của làng Hành Thiện là: *Đặng Xuân Bảng, Đặng Đức Trí* tức *Mĩ, Nguyễn Âu Chuyên*... Đặng Xuân Bảng đã nổi tiếng "thần đồng" từ thủa nhỏ. Vì cảnh nhà nghèo nên ông chỉ học thân phụ của mình

(cụ Đặng Viết Hòe), mà không được học một thày giáo nổi tiếng nào khác, nhưng ông chịu khó đọc rất nhiều sách và thành một con người hết sức thông thái. Ông đỗ tú tài năm 19 tuổi, đỗ cử nhân năm 23 tuổi và đỗ tiến sĩ năm 29 tuổi. Đặng Đức Trí tức Mĩ là người có tiếng thông minh , học giỏi. Tiếng đồn về trình độ học lực của ông được ông trấn thủ Nam Định lựa chọn làm "cống sĩ"được phép vào kinh đô thi hội, dù chưa đỗ cử nhân. Dân làng Hành Thiện ca tụng 3 người thông minh học giỏi của làng bằng thành ngữ "Thần Chuyên, thánh Nguyện, trạng nguyên Thu". Đó là Nguyễn Âu Chuyên đỗ tú tài năm19 tuổi, đỗ giải nguyên năm 20 tuổi và phó bảng năm 25 tuổi. Đặng Văn Nguyện đỗ á nguyên cùng khóa thi hương với Nguyễn Âu Chuyên. Nguyễn Hữu Thu tuy chỉ đỗ tú tài nhưng cũng nổi tiếng là người thông minh , học giỏi.

Ngay những vị đỗ tiến sĩ, phó bảng ở làng ta đều ở tuổi dưới 40. Nguyễn Âu Chuyên đỗ phó bảng ở tuổi 25, Đặng Xuân Bảng đỗ tiến sĩ ở tuổi 29, Đặng Hữu Dương đỗ tiến sĩ ở tuổi 30 (tuổi khai đi thi là 33), Phạm Danh Sắc (sau đổi là Ngọc Thụy, Ngọc Đoan) đỗ phó bảng ở tuổi 31, Đặng Đức Địch đỗ phó bảng ở tuổi 33, Đặng Kim Toán (sau đổi là Đặng Toán) đỗ phó bảng ở tuổi 35 và Nguyễn Ngọc Liên đỗ tiến sĩ ở tuổi 38 (tuổi khai đi thi 42).

Những thành đạt về khoa bảng của học trò làng Hành Thiện còn là nhờ nhiều bậc cha mẹ học trò đã quyết tâm cung cấp vật chất và khuyến khích tinh thần cho con em mình học hành đến nơi đến chốn và nhiều bà mẹ, người vợ đã lao động tần tảo để chồng con mình tập trung vào việc học tập. Câu ca dao sau đây đã phản ánh một cách trung thực và thơ mộng tinh thần hiếu học của học trò làng Hành Thiện và sự đóng góp của nữ giới:

Sáng trăng giải chiếu hai hàng

Chiếu anh đọc sách, chiếu nàng quay tơ

Một yếu tố nữa góp phần tạo điều kiện cho sự hiếu học và thành đạt của học trò làng Hành Thiện là truyền thống hiếu học của gia đình. Ở làng Hành Thiện có nhiều gia đình cả bố con, anh em đều cùng học, cùng đi thi, do đó có sự thuận lợi cho sự trao đổi, học hỏi lẫn nhau. Người đỗ trước kèm cặp, giúp đỡ người chưa đỗ những kinh nghiệm thi cử và là nguồn động viên người đi sau theo kịp người đi trước.

Tuy nhiên để có được truyền thống hiếu học cho học trò, làng Hành Thiện có một đội ngũ thày giáo thật là hùng hậu và hết sức nhiệt tâm. Nhiều vị khoa bảng của làng Hành Thiện ra làm quan (3 giảng dụ ở trường quốc tử giám, 2 đốc học, 16 giáo thụ, 9 huấn đạo) hoặc trước khi làm quan cai trị hành chính, tư pháp thì cũng đã trải qua một thời kì làm học quan. Số thày dạy tư lại càng nhiều. Không chỉ những người chưa đỗ đạt hoặc mới đỗ nhất trường, nhị trường làm thày đồ, mà đa số các ông tú cũng làm nghề dạy học hoặc tại làng mình hoặc tại những nơi được mời dạy (trong số 244 vị đỗ tú tài hoặc tương

langhanhthien.vn

đương chỉ có 34 vị ra làm quan hoặc viên chức). Nhiều vị quan lại sau khi về hưu hoặc nghỉ việc cũng mở trường dạy học hoặc sang dạy học ở làng bên cạnh. Những trường đại tập của các hưu quan hoặc của các ông nghè, ông cử mở ở làng Hành Thiện nổi tiếng khắp vùng, không chỉ học trò trong làng, mà cả học trò từ tỉnh xa đến theo học, đông hàng trăm người.

Thêm nữa, làng Hành Thiện có nhiều thư viện tư chứa rất nhiều sách quý để học trò đến đọc và mượn về học, như thư viện của cụ phó bảng Đặng Đức Địch, của cụ cử nhân Nguyễn Ngọc Quỳnh, của cụ nghè Nguyễn Ngọc Liên và lớn nhất là thư viện Hi Long của cụ nghè Đặng Xuân Bảng.

Theo truyền thống hiếu học và trọng học, làng Hành Thiện đã dành riêng cho việc học chữ nho một số quyền lợi như học điền, quỹ khuyến học, xây văn chỉ, tổ chức văn hội, học trò được miễn sưu sai tạp dịch, những vị tân khoa được khắc tên vào bia đá trước văn chỉ...

Tinh thần tôn sư trọng đạo của dân làng Hành Thiện rất cao. Vào những ngày lễ Tết, cha mẹ học trò và học trò tấp nập đến nhà thầy biếu quà. Sau khi đỗ đạt, các vị tân khoa đến nhà thầy lễ tạ ơn. Khi thầy mất, học trò đến làm lễ an táng như đối với bố mẹ mình. Nhiều khi học trò góp tiền nhau mua ruộng, gọi là ruộng môn sinh, lấy hoa lợi hàng năm để làm giỗ thầy tu bổ từ đường và mộ của thày (học trò của cụ nghè Nguyễn Ngọc Liên mua biếu gia đình thầy bốn mẫu ruộng môn sinh; học trò của cụ cử nhân giáo thụ Đặng Ngọc Toản tức Giáo Kiến góp tiền làm nhà thờ cụ ở xóm 7...).

Từ sau khi nền cựu học (hay Hán học) bị bãi bỏ (1915), làng Hành Thiện không còn là một trung tâm văn hóa giáo dục, đào tạo những nhà khoa bảng và văn hóa cho đất nước nữa, nhưng những học trò và trí thức Hành Thiện dù học tập và công tác ở đâu cũng vẫn kế thừa truyền thống hiếu học và phát huy sức sáng tạo văn hóa, có nhiều đóng góp cho quê hương và đất nước, xứng đáng và tự hào là con em của quê hương Hành Thiện-một làng văn hiến.

Đ.Đ.A

Chú thích:

[1] Những người đỗ chính thức kì thi hương gọi là cử nhân (hay hương cống, tứ trường), những người đỗ phụ gọi là tú tài (hay tam trường, sinh đồ, hạ khóa sinh). Chỉ những người đỗ chính thức, tức cử nhân, mới được đi thi hội, thi đình. Vì thế những người đỗ tú tài lại đi thi hương tiếp những khóa sau, cho đến khi đỗ cử nhân mới chuyển sang thi hội. Những người đỗ tú tàihai lần gọi là "kép", những người đỗ tú tài ba lần trở lên gọi là "mền". Làng ta có vị đỗ tú tài đến 7 lần, mà không đỗ được cử nhân (Đặng Viết Hòe), có vị đỗ 7 khóa tú tài, rồi mới đỗ cử nhân (Nguyễn Đăng Thiện, 19 tuổi đỗ tú tài lần thứ nhất, mà đến 60 tuổi mới đỗ cử nhân). Số người thi hương lần đầu đã đỗ ngay cử nhânkhông hiếm, nhưng số người đỗ tú tài vài ba lần, rồi mới đỗ cử nhân lại nhiều hơn. Vì thế số người đỗ tú tài là 248 vị, mà số lần đỗ tú tài lên tới 411 lần.

PHONG TRÀO YÊU NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG CỦA DÂN LÀNG HÀNH THIỆN VÀO ĐẦU THẾ KỶ XX

NGUYỄN VĂN ĐỊNH

Truyền thống yêu nước và cách mạng là một truyền thống tốt đẹp, quý báu trong các truyền thống tốt đẹp của dân làng Hành Thiện. Thủ tướng Phạm Văn Đồng, khi về thăm làng Hành Thiện vào tháng 4-1989 đã từng nhận xét là làng Hành Thiện là một làng "có truyền thống yêu nước và cách mạng tuyệt vời". Từ khi thực dân Pháp xâm lược nước ta , nhiều nhân sĩ trí thức và dân làng Hành Thiện đã tham gia phong trào kháng chiến chống Pháp , phong trào Văn Thân, Cần Vương ; đặc biệt là từ đầu thế kỉ XX, tầng lớp thanh niên mới của làng Hành Thiện tiếp thu tư tưởng dân chủ tư sản và cách mạng xã hội chủ nghĩa, kế thừa truyền thống yêu nước và cách mạng của cha ông, đã tham gia sôi nổi và rộng rãi phong trào Duy Tân, Đông Du, Đông Kinh nghĩa thục, Việt Nam Quang Phục hội và những tổ chức do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo, tham gia cướp chính quyền trong cách mạng tháng 8-1945 và công cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, mang lại độc lập tự do cho đất nước ngày nay. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi chỉ xin giới thiệu một số nhân vật tiêu biểu người Hành Thiện tham gia phong trào yêu nước do cụ Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh lãnh đạo ở đầu thế kỉ XX.

1) Tham gia phong trào Duy Tân hội (1904), Đông Du (1905-1908) và Việt Nam Quang phục hội.

Các phong trào này do cụ Phan Bội Châu sáng lập,từ xu hướng "quân chủ lập hiến" sang "dân chủ tư sản" (sau cách mạng Tân Hợi ở Trung Quốc tháng 10-1911). Về các phong trào này, thì Hành Thiện đã có nhiều vị tham gia, sau đây xin kể một số vị tiêu biểu: + Ông **Đặng Tử Mẫn** (bí danh của Đặng Huy Dật): Ông Đặng Huy Dật, khi hoạt động cách mạng lấy bí danh là Đặng Tử Mẫn, sinh năm 1885, con cụ Đặng Huy Duệ (Tú Duệ), là học trò của cụ nghè Nguyễn Ngọc Liên. Ông được cụ nghè Liên giới thiệu đi Đông Du, sang Nhật năm 1906. Cuối năm này, ông tham gia "Việt Nam cống hiến hội" và được cụ Phan Bội Châu giới thiệu theo học và đã tốt nghiệp trường "Võ bị Đông Kinh (Tokyo)". Khi Nhật thỏa thuận với Pháp trục xuất những người Đông Du khỏi Nhật (tháng 10-1909), ông đã đổi tên làm

langhanhthien.vn

người Trung Quốc để ở lại vừa làm vừa học thêm. Ông đã được cụ Phan giao trách nhiệm mua súng đạn để chở về nước giúp nghĩa quân Yên Thế, khi đem về đến Quảng Châu thì bị lộ, bọn cầm quyền ở đây đã tịch thu mất (tháng 10-1910). Ông đã bỏ trốn, rồi cùng cụ Phan chuyển sang Thái Lan để hoạt động.

Sau cách mạng Tân Hợi ở Trung Quốc (tháng 10-1911), ông đã cùng cụ Phan trở lại Quảng Châu và là người nhiệt liệt ủng hộ cụ Phan thành lập "Việt Nam Quang phục hội" . Ông đã được bầu làm ủy viên kinh tế của Hội này. Sau đó ông đã cùng ông Đặng Hữu Bằng tổ chức Việt Nam Quang phục quân, mà ông là người điều khiển các cuộc chiến đấu chống Pháp trên bốn tỉnh vùng biên giới Trung-Việt, nhất là từ 1914 đến 1921, nhưng nói chung đều thất bại. Đến năm 1926, ông bị giết tại Trung Quốc. Cuốn "Lược truyện các tác gia Việt Nam" có đoạn ghi: " Đặng Tử Mẫn là người tiếp thu tân học, hưởng ứng Đông Du, tham gia vào việc chế tạo bom, lựu đạn mật ở Hồng Kông. Lựu đạn nổ, ông bị gãy mấy ngón tay, bị chính quyền Anh kết án tù (cuối năm 1913). Sau ông trốn về hoạt động ở Quảng Đông, Quảng Tây. Năm 1926, ông bị bọn phỉ Nam Ninh giết chết, chặt bàn tay cho Pháp để lĩnh thưởng. Cụ Phan Bội Châu trong *Phan Bội Châu niên biểu* đã đánh giá ông "là một người cương quyết, không sợ mạo hiểm, không sợ gian khó, quyết đem thân hy sinh cho cách mạng". Giooc giơ Bu-đa-ren, giáo sư Pháp dạy lịch sử Việt Nam tại trường đại học Pa-ri VII đã có bài viết về Đặng Tử Mẫn và nhận định: "Ông là nhà cách mạng Đông Du, hoạt động hăng say, liên tục nhất".

Theo ông Tôn Quang Phiệt, là người đã dịch cuốn: "Việt Nam nghĩa liệt sử" từ chữ Hán sang chữ quốc ngữ, thì tác giả cuốn sách này là Đặng Đoàn Bành, tức Đặng Tử Mẫn. Nhưng nhà sử học Châu Thương đã cải chính đúng: "Đặng Đoàn Bằng tức Đặng Hữu Bằng là người Hành Thiện" (Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 195, tháng 8-1973), chứ không phải là Đặng Tử Mẫn.

+Ông **Đặng Hữu Bằng**, tên khi hoạt động cách mạng là Đặng Đoàn Bằng, Đặng Sư Mạc, Đặng Xung Hồng, sinh 1883, con trưởng cụ nghè Đặng Hữu Dương (án sát Hà Nội; năm 1893, do bị hỏng mắt mà về hưu sớm). Ông Bằng là học trò của cụ nghè Nguyễn Ngọc Liên và được cụ nghè Liên giới thiệu đi Đông Du. Ông đi sang Nhật năm 1906, theo học và đã tốt nghiệp thủ khoa trường "Đại học lục quân Chấn Võ" Đông Kinh (Tôkyô) (1908). Năm 1909, ông qua Trung Quốc, sau đó về nước, có ghé qua làng Hành Thiện. Tiếp đó, ông lại sang Trung Quốc, tham gia thành lập "Việt Nam Quang phục hội" , được cử làm ủy viên và phụ trách xứ Bắc Kỳ của Hội này. Ông đã nhiều lần về nước và về làng hoạt động để vận động cho phong trào này. Ông đã viết thư cảnh cáo những tên tay sai đắc lực của thực dân Pháp chống lại và đàn áp "Việt Nam Quang phục hội", nên năm 1913, ông bị thực dân Pháp kết án vắng mặt "lưu đày biệt xứ".

Năm 1918, ông gia nhập quân đội Trung Hoa- dân quốc, nhưng vẫn hoạt động tích cực cho VNQPH và đã viết cuốn sách "Việt Nam nghĩa lịch sử" kể lại sự tích 50 người đã hy sinh cho phong trào VNQPH. Ông đã làm đến chức đại tá và tham mưu trưởng quân đội Quảng Tây. Năm 1922, thống chế quân đội Trung Hoa

dân quốc Tưởng Giới Thạch mời ông làm giáo sư trường "Đại học quân sự Hoàng Phố" tại Quảng Châu.

Từ năm 1925, khi cụ Phan Bội Châu bị bắt, cụ Nguyễn Thượng Hiền đã tạ thế, ông đã đứng ra tổ chức "Việt Nam Quang phục quân" hoạt động ở vùng biên giới Việt-Trung. Đến năm 1930, ông thành lập" Quốc dân cách mạng đảng" sau đổi thành "Hải ngoại Tổng bộ Việt Nam Quốc dân đảng" (1932) và giữ chức bí thư. Năm 1938, khi ông đang cư trú tại Quảng Châu (Trung Quốc) thì không quân Nhật đã đến thả rất nhiều bom để tàn phá thành phố này. Ông đã bị hơi bom nặng, rối loạn thần kinh và đã nhảy xuống sông Châu Giang tự vẫn .

+ Ông **Đặng Kinh Luân** (tức Ba Lân sinh năm 1885): con thứ ba cụ Giáo Kiến Đặng Ngọc Toản và là học trò của cụ nghè Nguyễn Ngọc Liên. Ông đã gặp cụ Nguyễn Thượng Hiền, khi cụ Hiền về thăm cụ nghè Liên ở Hành Thiện, nhưng chưa được tham gia phong trào Đông Du năm 1906. Năm 1907, ông đã lên Hà Nội, cùng cụ cử nhân Lương Văn Can sáng lập trường Đông Kinh nghĩa thục tại phố Hàng Đào. Khi trường này bị giải tán và bị thực dân Pháp khủng bố, thì ông đã trốn đi Đông Du. Về sau ông gia nhập VNQPH và phụ trách trưởng ban ám sát của hội này. Sau khi về nước, ông có về làng hoạt động. Ông đã tổ chức ám sát Nguyễn Duy Hàn (Tuần Thái) (12-4-1913), ném lựu đạn giết chết hai tên thiếu tá Pháp và làm bị thương nhiều tên khác tại một khách sạn ở Hà Nội (26-5-1913). Ông đã cùng ông Đặng Vũ Hoàn, người Hành Thiện, ám sát hụt tổng đốc Hà Đông Hoàng Trọng Phu. Nhưng sau đó bị nội phản, ông và ông Hoàn bị hai tên họ Phạm hạ sát tại Lỗ Khê (Bắc Ninh) (25-5-1913) và Cống Nu (Bắc Ninh) (27-5-1913). Hai tên này sau cũng bị thực dân Pháp kết án tử hình, vì đã từng ám sát một số tên tay sai khác của Pháp.

+ Ông **Đặng Quốc Kiều** (Hai Kiều): sinh năm 1892, con thứ của cụ Đặng Vũ Đồng (Kép Đồng), em ông Cử Cao, cũng là học trò của cụ nghè Nguyễn Ngọc Liên. Ông sang Nhật năm 1906, học tiếng Nhật và tiếng Anh và thường gặp cụ Phan ở Hoành Tân.

Cuối năm 1909, ông sang Trung Quốc, rồi sang Thái Lan. Đến cuối năm 1928 , ông trở về nước, bị thực dân Pháp bắt và quản chế tại làng. Năm 1946, ông được chính quyền Việt Nam Dân Chủ Cộng hòa cử làm Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến-Hành chính tỉnh Hà Nam. Ông mất tại Sài Gòn năm 1976.

+ Ông **Đặng Hữu Quỳ** (biệt hiệu Hồng Phấn) sinh năm 1889, là chú họ ông Đặng Hữu Bằng. Theo "Việt Nam nghĩa liệt sử", thì ông Quỳ là một người lanh lợi, thông minh và có lòng yêu nước. Năm 1910, ông đã xuất dương sang Thái Lan, làm kế doanh điền để đóng góp cho phong trào yêu nước. Khi ở Thái Lan, ông đã chăm chỉ luyện tập võ nghệ. Khi ông Đặng Hữu Bằng qua Lào, rồi sang Thái Lan, ông Bằng đã gặp ông Quỳ ở Băng Cốc. Thấy ông Quỳ mong muốn cầu học quân sự, ông Bằng đã đưa ông Quỳ sang Trung Quốc để theo học trường quân sự và tham gia VNQPH (1912). Ông Quỳ đã theo học trường quân sự ở Bắc Kinh (Trung Quốc) cho tới khi tốt nghiệp

langhanhthien.vn

(1914). Sau đó ông bị ốm nặng, bị thổ huyết và đã qua đời vào mùa đông năm 1916 (khi đó ông mới 26 tuổi). Cụ Phan Bội Châu đã có bài thơ điếu, khi nghe tin ông qua đời, được đăng trong *Việt Nam nghĩa liệt sử.*

+ Ông **Đặng Vũ Giá** (Bảy Giá) sinh năm 1880, là chú ruột ông Đặng Quốc Kiêu. Ông Giá sang Nhật năm 1908, đã theo học cùng trường với ông Kiều. Sau đó ông tham gia VNQPH ở Trung Quốc. Ông đã bị thực dân Pháp truy nã về tội vận chuyển khí giới từ Trung Quốc về Việt Nam để chống Pháp. Chúng đã kết án vắng mặt ông hai năm tù (tháng 8-1913).

+ Ông **Nguyễn Xuân Thức** (Tư Thức): sinh năm 1888, con thứ tư và là con người vợ thứ của cụ Nguyễn Xuân Tiêu (Án Thanh), cũng là học trò của cụ nghè Nguyễn Ngọc Liên. Ông sang Nhật năm 1906 và theo học tiếng Nhật tại Hoành Tân với ông Đặng Quốc Kiều . Năm 1910, ông trở về nước, bị địch bắt giam một thời gian, rồi bị quản thúc tại Cẩm Thủy (Thanh Hóa). Ông mất năm 1945.

+ Ông **Nguyễn Xuân Khải** (Ấm Khải) là anh của ông Nguyễn Xuân Thức (con cụ Án Thanh Nguyễn Xuân Tiêu) và là con rể cụ nghè Đặng Hữu Dương, cũng đã tham gia VNQPH. Khi chuẩn bị xuất dương, thì ông bị bắt giam. Năm 1915, ông Khải xin phép chính quyền Pháp đi Hương Cảng (Hồng Kông), lấy cớ "dụ ông Bằng về đầu thú". Nhưng ông đi gặp ông Bằng chỉ để thăm hỏi và đưa tiến cửa cụ nghè Dương sang tiếp tế cho ông Bằng.

Nhân đây xin nói thêm là bà cả Án Thanh Nguyễn Xuân Tiêu và bà ba Thao (Đặng Thị Quy) ở gần nhà cụ nghè Liên, đã từng tham gia quyên góp và làm "thủ quỹ" cho Đông Du tại làng Hành Thiện.

+ Ông **Đặng Vũ Long** (Hai Long) còn gọi là Hai Côn, là anh ruột ông Ba Thao, tham gia VNQPH năm 1912 tại làng. Theo sự vận động của ông Đặng Hữu Bằng, ông Long đã xuống tàu để sang Trung Quốc hoạt động, nhưng đã bị địch bắt và giam tại nhà lao Nam Định, sau đó đưa về quản thúc tại làng.

+ **Ông Đặng Vũ Mậu** (Hội Mậu) là con trưởng cụ thủ khoa Đặng Vũ Thực, tham gia VNQPH năm 1912, chưa kịp đi Trung Quốc để hoạt động cách mạng thì bị địch bắt và giam trong ba tháng.

+Ông **Đặng Xuân Mậu** (còn có tên là Thêm hay Thiêm) (Ấm Thêm) là con thứ hai của cụ Đặng Xuân Bảng, tham gia phong trào Đông Kinh nghĩa thục (1907) và VNQPH (1912). Ông bị địch bắt vào cuối năm 1912 và giam giữ một thời gian. Sau khi được tha, ông ở làng làm ruộng và làm nghề thủ công

+ Ông **Đặng Nguyên Roanh** (Đồ Sơn), con nuôi cụ nghè Đặng Hữu Dương, là người liên lạc cho ông Đặng Hữu Bằng tại làng (1909 và 1912). Do bị tình nghi là muốn xuất ngoại theo ông Bằng, ông đã bị địch bắt giam ba tháng. Sau khi được tha, ông sống ở làng làm nghề dạy học và chữa bệnh cho dân làng cho đến khi mất (1945).

+ Ông **Đặng Hữu Lai** và **Đặng Hữu Cảnh** là hai con của cụ Đặng Hữu Giá (em ruột cụ nghè Dương) . Hai ông này chịu ảnh hưởng của ông Đặng Hữu

Bằng, đã gia nhập tổ chức VNQPH (1912) . Cả hai ông đều bị bắt giam vào đầu năm 1913 khoảng 3 tháng và sau đó bị quản thúc tại làng.

+Ông **Đặng Huy Quỳ** (tục gọi Nhì Quỳ, vì đỗ nhị trường khoa thi hương) cũng tham gia VNQPH rồi bị địch bắt năm 1912. Sau khi ra tù một thời gian, ông trốn sang Trung Quốc rồi biệt tích (1914)

+Ông **Đặng Văn Nhã** đã thi đỗ giải nguyên (đỗ đầu khoa thi hương) (1897) và đã từng làm tri phủ Ứng Hòa (Hà Đông). Năm 1908, sau khi nghỉ một năm không lương, ông được gọi lên Phủ thống sứ Bắc Kỳ ở Hà Nội để nhận chức tri phủ ở một địa phương khác. Trước khi đi, ông nói với vợ: "Chán cảnh làm quan và chỉ muốn làm giặc". Bà tưởng ông nói đùa, không ngờ ông đã bỏ đi biệt tích thật.

2) Tham gia phong trào Đông Kinh nghĩa thục (1907)

Tháng 3-1907, trường Đông Kinh nghĩa thục do cụ Lương Văn Can (Cử Can) sáng lập tại phố Hàng Đào Hà Nội, có một người Hành Thiện tham gia sáng lập, đó là ông Đặng Kinh Luân (Ba Lân) (đã nói ở trên). Trường Đông Kinh nghĩa thục là một tổ chức cách mạng, dùng hình thức mở trường dạy học để tuyên truyền cổ động cách mạng và vận động phát triển văn hóa dân tộc. Phong trào Đông Kinh nghĩa thục chịu ảnh hưởng tư tưởng cải lương, duy tân của cụ Phan Chu Trinh. Cụ Phan Chu Trinh, sau khi đi gặp cụ Hoàng Hoa Thám ở Yên Thế và sang Nhật gặp cụ Phan Bội Châu, đã cho rằng: "Lúc này bạo động là chết" và "không thể dựa vào Nhật được", mà theo quan điểm của cụ thì phải "dựa vào sức mình là chính". Cụ theo xu hướng tân học, duy tân và cải lương nhằm nâng cao trình độ dân sinh, dân trí và dân quyền (trong đó kể cả việc đấu tranh đòi hỏi bọn thực dân Pháp phải cải cách về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội) để xây dựng, phát triển lực lượng, rồi sẽ tùy theo tình thế mà thực hiện những hình thức đấu tranh cao hơn. Nhiều trường học ở miền Nam đã hình thành theo xu hướng này,trong đó có trường Dục Thanh ở Phan Thiết (10-1905). Khi trường Đông Kinh nghĩa thục mở tại Hà Nội, cụ Phan Chu Chinh đã từng đến diễn thuyết có đến hơn 1000 người tham dự. Bọn Pháp coi trường Đông Kinh nghĩa thục là "cái lò phiến loạn ở Bắc Kỳ" đã ra lệnh giải tán (11-1907) và đàn áp thẳng tay.

Tại Hành Thiện, ông Đặng Kinh Luân, sáng lập viên của trường Đông Kinh nghĩa thục, đã nhiều lần về làng, vận động người làng Hành Thiện tham gia phong trào này. Để hưởng ứng phong trào, các sĩ phu Hành Thiện đã tổ chức nhiều buổi bình văn, thơ phú yêu nước và tọa đàm thời cuộc tại miếu Văn Xương, mà cụ nghè Đặng Xuân Bảng thường chủ trì, khi đó cụ làm tiên chỉ làng (1892-1910). Phong trào có nhiều người tham gia, nhất là con cháu hai cụ nghè Bảng và Giáo Kiến, như:

+ Ông **Đặng Xuân Mậu** (tức Ấm Thêm), con cụ nghè Bảng (đã nói ở trên).

+ Ông **Đặng Xuân Viện** (tục gọi Bốn Đễ) là em ông Đặng Xuân Mậu, con thứ tư của cụ nghè Bảng và là thân phụ của chủ tịch Trường Chinh (Đặng Xuân Khu). Theo *Lược truyện các tác gia Việt*

langhanhthien.vn

Nam thì "ông Đặng Xuân Viện vốn dòng nho học, chịu ảnh hưởng Khang, Lương, không chuyên cử nghiệp, chuyên nghiên cứu Việt văn, Việt sử, đề cao tinh thần dân tộc, có khí phách...". Do ông hoạt động theo xu hướng trên và viết nhiều sách vở, báo chí yêu nước, nên địch đã chú ý theo dõi ông, tuy không bị bắt, nhưng bị quản thúc tại làng.

+ Ông **Đặng Ngọc Đỉnh** (Tú Châu), con trưởng cụ Giáo Kiến Đặng Ngọc Toản, đã liên tục tham gia các cuộc họp này tại miếu Văn Xương và vận động các bạn bè cùng tham gia. Ông còn ủng hộ phong trào Đông Du và sau đó là VNQPH. Ông đã đưa người ra nước ngoài hoạt động. Có lần ông bị địch bắt và tra tấn dã man nhằm truy tìm tung tích của ông Đặng Kinh Luân (tức Ba Lân) là em ông, nhưng ông đã chịu đựng, không khai báo

+ Ông **Đặng Kinh Bang** (Hai Bang), là con thứ hai của cụ Giáo Kiến Đặng Ngọc Toản. Từ nho học, ông đã chuyển sang tân học và theo học cả công nghệ, coi trọng thực nghiệp. Ông tham gia vận động cải cách mạnh, nên đã bị địch bắt giam tại nhà pha Hỏa Lò Hà Nội (những người Hành Thiện khác bị bắt thường bị giam ở nhà pha Nam Định), sau đó ông bị quản thúc tại làng.

Xin nói thêm, theo lời của con cháu ông phó lý Đặng Vũ Niêm được bố kể lại : Trong thời gian này, Hành Thiện còn có ba người nữa bị chính quyền thực dân Pháp quyết định "phải theo dõi" đó là các ông Đặng Vũ Khái (Kép Khái), Đặng Vũ Bân (Cử Năm), Nguyễn Tất Tái (Cử Tái). Đó là chưa kể những cuộc hội họp, những cuộc đấu tranh nhằm chống "sưu cao, thuế nặng" hoặc những phản ứng dư luận của dân làng Hành Thiện về sự lùng sục, bắt bớ người Hành Thiện trong thời gian này cũng bị địch theo dõi, khủng bố .

Có thể khẳng định là: Làng Hành Thiện là một trong những "cái nôi" của phong trào Đông Du, Đông Kinh nghĩa thục và VNQPH. Đáng chú ý là: Năm 1912, chính quyền thực dân Pháp đã ra quyết định "phạt vạ" rất nặng (bắt nộp nhiều tiền) làng Hành Thiện, vì nhiều người làng Hành Thiện và cả những người trong vùng đến hội họp tại Hành Thiện, đã bị lộ. Có lúc, chúng định "triệt hạ" làng Hành Thiện "thành bình địa". Khoảng đầu năm 1913, bọn lính Pháp, lính khố xanh và bọn mật vụ trên 20 tên do một thiếu úy Pháp chỉ huy, đã kéo đến đóng tại đình làng Hành Thiện. Chúng đã nhiều lần đến lục soát, khám xét và bắt đi một số người tình nghi. Ông Đặng Xuân Khu (Trường Chinh) đã kể lại vụ khám xét tại nhà bố ông (cụ Đặng Xuân Viện), chúng đã đánh đập bà mẹ ông và cướp đi một gánh ngô trước mặt ông (khi đó ông Khu mới 6 tuổi). Ông nói :" Tôi ghét bọn Tây từ đó". Viên thống sứ Bắc Kỳ trong bản Phúc trình gửi lên cấp trên (ngày 25.6.1915) đã nhận xét: "Làng Hành Thiện đã trở thành thành trì phiến loạn ở vùng Nam Định, Thái Bình" và cho rằng việc lập một đồn lính khố xanh tại làng Hành Thiện đã dập tắt được âm mưu nổi loạn của các sĩ phu Hành Thiện. Nhưng chúng đã lầm. Phong trào yêu nước và cách mạng của dân làng Hành Thiện không hề bị dập tắt mà chỉ tạm thời lắng xuống, để rồi lại bùng lên mạnh mẽ trong phong trào cách mạng do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo sau này.

N.V.Đ

langhanhthien.vn

MỘT TỜ BÁO CÁCH MẠNG XUẤT HIỆN Ở MỘT VÙNG NÔNG THÔN TRONG THỜI KÌ ĐCSĐD MỚI THÀNH LẬP: TỜ "DÂN CÀY" Ở LÀNG HÀNHTHIỆN

ĐẶNG ĐỨC AN

Trong "Hồi ký" của ông Trường Chinh cung cấp tư liệu lịch sử gửi Đảng bộ Hà Nam Ninh, ông Trường Chinh viết: "Hè năm 1928 tôi về quê cùng với hai người em họ là Đặng Xuân Thiều và Đặng Xuân Quyền thành lập ban biên tập của tờ báo"Dân cày". Tôi được phân công làm chủ bút, chú Thiều, chữ đẹp được phân công viết. Chú Quyền in (in thạch) và phụ trách phát hành báo, còn vận động thêm một số người (...) cùng đi phát hành và tuyên truyền cho tờ báo. Tờ báo ra được độ bốn năm số thì tôi phải ra đi. Ở nhà, chú Đặng Xuân Quyền (...) ra tiếp mấy số nữa. (...) Tờ báo "Dân cày" có ảnh hưởng tốt tới phong trào địa phương[1]

Tờ báo "Dân cày" phát hành ở làng Hành Thiện, do ông Trường Chinh sáng lập, ngoài ông Đặng Xuân Thiều, Đặng Xuân Quyền , còn có các ông Nguyễn Văn Kiêm, Nguyễn Ngọc Thuế, Nguyễn Mai Nhiếp, Đặng Xuân Bàng, Đặng Vũ Rinh cùng tham gia. Hoạt động của tờ báo này được mộ ssó người tham gia thuật lại: Ông Nguyễn Văn Kiêm trong bài hồi ký "Nhớ lại" (3-2-1980), ông Nguyễn Mai Nhiếp trong bài "Sơ yếu tự thuật" (2 - 9 - 1980) và trong bức thư gửi ông Nguyên Thụ. Nhưng ông Kiêm và ông Nhiếp chỉ ghi lại hoạt động của tờ báo "Dân cày" do ông Quyền tổ chức vào các năm 1930-1931, không có sự tham gia của ông Đặng Xuân Khu (tức Trường Chinh) và ông Đặng Xuân Thiều (hay nói cách khác là ông Khu và ông Thiều không còn ở quê để tham gia nữa). Những người tham gia hoạt động tờ báo "Dân cày" từ đầu đến cuối là ông Đặng Xuân Quyền, nhưng ông Quyền đã mất trước khi cách mạng tháng 8-1945 thành công (ông mất khoảng cuối tháng 5 -1945), cho nên không thể có báo cáo thành tích hay tự thuật gì để lại. Vì thế trong bài viết này, chúng tôi chỉ có thể giới thiệu hoạt động của tờ báo "Dân cày" ở làng Hành Thiện trong các năm 1930-1931, qua các tư liệu của ông Nguyễn Văn Kiêm và Ông Nguyễn Mai Nhiếp để lại.

Khoảng đầu năm 1930, sau khi ông Đặng Xuân Khu (tức Trường Chinh) lên Hà Nội và Đặng Xuân Thiều ra Hải Phòng để làm việc và hoạt động cách mạng, ông Đặng Xuân Quyền ở lại Hành Thiện đã vận động thêm một số người tin cẩn và có tinh thần cách mạng, cộng tác để tiếp tục phát hành tờ báo "Dân cày". Ông Quyền

đã chọn ông Nguyễn Văn Kiêm (con cụ Nguyễn Kỳ Tao, tức Ấm Tao, một nhà nho yêu nước đã tham gia phong trào Đông Du và Việt Nam Quang phục Hội; đồng thời là em con dì ruột của ông Quyền), Nguyễn Ngọc Thuế, Nguyễn Mai Nhiếp (hai người em họ con chú hai và chú ba của ông Kiêm), Đặng Xuân Bàng (chú họ ông Quyền) và Đặng Vũ Rinh (em rể ông Quyền). Ông Nhiếp và ông Bàng còn là học trò vẽ truyền thần và chụp ảnh của ông Quyền. Những người tham gia phát hành tờ báo bí mật này phải góp tiền (mỗi người năm hào tức nửa đồng bạc Đông Dương) để mua giấy mực và thạch in, phải tham gia viết bài, in báo và phát hành báo.

Số báo "Dân cày" đầu tiên của nhóm này dự định phát hành vào dịp kỉ niệm ngày Quốc tế lao động 1-5-1930, nhưng chuẩn bị không kịp, cho nên đến ngày 13-5-1930 mới ra được. Mỗi số báo là một tờ giấy to (khổ giấy 0,26x 0,36m), lúc đầu in 20 bản. Từ tháng 5 đến tháng 10-1930, mỗi tháng ra một kỳ. Từ tháng 11-1930 đến tháng 4-1931 mỗi tháng ra hai kỳ và số lượng tăng lên 60 bản. Số báo Tết Tân Mùi (1931) là số đặc biệt ra hai tờ giấy to, in 80 bản. Số cuối cùng là số báo kỷ niệm ngày Quốc tế lao động 1-5-1931 in gấp có một trang là số thứ 19.

Mục đích của tờ báo "Dân cày" là tuyên truyền chủ nghĩa Mác- Lê nin; đưa nhiều tin hay về Liên Xô xây dựng chủ nghĩa xã hội, phân tích những khủng hoảng suy yếu của đế quốc thực dân, vạch mặt bọn quan lại , địa chủ, cường hào ức hiếp dân nghèo. Tên báo "Dân cày" có kẻ kiểu chữ in, có dòng chữ nhỏ "cơ quan tuyên truyền chủ nghĩa Mác Lê-nin, vẽ chân dung Mác, Ăng-ghen hoặc Lê-nin", huy hiệu búa liềm.

Về tài liệu để lại thì nhờ có ông Khu (tức Trường Chinh), ông Thiều liên hệ trước ở Hà Nội, Nam Định, Hải Phòng nên nhóm báo "Dân cày" ở Hành Thiện thường xuyên nhận được những tờ báo "Sao đỏ", "Búa liềm", báo của tổ chức Đảng ở nhà máy xi măng Hải Phòng, nhà máy tơ (máy dệt) Nam Định và những sách truyền bá chủ nghĩa Mác như: "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản", "Chủ nghĩa Mác " v.v... Có khi đến hạn mà không thấy Hà Nội đưa báo chí, tài liệu về thì nhóm phải cử người lên Hà Nội mang về. Những sách báo, tài liệu này có khi nhóm báo "Dân cày" lại phải in nhân bản gửi cho các tổ chức Đảng ở làng Tự Lạc (Xuân Trường, Nam Định), ở huyện Hải Hậu (Nam Định), huyện Tiền Hải (Thái Bình) xã Trình Phố, (Kiến Xương, Thái Bình) v.v...Nhóm biên tập phân công nhau đọc các sách báo đó, viết tóm tắt hoặc trích đoạn một số bài, viết thêm một số bài về tình cảnh nghèo đói của nông dân, sự áp bức của đế quốc thực dân, quan lại, địa chủ cường hào, sáng tác những bài thơ, ca dao nói về cái nhục của người mất nước...Ông Đặng Xuân Khu (tức Trường Chinh) thỉnh thoảng về quê, trao đổi và hướng dẫn ông Quyền làm báo, nhưng không bao giờ ra mắt hay sinh hoạt với

nhóm báo "Dân cày" cả. Chỉ có một lần vào dịp Tết Tân Mùi (1931), ông có viết một bài nói về nỗi thống khổ của nông dân Việt Nam và kích động họ phải cương quyết đấu tranh với cường hào, ác bá đăng trong số báo "Dân cày" số Tết Tân Mùi (1931).

Để đề phòng bọn quan lại, hương lý, mật thám theo dõi, khám xét, bắt bớ, nhóm báo "Dân cày" đã phải hoạt động hết sức bí mật, khi viết báo phải tập viết cho khác nét chữ của mình, khi mua giấy, mua mực,mua thạch in phải thay phiên nhau hoặc nhờ người nhà mua hộ, nhất là khi phát hành báo, như quảng báo vào nhà, nhét báo vào túi áo khoác, vào ngăn kéo bàn thầy giáo, truyền tay nhau trong học sinh Phủ lý Xuân Trường, trong binh lính ở đồn Lạc Quần... phải hết sức cẩn thận. Vì có người hào hứng, phấn khởi khi đọc báo cách mạng, nhưng cũng có người nhút nhát, hoảng sợ, khi nhặt được báo vội đem lên trình phủ. Đã có lần, ông Nhiếp, quảng báo vào nhà một người ở xóm 6, bị người nhà ra đuổi bắt, may mà ông Nhiếp chạy thoát.

Từ đầu năm 1931, chính quyền thực dân ở Nam Định đã rất chú ý đến hoạt động của nhóm báo"Dân cày" ở làng Hành Thiện này. Chúng đã cử Dương Văn Am, xuất thân là mật thám của Pháp về làm tri phủ Xuân Trường để dập tắt hoạt động của nhóm báo"Dân cày" ở Hành Thiện. Chúng đã bắt cậu học nghề và giúp việc cho ông Quyền (người nhà gọi là chú Nhỏ con) lên ty Liêm Phóng (Sở mật thám) Nam Định tra khảo. Chúng cũng đã bắt ông Quyền lên thử chữ so tự dạng chữ viết trong sách, báo bí mật, nhưng cũng không tìm ra manh mối. Trước tình hình địch lùng sục và khủng bố quyết liệt như vậy, nhóm báo "Dân cày" đã quyết định ra số báo cuối cùng kỷ niệm ngày Quốc tế lao động 1-5-1931 rồi đình bản.

Như vậy là từ năm 1928-1931, một tờ báo cách mạng do ông Trường Chinh sáng lập, in và phát hành tại làng Hành Thiện, đã đóng góp vào việc truyền bá chủ nghĩa Mác- Lê- nin và đường lối chính sách của Đảng Cộng sản Đông Dương, không chỉ ở làng Hành Thiện, mà còn lan rộng khắp một vùng nông thôn rộng lớn thuộc đồng bằng Bắc Bộ (ít nhất là ở các huyện Xuân Trường, Giao Thủy, Hải Hậu thuộc Nam Định và các huyện Kiến Xương, Tiền Hải thuộc Thái Bình.Tờ báo "Dân cày" của làng Hành Thiện, tuy chỉ là một tờ báo nhỏ ở một vùng nông thôn, nhưng cũng xứng đáng được ghi tên tuổi trong cuốn "Lịch sử báo chí cách mạng Việt Nam".

Đ.Đ.A

Chú thích:

(1) Bài Hồi ký của ông Trường Chinh này được đăng trong "Trường Chinh, người con của quê hương" do Viện Hồ Chí Minh huyện Xuân Thủy, tỉnh Nam Hà biên soạn, Nhà xuất bản Sự Thật Hà Nội 1991

langhanhthien.vn

HÀNH THIỆN TRONG NHỮNG NĂM THÁNG KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1)

NGUYỄN VĂN GIÁP.(2)

Sau khi địch chiếm đóng thành phố Nam Định và một số khu vực phụ cận vào đầu năm 1947, địch thường mượn con đường sông Hồng từ Ba Lạt vào tiếp tế cho thành phố Nam Định. Mỗi một lần như thế, các làng ven sông Hồng đều có báo động. Dân quân du kích, nam nữ thanh niên chuẩn bị lực lượng sẵn sàng đánh địch. Làng ta cũng bố trí lực lượng để đánh địch, nếu chúng đổ bộ lên bờ . Khi đó, tuy vũ khí chỉ có mấy khẩu mút- cơ -tông với ít viên đạn, cùng với mấy chục khẩu súng gỗ và giáo mác, gậy gộc, nhưng hàng ngàn thanh niên nam nữ, cùng với dân làng , kể cả ông già, bà lão, tham gia mỗi người một việc . Một số bố phòng ngoài đê, một số làm nhiệm vụ trinh sát, liên lạc với các làng lân cận để nắm tình hình tàu thuyền của địch. Các bà, các cụ lo thổi cơm nước cho bộ đội trực chiến. Với khí thế của những ngày đầu cách mạng, ai ai cũng cảm thấy phấn khởi, sôi nổi, hăng hái. Và có vài ba lần, địch đã đổ bộ quân lên đê và vào làng bên đê cướp bóc và thăm dò lực lượng của ta, sau đó chúng lại rút lui. Mỗi lần như thế, chúng ta cũng đã bố trí lực lượng như gài mìn trên đường tiến quân của chúng, phục kích để đánh chúng khi chúng vào sâu. Về phía địch vừa tiến vừa sợ, cũng không dám vào sâu trong làng. Về phía ta, cũng chỉ là những đợt tập dượt, qua đó rút kinh nghiệm cho những trận đánh lớn sau này.

I- Pháp đánh chiếm làng Hành Thiện và lập tề, đóng séc- tơ :

Sau khi thất bại ở Việt Bắc, địch quay về mở rộng vùng chiếm đóng ở đồng bằng Bắc Bộ, kho người kho của. Tháng 10 -1949, giai đoạn chiến đấu quyết liệt trực tiếp với địch ngay trên xã nhà, huyện nhà bắt đầu. Trước khi tiến vào Hành Thiện, địch đã chiếm Bùi Chu, cùng với bọn phản động đội lốt tôn giáo, biến nơi này thành trung tâm chính trị phản động để cùng với lực lượng quân sự tiến đánh và chiếm đóng vùng phía Nam Nam Định. Tiếp sau Bùi Chu, chúng chọn Hành Thiện làm một trọng điểm để đánh chiếm.

Trước khi tiến quân quân sự, chúng đã bố trí một số bọn tay chân, trong đó có linh mục Diện (người xã Lục Thủy, học sinh ở trường trung học Xuân Trường cũ), lên thăm dò lực lượng và gặp gỡ một số người trong làng có tên tuổi để thuyết phục. Chúng đã đến gặp các cụ Đặng Vũ Kính, Đặng Vũ Vinh, Nguyễn Văn Năng, Nguyễn Văn Vũ, Phạm Thúc Lật, Nguyễn Tư Phấn v.v...để thuyết phục, nhưng không có kết quả.Một lực lượng quân sự Âu Phi và ngụy quân đã tiến đánh làng Hành Thiện. Chúng đã tiến theo hai ngả, một ngả từ Bùi Chu đi dọc theo đường phố Ngọc Cục và một ngả đổ bộ lên đê

tiến vào xóm Chùa. Về phía ta, dân quân du kích ẩn nấp trong các nhà ở mặt đường bám sát địch. Các cầu đều bị ta rút các tấm gỗ, không đi lại được. Khi thấy địch chuẩn bị lội qua sông, ta bắn xối xả, địch lại phải rút. Ta cầm cự với địch gần một tháng để cho dân làng kịp chuyển người và tài sản ra ngoài, ta mới rút, và địch cũng mới vào được làng. Vào khoảng cuối tháng 10, đầu tháng11, làng ta và một số làng lân cận rơi vào vùng kiểm soát của địch. Tổn thất của ta không đáng kể, chỉ có một số du kích và dân quân bị thương nhẹ, còn địch cũng có một số bị thương và bị chết.

-Lập tề: Việc đầu tiên, chúng phải làm là tìm người để nhanh chóng lập cho được chính quyền tay sai. Chúng tìm trong hàng ngũ tay sai cũ một số người ra lập ban tề và bảo an xã, trong đó có Phạm Sĩ Tựu ở giong 7, trước đây đã làm lý trưởng và phó tổng, được chọn làm xã trưởng và Quản Đồng, nguyên quản Khố xanh làm chỉ huy xã (một thời gian sau xã Doanh lên thay thế). Được quan thày cũ tín nhiệm, ban tề và bảo an xã đã nhanh chóng tỏ ra là những tay sai đắc lực, bắt bớ, giam cầm, đòi tiền hối lộ hoặc đe dọa bỏ tù đối với những anh em du kích và những người tham gia hoạt động cũ. Đối với nhân dân hồi cư, chúng bắt trình diện, nộp phạt, nộp lệ phí. Chúng khá hung hăng vì chúng cho rằng các cơ sở cách mạng đều tan rã, địch đã chiếm một địa bàn rộng lớn như thế này thì Pháp sẽ thắng lợi và cai trị nước ta một lần nữa. Chỉ trong một thời gian ngắn, chúng đã nhanh chóng phục hồi tất cả những gì đã có trong thời Pháp thuộc như: lập lại phe giáp, tộc biểu, đem ruộng công điền cho đấu thầu, cho thuê để lấy tiền chi tiêu v.v... Bọn tề và bảo an đã gây ra tình hình căng thẳng trong thôn xóm, bắt phu bắt lính, phạt vạ, đánh đập làm dân chúng sợ sệt lo lắng.

- Đóng Séc -tơ: Ngay sau khi đánh chiếm Xuân Trường, Pháp đã biến xứ đạo Bùi Chu thành tỉnh tự trị Bùi Chu, một trọng điểm chính trị của chúng. Chúng cũng thấy Hành Thiện là một vị trí quan trọng. Ở đây có nhà cửa cao to, nhiều nhà ngói vững chắc, có hai dãy phố Hành Thiện và Ngọc Cục sầm uất, có đường giao thông thủy bộ thuận tiện; đây là một làng có tên tuổi trong nước và trên thế giới. Chỉ huy sở Séc-tơ được đặt tại nhà ông Nguyễn Hữu Như (Hội Như) và chúng đuổi dân cư nửa làng Trong (xóm Nội Khu) đi để chúng làm căn cứ. Từ đường họ Nguyễn được đặt làm điện đài. Nhà ông Nguyễn Văn Hoạt là nơi đánh đập tra tấn người bị bắt. Nhà đòn (đám ma) họ Nguyễn là nơi giam cầm. Séc -tơ này có một tiểu đoàn Âu Phi và ngụy quân đóng giữ do một tên quan tư chỉ huy trưởng, một quan hai phụ trách phòng nhì (2ème bureau), trực tiếp chỉ huy tra hỏi những người bị bắt. Về vũ khí nặng chúng có 4 khẩu pháo 75 li (mm) đặt ở đầu xóm giữa Nội khu. Xung quanh khu vực chiếm đóng khoảng 4 héc ta chúng rào đây dây thép gai và bố trí các đồn bốt nhỏ. Ngoài ra có tiểu đoàn 16 do tên Ba Trù chỉ huy trưởng, đóng ở hợp tác xã (nay là xí nghiệp nước chấm) bảo vệ mặt phía Nam Séc -tơ. Tiểu đoàn này lúc đầu đóng rải rác ở nhà dân ở làng Ngoài. Tùy theo rộng hẹp, mỗi nhà có từ 3 đến 5 tên lính ở để làm nhiệm vụ bảo vệ Séc -tơ, thăm dò lực lượng của ta và trực tiếp răn đe nhân dân. Một đội bảo vệ sân bay (một sân bay do chúng mới xây dựng ở bên bờ sông Ninh

langhanhthien.vn

Cơ trên đất làng Ngọc Cục), kiểm tra bến phà đi Nam Định và bảo vệ mặt phía Tây Séc -tơ. Ngoài lực lượng đóng tại chỗ, khi có cuộc vây ráp, càn quét, chúng còn tăng cường thêm lực lượng cơ động, có lúc tới hai tiểu đoàn Âu Phi (năm 1951, hai tiểu đoàn Âu Phi đã bị ta tiêu diệt ở chợ Cầu Đôi, Hải Hậu).

II- Những hoạt động đánh phá đầu tiên của địch, việc đối phó và xây dựng lực lượng trong lòng địch của ta

Những ngày đầu, địch tạm chiếm làng ta, đóng Séc -tơ, lập tề, có làm cho dân làng lo lắng hoang mang. Một số người do chưa nắm được tình hình cho là ta đã thua, đã để cho địch kéo quân về tận làng và lập chính quyền ngụy. Nhưng đa số dân làng thường xuyên theo dõi tin tức, vẫn tin tưởng vào kháng chiến. Họ đã nhận thức được rằng chẳng qua địch thất bại ở nơi khác, cho nên kéo quân về đóng giữ đồng bằng để khai thác kho người kho của để phục vụ cho chúng, chứ không phải là mạnh. Chỉ trong vài ba tháng nhiều người đi sơ tán, đã trở về làng làm ăn. Một số không ít người tâm niệm trở về để chiến đấu giữ làng, tham gia công tác và giúp đỡ cách mạng.

Một giai đoạn chiến đấu đầy gian khổ và hy sinh đã đến với dân làng và những cán bộ, du kích hoạt động trong lòng địch. Hoạt động trong địa phương mà mình đã sinh ra và lớn lên có nhiều thuận lợi: dân tình nắm chắc, đường ngang ngõ tắt thuộc như lòng bàn tay, dễ dàng được dân làng thương yêu đùm bọc. Nhưng cũng có khó khăn vì địch nắm ta rất chắc, từng người làm gì , ở đâu, giữ chức vụ gì, bố mẹ vợ con ra sao, chúng dễ dàng bắt bớ bố mẹ, vợ con, đánh đập tra tấn để khủng bố cán bộ ta...Tuy thế thuận lợi vẫn là cơ bản. Mỗi người hoạt động trong vùng địch đều đã xác định được là nếu bản thân hoặc gia đình có bị sa vào tay giặc, bị bắt bớ tù đày, hoặc hy sinh thì cũng vì cách mạng.

Anh em cán bộ hoạt động đều hoàn toàn dựa vào dân. Dân nuôi ăn, dân cho quần áo mặc, dân cho thuốc men và dân bảo vệ. Tất cả đều do dân đảm bảo cả. Nếu không bám vào dân, ăn ở làm việc cùng dân, lúc buồn lúc vui san sẻ cùng dân, thì không thể hoạt động được.

Ở làng ta, từ chùa Trong, chùa Ngoài, xóm 1 đến xóm 8 đều có cơ sở vững vàng của ta. Ở đây, nhà cửa nhỏ bé, nhà nọ cách nhà kia, xóm trên cách xóm dưới chỉ một hàng rào thưa dễ đi lại ra vào. Ngoài việc nuôi dưỡng cán bộ, ông bà già, các cháu nhỏ còn làm tốt việc canh gác, khi có cán bộ đến ăn ở. Ở đây phải kể đến một số cơ sở đã đóng góp nhiều cho cách mạng như nhà chị Thải ở xóm 2, gia đình cụ Xã Bình, ông Phu ở xóm 4, bà Bỉnh ở xóm 5, ông Kiêm xóm 6, cụ Tý xóm 7 v.v..Cụ Tý dành một gian nhà gần đường để cán bộ hoạt động đêm, không tiện về cơ sở, cứ về đây ngủ tạm. Cụ còn để cho ta đào hầm trú ẩn ngay trong nhà. Dân cư ở xóm chùa Trong và chùa Ngoài cũng rất tốt. Cán bộ về công tác tại khu vực này, thường đến ăn ở nhà cụ Cư. Chùa Trong rộng rãi dễ bảo vệ, đêm địch ít dám đến tuần tiễu, ta thường dùng chùa làm nơi hội họp, có những cuộc họp lớn tới bốn, năm chục người. Cung điện thờ đức Thánh tổ là nơi cất giữ súng ống và tài liệu.

Từ xóm 9 đến chợ, cán bộ ta cũng hay đi lại ăn ở, nhưng không xây dựng thành những cơ sở thường xuyên. Vì nơi đây gần địch hơn phía đầu làng. Nhà cửa ở đây phần nhiều là nhà ngói, tường xây đi lại khó khăn. Mặt khác, nơi đây tập trung nhiều nhà giàu, nhiều nhân sĩ, chúng tôi không muốn để cho địch nghi ngờ, để khi cần đến các vị này có thể mạnh dạn tham gia, như phải can thiệp với địch một việc gì hoặc đóng góp. Như cuối năm 1950 đầu năm 1951, để đắp đập ngăn nước mặn ở cuối huyện là vùng du kích, cần huy động 2000 bao đay mà chỉ có Hành Thiện mới có khả năng đóng góp. Xã đã giao việc này cho bà Đặng Thị Tâm, vợ ông Nguyễn Văn Giáp, làm nhiệm vụ gặp gỡ và bàn bạc với các cụ Đặng Vũ Kính, Đặng Vũ Vinh, Nguyễn Văn Kiêm, Đặng Hữu Đa ở làng Ngoài, các ông Nguyễn Văn Năng, Nguyễn Văn Vũ, Nguyễn Văn Bổn ở Nội khu, cùng một số địa chủ khác cung cấp. Việc đóng góp những bao đay này cho vùng du kích là một việc làm đầy nguy hiểm, nhưng không ai tỏ ra ngần ngại lo sợ, vì mọi người tin tưởng vào cách mạng.

Chúng ta bắt đầu củng cố lại tổ chức. Đồng chí Đặng Thị Thược được cử làm bí thư chi bộ ĐCSVN xã Tiên Châu[3], Đồng chí Miên ở Phú Yên giữ chức chủ tịch UBKCHC xã và các chức vụ khác trong Đảng và chính quyền cũng được sắp xếp lại. Sau khi ổn định tổ chức, việc đầu tiên chúng ta phải làm là phân công nhau đi giải thích cho nhân dân về tình hình mới, chuẩn bị cơ sở để bố trí cho cán bộ xã có chỗ ăn ở, làm việc và đón tiếp những cán bộ, huyện, tỉnh về nắm tình hình và để bàn biện pháp đối phó với địch. Một việc không kém phần quan trọng phải làm ngay là bố trí cho cán bộ gặp xã trưởng. Cán bộ này đã đến phân tích tình hình và yêu cầu xã trưởng không ngăn cản cán bộ về hoạt động, không được bắt bớ, bắt trình diện những người hoạt động cũ hay du kích, và cũng không được phạt vạ dân hồi cư, phải cấp giấy tờ cho người ta đi làm ăn. Xã trưởng Phạm Sĩ Tựu tỏ ra mềm dẻo khi gặp người của ta nhưng không phải chúng đã theo yêu cầu của ta, tuy hành động phản động của chúng có hạn chế hơn. Chúng ta đã bố trí một số đảng viên, du kích vào làm việc ở ban tề, nhà xã trưởng và đội bảo an để theo dõi giám sát công việc làm của chúng và nắm chắc tình hình hoạt động của địch. Tất cả các công việc chúng bàn bạc với nhau, quan hệ của chúng với Séc-tơ, với tiểu đoàn 16, với công an Bùi Chu, chúng ta đều nắm chắc.

Nhận thấy nếu không trừng trị một số tên tay sai phản động của chúng thì không thể thuyết phục được chúng và ngăn chặn được các hành động tội ác của chúng, trước nhất là bọn bảo an. Có sự nhất trí trong lãnh đạo và được sự đồng ý của cấp trên, ta quyết định đầu tiên thủ tiêu tên Liêm (tục gọi Binh Liêm). Tên này trước kia có đi lính cho Pháp, lại biết ít tiếng Tây bồi, cho nên hắn muốn làm một vài việc để tâng công với quan thày, để được cất nhắc. Tên này thường tìm tòi những cơ sở nuôi cán bộ, đe dọa những gia đình có chồng con đi hoạt động, nạt nộ dân làng. Vào một đêm năm 1950 phối hợp với lực lượng ta ở bên ngoài, lực lượng du kích của ta đã gài vào đội đi tuần của tên Liêm, đã giết tên này ở trên quãng đường lối sau giữa xóm 7 và xóm8 và cài lên ngực hắn một bản cáo trạng. Sau khi giết hắn xong, anh em bảo an chạy về báo

thanghanhthien.vn

cho xã trưởng biết để đi báo cho Séc-tơ. Sáng hôm sau, Séc- tơ cho quân đi xem, rồi cho chôn. Dân làng rất phấn khởi.

Cũng tưởng rằng chỉ cần thủ tiêu một tên là ổn định được tình hình, nhưng bọn chúng vẫn tỏ ra ngoan cố, như tên Giám Tuân dẫn lính vào khám xét một số nhà có chồng con đi hoạt động. Cuối cùng, chúng ta phải thủ tiêu tiếp thêm ba tên nữa: Giám Tuân ở xóm Nội Khu, Bội ở đầu xóm7 và xã Doanh. Hai tên Giám Tuân và Bội bị ta đem ra bờ sông Ninh Cơ và lên đầu làng thủ tiêu. Còn đối với tên xã Doanh ta đột nhập hẳn vào trụ sở của ban tề ở xóm 12, cách tiểu đoàn 16 chỉ có 150 mét đường chim bay. Ta trói hắn lại, đọc bản án và hỏi lại hắn xem có thừa nhận những tội ác mà hắn đã gây ra từ trước đến nay hay không? Hắn thừa nhận là có và xin tha tội chết. Nhưng xét thấy tên này rất hung bạo, ta đã quyết định thủ tiêu hắn. Ngoài ra chúng ta còn bắt đưa ra ngoài một số tên nữa, trong đó có tên Nhàn Phở. Tên này cũng giống bốn tên trên ở thành phần và tính chất lưu manh. Tên này có nhiều dấu hiệu liên lạc với địch, cung cấp cho địch những tin tức và tài liệu của ta. Vì nhà tên này hàng ngày tiếp xúc với khách ăn phở, phần nhiều là bọn ngụy quân, ngụy quyền và bọn chỉ điểm. Việc bắt tên này là một việc làm đầy mưu trí, dũng cảm của bộ đội và du kích ta vì cửa hàng phở ở giáp cầu phủ, chỉ cách đồn địch đóng ở đền Bà Hoàng ở bên kia cầu độ 30 mét, mà trong cửa hàng lúc nào cũng đông người.

Qua việc trừng trị một số tên tay sai của địch, nhân dân tỏ ra rất phấn khởi, tin tưởng ở cách mạng, yên tâm hăng hái nuôi và bảo vệ cán bộ, bộ đội và du kích và nhận công tác cách mạng. Hoạt động của ta ngày càng mạnh lên, cơ sở của ta ngày càng mở rộng. Lúc này các tổ chức của ta được kiện toàn, có đầy đủ chi bộ, chính quyền, mặt trận, hội phụ nữ, đoàn thanh niên, có lực lượng bán vũ trang vừa công khai vừa bí mật. Trên huyện cũng xác nhận Bùi Chu và Hành Thiện là hai xã trọng điểm, cần tăng cường chỉ đạo và bố trí lực lượng bên ngoài cộng tác với xã để nắm tình hình và đối phó với địch.Ngoài lực lượng của bản thân xã , không có thời gian nào vắng mặt lực lượng tăng cường.

Chính quyền xã được củng cố, bắt tay vào thực thi nhiệm vụ của cơ quan nhà nước ở một xã vùng tề: cấp giấy đi lại cho bà con ra vùng ngoài buôn bán, xuống vùng bể làm ruộng, thu thuế nông nghiệp, vận động quyên góp, tổ chức hũ gạo kháng chiếnv.v...Và trên danh nghĩa chính quyền cách mạng, có lúc bàn bạc với tề để chống lại các chủ trương của Séc-tơ như bắt lính, bắt phu, cấm người đi lại ra vùng ngoài, sau này là vùng du kích..., có việc ta đề ra buộc tề phải thực hiên như trích tiền đấu giá công điền nộp cho kháng chiến v.v...

III- Cuộc đấu tranh gian khổ và anh dũng của cán bộ và nhân dân Hành Thiện chống Pháp

Về phía địch, chúng cũng không chịu bó tay. Để ổn định tình hình và giữ vững khu vực chiếm đóng của chúng, trong đó có làng Hành Thiện, chúng thường xuyên đem quân đi càn quét khắp nơi. Khi thấy ta hoạt động mạnh, trong thời gian ngắn đã thủ tiêu bốn tên tay sai đắc lực của chúng và chúng cũng nghe phong phanh trong làng có nhiều cán bộ, bộ đội, công an nằm vùng, chúng đã tăng

cường tuần tra trong làng ngày cũng như đêm, bố trí phục kích trên các đường đi lối lại của ta. Nhiều lần ta gặp địch, đã có một số cán bộ hy sinh. Ông Sáu Lùng, đặc phái viên của Công an đã bị chúng bắn chết trên đường thổ. Ông Loan, bộ đội địa phương đã bị chúng bắn chết ở đầu xóm 6 lối sau, trong khi vượt sông từ Thượng Phúc vào làng. Ông Tâm, ủy viên UBKCHC xã, ông Khủng, xã đội trưởng, ông Thiện bị sa vào lưới phục kích của chúng ở cuối xóm 9, đã bị hy sinh. Chúng còn bố trí lực lượng đi tuần tiễu ban ngày, thấy nghi nhà ai là vào khám, hay tổ chức cho một số tên chỉ điểm đi vào nhà dân để xin tre rào đồn bốt, xin rơm...để dò la. Có lúc chúng giả danh cán bộ bị lộ, bị địch đuổi bắt, chạy vào nhà dân nhờ ẩn náu, xin xuống hầm. Nhưng với kinh nghiệm đã được nhiều lần thử thách, tất cả mọi mánh lới của chúng đều bị thất bại.

Ngoài ra, chúng còn dùng hình thức tát cạn nước để bắt cá, dồn dân ra sân phủ để chỉ điểm bắt cán bộ hoặc đem quân tiến vào từng nhà để kiểm soát, lùng sục cán bộ. Một lần làm như thế, chúng cũng đã thực hiện được có kết quả. Chúng bắt được ông Hợp, đặc phái viên của Công an, thay ông Sáu Lùng. Cho là chúng không biết hết mọi người làng, ông đã mặc áo dài, thắt khăn ra sân phủ tập trung, nhưng chúng đã phát hiện ra ông. Ông bị bắt, bị tra tấn và bị bắn chết. Chúng còn treo giải thưởng cho việc bắt cán bộ, du kích: 10.000 đồng đối với chủ tịch xã, xã đội trưởng, 5.000 đồng đối với các cán bộ khác hoặc du kích .

Với hoạt động của địch như thế, nhiều lúc ta cũng rất gay go. Có nhiều lần gặp địch đi tuần tiễu, ta có súng, nhưng ta không nổ, cố tránh địch, trừ trường hợp chúng nổ súng vào ta trước. Hơn nữa ta có nhiều kinh nghiệm phát hiện địch vào ban đêm. Như khi ở trong làng đi ra, áp tai xuống đất nghe động tĩnh, thấy yên tĩnh, không có tiếng mới đi. Ở ngoài vào, qua ruộng, đang đi, nếu thấy có chim rẽ dun ăn đêm bay vụt lên, hay tiếng dế mèn đang kêu thấy im là biết có người trước mặt, nên ta cũng tránh được nhiều lần gặp địch.

Để bám sát và nắm chắc tình hình địch, ta phải tìm mọi cách để tránh địch khi nó càn quét. Biện pháp đào hầm bí mật được đề ra. Đất làng ta khá cao so với mặt nước, nhưng hầu như nhà nào cũng có ao, nên đất lại trở thành ẩm ướt. Hầm đào rất khó khăn và không được nhiều, mà chỉ dùng được vào mùa khô. Cũng có trường hợp quá cấp bách, ta phải ngâm mình hàng ngày, nước ngập đến cổ ở dưới hầm. Bụng đói cật rét, bên trên địch vây ráp, lại phải đề phòng rắn chui vào hầm. Nhiều lần anh em đã gặp phải rắn, chiến đấu với rắn, nếu không cũng chết. Về mùa rét, nếu không có kinh nghiệm nằm hầm, cũng dễ bị ngạt thở vì thiếu ô-xy, Trước kia không có hầm, nhiều năm tháng, trước các cuộc càn quét, anh em phải sống nổi, cốt tránh được địch. Anh em chui vào chuồng lợn, chuồng xí, nằm phơi mình trên mái nhà, cổng ra vào. Đã mấy năm, anh chị em phải sống cuộc sống ngủ ngày, đêm thức. Nói là ngủ, nhưng nào có ngủ được, vì sợ địch đi vây ráp, gia đình lại đông người, công việc làm ăn luôn ồn ào,cũng khó ngủ được. Ăn uống thất thường lại kém, nên sức khỏe người nào cũng giảm sút. Nhiều anh em bị mắc nhiều chứng bệnh như thấp khớp, yếu phổi, đau dạ dày...Nhưng phần lớn anh em đang ở tuổi trẻ, nên các bệnh tật cũng không làm ảnh hưởng lớn đến

langhanhthien.vn

tinh thần chiến đấu của anh em. Trời rét cũng như trời nực, vài manh áo mỏng che thân, phơi người trước những cơn gió rét mùa đông, nhà ai có gửi cho cái áo ấm thì có cái mặc. Nhân dân rất tốt, nhưng phần nhiều cũng khó khăn. Ốm đau lại không có thuốc men. Ai ốm quá lắm, thì cho người về nhà ông bà Đông Thành ở phố Ngọc Cục kể bệnh và xin thuốc. Ông bà sẵn sàng giúp đỡ lại còn gửi thêm cho hộp sữa, cân đường

Cuối năm 1950 và năm 1951, những làng trong huyện Xuân Trường đã dần dần nổi dậy phá tề, củng cố chính quyền kháng chiến. Riêng Bùi Chu và Hành Thiện, địch cố giữ cho đến khi thất bại mới chịu rút, vì chúng coi nơi đây là một trọng điểm của vùng đồng bằng cần bảo vệ, cho nên chúng đã dùng mọi hình thức để đàn áp phong trào ở đây. Có thể nói, trận càn hôm 23 tết năm 1951 là một tổn thương lớn của ta. Trong trận càn này, chúng bắt giam và đánh chết gần chục người. Những người bị chúng bắt, đánh đập, và giết hại phần lớn là dân trước kia có hoạt động, nay già yếu không tham gia công tác nữa. Như ông Đặng Vũ Long bị bắt và đánh đập ở Séc-tơ, sau chuyển lên giam ở Nam Định và chết ngay trong nhà tù. Một cảnh đau thương lan tràn khắp thôn xóm. Đi đến đâu cũng có tiếng khóc lóc, nơi thì có con chết, nơi thì chồng bị bắt, rồi bị đánh chết. Cán bộ phải phân công nhau đi thăm hỏi chia buồn với các gia đình có mất mát để nhanh chóng ổn định tình hình. Những gia đình không bị tổn thất, cũng hoang mang, lo lắng, sợ sệt, không dám nuôi cán bộ trong nhà.

Mỗi cán bộ phải tự tìm cho mình một chỗ trú ban ngày để ban đêm tiếp tục đi hoạt động. Có cán bộ đã suốt một tuần nằm trên sân thượng nhà ông Kiêm ở xóm 6 để ẩn mình, đêm xuống lại đi hoạt động, 3-4 giờ đêm lại về. Trời mùa đông giá rét, cả ngày phơi mình trong sương gió, nắng mưa, lại còn đói rét. Lắm lúc máy bay địch từ Nam Định về đỗ ở sân bay dã chiến ở bến đò Cựa Gà, cũng lướt vài vòng quanh Séc-tơ để dò la tình hình. Những lúc ấy nằm trơ mình trên sân thượng cũng dễ bị máy bay địch phát hiện.

Tết đã tới gần, không thể tiếp diễn tình hình anh em ăn ở như thế này được và cũng để dân bớt lo lắng trong mấy ngày Tết, ta chủ trương vượt sông Thái Bình cho anh em nghỉ ngơi và ăn Tết. Ở trong làng có nhiều khó khăn, ra bên ngoài tạm lánh cũng gặp nhiều nguy hiểm. Địch thường tuần tiễu trên đê, phục kích ở bến đò, ca nô của chúng ở bốt Cổ Lễ thường tuần tiễu qua lại đoạn sông này. Sau khi vượt sông vào một đêm 29 Tết và hành quân 4-5 cây số qua vùng tề, đoàn cán bộ xã đã an toàn tới Thái Bình và được bà con Thái Bình đón tiếp như những người thân ở xa mới về. Mấy ngày Tết ở đây, chúng tôi cảm thấy như ở nhà mình, tình cảm thân thương hết sức dạt dào, hết đoàn mẹ chiến sĩ này đến đoàn bô lão, hội phụ nữ, các cháu thiếu nhi đến chúc Tết và thăm hỏi, động viên, và đi đến đâu cũng được mời ăn cỗ. Ở đây, thời gian này đã là vùng du kích, anh em được thở hít không khí tự do, đón xuân trong tình thân thương của bà con. Sau ba ngày Tết, anh em lại trở về làng, lại một cuộc hành quân đầy gian lao nguy hiểm. Về tới làng, vào các nhà cơ sở, nhiều bà con ôm lấy cán bộ khóc, hỏi thăm mấy ngày Tết ăn ở ra sao. Các gia đình vẫn dành phần bánh chưng, xôi nén, giò chả...cho cán bộ.

Để giữ vững cơ sở và để bảo toàn lực lượng, ta phải liên hệ với các xã lân cận để làm cơ sở phụ. Thời gian đầu, ta lấy các xã sát sông Hồng làm cơ sở phụ. Sau khi khu du kích mở rộng, ta chuyển cơ sở phụ về Hạc Châu (xã Xuân Châu), Thượng Phúc (xã Xuân Thượng), rồi Đông An (xã Xuân Thành). Cụ xã Long ở thôn Đông An là cở sở hai bên ngoài của cán bộ làng ta. Hai cụ nhà nghèo, con cái ít, nhưng chăm sóc anh em rất chu đáo. Bà cụ luôn cải thiện bữa ăn để anh em ăn được ngon miệng. Bà cụ còn đánh cá, bắt ốc, bắt trai ở ao nhà để tăng món ăn. Khi có ai đau ốm, cụ nấu cháo đường cho ăn. Để có tiền đóng góp cho việc ăn uống của cán bộ, UBKCHC xã buộc ban tề phải nộp một khoản tiền trích ở quỹ công điền cho ủy ban và vận động một số bà con, nhất là bà con buôn bá, ủng hộ trong đó có một số bà con thường hay xin giấy ra vùng tự do hay du kích để buôn bán. Nhờ được ăn uống đều đặn và ngủ ngon, sức khỏe của anh em đã nhanh chóng hồi phục. Các cán bộ cứ tối vào hoạt động trong vùng địch, đến sáng lại trở ra nhà cụ xã Long để ăn ngủ. Nhưng cũng có một bộ phận vào hoạt động và sống ở trong làng vài ngày, rồi mới trở ra.

Ngoài việc càn quét, phục kích, vây ráp, truy lùng như kể trên, địch còn dùng một biện pháp nữa để ngăn cản cán bộ tiếp xúc với nhân dân là rào làng. Chúng đã xây đắp một đập to ở lối sau, dựa vào các bụi tre, lấn ra một phần đường, làm cổng, tổ chức bảo an gác đêm, kết hợp với việc phục kích bên trong. Nhưng cũng không có kết quả, vì bảo an đều là người của ta. Tối nào, địch phục kích, dân làng ở đầu xóm dùng ám hiệu như đốt đèn hoặc đem thóc ra xay và giã gạo thì cán bộ biết mà tránh. Chúng đã tính đến một biện pháp quyết liệt nhất và cũng tàn bạo nhất là đưa tuyến phòng thủ vào giữa làng bằng cách sẻ đôi làng theo chiều dọc từ chợ đến cuối xóm 1. Làng bị chia cắt thành hai phần, giữa có đường to có thể đi lại tuần tiễu dễ dàng và đắp thành một cái đập to như cái đê, bên trên có bố trí các bốt gác. Nếu chúng thực hiện được thì coi như làng bị phá hoại. Hàng trăm ngôi nhà sẽ bị phá hủy để làm đường quân sự và hàng nghìn gia đình sẽ mất nhà cửa ruộng vườn. Dân làng lại bị nằm trong vòng kìm kẹp phong tỏa chặt chẽ của địch và cán bộ ta cũng sẽ khó lòng vào làng mà hoạt động được. Vì vậy, ta phải đấu tranh kiên quyết để cho chúng không thực hiện được ý đồ của chúng. Nhiều biện pháp của ta được đề ra như gặp xã trưởng (lúc này là Nguyễn Lý Hanh, tức Tổng Cờ), gặp các thân hào, thân sĩ trong làng phát động phong trào dân làm đơn gửi cho xã ủy của địch và vận động những người gia đình có người thân, người quen đang làm việc cho địch ở thành phố và các tỉnh ngoài đề nghị can thiệp. Ta vạch cho xã trưởng và bạc với các cụ thân hào, thân sĩ một biện pháp đấu tranh: gặp gỡ trực tiếp quan Tư chỉ huy Séc-tơ để phản đối, đưa các đơn của dân, của các công nhân viên chức người làng đang làm việc ở các tỉnh cho địch ở Hà Nội, Sài Gòn, Nam Định... gửi về cho chúng xem và dọa: " Nếu các ông làm như vậy chỉ gây mâu thuẫn sâu sắc giữa dân làng chúng tôi với các ông. Những gia đình bị phá nhà, họ ở vào đâu, họ phải kéo nhau ra vùng ngoài ở. Những người làng chúng tôi đang làm việc với các ông ở các tỉnh, họ cũng không đồng tình . Muốn làm gì thì làm , các ông phải bảo vệ quyền lợi cho dân, giữ dân. Nếu

langhanhthien.vn

không, họ sẽ kéo nhau đi theo Việt Minh cả. Các ông có lực lượng quân sự mạnh như thế, cứ đem quân đi mà đánh phá từ xa, thì cũng không thể có Việt Minh vào làng được nữa". Cuối cùng chúng buộc phải nhượng bộ, bỏ ý định đó. Thắng lợi này làm cho nhân dân trong làng rất hoan nghênh cuộc đấu tranh này. Tỉnh, huyện đều có biểu dương.

Ở đây cũng phải nói đến một thủ đoạn thâm độc của bọn phản động Công giáo, lợi dụng địch tạm chiếm, truyền bá đạo giáo vào làng Hành Thiện. Trong cả huyện Xuân Trường dầy đặc các nhà thờ, chỉ có làng Hành Thiện không có một cái nhà thờ nhỏ, không có một người đi theo đạo. Nếu có ai đi theo đạo vì lý do này hay lý do khác thì cũng không sống ở làng. Thời cơ địch tạm chiếm ở đây, bọn phản động Công giáo cho là thời cơ trăm năm có một, phải tranh thủ tiến hành. Linh mục Túc, ở xứ Lục Thủy, là tên hăng hái nhất. Ngay khi chưa có chiến sự xảy ra ở đây, tên này cứ thường xuyên lên thăm làng ta, vào chơi các nhà giàu có, có tên tuổi. Hắn nói hắn là người Hành Thiện, con cụ Kép Khôi ở đầu xóm 9. Về hình dáng mà nói, tên này nhỏ bé, có những nét hao hao giống cụ Kép Khôi. Cuộc đi thăm như thế chủ yếu là thăm dò ta, để đến khi có điều kiện là tiến hành được thuận lợi. Khi địch chiếm đóng làng ta, chúng chiếm một ngôi nhà ở đầu xóm 12, vắng chủ, đưa tượng đến lập bàn thờ và vận động gần như bắt buộc một số nhà giàu có nhà buôn đi theo đạo. Trong một thời gian ngắn độ vài tháng, đã có trên 100 hộ đi vào nhà thờ cầu kinh. Chúng cho là một thắng lợi lớn vội đánh điện sang Tòa thánh Va-ti-can báo tin thắng lợi này "'Đất làng Hành Thiện, một làng có tên tuổi trong nước Việt Nam và trên thế giới, nhưng là đất sỏi, bao năm gieo mầm Công giáo vào đây đều không nảy mầm. Đến nay chỉ qua một trận mưa rào, không những hạt giống đã nở mà còn nở rộ, thành một vườn hoa xanh tươi, có nhiều hoa đẹp". Thấy một lúc kết nạp được số đông người như thế, chúng rất mừng. Nhưng vẫn chưa tin, chúng thường cho người đi dò la xem những con chiên này đã thực bụng theo đạo chưa? Có còn đi lễ chùa không? Có cúng rằm mùng một không? Còn lập bàn thờ giỗ tổ tiên, ông bà, cha mẹ không? Sáng có cầu nguyện không? Thực tế số người theo đạo vẫn đi lễ chùa, lễ Phật, thờ tổ tiên, giỗ Tết..., chỉ có làm một cách khéo léo nhằm che mắt chúng. Vì làng ta là một làng có truyền thống văn hiến, dân làng ta là những tín đồ chung thủy của đạo Phật, lại thờ đức Thánh tổ xưa nay có tiếng là linh thiêng, không ai, không một lực lượng nào dễ gì làm cho dân ở đây thay đổi tín ngưỡng được. Sau vài ba tháng, tình hình đã tương đối ổn định, đi lại đã thuận tiện giữa thành thị và nông thôn, một loạt bà con trước đây là nhà buôn, viên chức muốn trở lại cơ ngơi cũ của họ ở tỉnh, thành phố để làm ăn sinh sống. Một số bà con khác cũng ngại ở làng, hay bị địch càn quét, vây ráp, cũng rời làng đi lên tỉnh. Thế là nhà thờ dần dần vắng bóng những người đi lễ. Cùng lúc đó có sự việc là tên linh mục Túc phải đổi đi nơi khác, vì tội tham ô, hối lộ, trai gái, cho nên nhà thờ không có người đôn đốc, chăm sóc đến việc cầu kinh, lễ bái nữa.Vậy là chỉ độ năm sáu tháng sau, nhà thờ coi như đóng cửa. Đầu năm 1954 khi địch rút khỏi làng ta, ta cho người xuống tòa giám mục Bùi Chu báo cho họ cho người lên thu tượng về. Để một thời gian, không ai đến nhận, ta đành xếp vào một xó nhà và dần dần bị tiêu hủy.

IV- Những hoạt động và những sự hy sinh của cán bộ và nhân dân Hành Thiện trong vùng địch.

Sau khi địch chiếm đóng làng ta, dân bỏ đi, các tổ chức của ta cũng bị bật ra ngoài. Cá không có nước, cá không thể sống được. Nhưng đây là dịp lửa thử vàng, xem ai là người dũng cảm, kiên trì, ai là người sợ chết. Trước kia, đội ngũ cán bộ Đảng, chính quyền, mặt trận, dân quân du kích có hàng trăm người. Khi Pháp chiếm đóng làng, bên cạnh số đông vẫn hăng hái công tác, nhưng có một số đã bỏ nhiệm vụ chạy dài hoặc nằm im, lo lắng cho cái sống chết. Trong đó có cả một số không ít đảng viên, một số cán bộ chủ chốt như chủ tịch UBKCHC xã, chủ tịch mặt trận Việt Minh, xã đội trưởng đã từ bỏ nhiệm vụ. Cũng có một số bị địch bắt giam, tra tấn ở trại giam nhà thờ Lục Thủy, Phú Nhai, khi được tha về, cầu an, nằm im chờ thời. Ngay chi bộ trước đây cả xã có trên 50 đảng viên, đông nhất là thôn Hành Thiện. Sau này chỉ còn độ 20 người, trong số này có một số sống làm ăn công khai, chỉ khi nào có họp hành hay đại hội chi bộ mới tới dự. Cũng có một số người rút dần vì thấy địch o ép quá. Có người được phân công giữ chức vụ chủ chốt của một mặt công tác, nhưng cũng rất ít hoạt động, sau đành phải thay người khác. Các tổ chức Đảng, chính quyền, các đoàn thể đều phải củng cố lại. Ngoài một số người được điều động đi bộ đội, hoặc chuyển đi làm công tác khác ở huyện, ở tỉnh, nhiều người vẫn trực tiếp công tác ở xã trong điều kiện mới và xã còn được bổ sung thêm lực lượng mới.

Về mặt Đảng, bà Đặng Thị Thược phụ trách bí thư, sau vì sức yếu và đi lập gia đình, xin thôi công tác. Ông Miện ở Phú Yên, Ngọc Cục giữ chức vụ chủ tịch UBKCHC xã, sau bị bắt. Khi ra tù, ông không còn được tín nhiệm nữa. Ông Hưng, người Xuân Hy, được cử về thay bà Thược, làm bí thư. Được một thời gian có một hôm về thăm gia đình, ông Hưng bị lính ở bốt Lục Thủy bắn chết. Ông Đặng Hữu Cầu đang công tác ở huyện, được cử về phụ trách cả công tác Đảng và chính quyền xã. Lúc này, tình hình rất căng thẳng, địch tăng cường càn quét, vây ráp, dân chưa ổn định làm ăn, cơ sở mới bắt đầu xây dựng. Nhiều lúc, cán bộ ta không bám được ở làng, những lúc quá căng thẳng phải đưa nhau tạm lánh sang Thái Bình. Sau khi củng cố bước đầu tổ chức, ông Cầu lại được điều động lên phụ trách miền, huyện lại phân công ông Nguyễn Văn Khuông về làm bí thư, ông Nguyễn Văn Giáp làm chủ tịch. Sau đó ông Giáp được Đại hội chi bộ bầu làm bí thư thay ông Khuông về huyện. Ông Giáp làm bí thư kiêm chủ tịch UBKCHC xã từ giữa năm 1951 đến tháng 5 -1953 thì ông bị địch bắt. Thời gian bắt đầu có những thuận lợi cho hoạt động của ta, cán bộ đã có nhiều kinh nghiệm trong công tác và sống trong lòng địch, dân tình đã ổn định, cơ sở phát triển khá rộng ở cả ba thôn, khu du kích bên ngoài đã bắt đầu được xây dựng và phát triển, nhưng địch cũng phản ứng lại gay gắt nhất. Ông Phạm Văn Quyết, phó bí thư, sống bán công khai, lúc nào tình hình tương đối ổn định vẫn đi làm ruộng. Xã đội trưởng lúc đầu là ông Cầu. Khi ông Cầu chuyển công tác thì giao cho ông Cao Phi, người thôn Dũng Trí. Ông Phi sau đó bị địch bắt và bị đánh chết. Ông Khuông đi bộ đội về, đảm nhận chức vụ này. Một thời gian sau, ông

langhanhthien.vn

Khuông bị phục kích chết ở cuối xóm 9, cùng các ông Tâm, Thiện. Ông Mai ở xóm 4 thay thế làm xã đội trưởng. Đầu năm 1954, ông Mai cũng bị bắt. Trong số những cán bộ xã bị bắt hay bị giết còn có: ông Hướng, xã đội trưởng, bị bắt giam ở Lục Thủy, sau khi được tha, do sức yếu, ông được điều đi công tác thoát ly. Ông Roanh tức Tâm, trước công tác ở xã Giao Thanh, sau đưa vợ con về Hành Thiện ở, rút vào hoạt động bí mật, đảm nhận chức vụ ủy viên UBKCHC xã, bị bắn chết ở xóm 9. Ông Phạm Khắc Thịnh, phụ trách trưởng ban Công an xã nhiều năm, tỏ ra rất gan dạ, nắm tình hình bọn xấu khá chắc và cụ thể. Nhưng một lần chạy địch, ông bị ngã sấp mặt xuống đất, ngực đập vào tường, bị dập phổi, nửa tháng sau thì chết. Lúc chôn ông thật là cơ cực, không có ván làm quan tài, không có mấy người đi đưa, ngoài mấy anh em du kích và cán bộ hoạt động nằm vùng và phải chôn lén lút vào ban đêm cạnh đường. Ông Nguyễn Văn Hanh, người thôn Dũng Trí, thường gọi là Binh Hanh (vì trước đây có thời gian đi lính cho Pháp), nhiều tuổi nhất trong hàng ngũ cán bộ nằm vùng, giữ chức vụ phó chủ tịch. Đến khi ông Giáp bị bắt thì ông được đưa lên làm chủ tịch UBKCHC xã.

Trong số cán bộ nữ, phải kể đến bà Nguyễn Thị Ba, một phụ nữ có hai con nhỏ, chồng đi bộ đội, đã hăng hái hoạt động trong suốt cả thời gian địch tạm chiếm. Có thời gian, bà được phân công làm chính trị viên xã đội. Bà đã nhiều lần thoát khỏi tay địch. Bà Nguyễn Thị Bình, ở chùa Trong, gia đình là cơ sở, bản thân bà là cán bộ phụ nữ xã. Bà hoạt động rất tích cực trong các phong trào quyên góp, trong công tác tiếp viện, liên lạc và nắm tình hình địch, giúp cho cán bộ hoạt động bí mật. Bà đã ba lần bị địch bắt. Ra khỏi nhà tù, bà lại tiếp tục hoạt động. Đến lần thứ ba, bà bị chúng đưa lên giam tại nhà máy chai Nam Định. Bà Nhuận ở xóm 13, là một cán bộ phụ nữ xã và là cơ sở địch vận của ta. Bọn ngụy quân, chỉ điểm thường hay la cà thăm các nhà dân ở chợ và các xóm cuối làng. Nhà bà Nhuận ở gần đó, cho nên bà nắm được nhiều tin tức của tiểu đoàn 16 khá cụ thể, trong đó có những cuộc càn quét của chúng. Bà đã xây dựng được một số nhân mối trong hàng ngũ địch. Sau bà bị lộ và bị địch bắt và giam cho đến ngày hòa bình lập lại. Bà Đặng Thị Tâm ở xóm 7, vợ ông Nguyễn Văn Giáp, tuy chồng đã đi hoạt động, phải nuôi một đàn con nhỏ, bà vẫn tích cực tham gia công tác phụ nữ và cộng tác với chồng trong nhiều việc quan trọng như chuyển thư từ cơ sở này đến cơ sở khác, trong việc liên hệ giữa cán bộ với các vị có tên tuổi trong làng như đối với các cụ Đặng Vũ Kính, Đặng Vũ Vinh, Nguyễn Văn Năng v.v...(bà vừa có họ vừa được các vị kia tin tưởng) hoặc chuyển lời mời các vị gặp gỡ cán bộ. Bà còn tích cực tham gia quyên góp cho cán bộ, chiến sĩ trong các phong trào Mùa đông áo ấm, trong các ngày lễ, ngày Tết..., đặc biệt trong việc quyên góp 2.000 bao tải đã nói ở trên. Bà cũng đã bị lộ, bị bắt, bị tra tấn rất dã man ở Séc-tơ, kể cả ở tiểu đoàn 16 ngụy. Chúng tra hỏi bà về chồng bà đang ở đâu, làm gì? Bà không cung khai. Sau gần một tháng trời đánh đập tra tấn bằng đủ các dụng cụ, kể cả tra điện, dìm xuống nước..., cuối cùng chúng không khai thác được gì và phải thả bà ra. Bà bị đánh loét da, loét thịt khắp người, hai chân gần như bị liệt. Tuy thế sau khi ra tù, bà lại tiếp tục làm nhiệm vụ, được bà con thêm tin yêu và tín nhiệm. Sau này bệnh tật phát triển, sức khỏe giảm sút, bà đã qua đời vào giữa năm 1957.

Ngoài những cán bộ chủ chốt nói trên, còn có những anh chị em tham gia một số mặt công tác như bà Thái ở xóm 4 công tác phụ nữ, ông Lâm ở xóm 4, cụ Tấp ở xóm 5v.v...tham gia công tác Mặt trận. Và rất nhiều bà con, anh chị em thanh niên khác sẵn sàng nhận sự phân công của xã, là những người đóng góp cho việc giữ gìn làng xã, nắm tình hình địch và giúp đỡ cán bộ đối phó kịp thời với địch.

Ngoài những hoạt động, ta còn làm tốt công tác địch vận: xây dựng một số nhân mối ở trong Séc-tơ, trong tiểu đoàn 16 ngụy và ngay cả ty Công an tỉnh Bùi Chu. Ông Nguyễn Văn Mưu, phó ty Công an Bùi Chu,thường xuyên cung cấp cho ta những tin tức để báo cáo lên huyện, lên tỉnh. Anh Lâm, một hạ sĩ quan ở tiểu đoàn 16, cũng thường xuyên cho ta biết việc bố phòng của địch hay tin tức về những trận vây ráp của địch. Hai người này đều là người làng, làm việc trong hàng ngũ địch. Một số người khác làm việc cho địch như dạy học, làm kế toán, tài chính...khi nắm được tin tức gì cũng kịp thời thông báo cho ta. Ngoài ra còn có một số nhân mối khác không phải người của làng, cũng tìm cách cung cấp cho ta nhiều tin tức quan trọng. Trong việc này phải nói tới ông bà Đông Thành ở phố Ngọc Cục. Ở nhà ông bà thường xuyên có tên phó ty Công an Bùi Chu, người Công giáo, đến ăn ở và làm việc. Chúng rất tin tưởng ở ông bà này. Ban đêm, hắn đến hút thuốc phiện, có nhiều việc quan trọng trong nhà xứ, trong tỉnh Bùi Chu cũng mang ra kể cho ông bà này nghe. Để nắm chắc tình hình và khai thác triệt để tin tức đó, chúng ta đã bố trí anh Chinh, cán bộ Công an được trên cử về tăng cường cho xã, giới thiệu sang làm con nuôi cho ông bà Đông Thành. Anh Chinh sống bán công khai, lúc nào địch vây ráp thì xuống hầm lẩn tránh. Như thế là nhà ông bà Đông Thành có hai lực lượng đối lập nhau, ra vào hàng ngày gặp nhau. Về sau bị lộ. Ông Đông Thành bị Séc-tơ bắt, tra tấn rất dã man, nhưng ông chịu đựng đau đớn không một lời khai báo.

Trong công tác địch vận, ngoài nắm tình hình địch, ta còn vận động được 4 lính ngụy đem súng ra hàng, được đem ra vùng du kích, rồi cho về quê làm ăn. Ở làng ta có hai thanh niên vừa đỗ bằng thành chung (đip-lôm) (tương đương tốt nghiệp Phổ thông cơ sở), bị động viên vào học trường sĩ quan ở Nam Định. Ta đến gia đình hai anh thuyết phục và vận động hai anh đảo ngũ. Hai anh đồng ý, nhưng hai anh đề nghị chờ cho hết khóa huấn luyện, mặc áo đeo lon mới dễ trốn. Tốt nghiệp xong, hai anh được phép nghỉ ngơi về thăm nhà. Ngay tối hôm đó, ta bố trí cho hai anh ra ngoài vùng tự do, đem theo cả hai bộ quân phục sĩ quan nộp cho kháng chiến. Hai anh được đưa ra Thanh Hóa và tiếp tục đi học. Về sau hai anh đã trở thành cán bộ tốt của cách mạng [4].

Trong việc vận động thanh niên đi tòng quân, xã ta cũng là một xã gương mẫu. Dù nằm trong vùng địch tạm chiếm, nhiều thanh niên đã tự động đến xin chính quyền xã cho đi tòng quân hoặc khi ta đến vận động bố mẹ cho nhập ngũ, thì anh em rất phấn khởi. Có tới 50 thanh niên trong thời gian này đã tham gia quân ngũ, lên đường giết giặc.

langhanhthien.vn

Kết luận:

Trong hơn 1500 ngày đêm chiếm đóng làng Hành Thiện (từ tháng 10-1949 đến tháng 4-1954), với lực lượng mạnh, đóng đồn bốt dày đặc trong làng, lại có sự phối hợp với bọn phản động Công giáo của tỉnh tự trị Bùi Chu, Pháp đã thu được một số kết quả: đóng vững vàng ở đây được trên 4 năm, không bị đánh một trận nào lớn và giết hại hàng chục cán bộ, bắt cầm tù gần 100 người vừa dân vừa cán bộ. Nhiều lúc cán bộ ta phải bật ra khỏi xã, nhưng công việc chống trả địch vẫn tiến hành đều đặn, không lúc nào để phong trào trắng, không có cán bộ bám sát dân, bám sát cơ sở. Những chiến thắng bên ngoài càng giòn dã, sôi động bao nhiêu, lòng người dân càng hào hứng bấy nhiêu, cũng là những lúc địch tăng cường đàn áp mạnh mẽ. Nhân dân sẵn sàng đón nhận và chống trả quyết liệt những trận càn quét và khủng bố của địch để hòa nhập với chiến trường, trong đánh ra, ngoài đánh vào, làm chúng hoang mang đến cực độ. Tình cảm nhân dân và cán bộ ngày càng thắm thiết. Càng lúc gay gắt, tình cảm đó càng gắn bó chặt chẽ. Dân thương cán, cán quý dân, cùng nhau đồng cam cộng khổ. Các tổ chức luôn được củng cố và kiện toàn. Người này chết hay bị bắt thì có người khác thay thế ngay.

Tình hình dân làng tuy sống trong gọng kìm của địch, vẫn được làm ăn bình thường. Người làm ruộng, người dệt cửi, người đi buôn vẫn tiến hành đều đặn. Cuộc sống tuy có khó khăn, nhưng không đến nỗi phải đói rét.

Hoạt động của chính quyền và các đoàn thể của ta trong vòng bí mật, nhưng vẫn có hiệu quả. Việc vận động nhân dân đóng góp như hũ gạo kháng chiến, áo rét mùa đông, các khoản thuế được thực hiện một cách đầy đủ. Các hoạt động của địch chúng ta đều nắm bắt kịp thời và thông báo nhanh tới huyện, tỉnh. Trong đó có trận phục kích Cầu Đôi, Hải Hậu, tiêu diệt hai tiểu đoàn địch, là do tin tức của làng ta thông báo kịp thời lên cấp trên. Với phong trào như trên, với tinh thần dũng cảm, kiên cường của nhân dân và cán bộ Hành Thiện, tỉnh, huyện đã có nhiều lần biểu dương, khen ngợi (mặc dầu lúc đó, việc khen thưởng nhiều khi chỉ bằng miệng, còn bằng các hình thức giấy tờ thì có rất ít).

Khi địch rút đi, các tổ chức chính quyền, đoàn thể của xã vẫn đảm bảo đầy đủ và sẵn có nền nếp làm việc, đã bắt tay ngay vào việc ổn định an ninh trật tự xã hội phát triển kinh tế và cải thiện đời sống nhân dân.

N.V.G

Chú thích:

1. *Pháp chiếm đóng làng Hành Thiện từ tháng 10-1949 đến tháng 4-1954.*

2. *Ông Nguyễn Văn Giáp là cán bộ hoạt động địch hậu suốt thời gian địch tạm chiếm làng Hành Thiện từ tháng 10-1949, cho đến tháng 5-1953, khi ông bị địch bắt. Một thời gian dài, ông được phân công làm bí thư Chi bộ xã, kiêm chủ tịch UBKCHC xã*

3. *Xã Tiên Châu gồm 3 thôn: Hành Thiện, Xuân Tiên (tức Ngọc Cục) và Chí Thiện.*

4. *Hai thanh niên này là Đặng Huy Vận và Nguyễn Văn Tuân. Sau khi tốt nghiệp Đại học sư phạm Hà Nội, ông Đặng Huy Vận làm cán bộ giảng dạy khoa Sử Đại học Tổng hợp Hà Nội và ông Nguyễn Văn Tuân là giáo viên trường Phổ thông cấp III Bắc Thái.*

YẾN LÃO Ở LÀNG HÀNH THIỆN

ĐỖ NGUYÊN HẠNH- ĐỖ QUANG HUYÊN

Dần, Thân, Tị, Hợi định kỳ,
Lệ làng hương yến chẳng nề bần sang.
Áo khăn đỏ rực đường làng,
Tiếng đàn, tiếng pháo, râm ran suốt ngày.
Làng biếu áo đỏ, bánh giày,
Con cháu sum vầy chúc thọ mẹ cha.
Giời cho nhà ngói ba tòa,
Chẳng bằng cho được yến ca một lần.

Ca dao cổ

Về lệ hương yến, làng ta xưa có quy định :"Vào những ngày có cử lễ thần thì ngày 16 có lễ yến các vị lão ông 60 tuổi trở lên và ngày 17 yến các vị lão bà từ 70 trở lên (năm 1947 thì lão bà 60 tuổi cũng được dự yến). Các lão ông và lão bà lễ thần tại miếu, rồi rước lên chùa dự lễ Thánh, lễ Phật, rồi dự yến"(Đặng Xuân Viện- *Hành Thiện xã chí).*

Vậy lệ hương yến làng Hành Thiện có từ bao giờ ?

Chắc chắn là lệ hương yến ở làng ta từ lâu đã được coi là một mỹ tục có tiếng vang trong cả nước, góp phần làm nên bốn chữ : "Mỹ tục khả phong" do triều đình ban cấp năm Tự Đức thứ 16 (1864). Rất tiếc không có tài liệu nào nói chính xác lệ hương yến ở làng Hành Thiện có tự bao giờ và vì sao làng Hành Thiện tổ chức hương yến. *"Hành Thiện xã chí"* của cụ Đặng Xuân Viện cũng không đề cập vấn đề này. Phả kỷ của các dòng họ cũng thế. Duy tập "Truyện các cụ họ Nguyễn" của cụ Tổng sư Nguyễn Văn Bổn viết năm 1946 có đôi dòng viết về các cụ họ Nguyễn được hưởng hương yến .Trong tập truyện này, tôi thấy có kể cụ Nguyễn Bá Nghi sinh năm 1789 thọ 70 tuổi , cụ Nguyễn Thúc Tài sinh năm 1792 thọ 78 tuổi, nhưng không nói tới việc các cụ được hưởng hương yến. Tập truyện chỉ ghi các cụ Nguyễn Duy Hiệu, Nguyễn Xuân Huyền và các cụ thuộc hàng con cháu các cụ Duy Hiệu, Xuân Hiệu, Xuân Huyền được hưởng hương yến.

Cụ Nguyễn Duy Hiệu (thân phụ cụ tiến sĩ Thái Am Nguyễn Ngọc Liên) sinh năm 1820 hưởng hương yến năm Canh Dần, Thành Thái đệ nhị niên (1891). Cụ Thị lang Nguyễn Xuân Huyền (thân phụ cụ Thượng Công Nguyễn Xuân Phiêu) sinh năm 1825 được hưởng hương yến năm Quý Tị, Thành Thái đệ ngũ niên (1894). Tôi đưa các tài liệu này ra không

langhanhthien.vn

phải để đi đến kết luận yến lão làng ta phải được đến đời cụ Duy Hiệu, Xuân Huyền mới có, mà chỉ muốn khẳng định ít ra cách đây hơn một thế kỉ, việc tổ chức hương yến ở làng ta đã thành lệ làng rất có nề nếp.

Cụ ông cao niên vào bậc nhất ở làng ta hiện nay là cụ Nguyễn Viết Hiếu ở xóm 2 và nhiều cụ cao niên trong làng đã kể cho tôi nghe rất cụ thể về lệ làng:

- Theo lệ làng, thì yến lão được tổ chức 3 năm một lần vào các năm Dần, Tị, Thân, Hợi (theo lịch can chi) là các năm làng có tế xuân ở miếu (miếu gần chợ sáng, nay không còn). Vào những năm này này, ngày 15-2, làng vào đám tế xuân, thì 16-2 làng tổ chức yến lão cho các cụ ông, ngày 17-2, làng tổ chức yến lão cho các cụ bà. Cũng đúng vào các năm này, các cụ nào đã dù thiếu 1 tuổi (tính theo tuổi mụ, âm lịch) đều phải đợi đến trương sau mới được hương yến. Tuy các cụ từ 60 tuổi trở lên đã được dự hương yến, nhưng vào tuổi 70 các cụ mới tính là trương đầu.

Sau yến lão của làng, họ Nguyễn còn tổ chức yến lão vào các năm Mão, Ngọ, Dậu, Tý; họ Đặng Vũ, yến lão họ vào các năm Thìn, Mùi, Tuất, Sửu.

- Về khăn áo, làng quy định như sau: Các cụ từ 60 đến 69 tuổi mặc áo thâm, có thể đội khăn đỏ. Từ 70 tuổi đến 79 tuổi mặc áo vải đỏ, đội khăn vải đỏ. Từ 80 đến 89 mặc áo lụa đỏ, đội khăn lụa đỏ. Từ 90 tuổi trở lên mặc áo nhiễu đỏ, đội khăn nhiễu đỏ. Sau trương đầu, các trương thứ hai, thứ ba... mà chưa bước sang độ tuổi khác thì chưa được thay áo mà chỉ gọi là nhuộm lại áo.

- Về bánh giầy làng biếu các cụ cũng được quy định rõ: Độ tuổi 60, mỗi cụ 1 cặp, độ tuổi 70, mỗi cụ 2 cặp, độ tuổi 80 mỗi cụ 3 cặp v.v...Bánh giầy của làng giã bằng nếp hương, đường kính mỗi tấm 20 cm, cao 6 cm, trên có đính chữ thọ trổ bằng giấy hồng điều.

Tinh thần trọng thọ còn được thể hiện ở tang lễ các cụ đại thượng thọ từ 90 tuổi trở lên, được sử dụng trống cái của làng, đó là một ngoại lệ kính lão, thường trống đó chỉ dùng trong tế lễ, hội hè của làng.

- Để có tiền chi tiêu, làng dành ra ba mẫu ruộng công điền. Tiền biếu các cụ mua khăn áo đỏ, tiền bánh giầy và khoản chi cho hương yến đều trông vào hoa lợi của ba mẫu ruộng làng. Chính nhờ có lệ này mà tất cả các cụ không kể giàu nghèo đều có khăn áo đỏ đi dự hương yến.

- Vào ngày quy định, con cháu rước các cụ từ nhà ra miếu. Sau khi lễ thần ở miếu, làng rước các cụ lên chùa lễ Phật, lễ Thánh, dự yến tiệc của làng. Lễ rước được tổ chức trọng thể đẹp mắt, linh đình như ngày hội lớn. Đi đầu là cờ ngũ hành, trống ngũ lôi, rước long đình. nhang án, sau đó là phường bát âm rước các cụ lên chùa. Năm nào cụ tiên chỉ được hương yến thì võng lọng của cụ được đi đầu tiên, tiếp theo là các cụ được hưởng hương yến lần lượt xếp theo độ tuổi mà hành tiến, các cụ tám mươi đi trước các cụ bẩy mươi... Phần lớn các cụ đều ngồi trên võng, trên cáng, che lọng, che ô, có rất đông con cháu đi theo hầu, mang theo ấm nước cơi trầu. Nhiều gia đình còn mời phường bát âm, phường gia lam tấu nhạc để các cụ nghe.

rước các cụ ra miếu, lên chùa. Đám rước kéo dài hàng trăm mét. Đường làng lối trước dỏ rực màu áo màu khăn, rộn ràng tiếng trống, dặt dìu tiếng trúc tiếng tơ. Nụ cười rạng rỡ trên môi trầu của các cụ, nụ cười tươi rói trên môi hồng của lũ cháu con.

Tới cây gạo Hạ mã, các cụ đều xuống cáng, đi bộ vào chùa. Cửa chùa Phật, chùa Thánh, đã mở rộng, đèn nến sáng trưng, hương hoa ngào ngạt. Các cụ lần lượt vào lễ Phật, lễ Thánh.

Lễ yến bắt đầu bằng một tràng pháo nổ ran ran gợi lại không khí của những ngày tết nhất. Hai dãy hành lang, chiếu đã trải sẵn. Các cụ không phân biệt giàu nghèo mà ngồi hưởng cỗ yến theo độ tuổi. Các cụ từ 70 trở lên thì ngồi trên chiếu cạp điều. Các cụ cao tuổi được mời ngồi chiếu trên. Nghe nói có năm, cỗ yến có món yến sào thực sự. Thông thường thì cỗ yến có rượu màu Kim cúc, bánh oản, bánh chén và hoa quả. Niềm vui được hưởng hương yến cùng với men rượu làm nét mặt các cụ thêm hồng hào đẹp lão. Nhiều cụ áo lụa đỏ tươi, râu tóc bạc phơ, nét mặt hồng hào tay nâng chén rượu mời bạn đồng niên, đồng tuế đẹp như những ông tiên trong truyện cổ tích.

Giữa những ngày xuân cánh đào bay bay theo gió, trầm hương khói pháo lan tỏa ngật ngào, tiếng trúc, tiếng tơ dìu dặt, tiếng nói cười râm ran, cảnh hương yến mờ mờ thực thực cứ ngỡ như bàn đào, tiên cảnh chính là đây.

Tan tiệc của làng, con cháu rước các cụ về nhà. Tùy theo gia cảnh mà các gia đình tổ chức mừng thọ các cụ vào những ngày khác nhau, những hình thức và mức độ khác nhau. Thông thường lễ mừng thọ các cụ ở gia đình được tổ chức lớn vào năm các cụ được mặc áo đỏ (70 tuổi) và những trương được thay áo (chuyển độ tuổi), còn những trương nhuộm lại áo thì tiệc gia đình có đơn giản hơn.Việc mừng thọ ở gia đình không lấy mâm cao cỗ đầy làm trọng mà cốt ở lòng thành kính tuổi già và niềm hân hoan của mọi người trong gia tộc. Có nhà sửa lễ hương hoa oản chuối để các cụ lên chùa lễ Phật, lễ Thánh rồi quây quần hưởng lộc cụ cho. Có nhà, từ năm trước đã bỏ chuồng con lợn ỷ, đến kỳ hương yến, con cháu mổ lợn làm dăm bẩy mâm cơm lễ gia tiên, mừng thọ cụ. Anh em, con cháu quây quần quanh cụ cùng liên hoan. Mừng nhất là những gia đình đại phúc, mẹ con, bố con cùng được hưởng hương yến (bố mẹ 90 tuổi, con 70 tuổi), vợ chồng cũng được song toàn hưởng hương yến.

Người Hành Thiện thường nhắc đến cụ cố lão ông Nhiêu Rị như một thần tượng về tuổi thọ của cả làng. Cụ đại thượng thọ trên trăm tuổi mà mắt không lòa, tai không điếc, chỉ phải nằm liệt và quên lẫn khoảng một tuần trước khi về chầu tiên tổ .

Có những năm làng tổ chức hương yến sau Tết âm lịch. Nhà cửa các cụ được tu sủa, dọn dẹp, quét vôi trắng lóa. Các hiệu may kẻ ra người vào tấp nập, rực rỡ một màu vải đỏ, lụa đỏ may áo may khăn. Từ ngày 10-tháng 2 đến ngày 18-tháng 2, cả làng thực sự bước vào kỳ hội lớn. Suốt

langhanhthien.vn

ngày đêm, tiếng xay lúa ầm ào, tiếng giã gạo giã bánh thình thịch, tiếng lợn kêu eng éc, tiếng đàn sáo dập dìu, tiếng pháo nổ dòn tan và tiếng cười nói râm ran...tất cả phối hợp thành một bản hòa tấu chúc mừng tuổi thọ. Đường làng ngõ xóm lúc nào cũng nhộn nhịp đông vui. Các cụ tấp nập cùng con cháu lên chùa lễ Phật, lễ Thánh. Các con cái, cháu chắt từ Nam Định, Hà Nội, Hải Phòng, Thanh Hóa, Sài Gòn...lũ lượt kéo nhau về mừng thọ ông bà, cha mẹ.

Học trò từ khắp nơi, gần như Nam Trực, Thái Bình, xa như kinh đô Huế rủ nhau về mừng thọ thầy, chúc thọ cô. Nụ cười rạng rỡ, nước mắt tuôn trào vì quá cảm động, sung sướng. Con cháu trong họ ngoài làng đem chè hương, rượu màu, mang bức trướng hồng, vác câu đối đến chúc thọ các cụ với lòng thành kính biết ơn, với niềm mơ ước "Kính già, già để tuổi cho". Người già vốn rất chu đáo. Bánh giầy lộc của làng, hoặc oản chuối thừa lộc Thánh, các cụ ban cho con cháu trong họ ngoài làng mỗi nhà một miếng. Con cháu ăn miếng bánh thơm phức mà có cảm giác được hưởng thuốc trường sinh. Xóm làng sống trong không khí hội hè, đầm ấm, ai cũng tâm niệm câu "Kính lão đắc thọ". Con cháu thì nhủ lòng phải ăn ở sao cho phải đạo hiếu sinh xứng với "Công cha như núi Thái Sơn, nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra".

Đỉnh cao của lệ hương yến là lễ thọ Tứ đại đồng đường hay nói cách khác là dạng đặc biệt, hình thúc nâng cao của lệ hương yến thông thường chỉ tôn vinh tuổi thọ. Tứ đại đồng đường coi trọng cả Thọ và Phúc xét về mặt con cháu. Tứ đại đồng đường là bốn đời cùng nhà hay nói rõ hơn là bốn đời vợ chồng cùng song toàn:

- Đời một là hai cụ lão ông và lão bà.
- Đời hai là ông trưởng nam và bà dâu trưởng của hai cụ
- Đời ba là cháu đích tôn và cháu dâu trưởng của hai cụ
- Đời bốn là chắt đích tôn và chắt dâu trưởng của hai cụ.

Trưởng nam và cháu chắt đích tôn của cụ cố phải là con đẻ của các bà chính thất, con các bà vợ lẽ, nàng hầu không hợp lệ mặc dầu chính thất của đời nào đó không có con trai.

Không định mức tuổi thọ nhưng để có được bốn đời cùng song toàn, các cụ thọ tứ đại đồng đường phải vào tuổi xưa nay hiếm, thất thập trở lên, nên mặc nhiên các cụ được hưởng yến làng, được trang phục như các cụ khác cùng độ tuổi nhưng hơn về bánh giầy và được con cháu lễ sống tại gia với lễ mừng long trọng, linh đình hơn, khao thọ rộng rãi hơn lễ thọ yến thông thường.

Mỗi trương, hàng trăm cụ được hưởng hương yến nhưng mấy trương mới có một trường hợp thọ lão tứ đại đồng đường. Mặt khác do chiến tranh, kinh tế khó khăn và những lý do khác, một số cụ được thọ lão tứ đại đồng đường nhưng không tổ chức lễ sống và khao thọ, nên xưa nay, người Hành Thiện mới được chứng kiến một lễ mừng thọ tứ đại đồng đường của hai cụ cố Nguyễn Đăng Huyên và Đặng Thị Mười. Ông Nguyễn Đăng Kha, cháu nội hai cụ cho biết lễ đó được

tổ chức vào trương yến năm Giáp Thân (1944), cách đây nửa thế kỷ. Sau khi dự yến làng, trước bàn thờ gia tiên trầm hương nghi ngút, hoa quả ngạt ngào, hai cụ ngồi ghế cao nhận lễ của các con cháu chắt nội ngoại, lần lượt theo thứ bậc cao thấp vào vái hai cụ. Bẩy ngày liền đông vui, đàn hát, giai điệu ca trù ngọt ngào, pháo nổ giòn tan. Mỗi ngày gia đình mổ một lợn tạ để mời cơm rượu cả họ, cả phe và cả xóm đến mừng thọ hai cụ.

Bốn đời song toàn cùng nhà của hai cụ cố như sau:

- Đời 1:

Cụ ông Nguyễn Đăng Huyên (tên thường gọi là phó Sún), năm ấy thọ 74 tuổi.

Cụ bà Đặng Thị Mười, năm ấy thọ 73 tuổi.

- Đời 2:

Trưởng nam Nguyễn Độ Mai (tên thường gọi là Dứa)

Dâu trưởng Phạn Thị Nạc.

-Đời 3:

Cháu đích tôn Nguyễn Văn Hỷ.

Cháu dâu trưởng Nguyễn Thị Tho.

-Đời 4:

Chắt đích tôn Nguyễn Xuân Hảo, năm ấy 14 tuổi.

Chắt dâu trưởng Lã Thị Oanh, năm ấy 16 tuổi

Sau lễ mừng thọ tứđại đồng đường năm Giáp Thân (1944), cụ Mười còn thọ thêm 4 năm nữa và cụ Huyên còn thọ thêm 8 năm nữa nên 2 cụ còn được hưởng hương yến song toàn một trương nữa.

Số các cụ được hưởng hương yến tăng dần qua mỗi trương. Số cụ được thọ lão tứ đại đồng đường không ổn định và đang có xu thế giảm. Mặc dù đời sống tinh thần và vật chất ngày càng tốt hơn nhưng chữ phúc theo quan niệm mới là sinh con muộn và ít, không quá câu nệ con cháu trai hay gái.

Có lẽ vì quá hiếm nên chưa sách nào nói đến tứ đại đồng đường nói chung và lệ làng về lễ mừng thọ lão tứ đại đồng đường nói riêng nhưng thực tế đã có và người Hành Thiện luôn nhắc đến một cách trang trọng và kính phục, nên sẽ là thiếu sót lớn nếu bỏ qua không nói.

Yến lão không những được tổ chức ở quê nhà mà hội đồng hương Hành Thiện ở nhiều tỉnh thành khác và ở nước ngoài cũng có các hình thức mừng thọ yến các cụ gốc Hành Thiện. Ở Hà nội, lệ yến lão bị gián đoạn một thời gian, mới được khôi phục lại từ trương Nhâm Thân 1992. Đặc biệt ở thành phố Hồ Chí Minh, hội Hành Thiện tương tế đã tổ chức yến lão thường kỳ từ trương Tân Sửu 1961 đến nay tại chùa Thần Quang (chùa riêng của người Hành Thiện xây dựng tại Sài Gòn năm 1959, lấy cùng tên chùa ở quê nhà), cũng 3 năm 1 lần nhưng lệch 1 năm so với lệ làng. Tuy nhiên nhiều cụ sinh sống nơi khác vẫn muốn về quê hương hưởng hương yến. Khắc phục trở ngại về sức khỏe và các khó khăn khác, trương yến năm nào cũng có hàng chục cụ về quê hương hưởng hương yến, để được lễ Phật, lễ Thánh tại chùa quê nhà và trò chuyện cùng các bạn già. Các cụ được bà con làng xóm và hội lão làng đón tiếp nồng nhiệt và hưởng lộc làng như các cụ khác cùng độ tuổi ở quê nhà, theo đúng lệ làng truyền thống.

Tính chất dân chủ, ý nghĩa nhân văn của hương yến Hành Thiện đã góp phần làm rạng rỡ thêm bốn chữ "Mỹ tục khả phong"

langhanhthien.vn

Cho tới nay hương yến vẫn được xem là một mỹ tục được duy trì mãi mãi. Vào các năm Dần, Tỵ, Thân, Hợi, ngày 16 tháng 2 âm lịch, con cháu rước các cụ từ 70 tuổi trở lên ra hội trường hoặc lên chùa hưởng lộc làng, nghe đàn hát, bình thơ, chúc tụng. Do kinh tế của từng gia đình có khá giả hơn xưa nên việc tổ chức mừng thọ tại gia có phần phong phú, sang trọng hơn nhiều. Năm nay đình làng đã được đại tu khang trang hơn trước. Bức đại tự "Mỹ tục khả phong" vẫn được treo trang trọng ở vị trí cũ. Hàng tháng cứ vào các ngày 8,18,28 các cụ lại cùng ra đình sinh hoạt câu lạc bộ tuổi già rất vui.

Chúng con, chúng cháu kính chúc các cụ vạn thọ, an khang.

Đ.N.H-Đ.Q.H

Số phận ...(tiếp trang 70)

ghi tội?) của Hoàng Cao Khải). Ông tôi làm quan ở Bắc Ninh, ngày nghỉ thường sang Hà Nội chơi với người em con dì và cũng là bạn họ chí thiết của ông tôi là ông tiến sĩ án sát Hà Nội Đặng Hữu Dương. Hoàng Cao Khải biết tin ông tôi ra Hà Nội thế nào cũng mời ông tôi vào dinh chơi bài. Ông tôi khi ngồi đánh bài thường chọn ngồi lòng nước (chỗ giữa, còn 4 người bốn góc). Mắt ông tôi rất tinh, có tiếng là nhất mục thập hàng (một lần nhìn được mười dòng chữ). Nhờ tinh mắt bài của người ngồi cánh trên, người ngồi cánh dưới, ông tôi liếc nhìn biết cả, giúp cho việc đón ăn phỗng hoặc chờ ù của bài mình, cho nên trăm canh được cả trăm. Khi về Bắc Ninh, ông tôi gọi chú Khách bán sách đem danh mục sách vào thấy có sách mới là mua ngay.

Ông tôi về chịu tang ở quê vào tháng 6 năm 1893, bệnh phổi ngày càng trầm trọng, đến tháng 8 năm 1894 (ngày 20 tháng 7 âm lịch) thì mất, thọ 36 tuổi. Khi hấp hối, ông tôi có dặn lại rằng: "Sau này con cháu đừng có dại mà làm quan với giặc Pháp, nó thâm độc xảo quyệt, rất khinh rẻ người mình. Cho nên ngày anh Cả (tức bố tôi) 9 tuổi, công sứ Bắc Ninh tha thiết xin cho anh Cả sang Pháp học, về thì có địa vị cao ngay, nhưng đời ta đã đau đớn nhục nhã nhiều rồi, nên ta cương quyết từ chối chuyện du học".

Sau khi ông tôi mất, các con đều còn nhỏ (bố tôi là con cả mới 11 tuổi, chú Hai 8 tuổi, chú Ba 5 tuổi), bà tôi quán xuyến mọi việc trong nhà, mời thày dạy dỗ con cái. Bà tôi đường đường một vị mệnh phụ, nhưng đối với bản thân thì kiệm ước, ăn mặc xềnh xoàng, sẻn nhặt, rất giàu lòng thương người nghèo khó. Trong làng hay làng bên, có người chết không có tiền mua săng ván, đến xin là cụ cho ngay. Các học trò nghèo đi thi, cụ thường cho người đem đến nhà tặng ít tiền làm kinh phí (chính ông Kép Phong, là cháu cụ Án Nguyễn Hữu Lợi, đã kể chuyện này với tôi). Bà tôi mất ngày 5 tháng Giêng âm lịch năm Quý Dậu (1933), thọ 71 tuổi.

Đạo đức và tác phong gương mẫu của bà tôi và những lời dặn dò của ông tôi trước khi nhắm mắt đã có tác động đến tinh thần tham gia cách mạng của lớp con cháu gia đình tôi sau này.

N.V.K

NHÀ VĂN HÓA LỚN CỦA HÀNH THIỆN: TIẾN SĨ ĐẶNG XUÂN BẢNG (1828-1910)

ĐẶNG ĐỨC AN

Đặng Xuân Bảng, tự Hi Long, hiệu Thiện Đình, sinh năm Mậu Tý, đời Minh Mạng thứ 8 (1828), tại xã Hành Thiện, huyện Giao Thủy, phủ Xuân Trường, tỉnh Nam Định (nay là thôn Hành Thiện, xã Xuân Hồng, huyện Xuân Thủy, tỉnh Nam Hà), là con trưởng của cụ Mền[1] Đặng Viết Hòe (hay Đặng Xuân Hòe). Cụ Hòe kiên trì học tập thi cử, bảy lần đi thi hương lần nào cũng đậu tú tài (1828, 1831, 1846, 1847, 1848, 1850, 1852), mà không đậu cử nhân. Cụ mở trường dạy học ở làng và đã dậy các con thành đạt (con cả là Đặng Xuân Bảng, đậu tiến sĩ, làm đến tuần phủ; con thứ là Đặng Ngọc Toản, đậu á nguyên, làm giáo thụ).

Đặng Xuân Bảng diện mạo khôi ngô, trán cao, mắt sáng, tiếng nói sang sảng. Ngay từ thời thơ ấu, Đặng Xuân Bảng đã nổi tiếng là thần đồng. Năm 12 tuổi, một ông khách đến chơi, ra cho một câu đối: "Trời có mắt, trời không xa, đèn trời soi xét". Cậu đối ngay:" Đất không chân, đất biết chạy, quả đất xoay vần". Lại có một ông khách khác ra câu đối bằng tục ngữ:"Bé chẳng vin, cả gẫy cành, nên phải học ăn, học nói, học gói, học mở". Cậu đối liền: "Con hơn cha, nhà có phúc, chắc hẳn có cầu, có được, có ước, có nên". Thủa học trò, vì cảnh nhà nghèo, nên ông chỉ học thân phụ mình , mà không được học một thày nào khác, nhưng ông rất ham học, đọc nhiều sách và đã nổi tiếng là người thông thái, hiểu nhiều, biết rộng.

Ông hai lần thi đậu tú tài (khoa Bính Ngọ 1846 và khoa Mậu Thân 1848), rồi mới đậu cử nhân khoa Canh Tuất 1850, lúc 23 tuổi ta (khoa này tại trường thi hương Nam Đinh lấy đậu 27 cử nhân và 54 tú tài, trong đó làng Hành Thiện có 2 vị đậu cử nhân và 6 vị đậu tú tài). Sau khi đậu cử nhân, ông được bổ làm giáo thụ phủ Ninh Giang, tỉnh Hải Dương (nay là Hải Hưng). Sau khi làm giáo thụ một thời gian, ông cưới vợ (con gái cụ tú tài Đặng Văn Bật, người làng) và dành dụm được một số tiền để làm lộ trình lên kinh đô Huế thi hội, thi đình. Năm Bính Thìn đời Tự Đức thứ 9 (1856), ông đậu tiến sĩ đệ tam giáp đệ nhất danh, lúc 29 tuổi. Tương truyền đáng lẽ ông xứng đáng đậu tiến sĩ đệ nhị giáp (hay hoàng giáp), nhưng vì bài văn sách thi đình của ông có chỗ "chạm nọc" Tự Đức, cho nên chỉ được lấy đậu tiến sĩ Đệ tam giáp (hay đồng tiến sĩ, tức tiến sĩ thường hay nghè) nhưng vẫn đứng đầu 5 người ở bảng này. Khi dự yến vua ban tại điện Cần Chánh, Tự Đức hỏi ông học ai, ông tâu là chỉ học thân phụ mà thôi, nên vua ban cho ba con ông bốn chữ" Giáo tử đăng khoa" (nghĩa là dạy con, mà con thi đậu khoa bảng). Ông là người đầu tiên ở làng Hành Thiện thi đậu tiến sĩ từ khi thành lập làng đến nay và là người thứ hai đậu tiến sĩ ở huyện Giao Thủy (người đầu tiên của huyện Giao

langhanhthien.vn

Thủy đậu tiến sĩ là Phạm Thế Lịch, người làng Quần Mông, sau đổi Lạc Quần, đậu khoa Kỷ Sửu 1829). Đám rước vinh quy của ông từ tỉnh về làng do hàng huyện đón rước (khi đó huyện Giao Thủy gồm 10 tổng, 109 xã) hết sức rầm rộ. Lễ khao vọng được tổ chức rất lớn tại nhà ông ở giong số 7, kéo dài 10 ngày.

Bà phu nhân đầu tiên của ông cưới hồi ông làm giáo thụ (con gái cụ tú tài Đặng Văn Bật) đã tạ thế sau ngày cưới được hai năm và chưa sinh đẻ lần nào, nên sau lễ vinh quy, ông kết hôn lần thứ hai với con gái cụ nghè tổng đốc trí sĩ Phạm Thế Lịch, người làng Quần Mông (sau đổi Lạc Quần) tên là Phạm Thị Túc, kém ông 15 tuổi. Đám cưới rất linh đình. Nhân dân cho là đám cưới này lớn nhất huyện Giao Thủy từ xưa đến nay. Phu nhân là người hiền hậu, đoan trang được dân làng kính nể. Cho nên dân làng đã làm câu thơ ca ngợi:

Con ông nghè làm bà nghè
Tơ hồng ai đã khóe xe duyên trời

Khoảng 3 tháng sau ngày đậu tiến sĩ, ông nhận được chiếu vua đòi vào Huế, làm việc ở Nội Các tức văn phòng bí thư của nhà vua. Ông được giao các công việc sửa chữa và bổ túc bộ sách "Nhân sự kim giám" bằng chữ Hán, nói về cánh xử thế của người đời.

Năm Kỷ Mùi (1859) ông được bổ làm quyền tri phủ Thọ Xuân (Thanh Hóa). Năm sau, ông được thăng chức tri phủ thực thụ và chuyển sang phủ Yên Bình (Tuyên Quang). Tại Thọ Xuân, ông làm việc rất siêng năng, mà cũng rất liêm khiết. Ông không những không bao giờ nhận tiền và lễ vật của dân mà còn cấm các thuộc hạ và lính lệ vòi tiền dân khi dân có việc đến cửa quan. Ông cho phép dân được tiếp xúc thẳng với mình không qua sự trung gian của nha lại. Ông cho lùng bắt ráo riết bọn trộm cướp trong vùng, đảm bảo cho dân chúng được an cư lạc nghiệp. Khi ông được triều đình triệu về Huế, dân chúng nhớ tiếc ông, coi ông như vị phúc tinh.

Năm Tân Dậu (1861), ông được triều đình cử làm giám sát ngự sử. Ông trình bày lên vua nhiều bản điều trần về cải cánh chính trị, quân sự, kinh tế, tài chính... Ông phản đối việc ăn tiêu xa xỉ của triều đình, đặc biệt là tâm lý sùng hàng ngoại, làm cho tài chính gặp khó khăn. Ông đề nghị khuyến khích chế tạo các hàng nội cho tinh xảo để "người nước mình dùng hàng nước mình". Ông phê phán tổ chức quân đội ở thời Tự Đức chia nhỏ về các tỉnh, phủ chỉ để hầu hạ các quan chứ không làm được nhiệm vụ tác chiến, ông yêu cầu tổ chức lại quân đội, tổ chức những đạo quân cơ động tinh luyện đóng ở các trung tâm trọng yếu của vùng, cho phép các quan chức được thành lập các đội quân mộ làm quân "thủ hạ chí cốt". Còn việc canh phòng làng xóm thì giao cho dân binh tự đảm trách, Những yêu cầu của ông không được vua và triều đình chấp nhận. Về đối ngoại, ông đề nghị mở của buôn bán với nhiều nước phương Tây, như vậy "nước này trục chiếm riêng thì đã có nước khác ngăn trở". Như Tự Đức không nghe, còn phê vào sớ:" Một nước còn giao thiệp không xong, nữa là nhiều nước".

Việc ông đề nghị nguyên tắc lựa chọn và thăng thưởng quan lại văn võ sao cho công bằng, đã bị hai ông thượng thư bộ Lại (Thân Văn Nhiếp) và bộ Binh (Trần Tiến Thành) thù ghét. Vì thế năm Giáp Tý (1864), nhân ông án sát Quảng

Yên bị cách chức vì đánh giặc Khách, giặc Thổ bị thua, hai ông thượng thư đề nghị của ông ra Quảng Yên cầm quân đánh giặc. Ông là quan văn, không có một chút kiến thức và kinh nghiệm nào về quân sự, nhưng vẫn phải tuân lệnh vua. Ông gấp rút tìm đọc các sách về binh pháp và tiếp xúc với các vị võ quan đã từng xông pha trận mạc để học hỏi. Ông đến Quảng Yên nhận chức án sát, tham gia đánh giặc dưới quyền điều khiển của ông Hiệp thống Trương Quốc Dụng. Thấy ông Trương Quốc Dụng bày binh ở nơi bất lợi, ông Đặng Xuân Bảng đã khuyên nhủ, nhưng ông Trương Quốc Dụng không nghe, nên bị quân địch đánh bại và tử trận. Khi ông ngự sử được vua Tự Đức cử đến thẩm xét tình hình, ông trình bày kế hoạch dẹp giặc của ông. Sau khi được nhà vua chấp thuận, ông tổ chức lại quân đội, luyện tập kĩ càng về thủy chiến và đánh tan được quân giặc. Ông trở thành nổi tiếng văn võ toàn tài,

Để tưởng nhớ công lao dẹp giặc yên dân của ông, năm Đinh Mão (1867), vua Tự Đức ban cho hai cụ thân sinh của ông lúc ấy đã trên 70 tuổi hàm Hàn Lâm thị giảng học sĩ (tòng tứ phẩm). Ông xin nghỉ phép về làng Hành Thiện mấy ngày để làm lễ sinh phong[2] cho cha mẹ. Dân làng đến chúc mừng rất đông.

Năm Đinh Mão (1867), ông được thăng làm bố chánh Thanh Hóa. Được hơn một năm, ở Tuyên Quang có cuộc nổi dậy của người Mèo (Dao) do Thế Hòa Đức cầm đầu nghĩa quân đánh phá tỉnh này. Vua Tự Đức biết rõ tài cầm quân của ông, đã cử ông làm bố chánh Tuyên Quang để dẹp toán nổi loạn này. Năm 1869, ông trở về làm bố chánh Thanh Hóa lần thứ hai, rồi bố chánh Hà Nội, bố chánh Sơn Tây. Năm 1870, ông được thăng làm tuần phủ Hưng Yên. Tỉnh Hưng Yên bị vỡ đê, lụt. Thấy tình hình cần cứu tế khẩn cấp, ông đã tự tiện lấy thóc kho phát cho dân, thuê mướn dân phu đắp lại đê, rồi sau mới báo lên vua. Vua Tự Đức tuy có phê bình thái độ tự tiện, nhưng cũng phải chấp nhận. Có người đề nghị phá hết đê đi. Ông tâu với vua vẫn phải giữ đê và phải tu bổ những chỗ đê bị hỏng, nhưng điều cần thiết nhất là phải vét sâu lòng sông và đào thêm nhiều sông rạch mới để dẫn nước phù sa vào ruộng.

Năm 1872, thân phụ của ông ra chơi Hưng Yên và tạ thế tại đấy. Ông xin nghỉ ba năm để cư tang và đưa thi hài thân phụ về quê mai táng. Vua chỉ cho phép nghỉ một năm. Nhưng chỉ được nửa năm thì đã có chiếu của vua cử ông làm tuần phủ Hải Dương. Khi đó quan hệ Việ- Pháp đang gặp nhiều khó khăn. Triều đình thấy cần phải có người có khả năng đối phó với Pháp ở một vùng trọng yếu là Hải Dương cho nên đã cử ông đến đó. Đến Hải Dương, ông chăm lo ngay đến việc luyện tập quân sĩ.

Từ ngày 20-11-1875, quân Pháp do đại úy Phơ-răng-xi Gác-ni-ê chỉ huy, liên tục tiến đánh các thành Hà Nội, Hưng Yên, Ninh Bình, Nam Định, Hải Dương. Chỉ có ở Hà Nội, Tổng đốc Nguyễn Tri Phương bị thương ở bụng và ở đùi, bị bắt làm tù binh. Không chịu để giặc dụ dỗ, Nguyễn Tri Phương đã nhịn ăn, xé vải băng bó cho các vết thương, mà chết. Còn ở các nơi khác, quan quân nhà Nguyễn sợ giặc như sợ cọp. Thấy bóng giặc là bỏ

langhanhthien.vn

thành mà chạy hoặc nộp thành cho giặc. Chỉ riêng ở Hải Dương, Đặng Xuân Bảng tổ chức kháng chiến đến cùng. Ngày 2-12-1873, thiếu úy Pháp Tơ-răng-ti-ni-ăng (Trentinian) đưa một toán quân theo đường thủy đến Hải Dương. Trước hết, Tơ-răng-ti-ni-ăng điều đình với Đặng Xuân Bảng cho chúng đóng quân trong thành Hải Dương để bảo vệ thuyền buôn của Pháp qua lại trên sông Hải Dương. Đặng Xuân Bảngtrả lời là không thể tự quyết định được, mà phải đợi lệnh triều đình. Viên thiếu úy xác nhận lời của tuần phủ Hải Dương là hợp lý, nhưng chủ trương của Pháp là phải tấn công và chiếm đóng ngay Hải Dương. Cho nên chỉ hai giờ sau, các chiến thuyền của Pháp bắn phá vào thành Hải Dương. Đặng Xuân Bảng đốc thúc quan quâ chống trả quyết liệt. Nhưng vì súng ống quân ta quá thô sơ, mặc dầu quân ta chiến đấu anh dũng, quân Pháp vẫn đổ bộ được vào thành Hải Dương. Đặng Xuân Bảng cùng quan quân trong thành rút lui, bảo toàn được lực lượng. Các quan chức từ tỉnh đến phủ không ai ra hàng giặc. Ngay đối với đồng bào công giáo ở Hải Dương, giặc cũng không lôi kéo được như ở các nơi khác.

Triều đình cho việc để mất thành là có tội, nên đã triệu Ông về Huế. Sau 2 năm, bản án mới kết thúc. Vua Tự Đức thừa nhận là Ông Đặng Xuân Bảng không sơ xuất, đã cố gắng chiến đấu để giữ thành, lúc rút lui lại bảo toàn được lực lượng, nhưng vẫn có tội để mất thành. Để đái công chuộc tội, Ông phải ra Bắc kỳ mộ dân phu lập đồn điền. Ông đã tổ chức khai khẩn được vùng đất hoang thuộc xã Yên Mao, huyện Bất Bạt, tỉnh Sơn Tây (nay là Hà Tây). Công việc hoàn thành tốt đẹp, nên năm Mậu Dần (1878), Ông nhận được chiếu Vua vời vào Kinh đô làm quan. Ông viện cớ mẹ già hay đau yếu, xin phép Vua cho được về quê hương phụng dưỡng mẹ già, Ông cùng em trai là Đặng Ngọc Toản (tức Giáo Kiến) ngày đêm thay phiên nhau hầu hạ, thuốc thang. Được ít lâu, cụ bà tạ thế, thọ 78 tuổi.

Năm Ất Dậu (1885), dưới triều Vua Hàm Nghi, Ông phụ chính Tôn Thất Thuyết tâu xin vua gọi các cựu thần trở lại làm việc, Đặng Xuân Bảng cũng được triệu về Huế làm quan. Ông lấy cớ tuổi già, lại hay bệnh tật, từ chối không đi. Năm Bính Tuất (1886), dưới triều Đồng Khánh, Ông Cao Xuân Dục, tổng đốc Nam Định là bạn cũ của Ông, đề cử ông làm Đốc học Nam Định. Nể tình bạn và thấy được làm quan gần nhà, nên ông nhận lời. Hai năm sau, vua Đồng Khánh triệu ông vào Kinh đô để trọng dụng, Ông cáo lão không đi và xin về hưu, khi đó Ông 61 tuổi ta. Ông Tổng đốc Nam Định Cao Xuân Dục xin nhà vua cho Ông Đặng Xuân Bảng được giữ nguyên hàm tuần phủ, vua Thái Thành chấp thuận điều thỉnh cầu này.

Từ khi về sống ở làng, Ông chú tâm vào việc viết sách và dạy học. Ông nghiên cứu đủ các ngành khoa học từ thiên văn, địa lý, y dược, bói toán, binh pháp, cho đến văn học, triết học, lịch sử, chính trị, luật pháp, kinh tế ... của cả phương Đông và phương Tây. Ông đặc biệt lưu tâm khảo cứu, biên soạn các sách về địa lý, lịch sử, văn hóa và các ngành khoa học Việt Nam. Ông nói : "Người nước ta chỉ học sách Bắc sử (Sử Trung Quốc), không học quốc sử nhiều, cho nên các sự việc của nước nhà với các mặt sơn xuyên (núi sông), phong vực (bờ cõi), quan danh (danh hiệu nhà nước), chế độ .v.v.. đến các bậc lão thành học nhiều cũng không biết hết". Về loại này, Ông đã để lại những tác phẩm có giá trị như *Sử học bị khảo, Việt sử cương mục toát yếu, Nam sử tiện lãm, Nam phương danh vật bị khảo, Tuyên Quang tỉnh phú.* Trong bài tựa cuốn " *Việt sử cương mục toát yếu*" Ông đã phê phán Quốc sử quán triều Nguyễn, theo lệnh Gia Long, đã hủy bỏ hết sự tích của triều đại Tây sơn (1788-1802) là sai lầm. Ông cũng nghiên cứu lịch sử Trung Quốc và để lại cuốn *Bắc sử thông giám tập lãm tiện độc sử.*

Ông cũng viết một số sách về giáo dục đạo đức, kể lại những lời nói và việc làm của cố nhân sự việc thiện ác báo ứng và sự tích các danh nhân nhằm giáo dục con cháu ăn ở, cư xử sao cho phải đạo như cuốn *Cổ kim thiện ác kinh, Cổ nhân ngôn hành lục, Cư gia khuyến giới tác. Diễn huấn lục quốc âm* (bằng chữ Nôm), *Huấn tử quốc âm ca* (bằng chữ Nôm) và những tác phẩm tìm hiểu về đức Thánh tổ Hành Thiện như *Quốc sử bảo lục, Thánh tổ hành thục diễn âm ca v.v...*

Ông cũng hay làm thơ, sáng tác nhiều bài thơ bằng chữ Hán và chữ Nôm và viết tùy bút để biểu lộ tâm tư và tình cảm của mình. Ông đã để lại tập Thiện Đình thi (tập thơ bằng chữ Hán) Thiên Đình văn (tập văn xuôi thể tùy bút bằng chữ Hán), *Khâm định tập văn trích yếu (tập thơ thể ngũ ngôn bằng chữ Hán).*

Trong hơn hai mươi năm vào cuối đời (1888-1910), ông mở trường dạy học, luyện tập cho học trò đi thi hương và thi hội. Ngoài ba năm (từ 1898 đến 1901), ông sang dạy học ở bên làng Lại Trì (phủ Kiến Xương, tỉnh Thái Bình), theo lời mời của các thân sĩ làng này, còn hầu hết thời gian, ông dạy học ở làng. Học trò của ông thi đậu rất nhiều, có khoa thi hương tại trường thi Nam định, 1/4 số sĩ tử đậu là học trò của ông. Tài dạy học của ông vang lừng khắp Bắc kỳ, nhiều người học trò ở các tỉnh xa như Hải Dương, Hưng Yên... cũng đến theo học. Một trong những học trò nổi tiếng nhất của ông là Vũ Tuân, quán làng Lương Ngọc, tỉnh Hải Dương, đậu giải nguyên (thủ khoa thi hương) năm 1900 và phó bảng năm 1901, làm quan đến chức tuần phủ. Khi ông Đặng Xuân Bảng mất, có đến 300 học trò đến đưa đám và để tang ông.

Ngoài các tác phẩm của mình, ông còn mua rất nhiều sách chứa đầy 6 gian nhà ngói, gọi là thư viện Hi Long. Đó là thư viện lớn nhất Bắc Kỳ. Trong nhà ông thường xuyên có hai người thợ khắc bản và ba người thợ in sách, đóng sách, bán sách. Những người thợ này khắc và in các quyển sách do ông viết và các sách qúy hiếm mà ông đã mua hay mượn được, để bán cho học trò và các nhà nho trong toàn

langhanhthien.vn

quốc. Nhiều người buôn sách tại Nam Định và các tỉnh khác ở Bắc Kỳ đến nhà ông mua từng gánh sách.

Ông là người có tài kinh tế, có chí hướng canh tân. Ông khuyên dân làng chú trọng con đường thực nghiệp, làm giầu một cách lương thiện. Những đề nghị cải cách của ông đối với Vua Tự Đức hồi ông làm giám sát ngự sử ở triều đình (1861-1864) không được vua Tự Đức chấp nhận, nay ông mang ra áp dụng và khuyến khích dân làng ông thực hiện. Về mặt nông nghiệp, ngay sau khi về hưu, ông đã đứng tên xin khai khẩn bãi đất nổi ở ngoài đê sông Hồng, lập ra ấp Tả Hành (thuộc huyện Vũ Tiên, tỉnh Thái Bình; nay thuộc xã Duy Nhất, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình). Ấp này rộng đến 200 mẫu ta, do phù sa sông Hồng bồi đắp, rất phì nhiêu. Dân cư đến sinh sống ngày một đông, ấp được đổi thành làng. Nhiều người đã đến hỏi ông về thể thức xin khẩn đất và lập làng ấp mới. Nhiều người làng ta đã theo gương ông, khẩn hoang lập ấp, giúp cho hàng trăm gia đình nghèo ở làng, ở huyện có đất cày cấy, có công ăn việc làm như ông Đặng Vũ Kiểm (tức Xã Xuân) lập ra hai xã Thiện Thành ,Thiện Tường (thuộc huyện Tiền Hải, Thái Bình), ông Nguyễn Đôn Thi lập ra xã Lạc Nông (thuộc huyện Giao Thủy, Nam Định cũ, nay thuộc huyện Xuân Thủy, tỉnh Nam Hà), ông Đặng Vũ Trụ (tức Thương Hào) khẩn đất hoang ở tổng Hà Cát (huyện Giao Thủy, Nam Định cũ).

Về mặt công nghiệp và thương mại ông gợi lại nhữmg nghề thủ công truyền thống của ta tù xa xưa đã nổi tiếng, nay bị mai.một, vì nhà nước không khuyến khích phát triển, và ông cũng chỉ trích các thói xấu cố hữu trong những người thợ thủ công của ta như dấu nghề, lừa lọc, gian dối. Ông đề cao các đức tính cần thiết trong thương nghiệp như thành tín, kiên nhẫn, có tổ chức và khuyên không nên chú trọng hàng ngoại thu được nhiều lời. Ông phản đối quan niệm của xã hội thượng lưu coi thương mại là mạt nghệ, thương nhân là mạt hạng, phê phán lối buôn bán cò con, gian lận, điêu toa. Ông nói: "Xem ra ngày trước, phần công nghệ chỉ có đám hạ lưu làm, còn như bậc thượng lưu, trung lưu không mấy người lo nghĩ tới, là vì trều đình chuyên trọng khoa cử, nên khiến những người tài trí thông minh chăm chăm miệt mài vào cái cuộc ấy, đến nỗi già đời không ích gì cho quốc dân. Do đó các nguồn lợi lớn về công nghệ như khai khoáng đều rơi vào tay người Trung Hoa ". Ông lấy gương các nước phương Tây, họ buôn to bán lớn, buôn bán có tổ chức, không chỉ thương nhân, mà cả trí thức, hưu quan cũng tham gia buôn bán. Ông cũng bảo người làng muốn lợi tức nhiều thì phải buôn tận ngọn, bán tận gốc, như xuống Thanh Hóa mua gỗ lim, lên Tuyên quang mua tre nứa... rồi chuyển theo đường sông về bán ở Hành Thiện hoặc các tỉnh miền xuôi. Trong làng có tới 20 người nghe theo lời ông đi buôn xa trở thành giàu có.

Đặng Xuân Bảng là người thức thời tuy căm ghét bọn thực dân Pháp xâm lược và đô hộ nước ta, nhưng ông biết cách đối xử với thời thế. Năm 1883, ông tri phủ Xuân Trường là Nguyễn Huy muốn bỏ chức vụ ra đi, không muốn làm quan với Pháp, đến hỏi ý kiến ông. Ông thấy ở nhiều phủ huyện khác khi các ông tri phủ, tri huyện bỏ nhiệm sở, bọn quan binh Pháp liền cử những người Việt Nam theo Pháp như thông ngôn, cai đội và cả bếp nữa thay thế là những kẻ vô học hoặc ít học, tư cách đạo đức thấp kém, thường cậy thế quan thầy để đàn áp, vơ vét, bóc lột nhân dân. Cho nên ông khuyên ông tri phủ nên thương dân, mà ở lại làm việc để che chở cho dân.

Đặng Xuân Bảng làm tiên chỉ tư văn làng từ 1856-1910 (54 năm), làm tiên chỉ tư văn huyện Giao Thủy từ 1877 đến 1910 (33 năm). Trong thời gian làm tiên chỉ tư văn, ông đã đứng ra tổ chức tu bổ lại văn từ làng (1886). di chuyển văn chỉ huyện ở ngoại đe làng Tương Nam về làng Thượng Phúc (1886). Ông khuyến khích học trò cố gắng học hành, hàng năm mở ra ba bốn lần các cuộc bình văn ở Văn Chỉ huyện để luyện tập thi cử cho các sĩ tử, cho nên nhiều học trò ở làng, ở huyện thi đậu trong thời gian ông điều khiển hai hội tư văn này. Ông thường tổ chức những buổi bình giảng thơ phú, luận đàm chính sự trong phong trào Đông Kinh nghĩa thục của làng tại miếu Văn Xương.

Ông làm tiên chỉ làng từ 1898 đến 1910 (12 năm). Trong thời gian đó, ông đã cho đúc chuông và xây lại gác chuông chùa Thần Quang Hành Thiện (1895), tô lại thánh tượng chùa Đinh Lan (1895), đúc chuông Vũ Chỉ (1895) xây đền Văn Xương (1898), xây lại hai dẫy hành lang ở Vũ Chỉ (1900), đổ kè đá ở Mom Rô (1910), lát lại đường cái Làng Ngoài và Làng Trong bằng đá phiến (1910).

Đặng Xuân Bảng tạ thế ngày mùng 1 tháng 11 âm lịch năm Canh Tuất (1910) thọ 83 tuổi ta. Ông mất đi giữa sự thương tiếc của toàn thể họ hàng và dân làng Hành Thiện, của dân huyện Giao Thủy và các nhà nho toàn quốc. Các nhà khoa bảng trong toàn quốc đã gửi nhiều câu đối, bức trướng đến viếng ông. Ca tụng tài đức của ông. Có tới 300 học trò cũ của ông đến đưa đám và để tang thầy. Để tưởng nhớ công đức mà ông đã khai hoang lập ấp mang lại cơm áo cho mình, dân làng Tả Hành (Vũ Thư, Thái Bình) đã thờ ông làm Thánh Hoàng. Năm 1952 vua Khải Định sắc phong ông là "Đoan Túc Dực Bảo" trung hưng tôn thần.

Đặng Xuân Bảng có nhiều con cháu là nhà văn hóa và cách mạng có tiếng tăm như : *Đặng Xuân Viện* (tức Bốn Đễ) là một học giả uyên thâm, thân phụ của Đặng Xuân Khu (tức chủ tịch Trường Chinh), *Đặng Xuân Mậu* (tức Hai Thêm) giỏi về nghề cơ khí, hoạt động trong phong trào Việt Nam Quang phục hội; *Đặng Xuân Khu* (tức Trương Chinh)

Đặng Xuân Bảng còn có một người em là Đặng Ngọc Toản (tức Giáo Kiến) là một nhà văn hóa, giáo dục lớn. Đặng Ngọc Toản có bốn con trai đều tham gia cách mạng, đó là: Đặng Ngọc Đỉnh (tức Tú Châu) tham gia Việt Nam Quang phục hội; thân phụ của nhà cách mạng Đặng Xuân Thiều (nguyên Viện trưởng Viện Bảo Tàng Cách mạng ở Hà Nội) và Đặng Quốc Bảo (Thiếu tướng nguyên Hiệu trưởng Trường Đại học kỹ thuật Quân sự, thứ trưởng Bộ Đại Học và Trung học chuyên nghiệp , bí thư thứ nhất Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Trưởng ban khoa giáo trung ương; Đặng Kinh Bang (tức Hai Bang tham gia VNQPH; Đặng Kinh Luân (tức Ba Lân) là người sáng lập trường Đông Kinh nghĩa thục ở Hà Nội; trưởng ban ám sát của VNQPH; Đặng Đương Đằng (tức Tư Đăng) tổ chức lực lượng quân sự, tiến hành đấu trang vũ trang, bị thực dân Pháp bắt giam và xử tử hình.

Đ.Đ.A

---

[1] *Mền: Tên gọi người đỗ 3 lần tú tài trở lên*

2 *Lễ phong phẩm hàm cho các bậc tiền nhân (cha mẹ, ông bà,và cụ ông, cụ bà nội) còn sống gọi là lễ sinh phong; còn lễ phong phẩm hàm cho người đã khuất gọi là lễ phân hoàng*

langhanhthien.vn

Quan phủ không lạy toàn quyền:
TIẾN SĨ NGUYỄN NGỌC LIÊN

ĐẶNG ĐỨC AN

Nguyễn Ngọc Liên, hiệu Châu Phong, sinh năm Nhâm Tý (1852)[1], là con một gia đình nhà nho nghèo (thân phụ là cụ đồ Nguyễn Duy Hiệu). Ông đỗ tú tài ba khóa rồi mới đỗ cử nhân (khoa Bính Tuất, 1886) và ba năm sau đi thi hội đỗ tiến sĩ đệ tam giáp (khoa Kỷ Sửu, 1889).

Sau khi đậu tú tài, mà chưa đậu cử nhân, ông Nguyễn Ngọc Liên đã sang Trình Phố (huyện Chân Định, phủ Kiến Xương, tỉnh Nam Định, nay thuộc Thái Bình) để theo học cụ hoàng giáp Nguyễn Quang Bích. Cụ Nguyễn Quang Bích đậu tiến sĩ đệ nhị giáp (hoàng giáp) và đứng đầu kỳ thi đình (đình nguyên) (cho nên cụ được gọi là hoàng giáp đình nguyên) khoa Kỷ Tỵ (1869) và làm đến tuần phủ tỉnh Hưng Hóa, cụ đã liều chết giữ thành. Khi thành Hưng Hóa thất thủ, cụ không theo lệnh triều đình triệu về kinh đô, mà lên miền thượng du chiêu mộ nghĩa binh chống Pháp. Cụ trở thành lãnh tụ của phong trào Văn Thân khởi nghĩa rộng lớn ở vùng Tây Bắc Bắc Kỳ (1885-1890). Do được học tập cụ Nguyễn Quang Bích thời gian cụ bỏ việc quan về dạy học ở Trình Phố nên ông Nguyễn Ngọc Liên đã chịu ảnh hưởng về lòng yêu nước và tinh thần kháng chiến chống Pháp của thầy mình.

Sau khi đỗ tiến sĩ (1889), Nguyễn Ngọc Liên đã làm việc tại dinh Kinh lược Bắc Kỳ của Hoàng Cao Khải trong 5 tháng, sau đó được bổ làm tri phủ Nam Sách (Hải Dương), ông làm việc rất siêng năng cần mẫn, lại công bằng, liêm khiết, nên được dân chúng và thân hào phủ Nam Sách rất kính mến. Nhưng có hai sự việc đã làm cho đường công danh của ông chỉ kéo dài có hai năm (1890-1892) thì chấm dứt. Sự việc thứ nhất là năm 1892, khi toàn quyền Đông Dương Đờ-La-nét-xăng (De Lanessan) đi kinh lý tỉnh Hải Dương, tổng đốc Hải Dương đã thông báo cho các tri phủ, tri huyện trong địa hạt Hải Dương phải đến dinh công sứ Hải Dương để đón chào toàn quyền vào ngày giờ đã định. Dù phủ lỵ Nam Sách chỉ cách thành phố Hải Dương có 6 km và qua một lần đò, nhưng ông Nguyễn Ngọc Liên đã đến muộn. Khi vào phòng họp, thấy toàn quyền đang hiểu dụ các quan lại trong tỉnh, ông lẳng lặng đến đứng bên cạnh các bạn đồng liêu, mà không lên chào và xin lỗi viên toàn quyền. Toàn quyền Đông Dương cho là ông Nguyễn Ngọc Liên có tinh thần chống Pháp, cho nên đã đề nghị với Nha kinh lược Bắc Kỳ có biện pháp kỷ luật đối với ông.

Sự việc thứ hai là vụ tấn công một đồn lính Pháp ngụy của nghĩa quân Bãi Sậy của Nguyễn Thiện Thuật. Đồn lính

này chỉ cách phủ lỵ Nam Sách có nửa km; nhưng quân lính của ông Nguyễn Ngọc Liên đã "án binh bất động". Nghĩa quân đã tiêu diệt được đồn lính này, giết chết bốn tên Pháp (trong đó có tên thiếu úy đồn trưởng Pháp), thu 17 súng và rút lui an toàn. Ông Nguyễn Ngọc Liên bị Pháp nghi ngờ có liên hệ với nghĩa quân Bãi Sậy.

Nha Kinh lược Bắc Kỳ đã ra nghị định huyền chức ông Nguyễn Ngọc Liên bằng cách cho nghỉ một năm không lương. Sau thời hạn một năm. Nha Kinh lược Bắc Kỳ bảo ông làm đơn xin tái bổ tri phủ, nhưng ông lấy cớ cư tang hai cụ thân sinh (cụ thân sinh và cụ bác mà ông thừa tự vừa qua đời), xin hoãn việc tái bổ. Sau khi mãn tang, Nha Kinh lược lại hỏi ý kiến ông có nhận chức đốc học Nam Định đang khuyết thì sẽ bổ dụng. Nhưng ông cũng từ chối và từ đó ở nhà làm nghề thuốc và dạy học. Số học trò của ông trước sau có đến 700 người, trong đó có 30 người đỗ cử nhân, trên 70 người đỗ tú tài.

Nguyễn Ngọc Liên là một người yêu nước cực đoan. Ông không những ghét Pháp và bọn tay sai mà ghét cả chữ Pháp và chữ quốc ngữ. Sau khi nghỉ việc quan, ông có lần cải trang đi cùng với người cháu và là học trò của mình là ông Nguyễn Tư Thuyết (Hai Thuyết) lên Yên Thế (Hà Bắc). Ông đã nhờ ông Đặng Hữu Nữu (em trai ông nghè Đặng Hữu Dương, con rể cụ nghè Đặng Xuân Bảng) đang làm tri huyện Hiệp Hòa, làm môi giới để gặp gỡ các thủ lĩnh của nghĩa quân Yên Thế. Ông đã gặp Cả Huỳnh, Cả Trọng và Đề Thám để luận đàm chính sự.

Trước khi sang Nhật hoạt động cách mạng, ông Nguyễn Thượng Hiền về làng Hành Thiện thăm ông Nguyễn Ngọc Liên và vận động cho phong trào Duy Tân và Đông Du. Ông Nguyễn Thượng Hiền đỗ hoàng giáp (tiến sĩ đệ nhị giáp) làm quan đốc học tỉnh Ninh Bình rồi Nam Định, sau đó bỏ việc quan đi sang Nhật; ông là anh em đồng hao với Nguyễn Ngọc Liên, cùng là con rể cụ Tôn Thất Thuyết. Ông Nguyễn Ngọc Liên được ông Hiền giới thiệu về chủ trương tổ chức đưa thanh niên sang du học bên Nhật Bản của Hội Duy Tận, rất tâm đắc và đã giới thiệu một số học trò xuất sắc của mình tham gia phong trào Đông Du. Bốn thanh niên Hành Thiện xuất dương đầu tiên sang Nhật Bản năm 1906 (Đặng Hữu Bằng, Đặng Huy Dật, tức Đặng Tự Mãn, Đặng Quốc Kiều, Nguyễn Xuân Thức) là học trò của ông. Ông Nguyễn Ngọc Liên còn nhiều lần quyên tiền cho phong trào Đông Du.

Tuy ghét Pháp và ủng hộ phong trào Đông Du nhưng ông Nguyễn Ngọc Liên rất thận trọng, dè dặt, không bao giờ công khai tuyên truyền cho phong trào cách mạng trong khi dạy học, để đề phòng bọn mật thám bắt giam ông và liên lụy đến học trò của ông. Tuy nhiên trong lòng ông vẫn móng ngóng đợi chờ đạo quân Đông Du trở về nước và phong trào khởi nghĩa trong nước nổi dậy, nhưng phong trào chỉ thấy mỗi ngày một xẹp xuống làm cho giấc mơ đền nợ nước của ông không thực hiện được.

langhanhthien.vn

Cụ Nguyễn Ngọc Liên làm tiên chỉ tư văn làng Hành Thiện và tiên chỉ tư văn huyện Giao Thủy từ 1910-1937 và làm tiên chỉ làng trong hai năm 1936-1937. Cụ làm việc rất chu đáo, hàng năm tổ chức tế đức Khổng Tử, các vị tiên hiền và các vị khoa mục đã tạ thế, sau đó mời các quan viên tư văn ăn tiệc ở Văn Từ xã, ngoài ra thỉnh thoảng còn tổ chức bình luận về thơ phú.

Cụ nghè Nguyễn Ngọc Liên đã qua đời vào ngày 15 tháng 9 âm lich năm 1937 hưởng thọ 82 tuổi. Đám tang cụ tại Hành Thiện được tổ chức rất linh đình. Ngoài gia đình, họ hàng bà con trong làng và trong huyện, còn tới 200 học trò của cụ về dự đám tang cụ. Sau lễ đại tế, học trò của cụ đã góp nhau tiền mau bốn mẫu ruộng gọi là ruộng "môn sinh", lấy hoa lợi hàng năm để cúng giỗ thầy tu bổ từ đường và tu bổ mộ thầy.

Cụ Nguyễn Ngọc Liên có nhiều bà vợ sinh ra bốn con trai và sáu gái. Các con trai của cụ Liên (các ông Nguyễn Trần Rục, Nguyễn Ngọc Khuê, Nguyễn Thành Phát, Nguyễn Như Lệ) đều theo học chữ nho, chỉ riêng con út là Nguyễn Như Lệ còn được học ít chữ quốc ngữ và chữ Pháp ở bậc sơ học yếu lược (ba lớp đầu bậc tiểu học). Sau đó, ông Nguyễn Như Lệ học nghề Đông y do Nguyễn Tất Tái, là học trò cua cụ nghè Liên truyền dạy và trở thành một thầy thuốc Đông y nổi tiếng.

Ông Đặng Thiệu Bạt (biệt hiệu thi sĩ Nam Đường), cháu ngoại Ông Đặng Thiệu Bạt (biệt hiệu thi sỹ nam Đường) cháu ngoại cụ nghè Liên, có lần làm bài thơ nói về tâm trạng của cụ nghè Liên đối với vận nước (đầu đề là: Ông ngoại tôi):

Nguyễn Thượng Hiền, ông đốc tỉnh Nam,
Cùng đồng chí hướng với ông làm.
Phong trào lớn mạnh trong toàn quốc,
Rồi trốn ra ngoài lãnh đạo đoàn.

Ở nhà ông ngong ngóng trông chờ.
Đồng chí lai hương để phất cờ.
Khởi nghĩa diệt thù đền nợ nước,
Nhưng lời ước hẹn cứ phai mờ.

Ngày buồn lặng lẽ lững lờ trôi,
Thế cuộc làm ông lệ lén rơi.
Mắc chứng ung thư bên má trái,
Ông tôi tạ thế! Ối giời ơi.

Đ.Đ.A.

Chú thích:

*1. Theo **Nguyễn tộc thế phả** do cụ ông Nguyễn Duy Bật biên soạn, thì cụ Nguyễn Ngọc Liên đậu tú tài lần đầu (1874) lúc 23 tuổi, tức là sinh năm 1852. Cụ thọ 82 tuổi ta, như vậy là cụ mất năm 1933, nhưng thực tế cụ mất năm 1937, tức là cách sau đó 4 năm.*

*Ông Đặng Hữu Thụ (trong cuốn **"Làng Hành Thiện và các nhà nho Hành Thiện triều Nguyễn"**) viết "Theo năm sinh của cụ khai lúc đi thi thì cụ sinh năm Mậu thân (1848). Cụ đậu tiến sỹ năm 42 tuổi. Sự thật năm cụ đậu tiến sỹ (1889) cụ mới 38 tuổi". Như vậy có nghĩa là cụ sinh năm 1852, nhưng trong **Nguyễn tộc thế phả**. Cuốn sách này ghi cụ qua đời năm 1937, mà không ghi cụ thọ bao nhiêu tuổi. Nếu cụ sinh năm 1852, mất năm 1937 thì thọ 86 tuổi ta (hay 85 tuổi "tây"). Còn nếu cụ mất năm 1937, mà thọ 82 tuổi ta (hay 81 tuổi "tây"), thì cụ sinh năm 1856 (năm Bính Thìn)*

SỐ PHẬN MỘT QUAN CHỨC HÀNH THIỆN THỜI PHÁP THUỘC: PHÓ BẢNG BỐ CHÁNH NGUYÊN ÂU CHUYÊN *(1859-1894)*

NGUYỄN VĂN KIÊM

(Dựa theo hồi ký "Những mẩu chuyện của gia đình tôi" của Nguyễn Văn Kiêm, cháu nội cụ Nguyễn Âu Chuyên, con trai cụ Nguyễn Kỳ Tao tức Ấm Tao).

Cụ ông tôi (Nguyễn Đức Hiển) là nhà nho nghèo, làm nghề thày thuốc. Tuy đã cao tuổi, cụ thường chống gậy trúc đi thăm bệnh cho những người nghèo ở làng, không nhận thù lao, lại thường bỏ tiền túi ra mua thuốc giúp bệnh nhân. Cụ bà tôi (tên tục là Nguyễn Thị Lan) một mình tần tảo, với một đội hàng tơ chỉ, khi chợ Trà Trung, khi chợ Trà Bắc, đến các chợ xa ở huyện Hải Hậu, nắng sương dầu dãi, thắt lưng buộc bụng, nuôi cụ ông và ông tôi ăn học. Từ khi cụ bà tôi qua đời vì bệnh lao phổi thì nhà tôi lâm vào cảnh túng bấn, vì kinh phí sinh sống trong nhà từ trước đến nay là nhờ một tay cụ bà tần tảo. Hai cụ tôi có ba con: ông tôi (Nguyễn Âu Chuyên) là con cả, con trai thứ hai là Nguyễn Xuân Ngạn (vợ người làng Hạc Châu) và con gái út là Nguyễn Thị Huân (chồng là Đặng Vũ Khản, con trai cả cụ Tú Mỹ. Cụ Tú Mỹ là anh ruột bà tôi).

Ông tôi (Nguyễn Âu Chuyên) năm 21 tuổi, thi hương khoa Kỷ Mão (1879) đỗ giải nguyên (hay thủ khoa, tức đỗ đầu hàng cử nhân), thi xong đi dậy học ở Thanh Hóa, không đi thi hội. Bà tôi ở làng với cụ ông tôi, làm nghề dệt vải vuông để sinh sống.

Ông tôi không đi thi hội, vì thấy vận nước điêu đứng, giặc Pháp luôn gây hấn để xâm chiếm nước ta, vua quan nhà Nguyễn thì bất tài hèn nhát, có ý cầu an nên ông tôi tạm gác thi cử, cùng một số bè bạn tâm huyết mưu đồ cứu nước. Ông tôi là học trò cụ Phạm Văn Nghị, thường gọi là cụ Hoàng giáp Tam Đăng (xã Tam Đăng, thuộc huyện Nghĩa Hưng, Nam Định). Cụ là một nhà văn học lỗi lạc, đỗ cao quan cao, nhưng giàu lòng yêu nước, cụ bỏ quan về nhà mở trường dạy học, giảng dạy kinh sử văn chương, và luôn khơi động lòng yêu nước chống ngoại xâm của học trò. Cụ có hàng ngàn học trò, nhân đó mà tổ chức thành đội quân cứu đã từng chống đánh giặc Pháp ở vùng núi Gôi. Khi nghe tin giặc Pháp đánh chiếm mấy tỉnh Nam Bộ, cụ đã đưa đội quân cứu nước hàng năm, sáu trăm người Nam tiến, đến nửa đường bị triều đình Huế cưỡng bức đội quân ấy phải trở ra Bắc.

Do được giáo dục tinh thần yêu nước, nên các học trò của cụ Hoàng giáp Tam Đăng phần đông không ra làm quan với triều đình Huế, mặc dù đã đỗ đạt tiến sĩ, cử nhân ... Ông tôi thi hương đỗ giải sĩ nguyên xong, thì hoạt động trong tổ chức

langhanhthien.vn

Văn Thân, thường liên lạc với nhóm của cụ Nghè Dao Cù (xã Dao Cù, thuộc huyện Nam Trực) tức là cụ Vũ Hữu Lợi. Cụ Lợi đỗ tiến sĩ, từng làm đốc học tỉnh Nam Định, cụ không chịu khuất phục giặc Pháp, cụ bỏ quan về hoạt động trong tổ chức chống Pháp. Cụ bị Vũ Văn Báo, tổng đốc Nam Định bắt và xử tử hình. Nhận được tin ấy, ông tôi vội đốt hết tài liệu, danh sách các đồng chí trong nhóm Văn Thân và tạm lánh vào Tĩnh Gia, Thanh Hóa, danh nghĩa là đi dậy học, nhưng chính là vào đấy để dựa vào rừng núi hiểm trở, cùng một số đồng chí mưu đồ mộ quân cứu nước.

Trong giai đoạn ông tôi ở Thanh Hóa có một chuyện xảy ra: Ông tôi dạy học ở nhà một phú ông. Phú ông nhiều tiền lắm thóc, cũng muốn cho con cháu học hành đỗ đạt, chứ giàu mà chưa sang, thì lòng còn hậm hực, ao ước. Thấy ông tôi còn trẻ tuổi, mà đã đỗ thủ khoa, gia chủ rất quý mến, chiều chuộng, phục vụ rất chu đáo. Phú ông có một cô con gái tuổi mười tám, đôi mươi, tuy không có nhan sắc đổ quán xiêu đình, cũng vào hạng dòn gái, còn đương kén rể, mong ước có tấm chồng là nhà văn học, đỗ đạt làm quan, để còn hãnh diện lên ngôi mệnh phụ. Thấy ông tôi trẻ tuổi, học giỏi, cô ta say mê quyến luyến, dù biết ông tôi đã có vợ rồi. Cha con phú ông bàn nhau, phải bằng mọi cách chiếm được trái tim của ông tôi, phải tranh bằng được là rể hiền, chồng giỏi, mưu này kế nọ để đưa ông tôi vào tròng.

Ông tôi trong lúc bĩ thứ xa nhà, muốn mưu đồ việc lớn, cần phải có tiền có gạo, bản thân thì nghèo, nên nẩy ra một ý nghĩ lợi dụng phú ông để có tiền có gạo phục vụ cho ý đồ chính nghĩa của mình, cũng là một cách tòng quyền, chắc bà tôi ở quê thông cảm mà tha thứ được. Ông tôi đồng ý lấy con gái phú ông. Được đằng chân lân đằng đầu, cha con phú ông yêu cầu ông tôi phải làm giấy cam đoan là con gái phú ông làm vợ cả, còn bà tôi ở quê là lẽ. Vì ông tôi đã có chủ trương, nên ông tôi viết giấy cam đoan, trong có câu: Tại Thanh vi thê, tại Nam vi thiếp, nghĩa là: Người ở Thanh là vợ cả, người ở Nam là lẽ, nhưng cũng có nghĩa là: ở Thanh là vợ cả, về Nam là vợ lẽ.

Trong khi ông tôi đang dạy học ở Thanh Hóa, thì bà tôi ở làng sinh con trai. Nhà hiếm hoi, khi bố tôi ra đời, bà đỡ báo tin là con trai. Cụ tôi vui mừng lắm, vì đã ngoại sáu mươi, mới có cháu đích tôn. Cụ vội khăn áo tề chỉnh lên nhà thờ đèn hương cáo với tổ tiên. Bố tôi ra đời được ít hôm, cụ tôi biên thư báo tin cho ông tôi, cụ tôi có nói tình cảnh ở nhà, bà tôi mới sinh, vì nghèo không có tiền chi tiêu, chỉ nghỉ ngơi ít ngày, đã phải lên khung dệt vải.

Bà tôi tên tục là Đặng Vũ Thị Thoa, là con gái cụ Kép Nghĩa (Đặng Vũ Nghĩa, đỗ hai khoa tú tài), nhà cụ Kép Nghĩa sung túc, nhưng bà tôi là con cụ bà thứ, không được chiều chuộng bù trì như con cụ bà cả. Cụ bà thứ, người làng Nam Huân (Kiến Xương, Thái Bình) là cô ruột ông nội Phạm Quang Lịch, là em ruột cụ bà Hoàng giáp Nguyễn Quang Bích, người làng Trình Phố (cụ Bích làm quan tuần phủ, không theo triều đình Huế, mà trở

thành lãnh tụ của phong trào Cần Vương chống Pháp). Cụ bà Phạm Quang Bích là dì ruột bà tôi, rất thương yêu bà tôi, nhưng chính bản thân cụ cũng nghèo lắm, không giúp đỡ được gì.

Ông tôi nhận được tin nhà rất thương bà tôi, phải vất vả quá. Trong mấy năm ấy, công cuộc lớn cũng luôn thất bại. Các đồng chí người bị giặc giết, người bị tù đày, nên chí hướng ông tôi có phần dao động, lại gặp tình cảnh nhà túng thiếu, ông tôi quyết định về Nam ôn tập để thi hội, cố chiếm bảng vàng, rồi xuất chính, là con đường cứu nhà.

Ôn tập mấy tháng thì gặp khoa thi hội năm Giáp Thân (1884) là ân khoa mừng vua Kiến Phúc mới lên ngôi. Ông tôi vào Huế thi hội chỉ đủ điểm đỗ thứ trúng cách: Phó bảng. Chính trúng cách thì mới được thi đình. Ông tôi rất bực tức. Trong thời ấy, ông tôi được giới văn học rất kính phục, tôn gọi là Thần Chuyên (câu ngạn ngữ: "Thần Chuyên, thánh Nguyện, trạng nguyên Thu", là chỉ ba nhà văn học lỗi lạc của làng Hành Thiện; đó là ông tôi, ông Đặng Văn Nguyện đỗ á nguyên (cử nhân thứ hai) cùng khóa thi hương năm Kỷ Mão (1879) mà ông tôi đỗ giải nguyên (hay thủ khoa) và ông Nguyễn Hữu Thu, con cụ án sát Nguyễn Hữu Lợi, tuy cũng nổi tiếng về văn học, nhưng chỉ đỗ tú tài. Ông tôi toan đổi tên để đến khoa thi hội sau thi lại, nhưng vì hoàn cảnh gia đình quá khó khăn, đành phải nhận bằng phó bảng, đi hậu bổ ở Huế; qua thời hạn hậu bổ được bổ dụng làm tri huyện Yên Phong (Bắc Ninh). Năm ấy, ông tôi 27 tuổi.

Sau khi nhậm chức tri huyện Yên Phong, ông tôi cho người về đón gia đình. Cụ tôi không đi, chỉ có bà tôi và bố tôi đi Yên Phong. Còn cụ tôi ở nhà với cô Thanh (vỡ lẽ ông tôi) và con trai thứ, con gái út. Mấy tháng sau, cô Thanh mất, chưa có con.

Ông tôi nhậm chức tri huyện hai năm, sau thăng tri phủ Đa Phúc (Bắc Ninh), hơn năm sau thăng án sát Bắc Ninh, 8 tháng sau thăng bố chánh Bắc Ninh.

Ở nơi làm quan, bà tôi sinh thêm hai con trai nữa, đặt tên là Nguyễn Ngọc Miện (1887) và Nguyễn Ngọc Triệm (1890). Bố tôi khi mới sinh được cụ tôi tạm đặt tên là Nguyễn Ngọc Tuyển, đến năm lên 5 tuổi, ông tôi xin phép cụ tôi đổi tên là Nguyễn Kỳ Tao, tên tự là Long Vân, bắt đầu nhập môn học Tam tự kinh. Chú hai tôi người nhỏ nhắn, tư chất rất thông minh, chỉ nghe bố tôi học, mà năm chú 4 tuổi đã đọc được câu đối ở cổng dinh Bố Chánh, đương thời cho là thần đồng. Chú ba tôi người cao lớn hơn chú hai tôi, học lực thường, nhưng có hoa tay về vẽ và thích tháo lắp máy đồng hồ, chẩm cầm v.v...

Ông tôi làm quan với mục đích làm giàu, từ tri huyện đến bố chánh trong vòng 8 năm, đã trả được hết công nợ trước vay và mua được một số ruộng đất, làm nhà thờ cụ tổ Nguyễn Đức Mật (tức Mền Mật, đỗ năm khóa tú tài, sinh ra cụ tôi), làm nhà thờ cụ Nhiêu An ở dong số 4 (là ông

langhanhthien.vn

bà ngoại tôi). Chính bà cụ Nhiêu An đã vận cho ông tôi ăn học cùng với em con dì ông tôi là ông Đặng Hữu Dương (đỗ tiến sỹ, làm án sát Hà Nội), làm nhà thờ cụ tôi ở dong số 6. Các nhà thờ đều xây tường, lợp ngói. Nhà thờ cụ tôi to hơn cả, xà bẩy chạm nổi rất công phu. Ông tôi còn làm nhà ở dong số 7 khá khang trang, sau chia cho chú Hai. Ông tôi mua sắm thổ cư hơn 7 sào. Nhà bố tôi ở dong số 6. Chú Hai chú Ba ở dong 7, tuy khác dong, nhưng liền nhau, có lối đi thông nhau, không phải ra đến đường.

Làm giàu nhanh bằng tiền của dân, nhưng đều lấy của bọn cường hào ác bá, tư sản, địa chủ, còn dân nghèo có việc đến quan không hề mất lễ lạt gì.

Khi ông tôi làm án sát, có tên chánh tổng cậy thế ức hiếp, chiếm đoạt cả tài sản của bố để lại, không chia cho chị dâu góa và các cháu mồ côi cha. Chị dâu đi kiện, việc tới Án bộ đường. Ông tôi bắt tên chánh tổng phải chia trả lại tài sản cho chị dâu. Tên chánh tổng có người quen làm ở Tòa công sứ tỉnh, nhờ công sứ can thiệp, buộc ông tôi phải hủy bỏ bản án. Ông tôi rất căm tức, nhưng chống sao được với Công sứ người Pháp. Ông tôi căm ghét tên chánh tổng là hạng người nịnh hót giặc để làm hại nhân dân, đến chị em con cháu trong nhà cũng không từ, hạng người này cần phải trừ khử. Năm sau, ông tôi thăng bố chánh, kiêm chức Tán lý quân vụ, là chức quan có nhiệm vụ đi tiễu phỉ trong tỉnh, có quyền huy động từ Lãnh binh (chức quan võ to nhất tỉnh) trở xuống. Một lần hành quân qua nơi ở tên chánh tổng, ông tôi đã vận dụng đạo luật Gia Long: "Nếu kẻ nào cản trở cuộc hành quân, bất luận là nhân dân hay quan lại, đều bị chém đầu, để làm gương cho kẻ khác". Ông tôi đã bắt chém đầu tên chánh tổng ấy, nên người đời có dị nghị là quan Bố Bắc (bố chánh Bắc Ninh) hiếu sát.

Đất Bắc Ninh thời ấy rất rộng gồm cả tỉnh Bắc Giang và mấy phủ huyện của tỉnh Phúc Yên, có núi rừng Yên Thế, rất nhiều giặc cướp. Trong số giặc cướp cũng có người yêu nước, tụ tập quân để chống Pháp. Ông tôi nắm chắc tình hình, phân loại là giặc cướp thật thì tập trung quân, chỉ quét một trận là quân cướp tan hết, vì ông tôi văn võ kiêm toàn, binh pháp rất tinh thông, hành quân thường vận dụng đến môn Toán cao cấp là "Thái ất thần kinh", bọn lục lâm chống sao nổi. Còn bọn nào có tinh thần yêu nước, vì sa cơ thế yếu, tạm lánh mình trong đám lục lâm, thì chiêu hàng, đem cương vị ra bảo lãnh an toàn cho những người ấy, được giữ nguyên quân số võ khí, trú quân một chỗ đã định, được hưởng lương hàng tháng. Cũng vì vậy đã xảy ra một việc rất lôi thôi nguy hiểm; đó là chuyện Lãnh Tuyển, một tướng lục lâm có lòng yêu nước, được ông tôi bảo lãnh, không bị bắt, được giữ nguyên quân số và võ khí, ở một căn cứ trong rừng, hàng tháng được hưởng lương. Lãnh Tuyển rất kính phục ông tôi, đóng quân không quấy rối. Nhưng tổng đốc Bắc Ninh lúc bấy giờ là Lê Hoan, xuất thân là tên "bồi" Pháp, tính tình thô lỗ, không có văn hóa, chỉ giỏi nịnh Pháp để ức hiếp nhân dân, mà được chức quan đầu tỉnh.

Lãnh Tuyển bị Lê Hoan đình phát lương, đã phát khùng, kéo quân đem võ khí đi nơi khác, tiếp tục cướp phá làm rối trị an. Lê Hoan vốn không ưa ông tôi, vì ông tôi không nịnh nọt, đút lót cho hắn, nhân việc này hắn thi hành pháp lệnh, buộc ông tôi phải đi bắt Lãnh Tuyển, thu hồi những võ khí Lãnh Tuyển đã mang đi. Ông tôi không gọi được Tuyển về, không thu lại được võ khí sẽ bị xử theo quân pháp. Ông tôi uất quá, thổ ra nhiều máu, vội cho người về xã Trung Lao, báo tin cho bạn thân là Nam tước Vũ Quang Nhạ (tục gọi là cụ Thượng Trung Lao), trước kia đã từng làm tổng đốc Bắc Ninh. Được tin, ông Vũ Quang Nhạ lên Bắc Ninh, hết lòng giúp đỡ, điều đình với Lê Hoan. Hắn nể ông Nhạ, nhưng ra điều kiện: ông tôi phải đến 12 khẩu súng trường, phải lạy xin lỗi, thì hắn thôi không khởi tố. (trong thời Phong Kiến, quan dưới lạy quan trên trong dịp Tết, hay trong nghi lễ thăng quan là thường tình, còn lúc thường mà lạy là điều ô nhục). Súng thì ông Thượng Nhạ cho ông tôi đủ 12 khẩu, còn việc lạy xin lỗi, thì ông tôi đường đường một vị quan thứ hai trong tỉnh lại là người khoa mục, cũng đành phải lạy hắn hai lạy cho xong việc. Việc tuy xong xuôi, nhưng ông tôi mắc bệnh thổ huyết lao phổi từ đấy.

Sau việc mất súng, xổng tù, thì có tin nhà đưa lên cụ ông tôi qua đời (cụ tôi thọ hơn bảy chục tuổi). Ông tôi vô cùng buồn thương. Vì ham hoạn lộ mà xa cụ tôi, sớm hôm không được chăm sóc hầu hạ, đến giờ phút cuối cùng của cụ tôi cũng không được thuốc thang nâng giấc. Ông tôi làm biểu cáo quan về nhà chịu tang. Ông tôi cũng định tâm nhân dịp này sẽ nghỉ hẳn, không làm quan nữa, ở nhà mở trường dạy học. Việc tang ma xong, ông tôi thường mời những bạn bè cũ như cụ Huyện Thi, cụ Giáo Nguyện, các cụ Cử Hai, Ba, Tư, Năm, con thày học cũ Phạm Văn Nghị đến đàm đạo ngâm vịnh. Các cụ rất thích những tủ sách của ông tôi, ở đó ngoài sách kinh sử, thơ ca, còn đủ các loại sách thuốc, thiên văn, địa lý, binh thư, các loại sách mới như kinh tế, toán, sử toàn cầu của Trung Quốc mới xuất bản. Ông tôi mua được nhiều sách là nhờ tiền đánh được "tổ tôm" (một lối chơi bài 120 quân do năm người cùng chơi) ở nhà Hoàng Cao Khải. Hoàng Cao Khải làm khâm sai kinh lược Bắc Kỳ, tước Quận công, là đầu sỏ Việc gian thời ấy. Hắn xuất thân khoa bảng, có trình độ học vấn, thơ hay, câu đối giỏi, cho nên rất khâm phục ông tôi là người học rộng, ông tôi có lần mừng hắn đôi câu đối:

Vô biên hoàn hải xuân vi lượng,

Đệ nhất Hồng Sơn thạch đãi minh!

Nghĩa là:

Trái đất biển rộng mênh mông đến xuân là tột cùng,

Đá ở ngọn núi cao nhất dãy Hồng Sơn chờ đợi ghi ...

(Hoàng Cao Khải quê ở Hà Tĩnh có dãy núi Hồng Lĩnh 99 ngọn, ở ngọn núi cao nhất sẽ ghi (ghi công hay

xem tiếp trang58

langhanhthien.vn

CHUYỆN MỘT NHÀ NHO HÀNH THIỆN THAM GIA PHONG TRÀO DUY TÂN, ĐÔNG DU VÀ VIỆT NAM QUANG PHỤC HỘI: NGUYỄN KỲ TAO

NGUYỄN VĂN KIÊM

(Dựa theo hồi ký "Những mẩu chuyện của gia đình tôi" của Nguyễn Văn Kiêm, con trai cụ Nguyễn Kỳ Tao tức Ấm Tao).

Khi ông tôi (Phó bảng Bố chánh Nguyễn Âu Chuyên) mất, bố tôi (Nguyễn Kỳ Tao) mới 11 tuổi, chú Hai (Nguyễn Ngọc Miện) 8 tuổi và chú Ba (Nguyễn Ngọc Triệm) 5 tuổi. Bà tôi mời cụ Giáo Nguyện (Đặng Văn Nguyện) đến nhà dạy học ba anh em. Khi cụ Giáo Nguyện mất, thì bố tôi cùng chú Ấm Bằng (Đặng Hữu Bằng, là em đôi cháu dì với bố tôi) và ông Ấm Khải (Nguyễn Xuân Khải), con cả cụ Án Thanh Nguyễn Xuân Tiêu vào Tam Đăng, học cụ Cử Năm (con cụ Hoàng giáp Phạm Văn Nghị), còn chú Hai, chú Ba thì bà tôi cho mời ông Đặng Vũ Chỉnh (tục gọi Huấn Chỉnh, đỗ cử nhân, làm huấn đạo) đến nhà dạy.

Bố tôi năm 17 tuổi đi thi hương, cùng chú Hai 14 tuổi, hai anh em thi ở trường thi Nam Định. Chú Hai đỗ nhất trường, hỏng đệ nhị. Bố tôi đỗ nhất trường, nhị trường, hỏng đệ tam. Hai anh em chỉ thi có một khoa, sau không thi nữa.

Thời kỳ này, các nho sĩ gọi là thời Tây Tàu nhố nhăng, quan không ra quan, học vấn không cần thiết, người nào khéo nịnh Tây thì người ấy có tương lai, tiền đồ tốt . Quyền lực bọn giặc Pháp nắm hết, bọn Nam quan chỉ có hư vị, cho nên những người có tâm huyết đều chán nản, nhẹ phần khoa cử, chuyển biến theo con đường mới. Các con cụ Hoàng giáp Tam Đăng, năm người đều đỗ cử nhân, phó bảng, đều noi gương bố không làm quan, ở nhà mở trường dạy học, đều có chí hướng chống ngoại xâm như cụ Hoàng giáp, mượn trường học để tập hợp sĩ tử, mưu đồ cứu nước. Bố tôi, chú Ấm Bằng, ông Ấm Khải theo học cụ Cử Năm, được hấp thụ tư tưởng ấy, nên ba ông không dùi mài kinh sử để thi đỗ làm quan, mà ham mê tìm đọc Tân thư của Trung Quốc, như các cuốn Ẩm băng của Lương Khải Siêu và một số sách của Trung Quốc dịch của Nhật bản viết về cải cách, thực hiện phong trào "duy tân". Đến năm 1904, nhà trường của cụ Cử Năm được tiếp xúc với hội "Duy Tân" do cụ Phan Bội Châu sáng lập, khí thế các sĩ tử đều náo nức nhiệt tình ủng hộ, đều hăm hở xin gia nhập Hội.

Năm 1905, cụ Phan xuất dương, là tiếng vang cổ vũ các sĩ tử, lại tiếp cuộc chiến tranh Nga-Nhật, Nga hoàng thua, Nhật thắng, sự kiện ấy đã đập vào tim gan

các sĩ tử, ai nấy đều muốn xếp bút nghiên, để dấn thân vào cuộc đấu tranh với quân thù.

Năm 1906, cụ Nguyễn Thượng Hiền (người làng Liên Bạt, Hà Đông, đỗ hoàng giáp) về nhậm chức đốc học hai tỉnh Ninh Bình, Nam Định. Cụ Cử Năm giới thiệu cho bố tôi, chú Ấm Bằng, ông Ấm Khải và mấy học trò nữa sang thụ giáo cụ Đốc Hiền. Một tháng hai kỳ bình văn, là hai kỳ tuyên truyền khơi động lòng chống Pháp cứu nước. Cụ Đốc Hiền thu xếp cho một số học trò xuất dương trước, trong đó có chú Ấm Bằng. Đáng lẽ bố tôi, ông Ấm Khải cũng đi chuyến ấy, đã may sắm quần áo Trung Quốc rồi. Sau cụ Đốc đổi ý kiến, nói tổ chức phải có người đi người ở nhà. Người ở lại nhà cũng rất cần thiết, quan trọng lắm. Công tác chọn lọc người để gửi tiếp đi và tối quan trọng là lo liệu tài chính cho tổ chức. Bố tôi và ông Ấm Khải tuy tuổi mới ngoài hai mươi, nhưng tác phong đứng đắn, có mưu trí, được bạn bè kính nể. Hai ông Ấm (tức bố tôi và ông Ấm Khải) trong tay có hàng mấy trăm mẫu ruộng, là nguồn vốn tốt cho Tổ chức. Bố tôi và ông Ấm Khải phải chấp nhận sự ủy thác của cụ Đốc.

Năm 1907, cụ Đốc treo ấn ở cửa Công đường, cụ xuất dương. Bố tôi và ông Ấm Khải về quê nhà, tiếp tục công tác Hội. Hai ông đã chọn gửi ông Hai Kiều, 15 tuổi (Đặng Quốc Kiều, em ruột ông cử nhân Đặng Vũ Cao), ông Hai Dật (Đặng Huy Dật, tức Đặng Tử Mẫn), ông Tư Thức (Nguyễn Xuân Thức, em ruột ông Ấm Khải), ông Bảy Giá (Đặng Vũ Giá, chú Đặng Quốc Kiều, em ruột ông cử nhân Đặng Vũ Bân). Chuyến sau gửi ông Ấm Dũng (Nguyễn Xuân Dũng, em ruột ông Ấm Khải), ông Hai Long (Đặng Vũ Long, con cụ Thương Hào, đại địa chủ), ông Sáu Châu (Đặng Vũ Châu, anh ruột ông Bảy Giá), ba ông ra đến Hải Phòng, chui vào thùng phuy, đã vần xuống hầm tàu, có người báo, lại bị Tây bắt lên.Tổ chức giao cho ông Đặng Hữu Quỳ làm liên lạc với ngoài nước và trong nước, kiêm cả hướng đạo để đưa người đi
nước ngoài. Đến năm 1910 thì ông Quỳ không về nước nữa.

Tiền kinh phí phải chi nhiều, cứ xuất của nhà mãi thì bảo đảm lâu dài sao được. Bố tôi và ông Ấm Khải phải học tập vua Lê Lợi mở đồn điền làm kế lâu dài. Bố tôi đảm nhiệm việc đó. Ông tìm được một khoảnh ruộng ở xã Cư Điện, huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa. Khoảnh ruộng ấy có đồi, có ruộng trũng, lọt vào một thung lũng, chung quanh là rừng rậm, núi cao, lối vào độc đạo phải qua suối, rộng trên 4.000 mẫu. Tục truyền là nơi đóng quân của vua Lê Lợi, khi sức còn non yếu vua đã cho đóng quân làm ruộng ở đây. Trong khu ruộng có đền thờ vua Lê. Ông Ấm Khải và bố tôi rất vui mừng, tìm được nơi ấy. Có lẽ trời đã ưu đãi cho hai ông kế tục sự nghiệp của vua Lê, nghĩa lớn tất thành!.

Hai ông lo liệu tiền bạc, lương thực, chiêu mộ người đưa vào khai hoang, gieo trồng. Vì công việc bận rộn, hai ông không ở luôn trong ấy được, phải cử bác Cả Lãng (Đặng Xuân Lãng, con cả cụ Ấm Giác, là anh rể bố tôi) làm quản lý toàn quyền ở trong ấy, đồng thời cử bác Độ (Nguyễn Xuân Độ, là con nuôi cụ Bát Rí. Cụ Bát là thân sinh ra bác Thạc) vào giúp bác Cả Lãng về quản lý và điều động lao

langhanhthien.vn

CHUYỆN MỘT NHÀ NHO HÀNH THIỆN THAM GIA PHONG TRÀO DUY TÂN, ĐÔNG DU VÀ VIỆT NAM QUANG PHỤC HỘI: NGUYỄN KỲ TAO

NGUYỄN VĂN KIÊM

(Dựa theo hồi ký "Những mẩu chuyện của gia đình tôi" của Nguyễn Văn Kiêm, con trai cụ Nguyễn Kỳ Tao tức Ấm Tao).

Khi ông tôi (Phó bảng Bố chánh Nguyễn Âu Chuyên) mất, bố tôi (Nguyễn Kỳ Tao) mới 11 tuổi, chú Hai (Nguyễn Ngọc Miện) 8 tuổi và chú Ba (Nguyễn Ngọc Triệm) 5 tuổi. Bà tôi mời cụ Giáo Nguyện (Đặng Văn Nguyện) đến nhà dạy học ba anh em. Khi cụ Giáo Nguyện mất, thì bố tôi cùng chú Ấm Bằng (Đặng Hữu Bằng, là em đôi cháu dì với bố tôi) và ông Ấm Khải (Nguyễn Xuân Khải), con cả cụ Án Thanh Nguyễn Xuân Tiêu vào Tam Đăng, học cụ Cử Năm (con cụ Hoàng giáp Phạm Văn Nghị), còn chú Hai, chú Ba thì bà tôi cho mời ông Đặng Vũ Chỉnh (tục gọi Huấn Chỉnh, đỗ cử nhân, làm huấn đạo) đến nhà dạy.

Bố tôi năm 17 tuổi đi thi hương, cùng chú Hai 14 tuổi, hai anh em thi ở trường thi Nam Định. Chú Hai đỗ nhất trường, hỏng đệ nhị. Bố tôi đỗ nhất trường, nhị trường, hỏng đệ tam. Hai anh em chỉ thi có một khoa, sau không thi nữa.

Thời kỳ này, các nho sĩ gọi là thời Tây Tàu nhố nhăng, quan không ra quan, học vấn không cần thiết, người nào khéo nịnh Tây thì người ấy có tương lai, tiền đồ tốt . Quyền lực bọn giặc Pháp nắm hết, bọn Nam quan chỉ có hư vị, cho nên những người có tâm huyết đều chán nản, nhẹ phần khoa cử, chuyển biến theo con đường mới. Các con cụ Hoàng giáp Tam Đăng, năm người đều đỗ cử nhân, phó bảng, đều noi gương bố không làm quan, ở nhà mở trường dạy học, đều có chí hướng chống ngoại xâm như cụ Hoàng giáp, mượn trường học để tập hợp sĩ tử, mưu đồ cứu nước. Bố tôi, chú Ấm Bằng, ông Ấm Khải theo học cụ Cử Năm, được hấp thụ tư tưởng ấy, nên ba ông không dùi mài kinh sử để thi đỗ làm quan, mà ham mê tìm đọc Tân thư của Trung Quốc, như các cuốn Ẩm băng của Lương Khải Siêu và một số sách của Trung Quốc dịch của Nhật bản viết về cải cách, thực hiện phong trào "duy tân". Đến năm 1904, nhà trường của cụ Cử Năm được tiếp xúc với hội "Duy Tân" do cụ Phan Bội Châu sáng lập, khí thế các sĩ tử đều náo nức nhiệt tình ủng hộ, đều hăm hở xin gia nhập Hội.

Năm 1905, cụ Phan xuất dương, là tiếng vang cổ vũ các sĩ tử, lại tiếp cuộc chiến tranh Nga-Nhật, Nga hoàng thua, Nhật thắng, sự kiện ấy đã đập vào tim gan

các sĩ tử, ai nấy đều muốn xếp bút nghiên, để dấn thân vào cuộc đấu tranh với quân thù.

Năm 1906, cụ Nguyễn Thượng Hiền (người làng Liên Bạt, Hà Đông, đỗ hoàng giáp) về nhậm chức đốc học hai tỉnh Ninh Bình, Nam Định. Cụ Cử Năm giới thiệu cho bố tôi, chú Ấm Bằng, ông Ấm Khải và mấy học trò nữa sang thụ giáo cụ Đốc Hiền. Một tháng hai kỳ bình văn, là hai kỳ tuyên truyền khơi động lòng chống Pháp cứu nước. Cụ Đốc Hiền thu xếp cho một số học trò xuất dương trước, trong đó có chú Ấm Bằng. Đáng lẽ bố tôi, ông Ấm Khải cũng đi chuyến ấy, đã may sắm quần áo Trung Quốc rồi. Sau cụ Đốc đổi ý kiến, nói tổ chức phải có người đi người ở nhà. Người ở lại nhà cũng rất cần thiết, quan trọng lắm. Công tác chọn lọc người để gửi tiếp đi và tối quan trọng là lo liệu tài chính cho tổ chức. Bố tôi và ông Ấm Khải tuy tuổi mới ngoài hai mươi, nhưng tác phong đứng đắn, có mưu trí, được bạn bè kính nể. Hai ông Ấm (tức bố tôi và ông Ấm Khải) trong tay có hàng mấy trăm mẫu ruộng, là nguồn vốn tốt cho Tổ chức. Bố tôi và ông Ấm Khải phải chấp nhận sự ủy thác của cụ Đốc.

Năm 1907, cụ Đốc treo ấn ở cửa Công đường, cụ xuất dương. Bố tôi và ông Ấm Khải về quê nhà, tiếp tục công tác Hội. Hai ông đã chọn gửi ông Hai Kiều, 15 tuổi (Đặng Quốc Kiều, em ruột ông cử nhân Đặng Vũ Cao), ông Hai Dật (Đặng Huy Dật, tức Đặng Tử Mẫn), ông Tư Thức (Nguyễn Xuân Thức, em ruột ông Ấm Khải), ông Bảy Giá (Đặng Vũ Giá, chú Đặng Quốc Kiều, em ruột ông cử nhân Đặng Vũ Bân). Chuyến sau gửi ông Ấm Dũng (Nguyễn Xuân Dũng, em ruột ông Ấm Khải), ông Hai Long (Đặng Vũ Long, con cụ Thương Hào, đại địa chủ), ông Sáu Châu (Đặng Vũ Châu, anh ruột ông Bảy Giá), ba ông ra đến Hải Phòng, chui vào thùng phuy, đã vần xuống hầm tàu, có người báo, lại bị Tây bắt lên.Tổ chức giao cho ông Đặng Hữu Quỳ làm liên lạc với ngoài nước và trong nước, kiêm cả hướng đạo để đưa người đi
nước ngoài. Đến năm 1910 thì ông Quỳ không về nước nữa.

Tiền kinh phí phải chi nhiều, cứ xuất của nhà mãi thì bảo đảm lâu dài sao được. Bố tôi và ông Ấm Khải phải học tập vua Lê Lợi mở đồn điền làm kế lâu dài. Bố tôi đảm nhiệm việc đó. Ông tìm được một khoảnh ruộng ở xã Cư Điện, huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa. Khoảnh ruộng ấy có đồi, có ruộng trũng, lọt vào một thung lũng, chung quanh là rừng rậm, núi cao, lối vào độc đạo phải qua suối, rộng trên 4.000 mẫu. Tục truyền là nơi đóng quân của vua Lê Lợi, khi sức còn non yếu vua đã cho đóng quân làm ruộng ở đây. Trong khu ruộng có đền thờ vua Lê. Ông Ấm Khải và bố tôi rất vui mừng, tìm được nơi ấy. Có lẽ trời đã ưu đãi cho hai ông kế tục sự nghiệp của vua Lê, nghĩa lớn tất thành!.

Hai ông lo liệu tiền bạc, lương thực, chiêu mộ người đưa vào khai hoang, gieo trồng. Vì công việc bận rộn, hai ông không ở luôn trong ấy được, phải cử bác Cả Lãng (Đặng Xuân Lãng, con cả cụ Ấm Giác, là anh rể bố tôi) làm quản lý toàn quyền ở trong ấy, đồng thời cử bác Độ (Nguyễn Xuân Độ, là con nuôi cụ Bát Rí. Cụ Bát là thân sinh ra bác Thạc) vào giúp bác Cả Lãng về quản lý và điều động lao

langhanhthien.vn

động (năm 1932, tôi vào Cư Điện, còn được gặp bác Độ). Đồn điền đã khai phá được vài trăm mẫu, có nhà cửa, kho tàng, giếng thơi, mọi nông cụ, phương tiện canh tác sinh sống tương đối đủ.

Năm 1909 có kẻ xấu là Đỗ Hùng (con trai cụ Án Các, con rể cụ Án Dương) làm mật thám cho Pháp, nó báo với Pháp về mưu đồ của Hội. Án bộ đường Nam Định bắt giữ bố tôi trên 3 tháng. Không có chứng cớ cụ thể để kết tội, chúng chuyển giao cho chính quyền Nam triều Huế. Triều đình ra chỉ thị cấm bố tôi không được vào Thanh Hóa. Tiếp sau không may bác Cả Lãng bị sốt rét ngã nước qua đời, quyền quản lý đồn điền phải chuyển giao cho một người ở Thọ Xuân là Cử Mía (đỗ cử nhân, người làng Mía nên gọi là Cử Mía, rất tiếc tôi không hỏi rõ họ tên) và con trai lớn là Tú Thùy (tức Hàn Tường). Sau cả hai cha con phản bội, phá cách mạng, lập công với giặc Pháp. Cử Mía được đi tri phủ, chiếm đồn điền của Hội làm tư hữu, phát canh thu tô. Đến cải cách ruộng đất, Tú Thùy bị xử bắn.

Trong những năm hoạt động trong tổ chức Duy Tân, sau là Đông Du, rồi Việt Nam Quang phục hội, ông Ấm Khải và bố tôi, ngoài công tác tổ chức, điều hành, thì nặng nề nhất là công tác tài chính. Tung vốn vào đồn điền đã khá nhiều, sau khi bố tôi bị cấm vào Thanh Hóa, bác Cả Lãng mất, thì hoa lợi của đồn điền không thu được nữa. Mỗi khi cần tiền gửi ra nước ngoài, hai ông lại bán ruộng nhà. Ông Ấm Khải đã bán vài chục mẫu ruộng Thanh Hương, bố tôi bán 1 5mẫu ruộng An Hành, 25 mẫu ruộng Thanh Hương và 6 mẫu ruộng Văn Phó gần làng, giá đất như ruộng thổ Hành Thiện.

Ông Ấm Khải còn mẹ là cụ bà Án Tiêu, bố tôi còn mẹ là cụ bà Bố Chuyên. Hai cụ là bà lớn mệnh phụ, nhưng rất cần kiệm, áo quần giản dị, làm việc luôn chân luôn tay, ăn uống đạm bạc, chỉ bát canh mồng tơi nấu mắm với mấy quả cà mặn là xong bữa, rất hạn chế tiêu tiền. Tuy vậy, khi thấy hai ông con trong một thời gian ngắn bán bấy nhiêu ruộng đất, hai cụ không hề sót sa, trách móc, mà còn luôn động viên cổ vũ hai con. Cụ bà Án Tiêu còn nhận làm thủ quỹ cho Tổ chức. Các nơi đưa nộp tiền, cụ đổi tiền kẽm ra bạc nén, và gửi ra nước ngoài, cụ đều làm tròn nhiệm vụ.

Hai ông Ấm (tức bố tôi và ông Ấm Khải) là người chủ chốt của Tổ chức, nên luôn có người từ Thái Bình, Nam Định, Hà Nam, Ninh Bình, Thanh Hóa ... về liên hệ công tác. Hai cụ đều niềm nở đón tiếp, cơm rượu đầy đủ, thật là một câu chuyện đẹp đẽ vô cùng. Khí thiêng của non sông kết tụ lại, có những nhân vật như vậy, thì giặc nào cướp nổi nước ta?

Phong trào của Hội từ 1909 đến 1911 bị xẹp xuống, do tình hình Nhật Bản trở mặt, trục xuất những nhà cách mạng Việt Nam, đương học tập phải tan tác, người chạy về Trung Quốc, người đi Xiêm La (tức Thái Lan). Trong nước, ngoài nước ít liên lạc được với nhau.

Năm 1912, cụ Phan Bội Châu ở Trung Quốc đổi tên Hội là Việt Nam Quang phục hội, bỏ tôn chỉ "quân chủ lập hiến" theo "chế độ dân chủ", được phong trào dân chủ Trung Quốc ủng hộ. Hội lại hoạt động, cử người về nước thông báo chủ trương và vận động trong nước tiếp tục gửi tiền ra mua vũ khí. Trong số những người được cử về nước có chú Ấm

Bằng (Đặng Hữu Bằng), dùng hộ chiếu Trung Quốc nhập cảnh đàng hoàng. Bố tôi lo chạy được 700 đồng bạc Đông Dương, ông Ấm Khải và nhiều người khác cũng lo được một số tiền giao cho chú Ấm Bằng.

Việt Nam Quang Phục Hội được củng cố, phát triển, đã nhận được tiền trong và ngoài nước gửi sang, quyết định phải làm "một tiếng vang" để trong và ngoài nước chú ý thêm. Năm 1913, Hội quyết định gửi bom (có lẽ là thủ pháo) về Bắc Kỳ, ấn định ngày cho nổ đồng loạt, giết hết các quan đầu tỉnh Bắc Kỳ. Bom đưa về giao các tổ chức trong nước cất dấu và phân công người nổ bom. Việc ném bom bị bại lộ ở một số tỉnh, đã có lệnh hoãn. Nhưng tin đưa về các nơi không kịp, ở Thái Bình cứ đúng ngày thi hành ném bom giết chết Tuần phủ Nguyễn Duy Hàn (là chú ruột mẹ tôi). Theo dư luận thì bom đưa về cho bố tôi cất giữ, vì nhà tôi đến tỉnh lỵ Thái Bình đi đường tắt chưa đến hai chục ki-lô-mét.

Sau vụ ném bom này, giặc Pháp biết chủ trương do Tổ chức ở Hành Thiện điều khiển. Chúng đưa một trung đội lính khố xanh do một đội Tây chỉ huy, đóng đồn tại cạnh phủ lỵ, sát làng Hành Thiện. Hàng ngày, chúng cho quân đi lùng sục, khám xét nhiều nhà ở Hành Thiện, và bắt đi gần ba chục người tình nghi ... Trong đó tất nhiên có bố tôi. Chúng giam giữ họ ở nhà lao Nam Định một thời gian, xét thả một số người, còn chuyển lên Hà Đông, giao cho Tổng Đốc Hoàng Trọng Phu (con thứ hai của Hoàng Cao Khải) toàn quyền thẩm tra và xét sử. Chúng mong manh biết bố tôi là người trọng yếu của Hội và mong manh biết cả việc chứa bom, nhưng không có chứng cớ cụ thể để buộc tội. Chúng khi thì tra khảo dã man, khi thì dụ dỗ mơn trớn, nhắc đến ông tôi, khuyên bố tôi nên cung khai thực tình, sẽ được phóng thích và được bổ dụng làm quan vinh nhà, giúp nước (!). Chúng giam giữ bố tôi lâu hơn cả.

Trong thời gian này, ở nhà giam có đủ mọi nhân vật: cử nhân, tú tài, ông Ấm con quan, nhà giàu. Các ông ngồi rồi, người làm thơ, người ngâm vịnh, lúc nào cũng lạc quan, không khuất phục trước uy vũ giặc. Ông Hai Thuyết (Nguyễn Tư Thuyết), con trai cụ Huyện Thi (Nguyễn Đôn Thi) có tính khôi hài. Trong nhà giam, ông thường trần truồng, nằm gác chân lên cửa sổ. Bọn cai tù hỏi, thì ông nói bị giam lâu sợ mốc, phải phơi để khi về, mẹ đỡ khỏi trách ... Hôm Tết Trung thu, tổng đốc Hoàng Trọng Phu bắt tù phải làm đèn rước vui thưởng trăng. Nhóm tù chính trị làm đèn Lã Vọng câu cá, có đề bài thơ:

Phượng chửa bay ra điều lý tù,

Nỗi buồn ta gẩy cái cần cu.

Mảng vui gió mát trên sông Vị

Nỡ để loài tanh đục nước Chu.

Thương kẻ ăn rau đôi bạn lão,

Vì ai đuổi cá một thằng "phu".

Chim ưng nhắc cánh bờ sông Mạnh,

Chiêu mộ đem về khắp chín chu.

(Theo tài liệu của ông Cử Tú ghi lại thì bài thơ của tù nhân trên là do một nhà nho, một ông Ấm người Hành Thiện làm ra).

langhanhthien.vn

Bố tôi bị giam giữ lâu, bà tôi rất lo lắng. Gia đình lại gặp nghịch cảnh, chú Hai đã mất sớm, nay chú Ba lại qua đời (cả hai chú đều bị lao phổi). Bà tôi phải thân đến ông Thượng Trung Lao (Vũ Quang Nhạ, là bạn của ông tôi), nhờ ông ấy giúp đỡ. Ông ấy nhận lời, lên Hà Đông gặp ông Hoàng Trọng Phu, xin tha cho bố tôi. Ông phân tích việc gán ghép cho bố tôi chứa bom giết tuần phủ Thái Bình Nguyễn Duy Hàn là không có căn cứ. Tuần phủ Nguyễn Duy Hàn là chú ruột mẹ tôi, chứa bom để giết hại chú ruột vợ mình, nhà vợ chịu im lặng chăng? Ghép cho một ông Ấm, con quan nhà giàu, làm cách mạng, cũng không có lý ... Hoàng Trọng Phu đã hơn một năm giam cầm bố tôi, không lấy được cung khai, chẳng tìm được chứng cớ nào để buộc tội bố tôi, nên đành tha cho bố tôi, cho được lòng ông Thượng Trung Lao, lại được ơn được huệ.

Mẹ tôi sau có nói chuyện, trong thời gian sắp ném bom, thấy có nhiều người lạ qua lại nhà tôi, và cái buồng nhà lợp bổi ở sát ngõ ngang, bên cạnh nhà thờ, lúc nào bố tôi cũng khóa chặt, đến mẹ tôi cũng không được vào.

Từ khi được tha về, bố tôi sức lực suy yếu! "Nhất nhật tại tù, thiên thu tại ngoại!" Bố tôi bị giam giữ hơn năm trời thì khỏe sao được, sức yếu thì bệnh phổi tất hoành hành, vì nhà tôi có nhiều người mắc rồi. Bố tôi giữ vệ sinh tốt, ăn ngủ điều độ, không rượu chè, không thức khuya, hay đi bộ, đi xe đạp, cắt tóc ngắn trước nhất ở Hành Thiện. Việt Nam Quang phục hội ngày càng lắng dân, đến thời kỳ này thì như ngừng hẳn, tâm trạng bố tôi cũng buồn theo với phong trào.

Bố tôi ốm đau bệnh tật, biết mình không thọ, nên ông tranh thủ những ngày tàn còn lại để phụng dưỡng mẹ già, dạy bảo con cháu. Bố tôi có 7 người con (ba gái, bốn trai). Ý định của bố tôi là con gái, cháu gái cho học quốc ngữ, đọc thông viết thạo rồi học nữ công, còn con trai thì tập trung lo vận cho anh Nhất (Nguyễn Duy Nhất, 1906-1936, là con trai trưởng) học chữ Pháp đến cao. tôi và Thuế (Nguyễn Ngọc Thuế, con chú Hai), Nhiếp (Nguyễn Mai Nhiếp, con chú Ba) thì học chữ Hán, học đông y, rèn luyện cho thành người quản lý việc nhà. Trong số 3 anh em tôi được rèn luyện quản lý công việc nhà, bố tôi rất chú ý đến tôi (Nguyễn Văn Kiêm, con trai thứ hai), vì tôi có sức khỏe hơn cả. Còn hai em tôi, Nguyễn Văn Ruân (con thứ ba của bố tôi) thì học về làm ruộng, Nguyễn Văn Thụ (con thứ tư) học về trồng cây (các em tôi đã được thể hiện nghề nghiệp của mình ngay từ khi đặt tên).

Trong thời gian bố tôi hoạt động cách mạng, rồi bị giam cầm, công việc của đại gia đình đều do bà tôi chỉ đạo, mẹ tôi quản lý, đôn đốc thi hành. Mẹ tôi tên tục là Nguyễn Thị Bình, tức Tuất (con gái cụ Nguyễn Duy Tiên, đỗ cử nhân, làm án sát Thái Bình). Mẹ tôi là con quan, là mợ Ấm nhà giàu, nhưng tính tình hiền hậu, cần kiệm, ăn mặc giản dị, đạm bạc, không đua đòi với các tiểu thư khuê các, mặc sang nhất là áo the đen, tuyệt không có gấm vóc sa hoa. Thuở nhỏ, mẹ tôi không được học, nhưng tư chất thông minh, nhớ rất lâu, sử sự linh hoạt, rất dũng cảm trong trường hợp có biến cố ..., phụng dưỡng mẹ già chu đáo, chăm sóc các con, các cháu

con chú Hai, chú Ba đầy tình thân thương, ít người sánh kịp. Mẹ tôi mất ngày 4-9-1959 tức 2 tháng 8 âm lịch năm Kỷ Hợi, thọ 74 tuổi.

Bố tôi ngừng hoạt động công việc chung của Hội, nằm dưỡng bệnh ở nhà, ông đã để nhiều tâm tư vào giúp đỡ họ hàng bà con mở mang nông nghiệp, thủ công nghiệp, buôn bán, thúc đẩy học hành. Ông bỏ vốn cho chú Giốc (em họ bố tôi, là con thứ hai ông Nguyễn Xuân Ngạn), bác Thạc (là anh họ, con cụ Bát Rí), chú Tành (em đôi cháu dì, là con ông Hai Cơ) liên hệ với nhóm Bùi Đình Tá ở Hà Nội học nghề làm miến tàu. Bố tôi lại bỏ vốn cho ông bà Trữ, ông bà Phó Bách đi buôn tơ, buôn vải, kiếm lời nuôi vận cho con là chú Úc, chú Sâm đi học (sau hai người làm giáo học, sống sung túc). Nhóm học làm miến không thành nghề, bố tôi lại bỏ vốn cho xuống Thanh Hương trồng dâu nuôi tằm, ươm tơ, nhưng cũng không thành công. Mỗi lần thất bại là mất cả vốn liếng, nhưng bố tôi vẫn bỏ tiếp vốn, chỉ mong cho họ hàng có nghề, được no ấm. Những tá điền như ông bà Đồng (bố mẹ của bác Tương), ông bà Ngần (bố mẹ vợ của bác Đỗ Chương) đều được cấp vốn để mở mang dâu tằm. Nói chung, đối với các tá điền, bố tôi đều ân cần thăm hỏi, hết lòng giúp đỡ, cho vay mượn không lấy lãi, không nhận tô phụ.

Bố tôi thích cải cách hủ tục, chống mê tín dị đoan, đã có công lập nhà thờ hợp tự (cả họ thờ chung), không thờ riêng ở mỗi nhà để được rộng thêm diện tích nhà ở. Bố tôi có ý định không tổ chức cúng giỗ mà chỉ xuân thu nhị kỳ cúng tế tập thể, cho đỡ tốn phí, lại gây được tình cảm thân thiết hơn. Bố tôi rất thích phong tục hỏa táng, đem tro về thờ của Nhật Bản (đáng tiếc bố tôi chưa được tiếp xúc với chủ nghĩa Mác-Lênin và tiếp thu cách mạng vô sản).

Bố tôi thấy càng ngày bệnh tình lao phổi càng nặng, nên cố công rèn luyện cho tôi thành người quản lý tốt. Bất cứ đi đâu, tham quan Hà Nội hay xuống ấp thăm vườn ruộng, ông đều cho tôi cùng đi, lấy hiện vật, thực địa giảng dạy cho tôi. Ông dạy tôi cách tính toán đo đạc ruộng nương ... Ông còn bồi dưỡng tôi về văn hóa, bắt chăm đọc báo chí quốc văn, đọc và tập dịch những cuốn sách từ chữ Hán ra quốc văn, ông hay nói chuyện lịch sử cứu nước giữ nước của dân tộc ta, gương của các bậc anh hùng hào kiệt ... Nhờ được sự rèn luyện đặc biệt như vậy, nên khi bố tôi mất, tôi mới 12 tuổi, đã nghiễm nhiên làm chủ điền tí hon, điều hành công việc đâu ra đấy. Sau khi thu hoạch ở Thanh Hương, lại về An Hành, chẳng những ruộng nương của nhà tôi, mà cả ruộng của bà tôi, của các em Thuế, Nhiếp, tôi quản lý cả. Vì hồi này bà tôi đã cao tuổi, lại chịu quá nhiều đau thương, các con về trước cả, còn lại một lũ cháu mồ côi lít nhít, công việc một mình mẹ tôi không quán xuyến hết, do hoàn cảnh tôi phải cố gắng vươn lên.

Từ 1918 trở đi, bệnh lao phổi của bố tôi đã trầm trọng, ho luôn, người sút nhiều, chữa đủ các thứ thuốc Tây Tàu, nhưng là một trong "tứ chứng nan y" thì khỏi sao được, bố tôi vệ sinh tốt, tẩm bổ tốt, mới kéo dài được mấy năm nữa.

Sáng ngày 8 tháng 2 âm lịch (1921), tôi đang ngủ say, có người đánh thức, bảo

langhanhthien.vn

bố tôi sắp tắt nghỉ, tôi bàng hoàng chạy vội xuống nhà ở dong 7, nơi bố tôi vẫn an dưỡng ở đấy, cùng nơi ở với bà tôi, thì bố tôi đã được chuyển lên nhà thờ rồi. Tôi vào thì thấy bố tôi được đặt nằm ở giường bên phía tây hiên nhà thờ. Bố tôi còn tỉnh, cho gọi tôi và các em Thuế, Nhiếp vào (anh Nhất vắng, vì đang học ở Hà Nội, hai em Ruân, Thụ còn nhỏ), chúng tôi đứng quanh bên giường. Bố tôi thều thào nói: "Bố và Bác không sống được nữa, các con, các cháu phải giữ vệ sinh, không uống rượu, không hút thuốc, vì nhà có bệnh lao phổi, phải có sức khỏe mới chống được, phải phụng dưỡng bà, giúp đỡ mẹ, công việc nhà bảo ban nhau làm cho tốt. Nhà ta sống về tô ruộng, ta phải biết ơn, biết thương những tá điền, chính các chú ấy đã nuôi gia đình ta, không được khinh bỉ, bóc lột họ quá đáng, hai cây ăn một, công của như nhau, giỗ tết không thu lễ. Bố và bác rất đau lòng, sinh ra là người dân mất nước. Mong các con, các cháu sau này sung sướng được làm người dân nước độc lập !"

Bố tôi tắt thở hồi 6 giờ sáng ngày 8 tháng 2 âm lịch (tháng3-1921), thọ 37tuổi. Bà tôi cho bác Đỗ Chương cấp tốc báo tin cho ông Cả Lãng, người làng Đông Động (gần chợ Đống Năm), huyện Thái Ninh, Thái Bình, đường xa gần 70km. Ông Cả Lãng đi suốt đêm, sáng ngày 9 thì đến nhà tôi. Thi hài bố tôi đã nhập quan. Tôi còn nhớ ông Cả Lãng chạy vội vào quỳ bên quan tài, vỗ vào quan tài khóc rất thống thiết, làm cho mọi người đứng xung quanh, xúc động không ai cầm được nước mắt. Ông Cả Lãng là một đồng chí rất tâm đắc với bố tôi. Ông dáng người cao cao, quắc thước, nghe nói là một nhân sĩ văn võ đều tinh thông. Ông đề nghị cho hoãn lễ cất đám để ông còn báo tin đến một số đồng chí ở mấy tỉnh gần đến chịu tang. Vì vậy quan tài của bố tôi quàn tại nhà đến một tuần lễ mới an táng. Có sáu bảy ông bạn của bố tôi ở các tỉnh Thái Bình, Hà Nam, Ninh Bình, cả ông Cả Đoan (con cụ Nguyễn Quang Bích) ở Trình Phố (Thái Bình) cũng sang đưa đám. Câu đối viếng có nhiều, đều viết bằng chữ Hán. Ông Hai Thuyết (Nguyễn Tư Thuyết) là người đã bị giam cùng bố tôi ở nhà lao Hà Đông năm 1913 có câu đối viếng viết bằng chữ Nôm, tôi còn nhớ:

Tàu là đâu? Nhật là đâu? Phổ Pháp đánh nhau là đâu? Giấc mộng ấy từng qua hết cả?

Nước như vậy! Nhà như vậy! Thân mình gánh vác như vậy! Lòng người hỡ nhẽ dứt đi ngay.

Ghi chú: Viết theo trí nhớ đã được nghe bà tôi, mẹ tôi kể chuyện lại, và nghe những người thân cận của ông tôi, bố tôi, là các ông Ký Duy, ông Phó Bách, ông Căn, ông Cửu Cừ và những người cao tuổi ở làng kể lại.

Người sau viết chuyện người trước, không có tài liệu, toàn nghe khẩu truyền, nên không tránh khỏi lộn xộn, không có mạch lạc, thời gian không chính xác, nhưng tôi cũng cố moi trong ký ức, dù việc hay, việc dở cũng mạnh dạn ghi chép ra. Mong anh em con cháu xem để suy nghĩ và động viên nhau, rèn luyện trở thành người tốt.

Bản thảo xong ngày 20-2-1980 (5 tháng Giêng Canh Thân).

N.V.K

VỊ CHỦ TỊCH NƯỚC NGƯỜI HÀNH THIỆN: TRƯỜNG CHINH (1907-1988)

ĐẶNG ĐỨC AN

Chủ tịch Trường Chinh, tên thật là Đặng Xuân Khu sinh ngày 9-2-1907 tại xã Hành Thiện, phủ Xuân Trường, tỉnh Nam Định (nay là thôn Hành Thiện, huyện Xuân Thủy, tỉnh Nam Hà). Ông là con cụ Đặng Xuân Viện (tục gọi Bốn Đễ), một học giả uyên thâm, đã viết nhiều sách báo về các lĩnh vực: sử học, văn học, triết học, xã hội học, địa lý học v.v... Cụ Viện là người yêu nước, đã giam gia phong trào Đông Kinh nghĩa thục tại làng. Cụ quan tâm giáo dục các con không chỉ về văn hóa, mà cả về đạo đức, nhất là về lòng yêu nước thương nòi, đứng về phía những người bị áp bức.

Ông Đặng Xuân Khu sau khi học xong bậc sơ học ở trường làng, được thân phụ cho lên thành phố Nam Định học. Ông ở trọ tại một gia đình công nhân và đã thấy phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân ở thành phố Nam Định thời đó. Trong cuốn 'Hồi ký", ông đã ghi lại: 'Tôi được gia đình cho lên thành phố Nam Định học từ khi học lớp Elémentaire (tương đương lớp 3 tiểu học). Tôi trọ học ở xóm lao động của công nhân Nhà máy sợi Nam Định. Hàng dãy nhà lá này được dựng gần trại lính khố xanh, cạnh con đường nghĩa địa Tây. Tôi trọ ở nhà cụ Nhiên, cụ có nhiều con đi làm công nhân Nhà máy sợi Nam Định. Nhiều chuyện về đời sống công nhân bị bóc lột, bị cúp phạt, bị đánh đập, tôi đã được nghe, được thấy (...). Công nhân tổ chức bãi công. Nhưng lúc ấy chưa có Đảng, các cuộc bãi công của công nhân đều là tự phát. Khi có tổ chức Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội thì các cuộc đấu tranh của công nhân đã có lực lượng lãnh đạo". [1]

Năm 1925-1926, khi đang học trường Thành chung (như trường Phổ thông cơ sở ngày nay) Nam Định, ông đã tham gia cuộc đấu tranh đòi thả cụ Phan Bộ Châu và làm lễ truy điệu cụ Phan Chu Trinh, và năm 1927, ông gia nhập Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội (VNTNCMĐCH). Ông kể lại sự việc đó như sau: 'Năm 1925, tôi học năm thứ hai (tương đương lớp 7 trường phổ thông cơ sở) trường Thành chung Nam Định. Tôi trọ học ở nhà số 1 Hàng Tiện. Lúc đó, thực dân Pháp bắt được cụ Phan Bội Châu ở Trung Quốc đưa về nước, xử án tử hình. Trong nước có phong trào đấu tranh đòi ân xá cho cụ. Tôi tự động tìm hai anh bạn nữa, bàn nhau làm truyền đơn, đòi bọn thống trị Pháp phải tha cụ Phan. Chúng tôi in truyền đơn ở gác hai nhà số 1 phố Hàng Tiện. Nội dung truyền đơn là tố cáo chính sách cai trị tàn bạo của thực dân Pháp và đòi chúng phải tha nhà yêu nước Phan Bội Châu. Chúng tôi tự động viết, in và phân công nhau đi bỏ truyền đơn vào kẽ cửa từng nhà, rải ở các phố. Lúc này chưa có tổ chức VNTNCMĐCH ở Nam Định, nên việc làm truyền đơn là tự động, chưa được sự lãnh đạo của tổ chức".

langhanhthien.vn

'Năm 1926, khoảng cuối tháng 3, có tin cụ Phan Chu Trinh sau hơn 10 năm bị đày đi Pa-ri được thực dân Pháp tha, khi cụ đã già. Cụ về Sài Gòn có đọc diễn văn. Sau cụ mất ở Sài Gòn. Tin cụ mất lan ra, đồng bào cả nước thương tiếc cụ. Tôi bàn với anh Nguyễn Đức Cảnh và Nguyễn Khắc Lượng vận động một phong trào bãi khóa trong thanh niên học sinh và vận động làm lễ truy điệu cụ Phan Chu Trinh để tỏ lòng thương tiếc cụ. Ba chúng tôi trở thành Ban lãnh đạo bãi khóa, rồi người đi mua giấy, người đi mua thạch, người viết và in truyền đơn vận động học sinh bãi khóa. In xong, phân công nhau đi rải. Chúng tôi tuyên truyền rộng cho anh em học sinh ở trường Thành chung. Anh em nhiệt liệt hưởng ứng. Phong trào bãi khóa lan nhanh sang các trường khác. Khó nhất là làm sao có người vận động học sinh trường nữ. Chúng tôi liền tìm đến các bạn trai, trường Thành chung có em gái đang học ở trường nữ, về tuyên truyền cho các em. Các bạn gái ở trường nữ cũng hưởng ứng. Thế là tất cả các trường ở thành phố Nam Định đều bãi khóa.

Sau đó, chúng tôi đến vận động một số cụ cử, cụ tú đứng ra xin phép Công sứ Nam Định cho tổ chức lễ truy điệu cụ Phan. Công sứ Nam Định bằng lòng cho tổ chức, nhưng chúng bắt làm giấy cam đoan bảo đảm trật tự và không được đả đảo chính phủ. Chúng tôi tổ chức lễ truy điệu thành công. Lễ truy điệu có bàn thờ, có hương hoa, có ảnh cụ Phan, có câu đối, có trướng, có khẩu hiệu khơi gợi lòng yêu nước ... có đến hàng vạn lượt người tham gia lễ truy điệu, bao gồm công nhân, nông dân ngoại thành Nam Định, học sinh các trường, tiểu thương, một số tiểu chủ...

Trong số các cụ cử, cụ tú đi xin phép Công sứ Nam Định tổ chức lễ truy điệu cụ Phan, có cụ Tú Du là người rất hăng hái. Con trai cụ là anh Lê Văn Phúc đang học ở trường Bưởi (Hà Nội), chúng tôi có liên hệ và bàn bạc với anh Phúc, nên anh Phúc là một trong những người hăng hái tổ chức bãi khóa ở trường Bưởi - Hà Nội, rồi phong trào bãi khóa lan ra toàn miền Bắc.

Sau khi chúng tôi làm lễ truy điệu cụ Phan và tổ chức bãi khóa, Công sứ Nam Định quyết định đuổi những học sinh bãi khóa. Nó chia học sinh thành hai loại: Loại bị đuổi hẳn và loại bị đuổi tạm thời.

Bị đuổi học, tôi vẫn tiếp tục hoạt động. Lúc ấy, anh Nguyễn Văn Hoan biết tôi là học sinh đã tham gia bãi khóa, anh tìm tôi và tuyên truyền cho tôi xem tài liệu của VNTNCMĐCH. Thỉnh thoảng tôi đến nhà anh ở đường bờ sông Nam Định. Năm 1927, tôi được anh Hoan giới thiệu và được kết nạp vào VNTNCMĐCH.[2]

Sau khi bị đuổi học ở trường Thanh chung Nam Định, ông Đặng Xuân Khu lên Hà Nội học ở trường Cao đẳng Thương mại Đông Dương cho đến cuối năm 1929. Vụ nghỉ hè 1928, ông về quê và đã cùng Đặng Xuân Thiều và Đặng Xuân Quyền bàn bạc với nhau phát hành một tờ báo bí mật ở quê nhà để truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin và vạch mặt bọn thực dân và địa chủ áp bức bóc lột dân nghèo, đặt tên là 'Dân cày'. Tờ báo do

ông Đặng Xuân Khu làm chủ bút, ông Đặng Xuân Thiều có chữ viết đẹp được phân công viết, ông Đặng Xuân Quyền in (in thạch) và phụ trách việc phát hành. Tờ báo ra được độ bốn, năm số thì ông Khu phải đi. Ông Thiều, ông Quyền ở nhà, lôi kéo thêm các ông Nguyễn Văn Kiêm, Nguyễn Văn Nhiếp, Nguyễn Ngọc Thuế, Đặng Xuân Bàng, Đặng Vũ Rinh ... cùng tham gia, ra được tất cả 19 số, đến tháng 5 năm 1931 thì đình bản, vì sự theo dõi gắt gao của địch. Đó là hoạt động đầu tiên của phong trào cộng sản tại làng Hành Thiện và các vùng chung quanh Hành Thiện (tờ báo phát hành cho đến tận Lạc Quần).

Tháng 6-1929, khi đoàn đại biểu Bắc kỳ của VNTNCMĐCH thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương, ông Đặng Xuân Khu cũng đồng ý với chủ trương của đoàn đại biểu Bắc Kỳ, tham gia tích cực vào cuộc vận động thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương ở Bắc Kỳ (khi đó Tổng bộ VNTNCMĐCH không chấp nhận việc thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương của đoàn đại biểu Bắc Kỳ).

Cuối năm 1929, ông Đặng Xuân Khu đã tổ chức một cuộc họp những người Cộng sản tại nhà ông ở xóm 7 làng Hành Thiện, gồm các ông Nguyễn Đức Cảnh, Phan Đăng Lưu, Hoàng Quốc Việt, Trần Đăng Ninh, Lương Văn Tuy và Đặng Xuân Thiều (khi đó ông Thiều đang hoạt động ở làng) để bàn bạc việc vận động thành lập các chi bộ cộng sản ở các tỉnh và phương thức hoạt động của những người cộng sản. Sau khi Đảng Cộng sản thống nhất được thành lập (3-2-1930), ông Đặng Xuân Khu được chỉ định vào Ban tuyên truyền cổ động trung ương của Đảng Cộng sản Việt Nam. Ông Đặng Xuân Khu đã sắp xếp nơi làm việc cho hai ông Trần Phú và Nguyễn Thế Rục (người Hành Thiện) tại số nhà 16 phố Cầu Gỗ Hà Nội (nhà ông Nguyễn Tư Tế, con cụ Cử Tái. Cụ Cử Tái là cậu ruột ông Đặng Xuân Khu) để cùng nhao trao đổi, bàn bạc soạn thảo 'Luận cương chính trị" của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Cuối năm 1930, ông Đặng Xuân Khu bị địch bắt giam tại nhà pha Hỏa Lò Hà Nội, bị kết án 12 năm tù cầm cố và bị đày đi Sơn La. Tại nhà tù Hà Nội và Sơn La, ông Đặng Xuân Khu đã viết nhiều bài báo, bài thơ gửi đăng ở các tờ báo Đảng và tham gia huấn luyện chính trị cho các chiến sĩ cách mạng bị giam giữ trong nhà tù. Tháng 9-1936, do thắng lợi của Mặt trận nhân dân Pháp chống phát xít, chính phủ phái tả lên cầm quyền ở Pháp và do cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam đòi quyền tự do dân chủ và thả chính trị phạm, ông Đặng Xuân Khu được trả lại tự do.

Từ cuối năm 1936 đến 1939, ông Đặng Xuân Khu hoạt động hợp pháp và nửa hợp pháp ở Hà Nội. Trong tình hình mới, Mặt trận Dân chủ Đông Dương (lúc đầu gọi là Mặt trận thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương, sau đổi là Mặt trận thống nhất Dân chủ Đông Dương, gọi tắt

langhanhthien.vn

là Mặt trận Dân chủ Đông Dương) được thành lập, ông Đặng Xuân Khu tích cực hoạt động cho phong trào này, với danh nghĩa đại biểu của Đảng Cộng sản Đông Dương trong ủy ban Mặt trận Dân chủ Bắc Kỳ. Ông rất coi trọng những vấn đề lý luận cách mạng, ngoài việc trực tiếp chỉ đạo tờ báo *Tin tức* (cơ quan của Mặt trận Dân chủ), viết nhiều bài báo đăng trên tờ báo này và các tờ báo khác của Đảng, ông (lấy bút danh Qua Ninh) cùng với ông Võ Nguyên Giáp (bút danh Vân Đình) viết cuốn "Vấn đề dân cày" (quyển 1 và 2) để trang bị cho đảng viên và quần chúng những nhận thức đúng đắn của chủ nghĩa Mác-Lênin về vấn đề ruộng đất và nông dân; tố cáo tội ác của đế quốc và phong kiến cấu kết với nhau áp bức, bóc lột quần chúng nông dân và phản ánh đời sống cơ cực của người nông dân Việt Nam dưới sự thống trị của đế quốc Pháp.

Trước khi nổ ra cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai, chính phủ Pháp ngày càng ngả về phía hữu, bọn thực dân Pháp phản động ở thuộc địa cũng ngóc đầu dậy và thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng, Đảng Cộng sản Đông Dương rút vào hoạt động bí mật. Ông Đặng Xuân Khu bị địch lùng bắt ráo riết, trở về ẩn náu tại Hành Thiện và ấp Tả Hành (Vũ Tiên, Thái Bình) một thời gian. Sau đó, ông (lấy bí danh Trường Chinh) lên Bắc Ninh, họp Hội nghị Trung ương Đảng CSĐD lần thứ 7, được cử vào Ban chấp hành trung ương lâm thời của Đảng và làm quyền Tổng bí thư.

Năm 1941, ông Trường Chinh lên đường đi Pắc Bó (Cao Bằng), gặp lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và tại Hội Nghị trung ương Đảng CSĐD lần thứ 8 (tháng 5-1941), ông được bầu làm Tổng bí thư trung ương Đảng. Ông Trường Chinh đã kể lại cuộc gặp gỡ với Bác Hồ và cuộc bầu ông làm Tổng bí thư Đảng như sau: "Tôi đã liên lạc được với Bác Hồ từ cuối thời kỳ Mặt trận Dân chủ, lúc đó tôi đang chỉ đạo chính trị các tờ báo công khai của Đảng và làm nhiệm vụ nhận những thư của Bác Hồ gửi về cho Trung ương và xứ ủy. Những bức thư này do một đồng chí công nhân hoạt động bí mật, làm việc trên tuyến đường xe lửa Hà Nội - Vân Nam chuyển về, rồi bỏ vào hộp thư của báo *Notre voix* (Tiếng nói của chúng ta) như các bài lai cảo.

Phải đến Hội Nghị Pắc Bó (tháng 5-1941), lần đầu tiên tôi mới được gặp Bác Hồ. Gặp Bác là một điều mơ ước lớn của cả lớp người cách mạng chúng tôi lúc bấy giờ, nhưng ít ai dám nghĩ điều đó có thể thành sự thật. Cho nên mừng đến ứa nước mắt. Bác Hồ chủ trì Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8, Bác không tự giới thiệu là Nguyễn Ái Quốc, mà chỉ nói là đại diện của Quốc tế Cộng sản. Bác yêu cầu thường vụ trung ương thảo báo cáo về tình hình và nhiệm vụ để trình bày tại Hội nghị. Tôi thảo xong, trình Bác xem trước, Bác gạch đi một số câu, rồi bảo: 'Chú hay viết thừa". Tại Hội nghị, Bác Hồ đã đưa ra những nhận định rất sáng suốt: Sớm muộn phát xít sẽ tấn công Liên Xô, chiến tranh Thái Bình Dương sẽ bùng nổ. Cuộc chiến tranh do bọn phát xít gây ra sẽ tàn sát loài người một cách ghê gớm, nhưng cũng sẽ làm bọn đế quốc suy yếu và tạo điều kiện cho phong trào cách mạng thế giới phát triển mau chóng. Nếu cuộc chiến tranh lần trước mới chỉ có cách mạng Nga thành công, thì cuộc chiến tranh lần này sẽ tạo điều kiện cho cách mạng nhiều nước thắng lợi, sẽ có nhiều nước xã hội chủ nghĩa mới ra đời. Chúng ta phải gấp rút chuẩn bị lực lượng về mọi mặt để đón thời cơ, giành thắng lợi quyết định cho sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Hội nghị đã thảo luận, dựa theo ý kiến chỉ đạo của Bác Hồ và thảo ra nghị quyết trung ương 8. Bác xem rồi sửa chữa lại thật ngắn gọn, súc tích, mà cũng rất cụ thể. Theo tôi, cũng có thể xem nghị quyết đó là do Bác Hồ viết lại. Bác nói: 'Hội nghị này không phải Đại hội, nhưng cứ bầu Trung ương và bỏ phiếu kín". Chúng tôi đề nghị Bác Hồ đảm nhiệm chức vụ Tổng bí thư. Nhưng Bác nói: 'Tôi đang làm nhiệm vụ của Quốc tế cộng sản, có thể Quốc tế cộng sản còn giao cho tôi đi làm nhiệm vụ ở nơi khác, do đó tôi không thể trực tiếp nhận nhiệm vụ Tổng bí thư của Đảng ta được". Theo giới thiệu của Bác, Hội nghị bầu tôi làm Tổng bí thư và cử ra Ban thường vụ gồm các đồng chí Hoàng Văn Thụ, Hoàng Quốc Việt và tôi. Họp xong, Bác dẫn thường vụ chúng tôi ra bờ suối và căn dặn thêm: 'Các đồng chí phải đoàn kết, phải làm việc tập thể và cá nhân phụ trách". [3]

Thực dân Pháp ra sức lùng bắt ông Trường Chinh, nhưng nhờ nhân dân đùm bọc, che chở, cho nên ông luôn luôn thoát khỏi sự vây bắt của địch. Chẳng hạn, 'ngày 21-11-1942, trong lúc đồng chí Trường Chinh, Tổng bí thư của Đảng, đang phụ trách lớp huấn luyện chính trị tại thôn Văn Xuyên, xã Hoàng Vân, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (nay là Hà Bắc) thì địch ập đến bao vây. Đồng chí đã được hai bố con ông lão đánh cá đưa sang bên kia sông Cầu, phần đất thuộc thôn Tiên Thù, xã Tiên Phong, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên (nay là Bắc Thái). Tại Tiên Thù, đồng chí đã được ông Nguyễn Văn Tâm, con rể cụ Ngô Văn Luân (tức Lý Sâm) và ông Ngô Hải Long (tức Ngô Văn Vân), con trai cả cụ Luân), bảo vệ chu đáo. Gia đình cụ Luân là một trong những cơ sở cách mạng của Đảng ta từ năm 1939. Các đồng chí Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt và nhiều đồng chí lãnh đạo khác của Đảng ta đã đi lại, ăn ở trong gia đình cụ Luân và chọn gia đình này làm một trong những nơi gặp gỡ, trao đổi công tác. Ngày 24-5-1981, đồng chí Trường Chinh đã về thăm Tiên thù và gia đình cụ Luân" [4]. Năm 1943, tòa án binh

langhanhthien.vn

của thực dân Pháp ở Hà Nội kết án tử hình vắng mặt ông Trường Chinh, nhưng chúng làm sao bắt được ông để thực hiện bản án.

Từ 1941 đến 1945, ông Trường Chinh với cương bị Tổng bí thư Đảng CSĐD, đã lãnh đạo nhân dân Việt nam lật đổ ách thống trị của thực dân Pháp và phát xít Nhật. Từ sau cách mạng tháng 8-1945 đến tháng 10-1956, ông Trường Chinh làm Tổng bí thư trung ương Đảng. Tháng 10-1956, trong Hội Nghị Ban Chấp hành trung ương Đảng lần thứ 10 (khóa 2), ông Trường Chinh xin thôi chức Tổng bí thư, song vẫn là ủy viên Bộ Chính chị trung ương Đảng. Tháng 7-1986, trong hội nghị đặc biệt Ban Chấp hành trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, ông Trường Chinh lại được bầu làm Tổng bí thư của Đảng. Ngoài ra, ông còn giữ nhiều chức vụ trong Quốc hội và Chính phủ. Từ Quốc hội khóa II đến khóa VI (1960-1981) ông Trường Chinh làm Chủ tịch Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Năm 1958, ông được cử làm Phó Thủ tướng, kiêm Chủ nhiệm Ủy ban khoa học Nhà nước. Tháng 6-1981, tại kỳ họp thứ I Quốc hội khóa 7, ông Trường Chinh được bầu làm Chủ tịch Hội đồng Nhà nước và Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Và tháng 12-1986, ông Trường Chinh đã được cử làm Cố vấn Ban Chấp hành trung ương Đảng. Năm 1986, trước khi thôi chức Tổng bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hội đồng Nhà nước CHXHCN Việt Nam, ông Trường Chinh đã có một đóng góp quan trọng để đưa đất nước tiến lên, đó là đề xướng chủ trương "đổi mới". Trong điếu văn đọc tại lễ truy điệu chủ tịch Trường Chinh, ông Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh đã nói: "Năm 1986, ở cương vị Tổng bí thư, sớm nhận rõ được xu thế của thời đại, thực trạng của đất nước, yêu cầu và nguyện vọng của nhân dân, đồng chí (Trường Chinh) đã có nhiều đóng góp rất quan trọng vào việc đề ra chủ trương đổi mới. Vang mãi trong lòng nhân dân ta, lời phát biểu của đồng chí trong quá trình chuẩn bị Đại hội 6: "Đối với nước ta, đổi mới là yêu cầu bức thiết, là vấn đề có tầm quan trọng sống còn". Lời nói đó đang thúc đẩy nhân dân ta tiến lên trong sự nghiệp đổi mới. Trong trách nhiệm cố vấn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đồng chí đã tích cực góp sức mình trong việc xây dựng cương lĩnh và chiến lược kinh tế - xã hội, chuẩn bị nội dung cho Đại hội 7 của Đảng". (6)

Ông Lê Văn Tích trong bài "Đồng chí Trường Chinh với Chủ tịch Hồ Chí Minh", phân tích cụ thể hơn chủ trương "đổi mới" của chủ tịch Trường Chinh: "Từ nửa cuối những năm 80, khi các nước Xã hội chủ nghĩa Đông Âu lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội, khi đất nước ta phải trực tiếp đối mặt với hàng loạt khó khăn cực kỳ to lớn do hậu quả của cơ chế tập trung quan liêu bao cấp mang lại, trên

cương vị Tổng Bí thư của Đảng và Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, đồng chí Trường Chinh lại phát huy bản lĩnh cách mạng sáng tạo của mình. Đồng chí đã một lần nữa tìm thấy ở người thày của mình - chủ tịch Hồ Chí Minh - những lời giải đáp, hướng đi đúng để Việt Nam tiếp tục đi theo con đường xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, khi khẳng định: Đổi mới là đòi hỏi bức thiết của đất nước, của thời đại, đồng chí cũng đồng thời nhắc nhở chúng ta phải luôn luôn làm theo lời dạy của Bác Hồ, học tập tấm gương và phong cách của Người" (7).

Ông Trần Bạch Đằng trong bài "Dám rẽ ngoặt trong tư duy" lại có một nhận xét khác: Khi cả nước bước vào xây dựng trong thời kỳ quá độ, bác Trường Chinh "đã làm được cái khó nhất khi Bác đã ngoài 70" là "tự trang bị cho mình một loạt quan điểm mà trước đó ít ai ngờ tới". Đó là "quan điểm đổi mới" mà "ngay chỗ xuất phát, đã mang tính lý luận. Bác quan tâm các quy luật phổ biến - các thành tựu khoa học và được thách thức trong lịch sử không chỉ ở một nước - coi như động lực "lật ngược thế cờ" chẳng những cứu vãn nền kinh tế - xã hội đang khó khăn mà còn tạo tiền đề, tạo bệ phóng tương lai cho dân tộc ta". Quan điểm đổi mới của bác Trường Chinh không có gì xa lạ, mà "thực ra, bác Trường Chinh cũng chỉ phục hồi những nguyên lý cơ bản, thậm chí đơn giản, mà chủ nghĩa siêu hình và duy ý chí trước kia đã coi thường - coi thường từ cái sơ đẳng nhất: ăn no thì năng suất lao động cao. Tuy nhiên mặt vĩ đại vẫn không vì vậy mà mờ nhạt: dám từ bỏ những "bài học thuộc lòng" mù quáng để trở lại di sản được cả loài người đúc kết, trở lại chân lý. Cuộc chia tay với lối mòn cũ quả không đơn giản, nhất là khi danh vọng, lợi quyền của con người ít tài kém đức gắn chặt với lối mòn cũ - rời bỏ nó tức là rơi vào khoảng không - trở nên vô dụng ... Bác Trường Chinh chia tay với lối mòn cũ một cách dứt khoát bởi lẽ bác khao khát khám phá một thế giới phía trước và Bác có đủ tri thức, phẩm chất, đảm lượng để khám phá. Những năm sau này, tuổi Bác càng cao, sự vận động thân thể càng khó khăn, song ai gặp Bác cũng đều gặp một khuôn mặt linh hoạt và một cái đầu tỉnh táo - nếu không nói là sắc sảo". "Bác đổi mới chân thành, trung thực, chủ trương đổi mới đồng bộ, kiên định ...". (8)

Ông Trường Chinh mất ngày 30-9-1988 tại Hà Nội. Ngày 1-10-1988, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Quốc Hội, Hội đồng Nhà nước, Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam đã ra "Thông cáo đặc biệt" báo tin ông Trường Chinh qua đời. Ngày 5-10-1988, lễ truy điệu ông Trường Chinh tại Hội trường Ba Đình và lễ an táng tại nghĩa trang Mai Dịch. 270 đoàn đại biểu ở

langhanhthien.vn

Trung ương và địa phương, 54 đoàn đại biểu quốc tế đến viếng và dự lễ truy điệu.

Một người gần gũi với ông đã kể lại: 'Đồng chí Trường Chinh từ trần hết sức đột ngột. Ngay buổi sáng ngày 30-9-1988, đồng chí rất tỉnh táo nghe đồng chí trợ lý (đồng chí Hà Nghiệp- TG) đi nghiên cứu ở Liên Xô về báo cáo. Lúc này theo đúng kế hoạch, một cán bộ của văn phòng đồng chí đã lên Bắc Thái để chuẩn bị cho chuyến đi thăm của đồng chí đến những cơ sở cách mạng cũ ở Định Hóa và Phổ Yên. Đồng chí dự định sẽ đi vào ngày 4-10-1988. Vì vậy, đồng chí tranh thủ đọc những báo cáo về tình hình kinh tế - xã hội ở Bắc Thái để khi lên trên đó, sẽ đóng góp với tỉnh những ý kiến thiết thực. Là một người luôn luôn làm việc, đồng chí Trường Chinh muốn cho mỗi chuyến đi thăm địa phương sẽ mang lại cho địa phương những điều bổ ích.

Làm việc đến 11 giờ, đồng chí nghỉ và dùng cơm. Đó là buổi làm việc cuối cùng của đồng chí. Gia đình kể rằng, hôm ấy đồng chí ăn được hai lưng bát cơm và vài múi mít. Ăn xong, đồng chí lên cầu thang, vừa bước lên thì ngã, chấn thương sọ não rất nặng. Gia đình và đồng chí bảo vệ chạy đến, vực đồng chí dậy, đưa ngay đến bệnh viện cấp cứu. Từ ngôi nhà số 3 phố Nguyễn Cảnh Chân, Hà Nội đến bệnh viện Quân y 108, là một đoạn đường tuy không dài, nhưng cũng không ngắn, cho nên trên đường đi, bệnh tình càng thêm nặng. Các giáo sư, bác sĩ tận tình cứu chữa, nhưng do vết thương quá nặng, hơn một giờ sau, đồng chí qua đời (lúc đó là 13 giờ 25 phút - TG)". [9]

Do những cống hiến to lớn của chủ tịch Trường Chinh đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa và đối với sự nghiệp tăng cường đoàn kết quốc tế, chủ tịch đã được Nhà nước CHXHCN Việt Nam tặng thưởng *Huân chương Sao vàng*, huân chương cao quý nhất của Nhà nước ta và nhiều huân chương khác.

Nhà nước Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô Viết tặng chủ tịch Trường Chinh *Huân chương Lê nin* và *Huân chương Cách mạng tháng 10*, Nhà nước Cộng hòa dân chủ dân nhân Lào tặng *Huân chương Vàng Quốc gia*; Nhà nước Cộng hòa nhân dân Campuchia tặng *Huân chương Ăngco*; Nhà nước Cộng hòa Cuba tặng *Huân chương Hôxê Mácti*; Nhà nước Cộng hòa dân chủ Đức tặng *Huân chương Các mác*; Nhà nước Cộng hòa nhân dân Mông Cổ tặng *Huân chương Xukhê Bato*; Nhà nước Cộng hòa nhân dân Bungari tặng *Huân chương Đimitơrốp*; Nhà nước Cộng hòa nhân dân Hung Ga ri tặng *Huân chương lá cờ đính kim cương*; Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Tiệp Khắc tặng *Huân chương Clêmen Gốtvan*.

Đ.Đ.A

CHUYỆN ÔNG BA BÒ CỦA LÀNG HÀNH THIỆN

(tức ông Đặng Đức Phan)

Hồi ký

ĐỖ NGUYÊN HẠNH

Tuổi ấu thơ thường giữ lại trong ký ức của mình những kỷ niệm không thể phai mờ. Mấy chục năm đã trôi qua mà trong tâm trí tôi vẫn còn in đậm hình ảnh ông Ba Bò: dáng cao cao, người hao hao nhanh nhẹn, quắc thước, tay cầm chiếc ba toong, sớm tinh mơ đã xuất hiện trên đường giong ngõ xóm, giọng nói oang oang cảnh cáo những người ăn ở, nói năng thiếu văn hóa.

Tụi trẻ chúng tôi, trên đường đi học về, thấy bóng ông từ xa đã đứng nép sang bên đường, đồng thanh cất tiếng chào: "Cháu chào cụ ạ ...ạ" Rồi nhao nhao, đứa nọ cáo giác tội đứa kia. Ông giơ chiếc ba toong lên, tụi trẻ chúng tôi tái xanh mặt mũi. Ông không đánh đứa nào bao giờ, chỉ dặn chúng tôi phải chăm học, phải lễ phép với thày giáo và cha mẹ, phải chào người lớn, không được đánh chửi nhau, không được đi tiểu bậy. Có lần ông còn thưởng kẹo cho những đứa sạch sẽ, học giỏi.

Thế rồi, lớn lên, ngồi dưới bóng hàng nhãn do ông trồng ở ven đường thổ (đường lên chùa) chờ xem đoàn bơi trải về bắt giải ngày rằm tháng 9, chúng tôi lại nhắc đến tên ông. Chẳng biết đã có bao đôi trai gái len lén hẹn gặp nhau dưới bóng nhãn những đêm trăng đẹp. Ngày nay, mỗi lần qua đò sông Ninh Cơ đi Nam Định, tôi lại thầm cám ơn ông đã sáng lập ra bến đò này - đò ông Ba Bò.

Vậy mà, thú thật, mãi mấy năm gần đây, tôi mới hiểu cái lai lịch rất đẹp của hỗn danh Ba Bò. Vậy sao lại có hỗn danh Ba Bò?

Chính danh của ông là Đặng Đức Phan. Ông là hậu duệ của cụ tổ Đặng Bá Tích - một trong chín vị Cửu công mà trước đây hàng năm dân làng hằng tế lễ. Ông là cháu họ cụ thượng Đặng Đức Cường, con trai thứ cụ Đặng Đức Cửu. Cụ tú Đặng Đức Chiếu là chú ruột của ông, không có con trai, nhận ông là con lập tự. Thấy ở quê khó làm ăn, ông theo một người bà con đi Hà Nội, Sài Gòn sinh sống. Đã có năm ông làm cút - lít (police-cảnh sát). Vốn con nhà giòng dõi, tính tình lại cương trực, ông không chịu nịnh bợ, cúi luồn những nhà giàu có, quan sang. Ông dám cãi lại với cả quan thanh tra người Pháp và bị mất việc. Chính vì vậy mà họ gọi ông là Ba Bò: tay đầu bò đầu bướu ngang tàng. Theo lời ông kể với các cháu thì ông đã can dự vào việc đánh tử thương một con đầm (một người đàn bà Pháp) vì tội nó mắng mỏ, xỉ nhục người Nam. Sau vụ này, ông trở về làng, mai danh ẩn tích, đổi tên là Đặng Ngọc Phan - vào khoảng năm 1940, 1941.

langhanhthien.vn

Ông bà về quê, thừa kế gia sản lập tự của cụ tú Chiếu: một chiếc nhà gỗ ở xóm Thọ Khải, giong số 7, bốn năm sào ruộng nước. Các cụ bà xóm số 7 ngày nay vẫn còn nhớ và kể lại: Tuy bà Phan ở tỉnh thành về mà cấy hái và tát nước rất thạo. Nghe đâu bà quê gốc ở Hà Đông ra tỉnh làm ăn, rồi kết duyên với ông.

Sau nhiều năm xa quê trở về làng, lòng ông vui buồn lẫn lộn. Làng xóm làm ăn có thịnh vượng hơn, nhưng đường thôn ngõ xóm sao mà lắm rác rưởi phân gio. Dịch bệnh năm nào cũng cướp đi hàng chục mạng người. Ông tình nguyện xin với làng cho ông được trông coi việc làm cho sạch xóm đẹp làng. Nhiệt tình của ông được chấp nhận và ủng hộ. Trước nhất ông xin người dọn sạch đống rác đồ sộ lù lù ở ngay lối vào đầu làng. Theo lời đề nghị của ông, hội đồng kỳ hào cho mõ rao khắp các xóm: nhà nào nhà ấy phải đổ rác vào chuồng lợn, không được phóng uế xuống rãnh tiêu nước. Ông xin nguyên liệu và tự đứng ra đốc công xây hố xí công cộng ở chợ và sau làng. Việc làm hố xí ở phía sau làng, ông giao cho những người đến lấy phân, phải làm hố xí lợp tranh tre, làm bến rửa quét dọn hàng ngày. Không thèm đếm xỉa đến những lời đàm tiếu, chẳng quản nắng mưa sớm tối, ông đi khắp đường thôn, ngõ xóm, đôn đốc nhắc nhở mọi người phải sống văn minh, góp phần làm sạch xóm, đẹp làng. Sau ít tháng, đường thôn ngõ xóm đã sạch sẽ, phong quang, ông lại nghĩ đến việc làm đẹp hơn mảnh đất hình con cá chép mà tổ tiên bao đời đã tạo dựng. Ông góp phần tích cực vào việc xây dựng đường gạch quanh làng do cụ á nguyên Đặng Vũ Cao chủ trương. Chính ông tự đi tìm giống bạch nhãn (nhãn hạt trắng) và nhãn lồng Hưng Yên về cùng trai làng trồng suốt dọc đường thổ (con dường dẫn lên chùa). Tự tay ông gieo trồng mấy cây đa ở gò Hành Thiện, những mong cây tỏa bóng mát cho bà con những trưa hè nắng gắt. Rất tiếc, hàng cây do ông trồng đã bị Tây phát quang, khi chúng về đóng ở làng vào năm 1949. Để hưởng ứng tết trồng cây do Bác Hồ phát động và tỏ lòng tri ân đối với ông, các cụ bô lão đã trồng lại hàng nhãn dọc đường thổ, nhiều cây đang đơm hoa, cho quả.

Thấy bà con mình muốn sang Cổ Lễ, đi Nam Định, phải vòng lên chùa, ra đê cái, qua đò Mom Rô, hoặc phải vòng qua Ngọc Cục qua đò Cựa Gà, ông xin hội đồng kỳ hào hai xã Hành Thiện và Dũng Trí được mở bến đò mới, gọi là bến đò Dũng Trí hoặc bến đò ông Ba Bò. Bến đò do ông sáng lập ngày một đông khách, vì đường đi lối lại vừa đỡ hẻo lánh vừa rút ngắn được cự ly, ngày nay đã trở thành bến đò chính suốt ngày tập nập người qua lại.

Hôm nay, ông không còn nữa! Nhưng tên ông còn đẹp mãi trong tâm trí chúng tôi; tiếng thơm của ông sẽ còn mãi với Hành Thiện, làng văn hiến. Cho tôi thắp nén hương lòng thành trước chân dung ông - người con yêu của Hành Thiện, đã tận tâm tận lực làm đẹp xóm đẹp làng..

Đ.N.H

langhanhthien.vn

BẠN BÈ VIẾT VỀ NGƯỜI HÀNH THIỆN

MÙA XUÂN NHỚ VỀ NHỮNG KỈ NIỆM TRONG NGHỀ BÁO

NGÔ TẤT HỮU

Do làm nghề báo, lại được công tác ở cơ quan thông tin quốc gia (TTXVN), nên tôi cùng một số đồng nghiệp có vinh dự được đi công tác viết tin, chụp ảnh phục vụ các đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng, Quốc hội, Nhà nước. Trong những chuyến đi đó, nhiều lần tôi được phục vụ đồng chí Trường Chinh. Đồng chí Trường Chinh là nhà lãnh đạo chính trị tư tưởng, cũng là nhà báo, nhà thơ, nhà nghiên cứu văn học, nhà văn hóa xuất sắc đã để lại cho những người cầm bút như tôi nhiều bài học kinh nghiệm hữu ích về nghề nghiệp. Nhân dịp Tết Giáp Tuất (1994), tôi xin kể lại một vài chuyện sâu sắc nhất.

CON THEO GÓT ÔNG CHA LÀ NHÀ CÓ PHÚC

Do say mê văn học nghệ thuật và báo chí nên từ một người làm khoa học kỹ thuật ra trường, chưa đầy ba năm, tôi đã bỏ nghề chuyển sang nghề làm báo chuyên nghiệp từ năm 1964. Không ngờ một vào loại "văn dốt" trong làng văn Lộc Hà, lại dám cầm bút đi làm báo chuyên nghiệp.

Thời kỳ công tác phóng viên ở Thông tấn xã Việt Nam hơn 22 năm, tôi đã được các đồng chí Đào Tùng (tổng biên tập) Năm Xuân (phó TBT) cử đi công tác nhiều lần với đồng chí Trường Chinh (khi đó là Ủy viên Bộ chính trị , Chủ tịch Ủy ban thường vụ Quốc hội, rồi làm Chủ tịch nước), trong đó có cả những chuyến đi công tác dài hạn hơn một tháng ở các tỉnh phía Nam vào đầu xuân năm 1978.

Vào những ngày đón xuân mới, theo phong tục tập quán của dân tộc, đêm Giao thừa, đồng chí Trường Chinh thường đi chúc Tết các gia đình cách mạng, gia đình công nhân, nông dân, trí thức và các gia đình thương binh liệt sỹ. Ngày 2 Tết trở ra, đồng chí đi thăm công trường nhà máy, đơn vị bộ đội ở xa thủ đô.

Những chuyến đi phục vụ đồng chí, tuy bận rộn, bỏ cả những dự kiến và chương trình chơi Tết của mình, song mỗi chúng tôi đều thấy vinh dự và coi đó là năm phát "tài, lộc", năm hạnh phúc nhất.

Những lần đi công tác như vậy, đồng chí Trường Chinh đều quan tâm săn sóc và chúc tết mọi người chúng tôi trong đoàn. Biết tôi là cháu của nhà văn Ngô Tất Tố, bao giờ đồng chí cũng chúc tôi một câu tưởng như nghiêm khắc, nhưng là niềm vui vô bờ bến đối với tôi và gia đình. Đồng chí nói :" Với người ta, tôi chúc con hơn cha là nhà có phúc. Với đồng chí, tôi chỉ chúc con theo gót ông cha là nhà có phúc rồi"

Vào cuối năm 1993 vừa qua, Hội nhà văn Việt Nam, Hội nhà báo Việt

Nam, Bộ Văn hóa thông tin, ViệnVăn học Việt Nam phối hợp tổ chức kỷ niệm và hội thảo nhân 100 năm ngày sinh của Ngô Tất Tố, nhà văn, nhà báo, nhà văn hóa lớn của dân tộc, trong 16 bản báo cáo tham luận đều khẳng định công lao đóng góp của nhà văn đối với sự nghiệp báo chí, văn học, dịch thuật, nghiên cứu văn học, triết học của đất nước ta.

Nhớ lại những lần chúc tết đầu xuân năm xưa của đồng chí Trường Chinh, tôi nghĩ đấy cũng là lời chúc đầu năm cho thế hệ trẻ chúng tôi, những người được hưởng cả một di sản to lớn của ông cha ta để lại phải sống và làm việc thế nào cho xứng đáng.

VIẾT CHO AI, VIẾT ĐỂ LÀM GÌ?

Năm 1978, chuẩn bị cho Hội nghị Trưng ương, Bộ Chính trị cử đồng chí Trường Chinh vào thăm và nghiên cứu tình hình ở các tỉnh miền Nam. Tôi được cơ quan cử đi công tác phục vụ chuyến đi dài ngày này. Trong chuyến đi này, đồng chí Trường Chinh ngoài việc làm việc với Thành ủy, UBND thành phố Hồ Chí Minh, đồng chí Trường Chinh đã về thăm Bà Điểm, Hóc Môn (còn gọi là 18 thôn Vườn Trầu), thăm huyện Củ Chi đất thép anh hùng, thăm tỉnh Sông Bé và ra thăm nhà tù Côn Đảo.

Vào một buổi sáng đầu tháng, tôi được đồng chí thư ký mời lên làm việc với đồng chí Trường Chinh. Đoán biết là công việc sắp kết thúc chuyến đi, tôi mang đầy đủ cặp tài liệu, tin bài viết. Mở đầu, đồng chí Trường Chinh đã thông báo cho biết đã kết thúc chuyến đi công tác, mời tôi cùng đồng chí bàn việc tuyên truyền trên báo. Do thời gian của chuyến công tác dài ngày, với thói quen, ngày nào viết gọn ngày ấy, tôi đã viết xong toàn bộ bài về hoạt động của đồng chí Trường Chinh ở các tỉnh miền Nam. liền mở cặp lấy bài viết để chuẩn bị đọc cho đồng chí nghe. Thấy vậy, đồng chí Trường Chinh ngăn lại hỏi:

- Đồng chí đã viết tin, bài rồi à?

Tôi báo cáo với đồng chí là do thời gian hoạt động dài, nên các bài đã được viết xong, xin đọc để đồng chí cho ý kiến.

Đồng chí tỏ vẻ không vui, bảo tôi:

-Là người cầm bút, đồng chí có biết cái khó nhất của người viết là gì không?

Tôi lúng túng chưa kịp trả lời, thì đồng chí giải thích:

Cái khó nhất của người cầm bút là xác định chủ đề bài viết. *Viết cho ai. Viết để làm gì* . Người viết tuyệt đối không được tùy tiện viết theo cảm tính hời hợt. Nay đồng chí đã viết bài xong rồi, cây tre đã mọc cao, uốn sao được. Thôi đồng chí cất bài đi, tôi với đồng chí bàn lại. xác định chủ đề bài viết cho rõ ràng mới viết.

Thế là tôi được cùng đồng chí Trường Chinh cho cùng bàn bạc xem nên viết vấn đề gì, viết ra sao cho chặt chẽ và cảm xúc. Là người lãnh đạo cao nhất của Quốc hội, song đồng chí rất tôn trọng, lắng nghe ý kiến của cán bộ, thêm bớt bổ sung những ý kiến rất hay cho bài viết.

Cuối cùng đồng chí cho tôi tự ấn định thời gian cần thiết để nộp bài. Tôi xin đồng chí một ngày. Đồng chí cho tôi ba ngày. Ngay chiều hôm đó, đồng chí nhắc văn phòng bố trí cho tôi phương tiện đi thăm thành phố Hồ Chí Minh mua quà cho vợ con, bạn bè để sáng hôm sau cùng đồng chí trở về Hà Nội.

TÔI KHÔNG ĐƯỢC NHƯ THẾ, ĐIỀU ĐÓ CHỈ ĐƯỢC DÀNH CHO BÁC HỒ

Có một điều rất đặc biệt tôi thấy ở Bác Hồ cũng như ở đồng chí Trường Chinh là làm việc với phóng viên bao giờ cũng làm việc trực tiếp không qua khâu trung gian thư ký

Như một quy định, những bài viết về đồng chí Trường Chinh phải thông qua đồng chí trực tiếp xem và trực tiếp trao đổi với phóng viên viết bài.

Cũng ở chuyến đi kể trên, về Hà Nội được hai ngày, tôi hoàn chỉnh và nộp bài lên văn phòng. Ngay chiều hôm đó, văn phòng điện mời tôi 15h lên làm việc với đồng chí Trường Chinh.

Tôi rất mừng khi thấy đồng chí mạnh khỏe ra tận đầu nhà tươi cười mời tôi lên phòng riêng của đồng chí. Cụ bà bổ soài, dưa đỏ (quả dưa từ Sài Gòn ra), rồi hai cụ hỏi thăm tình hình gia đình. Tôi mộc mạc chân thành báo cáo với hai cụ là hôm ra Bắc được bảo vệ cho phép, nên mang được hai yến gạo. Tôi đi vắng gần hai tháng ở nhà không có người xếp hàng, nên không mua được gạo ăn, các cháu phải ăn ngô, bo bo, có gạo về bưng bát cơm ngon, các cháu gọi là bát cơm của bác Trường Chinh cho.

Đồng chí Trường Chinh tỏ vẻ buồn. Qua tuần trà và chuyện trò thăm hỏi, đồng chí mới đưa bài tôi viết ra. Thoáng thấy nét bút đỏ chỉ chấm phá, các trang hầu như còn nguyên, những lo lắng trong tôi hầu như tan biến. Đồng chí khen bài viết tốt, song vẫn còn có chỗ "bốc". Đồng chí dở đến đoạn về thăm quê hương Bà Điểm, Hóc Môn. Công bằng mà nói đồng chí Trường Chinh có những nét quần chúng rất độc đáo nên được quần chúng yêu mến, nhất là khi đồng chí trở về thăm 18 Vườn Trầu (Bà Điểm, Hóc Môn), thăm Củ Chi đất thép và thăm Côn Đảo, đến thắp hương bên mộ đồng chí Lê Hồng Phong và chị Võ Thị Sáu. Vì vậy trong đoạn về thăn 18 thôn Vườn Trầu, tôi viết:

"Bà con Bà Điểm. Hóc Môn mặc quần áo đẹp từ sáng sớm rủ nhau ra tận đầu làng đón đồng chí Trường Chinh, người anh bao nhiêu năm mong đợi mới gặp mặt. Chị Hai Mật, người cán bộ đã từng phục vụ các đồng chí lãnh đạo cách mạng như anh Lê Hồng Phong, chị Nguyễn Thị Minh Khai ôm chặt lấy đồng chí Trường Chinh, nước mắt lưng tròng như đón người anh cả đi xa trở về..." (Tôi dùng chữ anh cả vì thời kỳ năm 1950-1951, đồng chí Trường Chinh được tặng biệt hiệu Anh Cả).

Trước tiên đồng chí Trường Chinh xóa bỏ hết các câu chữ gọi đồng chí là Anh Cả. Đồng chí nói với tôi:

- Đồng chí dùng chữ *bao nhiêu năm mong đợi, nay mới gặp mặt* là không chính xác, tôi không được như thế. Câu đó đồng bào miền Nam chidành cho Bác Hồ mà thôi. Đồng chí có còn nhớ khi tôi đến Bà Điểm, bà con cô bác nói với tôi thế nào không?

Cũng may hôm đó, do đoán được tình hình nhân dân sẽ đi đón đồng chí Trường Chinh đông, nên anh Giang (bảo vệ) đã khéo bố trí cho tôi được luôn đi sát đồng chí để "một công hai việc", nên tôi trả lời ngay:

- Thưa bác, hôm đó cháu thấy chị Hai Mập cùng đông đảo các cô bác ôm chầm lấy bác nói là "Anh Năm ơi! Anh Năm, bao nhiêu năm nay nghe tiếng anh nay mới được gặp mặt".

Đồng chí Trường Chinh vui hẳn lên:

- Đúng, quần chúng nhân dân phát ngôn rất chính xác. Tôi chỉ được như thế thôi .

Đồng chí giảng giải cho tôi (đại ý)

- Năm 1941, tôi là Tổng bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương, lúc đó là Đảng thống nhất gồm ba xứ ủy. Xứ ủy Nam Kỳ đóng ở Bà Điểm Hóc Môn do các anh chị Lê Hồng Phong, Nguyễn Thị Minh Khai, Võ Văn Tần, Mười Cúc (tức đồng chí Nguyễn Văn Linh) lãnh đạo. Tiếp đó, cách mạng tháng 8, Nhà nước ra đời, rồi toàn quốc kháng chiến và kháng chiến

langhanhthien.vn

chống Mỹ cứu nước, nên là Tổng bí thư và các cương vị lãnh đạo khác của Đảng, song do điều kiện chính trị và địa lý, nên tôi có dịp nào vào với bà con miền Nam.

Đồng chí nói pha trò vui:

- Người chỉ mới nghe thấy tiếng thì sao đã được bà con *"bao nhiêu năm mong đợi được" nhỉ?*

Tuy là những lời nói chân tình và thân mật, nhưng tôi học tập được ở đồng chí đức tính khiêm tốn quý báu, cách dùng từ ngữ chính xác, đúng với hoàn cảnh và tình huống, đồng thời đúng cả với cái tâm của người cầm bút.

NHỮNG NGƯỜI NHƯ THẾ KHÔNG NÊN ĐỂ LÀM VIỆC TRONG CƠ QUAN BÁO CHÍ

Đó là đầu xuân 1980, chuẩn bị kỷ niệm lần thứ 50 ngày thành lập Đảng (3-2-1930-3-2-1980), tôi lại có vinh dự được theo đồng chí Trường Chinh về thăm Liên hiệp các xí nghiệp dệt Nam Định , nhà máy tơ Nam Định, thăm chùa Keo quê hương của đồng chí.

Do nắm chắc được chương trình cuộc thăm, xác định rõ chủ đề, lại được đồng chí chỉ bảo rất ân cần về cách viết, nên tôi viết rất nhanh. Song đến ngày nộp tin lên văn phòng để đồng chí xem thì có một trục trặc do đồng chí chuyên đánh máy cho đồng chí Trường Chinh hôm đó không may bị ốm. Lo lắng trước việc phải nộp bài đúng giờ, tôi phải nhờ đồng chí không phải nghề đánh máy đánh hộ bài đó. Giấy trắng đầy không có, giấy than cũ, máy lại hỏng mất mấy chữ, người đánh không chuyên nghiệp, không trình bày được, lại không biết chỗ nào cần xuống dòng, cách quãng, đánh dấu... Thấy bản đánh máy không đạt yêu cầu, song vì thời gian gấp rút, hôm sau phải đăng bài lên báo, nên tôi liều vẫn chuyển bài đánh máy lên văn phòng đồng chí Trường Chinh. Ngay chiều tối hôm đó, văn phòng đồng chí Trường Chinh điện mời tôi lên. Linh tính như báo trước, tôi rất lo lắng. Khi gặp đồng chí, quả nhiên đồng chí mời tôi ngồi, rồi trả lại bài viết của tôi. Bản viết của tôi hơn 10 trang đánh máy, chi chít những dấu chấm, phẩy, sắc, huyền bằng bút đỏ do chính ta đồng chí sửa. Đồng chí lại trao cho tôi bản đánh máy lại của văn phòng để tôi có cái so sánh.

Đồng chí ôn tồn, nhưng rất nghiêm khắc:

- Tôi không thể chấp nhận được ở một cơ quan thông tin báo chí lại đánh máy cẩu thả như thế này.

Không để cho tôi được thanh minh, đồng chí nói tiếp:

- Đồng chí về báo cáo với Thủ trưởng cơ quan ý kiến tôi phải chấn chỉnh ngay khâu đánh máy. Phải mua sắm máy chữ tốt, bài vở phải được đánh trên giấy trắng, lề rộng, đánh rõ ràng từng đấu chấm, phảy, trình bày sáng sủa. Đảng, Nhà nước, nhân dân còn nghèo, song với các cơ quan báo chí, Đảng, Nhà nước sẽ không tiết kiệm ở chỗ này, bởi vì sản phẩm của các đồng chí là tiếng nói của Đảng, của Nhà nước, diễn đàn của nhân dân, nó có tác động rất rộng lớn, không gì thay được, nó còn là tài liệu lưu trữ lâu dài, cho nên những người có tính hời hợt, đại khái, thiếu trách nhiệm thì không nên để làm việc trong các cơ quan báo chí.

Đồng chí Trường Chinh từ biệt chúng ta đã mấy năm trời, song mỗi năm mùa xuân về, tôi lại bồi hồi xúc động nhớ tới đồng chí, người lãnh tụ, người thầy kính mến đã dìu dắt chúng tôi trên bước đường phục vụ nhân dân bằng cây bút của mình.

N.T.H.

(Đăng trong tạp chí Pháp luật và đời sống số xuân Giáp Tuất - 1994)

NGƯỜI NGHỆ SỸ- CHIẾN SỸ

LÊ MAI KHANH

Tôi lên thăm "Điện Biên Phủ" vào một ngày xuân năm 1994. Một " Điện Biên Phủ" cũng ngổn ngang súng ống, dây thép gai, bao cát...Những người lính đội mũ đan lưới, mặc áo trấn thủ gợi nhớ hình ảnh của người chiến sỹ Điện Biên ngày nào. Đó là "Điện Biên Phủ" trong phim Hoa ban đỏ do điện ảnh Quân đội nhân dân sản xuất chào mừng 40 năm chiến thắng lịch sử của dân tộc. Giám đốc sản xuất phim là nhà quay phim, đạo diễn nhiều kinh nghiệm của điện ảnh quân đội, trung tá Đặng Xuân Hải.

Anh quê xã Xuân Hồng, huyện Xuân Thủy, tỉnh Nam Hà. Là một chiến sỹ nhưng cũng là một nghệ sỹ, trung tá Đặng Xuân Hải đã tham gia hoạt động rất nhiều ở các chiến trường miền Nam, biên giới phía Tây-Nam, biên giới phía Bắc và làm phim ở Lào, Campuchia. Anh nhập ngũ năm 1963, vào mặt trận Trị Thiên-Huế. Sau đó, theo học một lớp quay phim của Ban thống nhất trung ương đào tạo tại chiến trường. Mùa xuân năm 1968, anh theo một mũi Quân Giải phóng và là người duy nhất vào quay tại nội thành Huế. Cũng chính lần này anh bị thương. Cùng với các hình ảnh của những những nhà quay phim quân đội khác, hình ảnh Quân giải phóng kéo cờ ở Phu Văn Lâu- Huế, đã được dựng trong phim Vài hình ảnh xuân 1968 do Xưởng phim Quân giải phóng thực hiện. Bộ phim này mang lại cho anh cùng đồng đội giải đặc biệt dành cho những nhà quay phim. Năm 1972, anh có mặt trong suốt chiến dịch Quảng Trị. Sau đó, quay trận địch tái chiếm cảng Cửa Việt(một địa điểm trọng yếu của mặt trận) và cảnh trao trả tù binh tại sông Thạch Hãn, Đông Hà-Quảng Trị vào năm 1973. Anh tham gia chiến dịch đại thắng mùa xuân 1975, vào Sài Gòn, rồi đi tiếp xuống tận Cà Mau. Những hình ảnh được ghi trong chiến dịch này đóng góp quan trọng cho bộ phim Đụngđầu lịch sử, bộ phim đoạt giải Bông sen vàng Liêm hoan phim lần thứ 5 tại thành phố Hồ Chi Minh năm 1979. Thế rồi anh chuyển sang làm đạo diễn. Bộ phim Thị xã yên tĩnh anh làm vào năm 1985, nói về tinh thần đoàn kết chiến đấu bảo vệ từng tấc đất quê hương của dân và quân Hà Giang, đã đoạt Bông sen bạc tại liên hoan phim lần thứ 7 và một giải A của Bộ Quốc phòng. Gần đây nhất bộ phim Nước mắt, nụ cười với nội dung nói về cuộc chia tay của quân tình nguyện Việt Nam với nhân dân Campuchia cũng đoạt giải *Bông sen bạc* của Liên hoan phim lần thứ 9 tổ chức tại Nhà Trang. Với trình độ đại học và một bề dầy kinh nghiệm như vậy, tôi thấy ngạc

langhanhthien.vn

nhiên khi thấy anh tham gia phim *Hoa ban đỏ* với vai trò người sản xuất.

Anh vui vẻ nói đùa:" Không phải riêng tôi bỏ nghề đâu nhé" Anh chỉ vào đạo diễn Lê Thị cùng đạo diễn Phạm Tiến Đại :"Hai ông đạo diễn này cũng làm phó giám đốc đấy thôi. Tất cả chúng tôi đều dốc sức hết mình vì 40 năm chiến thắngĐiện Biên"

Chúng tôi cùng cười vui vẻ, rồi anh tâm sự" Phim *Hoa ban đỏ* là bộ phim truyện đầu tiên của điện ảnh quân đội có tính hoành tráng và quy mô lớn cho nên chúng tôi huy động hết những đồng chí có kinh nghiệm tham gia. Đây là bộ phim nói đến cuộc sống chiến đấu của người chiến sỹ cũng như dựng lại cảnh chiến trường Điện Biên năm xưa, cho nên sự đóng góp của các nhà làm phim quân đội là vô cùng quan trọng.

Hiện nay, thượng tá Đặng Xuân Hải giữ chức Giám đốc Điện ảnh Quân đội. Anh được nhà nước phong danh hiệu nghệ sỹ ưu tú.

Hai năm 1994,1995, có nhiều ngày lễ kỷ niệm lớn: 40 năm chiến thắng Điện Biên, 40 năm giải phóng thủ đô, 20 năm giải phóng miền Nam, 50 năm thành lập quân đội. Chúng ta mong chờ những tác phẩm có giá trị của người nghệ sĩ- chiến sĩ đã từng một thời vừa cầm súng vừa ầm máy nói riêng và của điện ảnh Quân đội nhân dân nói chung.

L.M.K

(đăng trên báo "Nhân dân" ngày 3-7-1994)

Hành trang....*tiếp trang97*

Đại học Cần Thơ. Họ tưởng anh đi buôn. Mới đây, có người nhờ anh tư vấn tìm đối tác liên doanh liên kết với nước ngoài: tìm nhà tài chính hay công kỹ nghệ gia? Anh thuyết phục: Trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nên để lại cho con cháu một công nghệ tiên tiến hơn là những đồng tiền. Và, anh đã thắng.

Hiện nay, anh là chủ tịch Hội đồng quản trị VietBice tại thành phố Hồ Chí Minh, chuyên sản xuất đèn, bảng hiệu quảng cáo, tạo việc làm cho 50 - 60người. Tâm huyết với mục tiêu đến ngành công nghiệp năng suất cao, anh chọn đầu tư vào ngành điện tử. Theo anh, ngành này ở ta còn yếu, thiếu chuyên gia và kỹ thuật đầu ngành để sản xuất vi mạch. Trong khi dân ta cần cù và rất thông minh, đội ngũ trí thức khá đông cả trong nước, ngoài nước đều sẵn sàng theo tiếng gọi của quê hương. Như để được trả món nợ canh cánh trong lòng, sắp tới, cùng một số bạn bè, anh mở thêm công ty sản xuất phần mềm máy tính, đáp lại lời kêu gọi của Đảng trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

H.L

(Đăng Trên báo Nhân Dân ngày 18-4-1995)

HÀNH TRANG VỀ QUÊ NỘI

HƯƠNG LIÊN

Quê tôi ở Hành Thiện, Nam hà, chắc ít nhiều chị cũng biết quê tôi: còn nghèo, nhưng mà đẹp lắm!

Mở đầu câu chuyện, anh *Đỗ Bội Quyết* [1] giới thiệu với tôi về nơi chôn nhau cắt rốn của mình một cách tự hào như thế. Sang Pháp học từ năm 1957, mãi đến năm 1984 anh mới về nước lần đầu. Lần đó, hồi hộp và đầy lo âu. Vì nhiều lẽ. Nhưng rồi, từ không khí đầm ấm của gia đình, ấm áp tình bằng hữu, xóm giềng, đến con đường làng quen thuộc, vẻ trầm mặc rêu phong của đình làng, cùng với êm đềm, bình lặng của ao thu gợi cảm ... như sợi dây thắt chặt anh với quê hương, đất nước. Vơi đầy mặc cảm, tràn ngập niềm vui và đầy ắp kỷ niệm thời thơ ấu cuốn hút anh mỗi ngày. Thế là năm sau, năm 1985, anh đưa vợ và con gái về thăm nhà. Vợ anh, một phụ nữ vùng Nooc-măng-đi nhanh chóng hòa nhập vào gia đình chồng với những bữa cơm "đặc sệt" Việt Nam ... Mắm tôm, cà pháo, canh cua đồng. Ngày chia tay ông bà nội trở lại Pháp, con gái anh nói rằng: "Bây giờ con mới hiểu vì sao ba hay kể về Việt Nam, ba hay nhắc nhiều kỷ niệm ngày xưa đến vậy. Ôi, quê nội của con đáng yêu biết bao!"

Biết nói thế nào để chị hiểu tấm lòng của những người xa quê cha đất tổ nhỉ?

Anh Quyết nói tiếp: Người Việt Nam ta ở Pháp khá đông. Có người chỉ lo nghiên cứu khoa học hoặc kinh doanh kiếm sống. Cũng còn số ít người chưa hiểu đúng tình hình đất nước, nhưng hầu hết đều hướng về quê nhà, muốn làm một việc gì đó để góp phần kiến tạo đất nước sau nhiều năm chiến tranh. Tôi may mắn được ra nước ngoài học tập, bây giờ phải đưa kiến thức đó phục vụ bà con mình. Không ai đòi nợ, nhưng tôi luôn thấy mình mắc nợ với quê hương. Làm được việc gì có ích, dù rất nhỏ, tôi cũng cố gắng.

Nghĩ vậy và anh đã làm đúng như thế. sau khi tốt nghiệp đại học ngành vật lý (điện và điện tử) ở Can-nơ, năm 1973, anh thành lập công ty sản xuất bảng số tiêu chuẩn quốc tế cho các trung tâm thi đấu thể thao ở Pa-ri. Công ty ăn nên làm ra, cho nên cũng có điều kiện giúp đỡ bạn bè trong nước sang thực tập, nghiên cứu. Năm 1989, khi giáo sư hiệu trưởng Đại học Cần Thơ sang Pháp, anh giúp đỡ về vật chất lẫn tinh thần để bạn mình yên tâm làm việc. Những năm sau đó, anh gửi tặng Đại học Cần Thơ máy kéo, thiết bị cho phòng thí nghiệm để sinh viên có điều kiện học tập tốt hơn. Rồi, giúp cán bộ của trường sang công tác, tiếp cận máy móc, thiết bị hiện đại và nâng cao trình độ tiếng Pháp. Có một chuyện vui: Anh bị hải quan hiểu lầm, có lần giữ lại toàn bộ máy móc, thiết bị mang về cho

xem tiếp trang ...96.

[1] Đỗ Bội Quyết là con cụ Đỗ Ngọc Ái ở xóm 5

langhanhthien.vn

THƠ VĂN HÀNH THIỆN

Làng Hành Thiện có truyền thống thơ văn lâu đời. Nhiều sáng thơ văn của người Hành Thiện đã được phổ biến trên sách, báo và được nhiều người biết đến. Nhưng nhiều người làm thơ chỉ để riêng mình thưởng thức hoặc vui với bạn bè, không muốn phổ biến rộng rãi. Chúng tôi đang cố gắng sưu tầm những bài thơ văn hay của người Hành Thiện xưa và nay để in thành một "Tuyển tập thơ văn Hành Thiện". Chúng tôi mong đợi bà con và bạn bè giúp đỡ chúng tôi thực hiện được nhiệm vụ đó bằng cách gửi cho chúng tôi những sáng tác phẩm của mình hoặc những áng thơ văn hay của người làng đã sưu tầm được. Trong tập số tập san này, chúng tôi sẽ giới thiệu một số bài thơ văn của người Hành Thiện để bà con đồng hương và bạn đọc cùng thưởng thức:

Thú nghề nông

Kể chi ao cá với vườn rau
Trồng cấy siêng năng cũng đã giàu.
Đỏ rở bên đê hàng lúa bắp,
Xanh rì, bãi cát mấy ngàn dâu.
Lộc trời đổ xuống mưa như mỡ,
Lòng đất đùn lên ruộng những màu.
Phong vị điền gia coi cũng thú,
Mùa nào thức ấy, chuối, cau, rau

ĐẶNG XUÂN BẢNG

Tự vịnh

Chen vai quả đất đứng trên vòng,
Trời sinh ra ta có ý không?
Trải kiếp chưa phai hồn cố quốc,
So gan mới biết mặt anh hùng.
Mấy hàng tóc bạc từng dâu bể,
Một tấm lòng son dãi núi sông.
Gió Á, mưa Âu thay đổi mặc,
Trơ trơ như đá vững như đồng.

ĐẶNG XUÂN BẢNG

Cảm tác

Trẻ hoe chưa mấy đã già mòng,
Những sự trên đời chán mắt trông.
Danh lợi-số may người phú quý,
Áo cơm da sạm, lũ xương cùng.
Bọt mưa nổi đất thương nhân loại,
Bàn cối xay nghiền tức hóa công.
Thương tức nghĩ bài phương thọ thế,
Biết ai tin biết, biết ai dùng.

ĐẶNG VŨ LỄ

Khóc vợ

Dưới đèn ẩn hiện mặt hoa,
Dịu dàng giọng nói đậm đà thu ba.
Lứa đôi hạnh phúc chan hòa,
Cùng nhau sống giấc mơ hoa tuyệt vời.
Thế mà nay âm dương cách trở đôi nơi,
Tri âm vắng bóng, cuộc đời giá băng!

ĐẶNG HỮU DƯƠNG

Thuận vợ thuận chồng

Chung gánh giang sơn một giải đồng,
Vợ chồng tát cạn nước biển Đông.
Vì dây cầm sắt hòa theo điệu,
Thì giải sương minh ắt cạn dòng.
Ô thước bắc cầu không lỡ dịp,
Dã tràng xe cát hẳn nên công.
Một nhà đoàn tụ Trung, Nam, Bắc,
Nợ nước lo gì chẳng trả xong.

ĐẶNG VŨ VY

Trên bờ sông Đáy

.....

Nói với nhau thêm gì đây em nhỉ!
Dĩ nhiên thôi đất nước với tình thương.
Ngược hay xuôi, ta cũng một đường,
Lòng chẳng để mất gì sau cách biệt.
Nếu vị kỷ, em ơi! mà tốt đẹp
Thì tình thương rẻ rúng bao nhiêu!
Tiễn đưa em, bến nước, chuyến đò chiều,
Tình thương đó, có đò kia nhớ bến.
Và sông nước với lòng ta vô hạn,
Nhớ quê hương, nhìn bóng dáng em đi.
Cánh buồm xuôi, thôi nhé, nói mãi làm chi.

ĐẶNG XUÂN THIỀU (1947, tạm biệt vợ lên đường đi Việt Bắc)

Thăm cổ học viện Huế

Gió thu hiu hắt bên thềm,
Cổ viện qua chơi cũng chạnh niềm.
Gương cũ vừa tô, tô cho áng,
Mực xưa toan xóa, xóa khôn nhòa.
Nghìn năm gấm dệt hương thơm nức,
Năm sắc mây in vẻ đẹp thêm.
Tiếc sách đời xưa lâu bỏ lạnh,
Đốt lò hương nóng giở tra xem

ĐẶNG XUÂN VIỆN

Nha Trang

Dừng chân nghỉ tại Nha Trang,
Hiu hiu gió thổi, trời quang tuyệt vời.
Xanh xanh mặt biển, da trời,
Cảnh sao khuyến rũ lòng người khó quên
Đây rồi ! Hòn Én, Hòn Tre
Xa xa Hòn Khói, đi về thuyền ai ?
Mặt trời vừa mọc ban mai,
Mênh mông cát trắng hồng phai mịn màng.
Một nền văn hóa xa xăm,
Tháp Chàm đứng đó ngàn năm có thừa.
Y-a-na tự bao giờ,
Dậy dân gieo cấy, cày bừa sớm hôm ?
Giặc tan tác chạy qua rồi,
Dân ta làm chủ cuộc đời vẻ vang.
Đẹp thay non nước Nha Trang,

langhanhthien.vn

Người đi hồn vẫn mơ màng đâu đây.

SÓNG HỒNG

(Nha Trang-Hà Nội, tháng 6/1975)

Thưởng xuân

Đắm thắm mùa xuân khắp dưới trời,
Hoa đào hớn hở nhị đua tươi.
Thong dong rượu thánh vui vài chén,
Đủng đỉnh thơ tiên thảo một bài.
Tùng hạc long lanh nhìn vẻ liễu,
Oanh vàng lác đác liệng cành mai.
Vườn xuân ướm hỏi ai là chủ,
Thấm thoát thiều quang đã mấy mươi.

MỘNG LAN nữ sĩ

(Tên tục Đặng Thị Cát, vợ ông Đặng Vũ Kính)

Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông

Ngơ ngẩn tình riêng dạo gót chơi,
Hoa đào trước gió vẫn đua cười.
Dập dìu tính đã hai xuân trải,
Hớn hở rầy khoe một đóa tươi.
Vườn thúy đi về chưa khác cũ,
Tin hồng ngăn đón đã vì ai.
Mộng sao gặp lại người năm trước,
Đương độ đào tơ thắm chửa phai.

ĐẶNG VŨ CAO

Kỷ niệm trận Đống Đa

Căm hờn giặc Mãn chiếm sơn hà
Quét sạch quân thù trận Đống Đa.
Uy chúa Quang Trung vang cõi rộng,
Phách người Sĩ Nghị lạc đường xa.
Hồn thiêng nước cũ chim còn gọi,
Công cả người xưa nay đá chửa nhòa.
Nhắn bạn ngày nay ta hãy nhớ,
Anh hùng tiếng để tự đời xưa.

MAI HIÊN NGUYỄN XUÂN PHONG

Trăng kháng chiến

Thiên cung bước xuống diệt xâm lăng,
Thống lĩnh ba quân một chị Hằng.
Vác búa Ngô Cương ngăn thiết giáp,
Giương cung Hậu Nghệ diệt xâm lăng.
Bốn bề tinh tú truyền vây kín,
Muôn lớp phong ba quyết dẹp bằng.
Gác bóng non tây về báo tiệp,
Từ nay giặc gấu hết ăn trăng.

ĐẶNG VŨ VY (1947)

Vào tù

Chốn xà lim một mình vò võ,
Chỗ ăn nằm muỗi bọ hôi tanh.
Canh tàn canh, lại tàn canh,
Giật mình, mình hỏi, tội mình, tội chi!
.....
Ngoài cửa sắt, mưa rào, gió giật,
Trong xà lim, ruột thắt lòng đau.
Ai ơi có biết cơ mầu !
Thân này hỏi với núi sông tội gì ?

ĐẶNG XUÂN QUỲNH (1939)

Đau xót

Bào da khoét thịt cực trăm đường,
Điện, roi, cùm, kẹp, buốt tới xương
Ơi hỡi đồng bào, đau xót mấy !
Nước không ra nước, nghĩ mà thương.

ĐẶNG XUÂN QUỲNH (1939)

Ở Lâm An mưa xuân mới tạnh

Ngẫm thấy mùi đời nhạt lắm mà,
Ai xui cưỡi ngựa trọ Kinh Hoa ?
Mưa xuân nghe vắng đêm lầu nhỏ,
Hoa hạnh rao dồn sớm ngõ xa.
Giấy hẹp rảnh tay ngòi bút thảo,
Song thưa sủi bọt chén trà pha.
Chớ hiềm áo trắng phong trần nhuộm,
Trước Tết thanh minh kịp lại nhà.

NGUYỄN BÍCH NGÔ

(Dịch bài Lâm An xuân vũ sơ tể của Lục Du, nhà thơ Trung Quốc đời Tống)

Nhớ nhung

Tết đến xuân sang nhớ những đâu?
Nhớ trang huyết sử thắm tươi màu.
Nhớ Chi Lăng ải, mồ xanh ngắt,
Nhớ Bạch Đằng giang nước đỏ ngầu.
Nhớ Đống Đa hùng, trai đổ máu,
Nhớ Mê Linh hận, gái trầm châu.
Nhớ hồn dân tộc đương tranh đấu,
Chuyển đất long trời cuộc bể dâu.
Chuyển đất long trời cuộc bể dâu,
Hy sinh thân thể để ngàn sau.
Mang thù dân tộc từ xanh tóc,
Rửa hận non sông lúc bạc đầu.
Người lái con thuyền vang bốn bể,
Người vung lưỡi thép rạng năm châu.
Suốt đời vì Đảng, vì giai cấp,
Sự nghiệp của Người vẫn sống lâu

ĐẶNG NHO

Vịnh Bà Trưng

Con tạo trêu chi khách má hồng,
Một tay chèo chở với non sông.
Quyết đem tấc cỏ đền ơn nước,
Thề với ba quân trả nghĩa chồng.
Nổi tiếng anh thư lừng đất Bắc,
Phất cờ nương tử rợp trời Đông.
Phá tan mấy cõi thành Tô Định,
Nhẹ bước phong vân chiếm bệ rồng

MỘNG LAN nữ sĩ

Chẳng đẹp lời thơ

Ai vịnh trường đê lả cánh cò
Thấy đâu hồn lạnh cõi người ta.
Mắt già vải đỏ viền đôi mí,
Bụng bé gân xanh vẽ địa đồ.
Chẳng bột dính hồ trơ xác trấu,
Tháng ba ngày tám gậm sơ ngô.
Ôi "Thu thủy trường thiên nhất sắc",
Ngắm mãi trời thu cứ xác xơ !

ĐẶNG XUÂN THIỀU

Nữ huấn ca

langhanhthien.vn

Lời cha dậy để làm gương,
Con là phận gái đạo thường chớ sai.
Tam tòng tứ đức vẹn mười,
Làm con thời phải nghe lời mẹ cha.
Khi nghe tiếng gọi trên nhà,
Theo lời vâng dạ chân đà bước mau.
Nào đâu nấu nước têm trầu,
Nào đâu thổi nấu, nào đâu quét nhà.
Đường ăn ở có nết na,
Để người vui dạ thì ta yên lòng.
.....

ĐẶNG NGỌC TOẢN

Khóc mẹ

Sương rơi thân hạc,
Bóng ngả non tây.
Hơi xuân ấm cỏ,
Ngọn gió rung cây.
Nhớ xưa còn mẹ,
Mọi vẻ mọi hay.
Bây giờ mất mẹ,
Ngày vắng một ngày.
Cù lao đức nặng,
Non biển không tầy.
Việc nhà việc nước,
Lòng con khôn khuây.
Mẹ đi đâu vội,
Như đàn đứt dây.
Càng nghĩ càng cay,
Lòng thương xiết kể.
Như cây lìa cõi,
Trời cao đất dầy

ĐẶNG XUÂN BẢNG

Nhớ quê hương

Ngày xuân tựa cánh song hoa,
Trông về cố quận đường xa xa vời.
Cùng chung một nước một trời,
Lòng riêng, riêng vẫn bồi hồi tình quê.
Dặm trời cách trở sơn khê,
Giấc hương quan luống đi về đòi phen.
Chiến tranh còn mãi triền miên,
Chưa tàn khói lửa chưa yên cõi bờ.
Quê người lần lữa năng mưa,
Trông theo mây trắng thẫn thờ hồn mai.
Bâng khuâng nhớ cảnh nhớ người,
Nhớ làng Hành Thiện, nhớ người Tiên Châu.
Tiên châu cảnh sắc muôn màu,
Có hồ sen trắng, có cầu đá xanh.
Trên chùa, dưới miếu, giữa đình,
Dòng sông uốn khúc quanh mình Lý ngư.
Lại thêm văn miếu, võ từ,
Ghi danh những đấng anh thư, hiền tài.
Xóm Trong cho chí làng Ngoài,
Nam thanh, nữ tú dùi mài sử kinh.
Làng tôi văn vật, văn minh,
Năm năm khoa bảng hiển vinh đời đời.
Dân tôi tiến bộ kịp thời,
Tinh thần bất khuất yêu đời tự do.
Giao thương tên bến dưới đò,
Có nhà hợp tác, có kho chứa hàng.

Người vui canh cửi tằm tang,
Người say sản xuất, mở mang thương trường.
Người ưa rèn luyện văn chương,
Người ham chính trị trên đường đấu tranh.
Nước non mong chóng thanh bình,
Cùng nhau ca khúc thắm tình Quốc gia.
Bắc Nam sum họp một nhà,
Vinh quang đem lại sơn hà ngàn năm.

ĐẶNG THỊ MINH HỒNG (tức bà Nguyễn Thế Pháp)

(Tác giả viết ở miền Nam Việt Nam, khi chiến tranh đang diễn ra, đất nước đang tạm thời bị chia cắt)

MỪNG XUÂN CHÚC THỌ TẾT ẤT HỢI (1995)

(Mười câu đối)

Thọ tỉ Nam hà bất lão Xuân

Ngày hôm nay

Trời Việt Nam rạng buổi thanh bình
Đất Hành Thiện vui ngày hội ngộ
Đậm đà rượu tết hoa xuân
Chan chứa tình làng nghĩa họ
Khắp nhân dân hạnh phúc phồn vinh
Bậc tôn trưởng an khang trường thọ.

Chúc đồng hương

Báo quốc kiên trung
Tề gia đức độ
Trí lực phát huy
Tài năng thi thố
Dù tứ phương: Nam, Bắc, Đông Tây
Dù bách nghệ: Sĩ, Nông, Công, Cổ
Đường kinh doanh đã quyết là thành
Nghiệp khoa cử đã thi là đỗ.
Vẻ vang nước mạnh dân giàu.
Rực rỡ quê cha đất tổ.

Mừng các cụ

Cao đường minh kính
Bạch phát đan tâm
Phúc như Đông hải trường lưu Thiện

Hà Nội ngày 20 tháng Giêng năm Ất Hợi Đồng hương Hành Thiện chúc mừng

VŨ KHIÊU đề tặng

langhanhthien.vn

VĂN TẾ
ANH HÙNG LIỆT SĨ CỦA CÁCH MẠNG THÁNG TÁM

LTS: Năm 1946 báo Cứu Quốc đăng bài văn tế sau đây của Vũ Khiêu với lời giới thiệu:

Văn tế là một loại văn cổ của nước ta. Lâu nay không mấy ai chú ý dùng đến nữa. Trước kia, loại ấy không phải là đã không từng sản xuất ra những áng kiệt tác. Chúng ta ai quên được bài văn tế " Trận vong chiến sỹ" của Nguyễn Văn Thành?

Bó mình trong một thể văn cũ, khó khăn và cầu kỳ, tác giả vì có cảm xúc thật nên đã tạo nên nổi những lời có thể cảm động được với chúng ta. Cái đó chứng tỏ rằng với bất cứ hình thức nào, người ta cũng viết nên những áng văn có giá trị được, miễn là trong tâm hồn có một rung động sâu xa và thành thực .

(Trích báo Cứu Quốc ngày 8-9-1946)

Nay nhân dịp 50 năm Cách mạng tháng Tám, chúng tôi đăng lại bài văn tế này, để ghi lại những cảm xúc của một nhà văn, trước khí phách anh hùng và tinh thần hy sinh cao cả của những người đã làm nên Cách mạng tháng Tám và cả những liệt sỹ đã ngã xuống trong 50 năm qua vì sự nghiệp độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội của dân tộc.

Than ôi:

Tám chục năm gió tối mây mờ,

Hai mươi triệu hồn xiêu xác rủ.

Đói hôm rét tối, điệu linh dưới ách tham tàn,

Cuốc nắng cày mưa, rên xiết bao niềm thống khổ.

Nhớ những đấng anh hùng xưa:

Sinh buổi loạn ly,

Xót tình máu mủ.

Đội giời đạp đất, nghĩ từng vang một cõi giống nòi xưa,

Chỉ thề núi sông, nguyện chẳng thẹn nghìn thu công nghiệp cũ.

Coi rẻ công danh,

Khinh thường uy vũ.

Da ngựa dù phong,

Cánh bằng quyết vỗ.

Cha già mẹ yếu, trăm điều cay cực ra đi,

Vợ khóc con theo, bao mối yêu thương đành phụ.

Vì giang sơn đà phải như không ,

Xong ân ái nào ai chẳng có.

Xót buổi hoa tàn trăng xế, má hồng heo hắt phòng khuya,

Thảm khi gió thổi sương buông, mái tuyết bơ phờ cửa sổ.

Từ đây:

Trông mịt mờ bốn bể, biết cùng ai đỡ đá vá trời,

Những lận đận một thân, chi xiết nỗi cầu sương điếm cỏ.

Trái điều khổ hận đà cam,

Kiếm bạn đồng tâm mới khổ.

Đời con chim trong giấc u mê,

Việc những phải dày công giác ngộ.

Trèo non lội suối, giấy truyền đơn tung rắc đầy nơi,

Đi sớm về khuya, lời diễn thuyết truyền vang mọi chỗ.

Phong trào cách mệnh lên cao,

Chính sách hung tàn càng rõ.

Hang cùng ngõ hẻm nổi sôi,

Quãng vắng canh khuya tập tụ.

Gió cơm bầu nước, ngọt bùi những lúc san chia,

Tấm áo mảnh chiên, mưa nắng từng phen ấp ủ.

Nằm gai nếm mật tưởng chi ăn,

Xót nước thương nhà đâu thiết ngủ.

Cho đến khi:

Nanh vuốt đã nhiều,

Cánh lông tưởng đủ.

Ngọn cờ khởi nghĩa tung bay,

Tiếng súng trừ hùng dậy nổ.

Mảnh trăng vòi vọi, nghìn thanh bảo kiếm lóa mờ sương,

Đỉnh núi chon-von, một khúc hùng ca rung chuyển gió.

Rừng thương bể lửa xông pha,

Ải khối đồn mây thẳng trở.

Dấn thân cho nước, sống đành vinh, thác cũng là vinh,

Vững chí vì dân, thành đã có, bại càng phải cố

Quân đế quốc ra tay đàn áp đâm già giết trẻ, hoành hành bao thói dã man.

Lũ Việt-gian uốn gói phỉnh phờ, nấu thịt nồi da, rở rói những trò khủng bố.

Xót thay:

Bao đấng bỏ mình,

Những người xấu số.

Tan đàn lạc bạn, bao công trình khói tỏa mây bay,

Mắc lưới xa vây, trong khoảnh khắc thịt rơi máu rỏ.

Điêu linh nọc rắn miệng hùm,

Thảm thiết cùm chân xích cổ.

Ngày qua tháng lại, rỉ rền bốn bức tường vôi,

Ruột héo tim mòn, quằn quại đôi manh ván gỗ.

langhanhthien.vn

Có buổi đọa đày xa vắng, một vùng nước xám mây đen,

Có khi đau ốm ê chề, nửa bát cơm vơi cá bợ.

Mịt mù cánh nhạn, ai kẻ thăm nom,

Héo hắt mình ve, lấy gì tẩm bổ?

Mắc vòng tù tội, đã đành cam cay khổ nhường kia,

Thoát lưới ra đi, mới xiết nỗi gian nguy từ đó.

Có người:

Bạn với cỏ cây,

Ẩn vào rừng rú.

Lách bụi leo đồi,

Ăn hang ở hốc.

Khát: tìm lạch suối giòng khe,

Đói: tới ngàn măng ruộng củ.

Ngọc lầm than vẻ trắng nào phai,

Từng dầu dãi mầu xanh mới tỏ.

Có người:

Trốn tránh không xong,

Hành vi đã lộ.

Nương náu quê người,

Xót xa đất tổ.

Từng trải Anh, Nga, Hoa, Mỹ mắt đã nhìn xiết đỗi văn minh,

Còn đâu Đinh, Lý, Trần, Lê, lòng tưởng lại càng thêm tủi hổ.

Tóc Ngũ tử bao đêm nhuốm tuyết, rỉ rên hoài hận cả thù chung,

Lệ Bao Tử những buổi tuôn mưa, điêu đứng mãi thân gầy mặt võ.

Ưu tư chẳng giảm lòng xưa,

Gian hiểm thêm bền chí nọ.

Nước nhà khi ấy:

Pháp thực dân vẫn cứ tham tàn,

Nhật Phát xít còn thêm giết mổ.

Bốn phương cửa nát nhà xiêu,

Một vẻ mầy chau mặt ủ.

Điêu tàn khắp cả Bắc Nam,

Đói rét chưa từng kim cổ.

Đến ngày tháng Tám:

Giời như xám lại bởi đau thương,

Đất bỗng bừng lên vì phẫn nộ.

Bóng anh hùng rợp cả non sông,

Sóng cách mệnh ào như bão vũ.

Súng dân quân muôn dặm chuyển rung,

Cờ đế quốc trăm thành sụp đổ.

Nghìn thu phá nếp dân quyền,

Một buổi dựng nền dân chủ.

Ngày hôm nay:

Một năm thấm thoát, tự do này mới biết là vui,

Hai buổi tưng bừng, hạnh phúc ấy xem chừng đã bõ.

Nhưng mà:

Ăn quả trông cây

Vào nhà hỏi ngõ.

Buồn bao chiến sĩ đã qua,

Nhớ những anh hùng chẳng thọ.

Đốt đỉnh trầm trông hương ngút tỏa, tưởng hồn ai đó một bầu xanh,

Kéo ngọn cờ ngắm gió tung bay, xót máu người xưa muôn dặm đỏ.

Đầu non trắng xóa phải là xương?

Mặt cỏ xanh rờn ai đếm mộ?

Hỡi ôi:

Không nén hương tàn,

Không manh chiếu bó.

Chiến trường xông xáo, đã đành khi máu rụng xương rơi,

Ngục thất ê chề, riêng thảm nỗi đầu bêu xác bỏ.

Xót lúc trăm thây vùi dập, xá gì kẻ giọc người ngang,

Xót khi mấy xác buông trôi, phó mặc bèo xô sóng gõ.

Xót buổi nằm khô ngục tối, nắm xương tàn thảm thiết đêm mưa,

Xót phen chết rũ quê người mảnh ván mỏng hững hờ hàng phố.

Vợ con đâu tá, buổi rã rời, bãi vắng thây ma?

Hồn phách về đâu, lúc não ruột, rừng khuya tiếng cú?

Lũ chúng tôi đây:

Khó vuốt lòng đau,

Khôn cầm lệ nhỏ.

Tưởng gian lao trăm mối buồn thương,

Trông sự nghiệp muôn phần ngưỡng mộ.

Thôi thì thôi:

Ngoảnh nhìn Tổ Quốc âu đã an vui,

Đoái tưởng đồng bào, mong còn ủng hộ.

Để sao cho:

Trường kiến thiết kề vai sát cánh, tình thân yêu bền chặt keo sơn,

Buổi đấu tranh vững chí bền gan, sức hùng mạnh vang lừng vũ trụ.

Nghìn thu rạng rỡ non sông,

Muôn dặm tưng bừng cẩm tú.

Ngày kỉ niệm Tổng khởi nghĩa 1946

langhanhthien.vn

CA DAO HÀNH THIỆN

ĐỖ NGUYÊN HẠNH
Sưu tầm và chú thích

Đây là những bài ca dân gian theo thể lục bát. Đề tài và giọng điệu rất phong phú, cảm xúc rất nồng nàn, chân chất.

Có bài là tiếng hát vui ca ngợi cảnh hội làng, yến lão. Nhiều bài là tiếng hát tâm tình của các bà mẹ Hành Thiện cất lên trong những đêm khuya cặm cụi dệt vải nuôi chồng, nuôi con ăn học. Có bài là khúc ca lao động dệt vải, cày cấy. Có bài là tiếng hát huê tình duyên dáng của các cô gái Hành Thiện đẹp nết, đẹp người. Cũng không ít bài là lời phê bình chân thành mà thấm thía những thói hư tật xấu phản "Mỹ tục khả phong" như cờ bạc, nghiện hút, trai gái, rượu chè.

Lễ hội chùa Thần Quang (Hành Thiện)

Đức Thánh tổ là Dương Không Lộ [1]
Ngày mười tư tháng chín giáng sinh,
Dù ai buôn bán trăm miền,
Mười rằm tháng chín chớ quên hội làng.
Trên đất rước những kiệu vàng,
Dưới sông chèo trải hò khoan dô huầy.

* * *

Hội rằm tháng chín vui thay,
Đấu roi, đấu vật suốt ngày trống ran.
Bế trái [2] bắt vịt vừa tan,
Ngoài sông lại đã hò khoan, dô huầy.
Giải làng treo cả ba ngày,
Phe nào bất nhất thì nay tặng cờ.
Dưới sông tiếng dậm, tiếng hò,
Ô đen, nón trăng trên bờ vẫy theo .
Giải cao cho chí giải lèo [3],
Trổ trên tiếng pháo, tiếng reo vỡ giời

* * *

Dù cho buôn đâu bán đâu,
Hội rằm tháng chín rủ nhau về làng.
Lên chùa lễ thánh dâng nhang,
Thăm họ, thăm hàng, mồ mả tổ tiên.
Cây kia có gốc mới bền,
Có hoa có lá mới nên rườm rà.

* * *

Mượn đây có bóng cây đa,
Bứt nắm cỏ gà làm nắm chỉ thêu.
Đã yêu áo rách cũng yêu,
Cỏ gà khéo lựa cũng thêu nên rồng.

Con xin quỳ lạy đức ông,
Cho con nên vợ nên chồng từ đây.

* * *

Hội Yến lão

Dần, Thân, Tị, Hợi định kỳ [4],
Lệ làng hương yến chẳng nề bần sang.
Áo khăn đỏ rực đường làng,
Tiếng đàn, tiếng pháo, râm ran suốt ngày.
Làng biếu áo đỏ, bánh giày,
Con cháu xum vầy chúc thọ mẹ cha.
Giời cho nhà ngói ba tòa,
Chẳng bằng cho được yến ca một lần

* * *

Khuyến học:

Mẹ nay đầu nặng chân trơn,
Quản chi mưa nắng chợ gần chợ xa,
Ghi lòng tạc dạ lời cha,
Dặn con đèn sách nghiệp nhà thi thư.

* * *

Anh nay đi học đường xa,
Phòng hương bỏ vắng, mẹ già ai nuôi.
Em xin kết tóc xe đôi,
Phòng hương em giữ, em nuôi mẹ già.

* * *

Em về dệt vải trên khung,
Để anh đọc sách cùng chung một đèn.
Đôi ta như bút với nghiên,
Nên thơ, nên phú, nên duyên vợ chồng.

* * *

Yêu cây vì nỗi lắm hoa,
Yêu chàng vì nỗi cả nhà bút nghiên.

* * *

Chẳng tham ruộng cả ao liền,
Chỉ tham cái bút cái nghiên anh đồ

* * *

Chim kia bay bổng vì lông,
Em nay sang trọng vì chồng khoa danh.

* * *

Trời mưa cho ướt lá dâu,
Lấy chồng Hành Thiện chẳng giàu cũng sang.

* * *

Thiếp nay đã bén duyên chàng,
Đói no chẳng quản, mong chàng nên danh,
Đôi bên bác mẹ hiển vinh,
Bõ công đèn sách học hành hôm mai

* * *

Chàng ơi chăm việc bút nghiên,

langhanhthien.vn

Đừng ham nhan sắc, nhãng quên học hành.

Học cho nên tiếng nên danh,

Bõ công cha mẹ sắm sanh nuôi thầy.

* * *

Nghề dệt cổ truyền:

Em là em gái thanh tân [5],

Cổ tay như ngọc, gót chân như ngà.

Da em trắng nõn trắng nà,

Thoi đưa thoăn thoắt, ai mà chẳng yêu.

* * *

Mưa lâm thâm ướt đầm lá cải,

Ta yêu nàng dệt vải quay xa,

Ước gì anh được lại qua,

Được ở cùng nhà, được dệt cùng khung.

* * *

Gặp nhau chưa kịp hỏi chào,

Nước mắt đã trào rơi xuống bỏng tay.

Xay quay sợi đứt liền tay,

Xa ơi, có thấu nỗi này cho chăng.

* * *

Đất mình là đất vải con,

Tay ống, tay suốt mà bòn đồng rau.

* * *

Quê mình là đất cửi canh,

Con suốt, mẹ dệt mới nhanh đồng tiền.

Tối tối đèn lửa thắp lên,

Vợ chồng con cái tay liền xa quay.

Dệt cho trăng lặn về tây,

Chồng nay lạy vợ, vợ nay lạy chồng [6].

Con lớn thì lạy thổ công,

Con bé đói lòng khóc đã như dì,

Còn mươi vuông nữa có gì,

Cố dệt kịp thì, đem bán chợ Hôm.

* * *

Động viên lao động sản xuất

Hành Thiện nằm tựa sông Hồng,

Có bãi màu mỡ, có đồng tốt tươi.

Trồng lạc rồi lại trồng khoai,

Cấy rự [7] bãi ngoài, cấy nếp đồng trong.

Mùa hè cho chí mùa đông,

Rủ nhau cày cấy, vun trồng tốt tươi.

* * *

Làng anh đồng hẹp bãi dài

Ăn cơm thì ít, ăn khoai thì nhiều.

Em rằng đã thực lòng yêu,

Khoai lang lên mật, sớm chiều có nhau.

* * *

Mình trong ruộng mía mình ra,

Bởi mình nói ngọt cho ta phải lòng.

* * *

Mình trong ruộng lạc mình ra,

Nói bùi nói ngọt cho ta phải lòng.

* * *

Khó khăn đắp đổi lần hồi,

Giàu sang chưa dễ cứ ngồi mà ăn.

* * *

Trâu ta ăn cỏ đồng ta,

Chớ tham cỏ lạ mà ra đồng người.

Đồng người rậm cỏ nhưng hôi,

Đồng ta ít cỏ vừa bùi vừa ngon.

* * *

Ngăn ngừa cờ bạc, rượu chè, hút sách:

Chém cha đứa rủ đứa rê,

Đứa trải manh chiếu, đứa bê lọ hồ [8].

* * *

Anh ham xóc đĩa, cò quay,

Máu mê cờ bạc lại hay rượu chè.

Eo sèo công nợ tứ bề,

Kẻ lôi người kéo ê chề lắm thay.

Nợ nần em trả chàng vay,

Kiếp em là kiếp kéo cày đứt hơi.

* * *

Cờ bạc là bác thằng bần,

Cửa nhà bán hết cho chân vào cùm

* * *

Trót nghe chúng bạn rủ rê,

Xẩy vời nên nỗi kẻ chê người cười.

Lăm le chực hót của người,

Mười canh đi rút [9] cả mười canh thua.

Xà tích chàng vừa mua cho,

Lạy chàng thú thật trót thua phải cầm.

Chàng cho em hối lỗi lầm.

Cửi canh, chợ búa em làm sớm khuya.

* * *

Đói lòng ăn cục mùng tơi,

Đừng lấy những kẻ nực hơi rượu chè.

* * *

Nói ra sợ chúng bạn cười,

Vì anh, em tháo hoa tai đem cầm.

Có thương em, anh buộc giải đồng tâm,

Thuốc xái anh cố nghiến răng mà chừa.

May ra em có phận nhờ,

Ấy là cái phúc nhà to bằng đình.

* * *

Ngọn đèn sáng tỏ hơn sao [10],

Yên hà vui thú chơi vào cho nó thỏa lòng anh.

Em tiếc công em lên thác xuống ghềnh,

Vo tròn bóp méo tan tành em có quản chi,

langhanhthien.vn

Chỉ tiếc cho anh là đấng nam nhi,
Chơi vào khói ấy còn gì là xuân.

Chẳng những nhọ áo, nhem quần,
Cái xe cái lọ giam chân anh góc giường.

Vợ con, anh cũng chẳng thương,
Đêm ngày quấn quít với phường phá gia.

Cái lỗ trôn kim nó làm anh tan cửa nát nhà,
Mười trâu chín đụn cũng là bằng không.

Ai ơi ngoảnh mặt mà trông,
Cái gương bằng liếp soi chung mọi nhà.

* * *

Đề cao tình yêu chung thủy

Chốn kinh kỳ chàng đi em nhớ,
Chỉ khóc thầm dám thở than chi.

Chàng ơi mau trở về quê,
Đừng tham phú quý lỗi thề tao khang.

* * *

CHÚ THÍCH

(1) Đức Thánh Tổ của làng ta họ Dương, húy là Minh Nghiêm, hiệu là Không Lộ. Ngài sinh ngày 14 tháng 9 năm Bính Thìn (1016) niên hiệu Thuận Thiên thứ 7 đời Lý Thái Tổ (Công Uẩn).

(2) Bế trái: Trò bế trái diễn ra ở hồ chùa trước gác chuông. Trái là một củ chuối gọt nhẵn, trát bùn cho thật trơn, ném xuống giữa hồ. Người chơi, mỗi bên năm, sáu nam giới. Người ta đào ở mỗi đầu hồ một cái hố. Khi có lệnh, người chơi nhảy xuống hồ, tìm "trái" bế lên bỏ vào hố của đối thủ. Người chơi tranh nhau trái, người xem reo hò rất vui.

(3) Ngoài giải chính làng lấy thêm một số giải gọi là giải lèo.

(4) Hương yến ở làng Hành Thiện được tổ chức định kỳ 3 năm một lần, vào các năm Dần, Tị, Thân, Hợi.

(5) Con gái thanh tân là con gái chưa lấy chồng.

(6) Đây là cách nói vui tả cả nhà ngủ gật.

(7) Gạo rự vốn là đặc sản của làng ta. Cơm rự rất mềm, rất dẻo. Lúa rự thường cấy ở đồng bãi.

(8) Lọ hồ là dụng cụ đựng tiền do con bạc bỏ vào đó cho chủ chứa.

(9) Rút, là rút quân bài, "Rút" thường chỉ việc đánh "bất", một loại bài lá.

(10) Bài ca dao nói về cảnh nghiện hút thuốc phiện.

langhanhthien.vn

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG HƯƠNG HÀNH THIỆN Ở HÀ NỘI TỪ KHI THÀNH LẬP ĐẾN NAY

BAN LIÊN LẠC HỘI ĐỒNG HƯƠNG HÀNH THIỆN Ở HÀ NỘI

Năm 1991, đại biểu các họ của làng Hành Thiện ở Hà Nội đã họp hai lần ở cơ quan ông Đặng Vũ Khiêu, đều phát biểu thống nhất là nên tổ chức Hội đồng hương. Vì đó là tổ chức rất cần thiết để động viên và giúp đỡ lẫn nhau của các bà con Hành Thiện ở xa quê hương. Thế là sau một thời gian ngắn, một cuộc họp ở hội trường Bảo tàng Hồ Chí Minh đã được tiến hành. Cuộc họp ở Bảo tàng Hồ Chí Minh đã được các cán bộ phụ trách Bảo tàng tạo mọi điều kiện giúp đỡ, cho nên rất thuận lợi. Trước khi họp, ban tổ chức có đăng tin mời họp trên báo *Hà Nội mới*, bà con đã kịp thời báo cho nhau biết, nên đi họp rất đông. Cuộc họp có tới trên 300 người dự, gần chật hết hội trường. Đặc biệt ở quê, tuy không được báo cũng có 6 người trong Ban lãnh đạo xã và cán bộ văn hóa xã lên dự.

Hôm họp, bà con được xem băng hình về hội làng trên tivi màn ảnh rộng, nên rất phấn khởi, vì thấy được que nhà khôi phục tổ chức lễ hội và bơi trải truyền thống. Lớp trẻ có nhiều cháu chưa được về thăm quê hương, nay được xem băng hình, bước đầu hiểu biết về quê hương.

Hôm đó, ông Đặng Vũ Khiêu phát biểu ý kiến, nêu rõ ý nghĩa của Hội đồng hương và tên gọi của làng Hành Thiện, mọi người nghe ai cũng tâm đắc khen ngợi quê hương. Sau ông Khiêu, ông Phạm Tất Thắng phát biểu cảm tưởng. Ông là gia đình liệt sĩ, bố ông mất trong cuộc kháng chiến chống Pháp, khi đó ông còn nhỏ, nay đã gần 50 tuổi. Ông là Viện phó Viện Kinh tế, với học vị phó tiến sĩ kinh tế. Ông nói khi được xem tin đăng trên báo *Hà Nội mới* về cuộc họp đồng hương làng Hành Thiện, ông đã háo hức mong chờ đến ngày họp để được gặp mặt nhau, vì không họp thì ngay trong họ cũng chưa biết hết nhau, huống chi là người làng và ông đã loan báo cho mọi người biết mà cùng đi dự. Ông Tý thay mặt lãnh đạo địa phương lên chúc mừng và mời bà con về quê xem hội và dự yến lão.

Ngay năm đó, Hội đồng hương đã tổ chức chuyến thăm quê hương tập thể đầu tiên. Cụ giáo Sâm được con cháu đưa về dự yến lão.

Từ năm đó, cứ đến những ngày hội làng vào giữa tháng 9 ta, Hội đồng hương lại tổ chức hai xe đưa các cụ và bà con về quê xem hội. Bốn năm đã tổ chức được 4 lần, đi về an toàn, được bà con phấn khởi. Có năm còn tạo điều kiện ghé vào lễ chùa Cổ Lễ.

Về đến quê nhà, hội đồng hương có lễ dâng lên chùa, gặp ban chủ nhiệm Hợp tác xã, ban di tích Hội làng và tất cả các cụ cùng bà con trong làng. Những người về thăm quê đã tỏa ra tất cả các nhà họ hàng thân hữu ở quê, không phân biệt giàu nghèo, thân sơ.

Khi trở lại Hà Nội, bà con ở quê nhà và ban di tích Hội làng lại tặng các cụ và bà con về dự hội lộc thánh là bánh giày

hội để mang lên làm quà cho con cháu, dù chỉ ít thôi, nhưng lại quý vô cùng.

Năm 1992, cuộc họp đầu năm được tiến hành ở Bảo tàng Hồ Chí Minh, mừng thọ cho 136 cụ từ 70 tuổi trở lên, có quay băng video. Một số cụ đã phát biểu ý kiến được ghi lại trong băng như cụ Đặng Thị Yên, cụ Phạm Thị Xưởng. v.v...

Năm 1993 cũng họp ở Bảo tàng Hồ Chí Minh, tổ chức mừng xuân, mừng thọ, xem văn công và xem băng video cuộc họp năm trước. Mừng thọ tất cả các cụ, nhưng quà thọ chỉ có điều kiện gửi tặng các cụ mới lên thọ 70 tuổi và các cụ đã quá tuổi 70, nhưng các dòng họ năm trước bỏ sót. Năm đó có 25 cụ được biếu quà thọ.

Năm 1994, cuộc họp đầu năm và mừng thọ được đưa về các dòng họ tổ chức. Hội đồng hương làng đưa danh sách và quà thọ cho hơn 30 cụ trên 70 tuổi. Đặc biệt họ Nguyễn đông nhất là 19 cụ, họp ở Mặt trận Tổ quốc trung ương do ông Nguyễn Tiến Võ đăng cai, số người dự đến gần 200 người. Họ Nguyễn tổ chức thành các phân chi có người phụ trách riêng. Họ Đặng Xuân họp ở Viện Khoa học xã hội do ông Đặng Xuân Thu đăng cai. Họ Đặng Đức họp ở Trung ương Đoàn TNCS HCM do ông Đặng Đức Giao đăng cai. Họ tổng hợp gồm nhiều họ lẻ, bé, thì tổ chức họp ở trụ sở Tổng liên đoàn lao động Việt Nam do ông Đặng Ngọc Chiến đăng cai và đã bầu ông Đỗ Quang Huyên phụ trách các chi họ này. Họ Đặng Huy đã bầu ông Đặng Huy Bào và Đặng Huy Thư phụ trách dòng họ. Họ Đặng Đình hàng năm họp ở nhà ông Đặng Quân Thụy. Họ Đặng Vũ hàng năm họp ở nhà ông Đặng Vũ Viêm.

Năm nay là năm 1995, Hội đồng hương Hành Thiện ở Hà Nội lại mời tất cả các cụ và bà con (kể cả dâu rể) Hành Thiện về dự cuộc họp mặt tại Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh để mừng xuân, mừng thọ. Sáng 20 tháng Giêng năm Ất Hợi (19-2-1995), một sáng xuân hửng nắng ấm áp, hàng trăm người, với đủ các thành phần nam phụ lão ấu, đã tập trung vui vẻ tại hội trường lớn của Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh. Ngoài việc chuyện trò từng đôi từng nhóm, lễ chúc thọ mừng quà các cụ trên 70 tuổi tổ chức thật là long trọng và ấm cúng, sau đó đến phần vui chung có thơ ca tự biên tự diễn. Năm nay, tại Hà Nội có 184 cụ trên 70 tuổi, trong số đó có 56 cụ thượng thọ từ 80 đến 89 tuổi và 5 cụ đại thượng thọ từ 90 tuổi trở lên, người ở ngôi vị cao nhất là cụ cố lão bà Nguyễn Thị Dương đã hưởng 95 xuân. Các cụ bà đông hơn các cụ ông về số lượng (110 cụ bà và 74 cụ ông). Đặc biệt có 15 gia đình song toàn cả cụ ông và cụ bà. Điều đó chứng tỏ đời sống của bà con đồng hương Hành Thiện ở Hà Nội ngày càng khá giả lên và con cháu cũng hết sức quan tâm đến sức khỏe của các cụ.

Sau đây là một số hoạt động khác của Hội đồng hương Hành Thiện ở Hà Nội:

1) Về quan tâm đến thế hệ trẻ: Hội đồng hương Hành Thiện ở Hà Nội đã đưa tiền về giúp trường cấp I ở xã 1 triệu đồng để khen thưởng thày cô dạy giỏi, có tác dụng khích lệ các cháu học tốt: giúp 800.000 đ cho việc sửa điện của trường (trong đó riêng gia đình ông Đặng Quang Thụy đóng góp 150.000 đ). Nhờ đó mùa rét vừa qua, các phòng học của các cháu có thể đóng cửa, vì đã có điện thắp sáng. Gần đây, ban liên lạc Hội đồng hương họp đã quyết định trích quỹ ra 500.000 đ gửi

về quê để khen thưởng các học sinh giỏi năm học 1994-1995 (học sinh cấp I, cấp II giỏi của huyện, cấp III giỏi của tỉnh và trung ương). Ở làng đã thành lập Ban Khuyến học gồm 4 thày cô : thày Nguyễn Chi, nguyên trưởng phòng Giáo dục huyện (đã nghỉ hưu), thày Đỗ Nguyên Hạnh, giáo viên cấp III, thày Đỗ Thế Viêm, giáo viên cấp II và cô Đặng Thị Liên, hiệu trưởng trường tiểu học (cấp I).

Cô Đặng Thị Liên thay mặt Ban Khuyến học của làng đã thông báo cho biết:

- Học sinh đội Toán lớp 4, lớp 5 của trường Tiểu học Hành Thiện đã đạt giải nhất (trong số 55 trường Tiểu học của huyện Xuân Thủy).

- Đoàn học sinh giỏi các môn Toán, Văn, Vật lý của trường Phổ thông cơ sở Xuân Hồng (đa số là học sinh Hành Thiện) được xếp thứ nhì (trong số 42 trường PTCS (cấp II) của huyện).

- Ba cháu học sinh lớp 12, người Hành Thiện, thuộc trường Phổ thông trung học Xuân Trường đạt giải 3 về các môn Toán, Lý, tiếng Anh của tỉnh Nam Hà.

Ban Khuyến học đã tổ chức phát thưởng cho bốn học sinh giỏi lớp 5, ba học sinh giỏi lớp 9 và ba học sinh giỏi lớp 12 vào ngày mừng thọ các cụ ở làng ngày 14 tháng 2 năm Ất Hợi để kịp thời động viên học sinh giỏi làng ta. Hôm trao phần thưởng có đại biểu phòng Giáo dục huyện, Đảng ủy và chính quyền xã, có ông bà, bố mẹ các cháu học sinh giỏi, có tổ chức quay băng, chụp ảnh kỷ niệm. Ban Khuyến học đã tổ chức rất chu đáo và đạt kết quả tốt.

Riêng ở Hà Nội, Ban Khuyến học cũng đã thành lập. Số lượng học sinh, con em người Hành Thiện ở Hà Nội (kể từ mẫu giáo đến Đại học) rất đông. Đặc biệt có một số học sinh từ quê Hành Thiện lên Hà Nội học các trường đại học hay cao đẳng gặp nhiều khó khăn về sinh hoạt và học tập, chúng ta cần quan tâm giúp đỡ. Nhưng chúng ta lại có thuận lợi là lực lượng giáo viên người Hành Thiện ở Hà Nội rất đông đảo, trong đó có nhiều người là hiệu trưởng, hiệu phó, giáo viên dạy giỏi ở nhiều trường Phổ thông, có nhiều giáo sư, phó giáo sư và giảng viên ở nhiều trường đại học và cao đẳng. Chúng ta có thể tổ chức những lớp học bồi dưỡng, luyện thi cho học sinh làng ta, tổ chức một trung tâm giới thiệu việc làm cho sinh viên người làng ta sau khi tốt nghiệp đại học hoặc các trường dạy nghề mà đang chưa kiếm được việc làm.

2) Về săn sóc và quan tâm đến người già và đặc biệt là người già cô đơn: Việc này chúng ta đã làm tốt để lại một ý nghĩ, một tình cảm rất tốt đẹp. Người ốm đau được thăm hỏi ở nhà và ở bệnh viện, vừa có quà của họ hàng, vừa có quà của Hội đồng hương. Người mất thì Hội đi đưa tang, có bức trướng hoặc vòng hoa. Đám ma nào cũng có người trong họ, trong làng đi đưa rất đông. Xin kể ra đây có một số đám ma có nhiều người dự: Bà Đặng Xuân Thiều, ông Nguyễn Cải, ông Nguyễn Nghệ, ông Đặng Vũ Pha, cụ Giáo Điền (thân sinh ông Đặng Quân Thụy), cụ Phạm Thị Giáp (thân mẫu ông Phạm Cầu), ông Nguyễn Văn Nguyên, bà Đặng Thị Lâu, bà Đặng Thị Ngân, ông Đặng Đức Quảng, ông Đặng Duy Khiết, bà Đặng Vũ Khiêu, ông Nguyễn Văn Hiến và nhiều đám khác nữa. Đặc biệt có đám ma

langhanhthien.vn

của ông Nguyễn Công Téng thật cảm động. Ông nhà nghèo, bố mất sớm phải bỏ quê hương đi theo mẹ và chị từ lúc lên 8 tuổi. Ông lớn lên và trưởng thành, ông lấy vợ người xã Xuân Đỉnh. Nhưng vì nhớ quê nhà da diết, nên ông đã đặt tên cho hai con trai của ông là Hành và Thiện. Vừa qua ông bị ung thư dạ dày và mất. Đám ma của ông rất đông. Hội bảo thọ, Đảng ủy và chính quyền xã đứng ra tổ chức có phường kèn trống tham gia (vì ông công tác địa phương tốt nên được hưởng tiêu chuẩn không mất tiền). Hội đồng hương mang đến 2 bức trướng, một của họ và một của đồng hương. Ông đã dặn kỹ vợ con trước khi mất là phải đặt hai bức trướng của họ và của làng ở nơi trang trọng nhất là ở hai bên bàn thờ của ông.

Khi có người ốm đau phải đi bệnh viện thì ở bệnh viện nào cũng có bác sĩ người Hành Thiện. Nguyễn Sĩ Quốc là trưởng ban Y tế của Hội đồng hương. Ông là thiếu tướng quân y (đã nghỉ hưu), nhà ở số 6 phố Lý Thường Kiệt. Ông sẵn sàng giúp đỡ mọi người khi ốm đau bệnh tật tìm đến gặp ông hoặc giới thiệu đến những bệnh viện có bác sĩ người Hành Thiện. Ở đây xin đơn cử một số trường hợp bà con bị bệnh hiểm nghèo đã được bác sĩ đồng hương chữa khỏi:

- Ở bệnh viện 108, bác sĩ Nguyễn Tiến ở Khoa chấn thương đã bó cho con gái ông Đường ở quê bị tường xây sập đổ đè dập nát chân. Khi vào bệnh viện, ai cũng tưởng không chữa khỏi, thế mà chỉ sau hai tháng chạy chữa, chị đã đi lại bình thường.

- Ở bệnh viện 108, bác sĩ Phạm Bình (con bác sĩ Phạm Gia Triệu) mổ sọ não cho bà vợ ông Nguyễn Mạnh Nguyên, và đã thành công. Sau hơn một tháng, bà đã ra viện an toàn.

- Ở bệnh viện K, bác sĩ Đặng Hữu Căn và bác sĩ Đặng Vũ Đông đã chạy chữa cho bà Đặng Vũ Thị Diễm, con gái cụ bà Đặng Vũ Lạc; bà vợ ông Nguyễn Chi ở quê lên, bà bị ung thư vòm họng; bà vợ ông Đặng Vũ Phiệt bị ung thư; bà Nguyễn Thị Nhuần ở thành phố Nam Định lên mổ chân.

- Ở bệnh viện Nhi Thụy Điển, bác sĩ Nguyễn Thụ đã chữa cho cháu ngoại ông Nguyễn Trọng Đạm.

Các bệnh viện Việt-Xô, Việt-Đức, Bạch Mai, SanhPon, Thanh Nhàn, Viện Lao, 354, Hòe Nhai, bệnh viện E, Việt Nam-Cu ba đều có những bác sĩ Hành Thiện giúp đỡ chạy chữa cho bà con đồng hương. Đúng là các bác sĩ Hành Thiện đã nêu tấm gương tốt về tình làng nghĩa xóm, tình đồng hương đáng khen ngợi.

Hiện nay có 5 cụ đồng hương ốm đau luôn và bị liệt, bà con trong họ và đồng hương cần quan tâm đến thăm hỏi các cụ luôn đó là: cụ Đặng Thị Hân (cụ bà Tú Vũ), 95 tuổi ở 42 Hòe Nhai; cụ Phạm Trọng Bào, 84 tuổi, nhà D1 tập thể Văn Chương; cụ Nguyễn Thị Oanh, 82 tuổi, nhà 13 ngõ chợ Châu Long; cụ Đặng Thị Mỹ, 83 tuổi, xóm 4 Nghĩa Đô; cụ Phạm Thị Phượng 77 tuổi ở 394 Đường Láng.

3) Đền ơn đáp nghĩa: Mấy năm nay, Nhà nước và nhân dân ta có phong trào đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn, xây dựng nhà tình nghĩa, tu bổ nghĩa trang liệt sĩ, chúng ta cũng đã có hành động đền

ơn đáp nghĩa đối với liệt sĩ quê hương ta. Hội đồng hương đã tổ chức kết nghĩa với chùa Lý Quốc sư. Trước kia hòa thượng Thích Thanh Định, người làng ta, tu ở chùa này, nay hòa thượng đã mất. Hiện nay hòa thượng Thích Bảo Nghiêm về thay. Bà con Hành Thiện ở Hà Nội đã thành lập đội Phật tử để đi lễ chùa này. Sau một buổi lễ, bà con ta đã xin ý kiến hòa thượng Thích Bảo Nghiêm cho được làm bia liệt sĩ cho con em Hành Thiện hy sinh vì nước ở chùa. Sau khi được nhà chùa đồng ý, Hội đồng hương đã đi thu thập tên của các liệt sĩ của các dòng họ, của các gia đình trong vòng 4 tháng mới hoàn thành. Sau đó đã tiến hành khắc bia và tổ chức lễ khánh thành kịp trước rằm tháng 7 năm Giáp Tuất (1994). Khi khắc thì mới biết tên 46 liệt sĩ, đến khi làm lễ thì số liệt sĩ được khai lên đến 51. Hiện nay con số này đã được thống kê là 58 liệt sĩ. Tất cả các thân nhân của liệt sĩ đều được mời dự lễ. Buổi lễ rất trang trọng, có cắt băng khánh thành, có chụp ảnh, quay băng video. Trong số những người tham dự có cụ Vũ Thị Toán (tức cụ Diễn) có hai con liệt sĩ là Nguyễn Chí Long và Nguyễn Chí Thiện. Hai anh khi đó đang học đại học, đã xung phong đi bộ đội, vào chiến trường miền Nam, được địa phương đánh giá cao. Năm nay cụ đã vào tuổi 76, nhưng vẫn tham gia công tác xã hội.

Trong buổi lễ khánh thành bia liệt sĩ, ông Đặng Vũ Tuyển là con trai út của cụ Nguyễn Thị Thái, đại diện cho gia đình liệt sĩ, đã lên phát biểu ý kiến. Ông Tuyển nhiều lúc quá xúc động, nghẹn ngào, không phát biểu nên lời, cảm ơn Hội đồng hương đã quan tâm khắc tên các liệt sĩ vào bia đá và tổ chức tưởng niệm một cách long trọng như thế này. Cụ Nguyễn Thị Thái vừa được Nhà nước tuyên dương truy phong bà mẹ Việt Nam anh hùng ở Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội. (Cụ ở với ông Tuyển ở khu tập thể Thành công trước khi mất). Cụ Nguyễn Thị Thái có ba con hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Pháp là Đặng Sơn Việt, Đặng Vũ Hải, Đặng Vũ Uy (đều mất trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp).

Ở quê ta, đợt tuyên dương bà mẹ Việt Nam anh hùng đợt I vừa qua có một cụ được phong bà mẹ Việt Nam anh hùng là cụ Nguyễn Thị Đài có chồng và một con duy nhất là liệt sĩ. Hiện nay cụ ở với người cháu nội là bác sĩ của bệnh xá xã Xuân Hồng. Cụ năm nay tuổi gần 80.

Làng ta có 200 liệt sĩ thì ở Hành Thiện có hơn 100, Hà Nội có 58, Hà Bắc 6, Nghĩa Lộ 2, còn lại là ở Hải Phòng, Nam Định và các thành phố, tỉnh khác. Có 14 gia đình có 2 con liệt sĩ. Có gia đình bố và bác, bố và con, chú và cháu, anh và em cùng hy sinh. Nói chung, tuổi đời của liệt sĩ hy sinh còn rất trẻ, nhiều người chưa vợ chưa con, tương lai đang rộng mở, nhưng theo tiếng gọi của Tổ quốc, họ đã hy sinh thân mình để đem lại tự do độc lập cho đất nước, hạnh phúc cho nhân dân. Sự hy sinh đó thật là vô cùng cao đẹp, quê hương ta rất tự hào về những người con ưu tú đó.

Về thương binh nặng, làng ta có hai thương binh cụt cả hai chân là ông Thu và anh Tú. Tuy vậy, hai thương binh này đều rất tích cực tham gia lao động sản xuất, làm ăn khá giả, đều có cuộc sống ổn định,

langhanhthien.vn

được dân làng tin yêu.

Ở làng ta, đợt 2-9 này có cụ Đặng Thị Cồn đã được xã đề nghị truy phong danh hiệu bà mẹ Việt Nam anh hùng. Còn cụ Đặng Thị Thiều, thì đang đề nghị xét truy phong bà mẹ Việt Nam anh hùng.

4) Tiếp đón bà con từ nước ngoài về thăm quê hương.

Bà con từ nước ngoài về đều đến thăm bà con đồng hương ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Nam Định ... và về thăm quê nhà. Bà con đã tham gia đóng góp cho họ, cho làng, dù nhiều dù ít đều đáng quý.

Ban Liên lạc Hội đồng hương Hành Thiện ở Hà Nội đã tiếp gần một chục các bà con ở nước ngoài về thăm quê hương. Ông Đặng Vũ Chiêu nhận xét sự đón tiếp của Hội đồng hương Hành Thiện ở Hà Nội thật là tận tình và chu đáo, để lại một ấn tượng tốt cho bà con xa quê hương, xóa bỏ những mặc cảm trước khi trở về nước. Hội đồng hương Hành Thiện ở Hà Nội hy vọng bà con ở nước ngoài về thăm quê hương ngày càng đông hơn, làm cho tình cảm đối với quê hương thêm gắn bó.

Thông báo về các hoạt động khác để bà con quê nhà được biết:

1) Ban Biên tập cuốn Lịch sử làng đã hoàn thành tập I bộ "Hành Thiện-Lịch sử và Văn hóa phát hành vào cuối năm 1995.

2) Về Phả ký của các dòng họ: Phả ký họ Đặng Xuân, họ Phạm, họ Đặng Đình đã viết xong, họ Đặng Đức, họ Đặng Huy đang viết. Họ Nguyễn, ngoài cuốn Phả ký của ông Nguyễn Duy Bật, các chi họ Nguyễn khác đang viết lại phả ký, đặc biệt chi của cụ Nguyễn Hữu Thuận đã hoàn thành. Họ Đặng Vũ, ngoài cuốn gia phả của ông Đặng Vũ Bổng, ông Đặng Vũ Nho đang tập hợp thêm được nhiều tư liệu phong phú, đang chấp bút lại.

3) Về sửa từ đường: Đầu tiên phải nói đến họ Đặng Vũ, chi họ Nguyễn của cụ Cả Lan, chi họ Nguyễn của cụ Nguyễn Hữu Thuận, từ đường họ Phạm, từ đường họ Đỗ, từ đường họ Đặng Xuân đều được tu bổ.

4) Về xây mộ tổ và quy tập lại mồ mả: các ngôi mộ của người làng hiện nay đều đã được tập trung vào khu nghĩa trang Tiền Sơn. Các ngôi mộ của họ Đặng Vũ, họ Nguyễn, họ Phạm, họ Đặng Xuân, họ Đặng Huy, họ Đặng Đức, họ Đỗ ... đều được xây lại đẹp đẽ. Mồ của cụ huyện Giao họ Nguyễn ở Cẩm Thủy (Thanh Hóa) đã được đưa về quê nhà. Bây giờ đến khu nghĩa trang Tiền Sơn (cạnh chùa Trong), chúng ta thấy khác hẳn xưa, thấy rõ sự tôn trọng đối với người đã khuất, vì thế tổ tiên của chúng ta đã mang lại phúc lộc cho con cháu. Do đó mà bây giờ các cụ đều có tuổi thọ cao, con cháu có nhiều người thành đạt. Riêng ở Hà Nội, người Hành Thiện đã có trên 80 tiến sĩ, phó tiến sĩ, giáo sư, phó giáo sư, trên 60 cán bộ quân đội từ cấp tá đến cấp tướng (riêng cấp tướng có 8 người) và cán bộ lãnh đạo cấp thứ, bộ trưởng và trung ương có 6 người

MỤC LỤC

1. Lời giới thiệu 5

2. Hành Thiện xưa và nay- *Đặng Xuân Đĩnh.* 6

3. Quê tôi. Hành Thiện xã chí diễn ca (trích) - *Đặng Xuân Quát.* 11

4. Đức Thánh tổ Không Lộ và chùa Thần Quang ở làng Hành Thiện, huyện Xuân Thủy, tỉnh Nam Hà - *Đặng Đức An.* 15

5. Lễ hội chùa Thần Quang làng Hành Thiện - *Đỗ Quang Huyên* 19

6. Bài vè kể chuyện lễ hội chùa Thần Quang - *Đỗ Quang Huyên* sưu tầm 29

7. Hành Thiện - Một thời vàng son - *Đặng Đức An.* 30

8. Phong trào yêu nước và cách mạng của dân làng Hành Thiện vào đầu thế kỷ XX - *Nguyễn Văn Định.* 35

9. Một tờ báo cách mạng xuất hiện ở một vùng nông thôn trong thời kỳ Đảng Cộng sản Đông dương mới thành lập: tờ báo "Dân cày" ở làng Hành Thiện *Đặng Đức An.* 41

10. Hành Thiện trong những năm kháng chiến chống Pháp - Nguyễn Văn Giáp. 44

11. Yến lão ở làng Hành Thiện - *Đỗ Nguyên Hạnh* và *Đỗ Quang Huyên.* 57

12. Nhà văn hóa lớn của Hành Thiện : Tiến sĩ Đặng Xuân Bảng (1828 - 1910) *Đặng Đức An.* 63

13. Quan phủ không lạy toàn quyền: Tiến sĩ Nguyễn Ngọc Liên (1852 - 1937) *Đặng Đức An* 70

14. Số phận một quan chức Hành Thiện thời Pháp thuộc: Phó bảng bố chánh Nguyễn Âu Chuyên (1859 - 1894) - *Nguyễn Văn Kiêm* 73

15. Chuyện một nhà nho Hành Thiện tham gia phong trào Duy Tân, Đông Du và Việt Nam quang phục hội: Nguyễn Kỳ Tao - *Nguyễn Văn Kiêm* 78

16. Vị chủ tịch nước người Hành Thiện: Trường Chinh (1907 - 1988) *Đặng Đức An* 85

17. Chuyện ông Ba Bò của làng Hành Thiện (tức ông Đặng Đức Phan) - Hồi ký của *Đỗ Nguyên Hạnh.* 93

18. Bạn bè viết về người Hành Thiện:

- **Một mùa xuân nhớ về những kỷ niệm trong nghề báo - *Ngô Tất Hữu.*** 95
- **Người nghệ sĩ - Chiến sĩ - *Lê Mai Khanh.*** 99
- **Hành trang về quê nội - *Hương Liên.*** 101

19. Thơ văn Hành Thiện. 102

20. Ca dao Hành Thiện - *Đỗ Nguyên Hạnh* sưu tầm và chú thích. 112

21. Hoạt động của Hội đồng hương Hành Thiện ở Hà Nội từ khi thành lập đến nay. 117

langhanhthien.vn

In 1000 cuốn khổ 19 x 27. Tại xí nghiệp in Công Đoàn - 191 Tây Sơn Đống Đa - Hà Nội. Giấy phép xuất bản số 2/VHTT Sở văn hóa thông tin Nam Hà. Cấp ngày 20 tháng 10 năm 1995.

ĐÍNH CHÍNH

Số trang	Cột	Dòng	Chỗ viết sai	Sửa lại
18	2	4 dưới lên	26-21	20-21
19	2	9 dưới lên	lối	bối
20	2	7 trên xuống	mấy năm	mấy trăm năm
20	2	13 dưới lên	33 m	33cm
21	1	10 dưới lên	sáu dài nhất	sáu dài nhất 3,6m
25	2	1trên xuống	bơi	phơi
27	2	20 trên xuống	cây	cây phướn
28	1	23 trên xuống	ba mi	ba mái
28	1	8 dưới lên	ai oán	ai hoài
28	2	5-6 trên xuống	2giờ (khoảng giờ	khoảng 2 giờ
28	2	17-18 trên xuống	phất phới đào	đào phất phơ
30	2	13 trên xuống	Văn Cao	Vũ Cao
36	2	4-5 trên xuống	Châu Thương	Chương Thâu
43	1	18 trên xuống	Phủ Lý	phủ lỵ
51	2	26 trên xuống	bạc	bàn
62	1	10 trên xuống	trang 70	trang 77
63	2	7 dưới lên	ba con	bố con
64	2	11 dưới lên	truc	chục
64	2	10 dưới lên	Như	Nhưng
66	2	8 dưới lên	Thái Thành	Thành Thái
68	2	dưới lên	cả bếp	cả bồi bếp
69	2	2 trên xuống	1952	1925
69	2	13 trên xuống	Đặng Xuân Khu (tức Trường Chinh	cháu nội là Đặng Xuân Khu (tức Trường Chinh) đã làm Tổng Bí thư Đảng Cộng Sản Việt Nam, Chủ tịch Ủy Ban thường Vụ Quốc hội. Chủ tich Hội đồng nước CHXHCNVN và cũng là nhà văn hóa, nhà thơ có tên tuổi (bút danh Sóng Hồng; chắt nội là Đặng Xuân Kỳ (con chủ tich Trường Chinh) là giáo sư triết học Viện trưởng Viện Mác Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh...
70	1	22 trên xuống	Hưng Hóa	Hưng Hóa (nay là Vĩnh Phú). Tháng 4-1884 , Pháp đánh Hưng Hóa
70	1	5 dưới lên	Bích thời	Bích trong thời
72	1	1-3 dưới lên	cháu ngoai ông Đặng Thiệu Bạt	bỏ câu thừa: ông Đặng Thiệu Bạt (biệt hiệu thi sĩ Nam Đường) cháu ngoại
72	1	1 dưới lên	có lần làm	có làm
73	2	13 dưới lên	đội quân cứu	đội quân cứu nước
77	2	1 dưới lên	trang 58	trang 62
90	1	14 trên xuống	chính chị	chính trị
92	2	14 dưới lên	dân nhân Lào	nhân dân Lào
99	2	13 dưới lên	thi xã yên tĩnh	thi xã vẫn yên tĩnh
100	1	8 trên xuống	đốcsức hết minh	đốc hết sức minh
100	2	1 trên xuống	trang 97	trang 101
101	2	1 dưới lên	trang 96	trang 100
103	2	9 trên xuống	khôn nhòa	không nhòa
118	2	6 dưới lên	Đang Quang Thuy	Đặng Quân Thụy
120	1	19 dưới lên	Nguyễn Sỹ Quốc	giáo sư Nguyễn Sỹ Quốc

langhanhthien.vn

langhanhthien.vn



Cuộc họp các nhà khoa học và quản lý
của Hội đồng hương Hành Thiện ở Hà Nội



Họp thanh niên.

langhanhthien.vn



Thuyền rồng.



Bơi trải.